

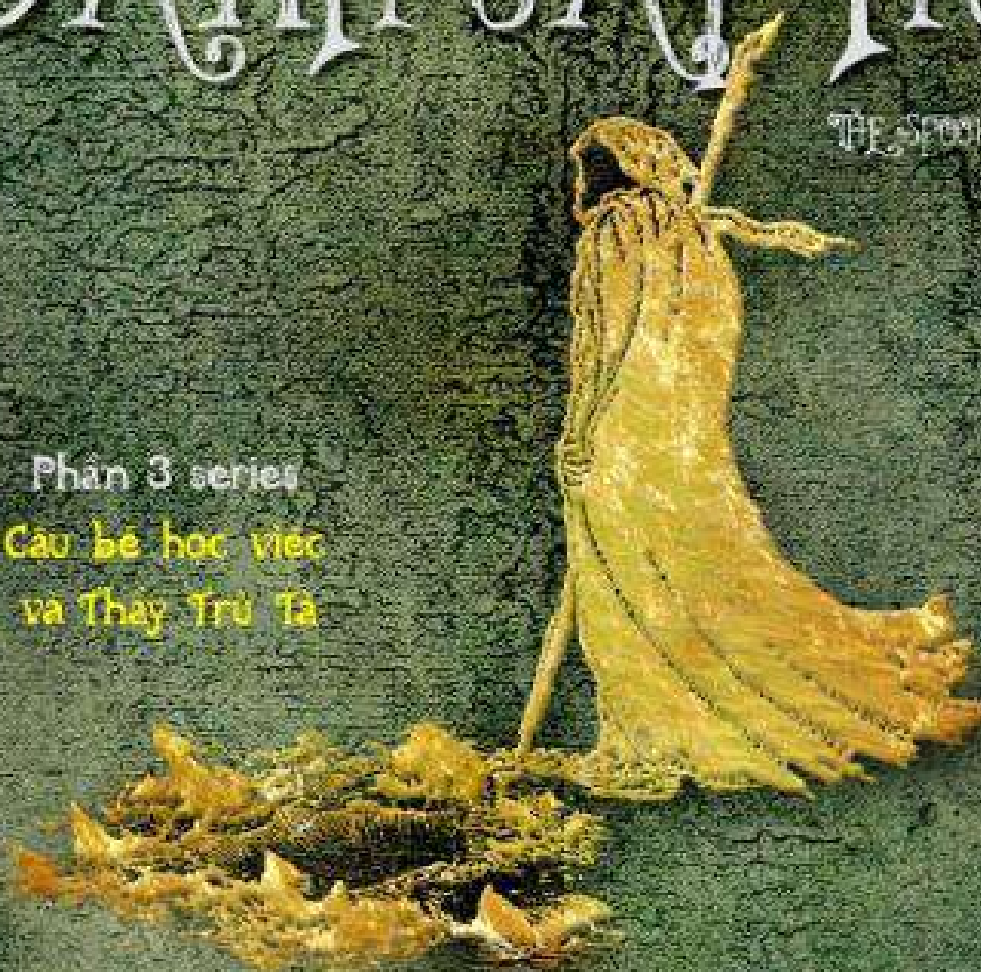
THE INTERNATIONAL BESTSELLER

TU KHUÊ VĂN HỌC
ANH

ĐÊM CỦA KẺ ĐÁNH CẮP HỒN

THE SCOURGE

Phần 3 series
Cậu bé học việc
và Thầy Trù Tà



JOSEPH DELANEY

TIỂU THUYẾT GIA VĂN HỌC THIẾU NHỊ ẨM KHÁCH NHẤT NƯỚC ANH

CHIBOOKS



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Mục lục

Chương 1: VI KHÁCH KHÔNG MONG ĐỢI

Chương 2: TAM BIẾT CHIPENDEN

Chương 3: VỀ NHÀ

Chương 4: CĂN NHÀ MÙA ĐÔNG

Chương 5: NHỮNG GÌ BÊN DƯỚI

Chương 6: KẼ TRỜI ĐÁNH THÁNH ĐÊM

Chương 7: KẼ NÉM ĐÁ

Chương 8: KẼ NÉM ĐÁ TRỞ LẠI

Chương 9: TỬ VONG BẢO ỨNG

Chương 10: TIN CHẮNG LÀNH

Chương 11: CĂN PHÒNG CỦA MẸ

Chương 12: THUẬT GỌI HỒN

Chương 13: GIAN TRÁ VÀ PHẢN BỘI

Chương 14: BỐN BỀ TUYẾT HẮM

Chương 15: ĐỘT NHẬP XUỐNG HẦM

Chương 16: TRÊN RẦM THƯƠNG

Chương 17: CHÂN TƯỚNG SỰ THẬT

Chương 18: NHÀ NGUYỄN CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

Chương 19: GÒ Ụ TRÒN

Chương 20: THẦN GOLGOTH

Chương 21: BẦY

Chương 22: VÌ LỢI ÍCH TỐT NHẤT

Chương 23: TRỞ LẠI CHIPENDEN

Ghi chép của Thomas J. Ward

VỊ KHÁCH KHÔNG MONG ĐỢI

Hôm ấy là một đêm tháng Mười một tối tăm, lạnh lẽo, Alice và tôi đang ngồi bên lò sưởi trong nhà bếp cùng thầy tôi, Thầy Trừ Tà. Bấy lâu nay thời tiết đang ngày càng trở lạnh và tôi biết từ giờ trở đi, bất cứ lúc nào Thầy Trừ Tà cũng sẽ quyết định lên đường đi đến “ngôi nhà mùa đông” của thầy tại vùng đồng hoang Anglezarke ảm đạm.

Tôi thì không có gì phải vội vã ra đi cả. Tôi chỉ mới làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà từ mùa xuân rồi nên chưa từng trông thấy căn nhà ở Anglezarke ấy, nhưng chắc chắn là lòng hiếu kỳ không thắng nổi tôi. Tại Chipenden này, tôi được thoải mái và yên ấm, nên thà là tôi trải qua mùa đông ở đây thì hơn.

Tôi vừa liếc mắt khỏi cuốn sách các động từ La Tinh mà tôi đang cố học lấy thì bắt gặp ánh mắt Alice. Cô đang ngồi trên một chiếc ghế đầu thâm thấp cạnh lò sưởi, khuôn mặt tràn ngập ánh sáng ấm áp từ lò sưởi. Alice mỉm cười với tôi và tôi mỉm cười đáp lại. Alice là một lý do khác nữa khiến tôi không muốn rời khỏi Chipenden. Cô ấy gần như là người bạn duy nhất của tôi và đã từng cứu mạng tôi vài lần trong mấy tháng qua. Tôi thật sự rất thích có Alice cùng chung sống tại nơi này với thầy trò mình. Alice khiến cho nỗi cô độc của cuộc đời một kẻ trừ tà trở nên dễ chịu hơn. Nhưng thầy tôi đã bí mật nói riêng cho tôi biết Alice sẽ sớm rời khỏi chúng tôi thôi. Thầy chưa khi nào thật sự tin tưởng cô ấy vì Alice xuất thân từ một gia đình phù thủy. Thầy cũng nghĩ rằng Alice sẽ bắt đầu làm tôi phân tâm lơ là chuyện học hành, vậy nên khi Thầy Trừ Tà và tôi đi đến Anglezarke, Alice sẽ không theo cùng. Alice tội nghiệp chưa biết chuyện này còn tôi thì không nỡ lòng nào nói cho cô ấy biết, thế cho nên lúc này tôi chỉ đang tận hưởng thêm một trong những đêm quý giá cuối cùng mà chúng tôi được ở bên nhau tại Chipenden.

Nhưng hóa ra đêm nay là đêm cuối cùng của chúng tôi trong năm này: trong lúc tôi cùng Alice ngồi đọc sách dưới ánh lửa lò sưởi còn Thầy Trừ Tà đang gà gât trên ghế, một tiếng chuông triệu gọi vang lên xé tan sự yên bình của chúng tôi. Nghe thấy âm thanh không được chào đón ấy, trái tim tôi chùng xuống tận gót giày. Âm thanh này chỉ mang một nghĩa duy nhất: công việc của kẻ trừ tà.

Các bạn biết đấy, chẳng có ai từng đi thẳng đến nhà Thầy Trừ Tà cả. Vì một lẽ là họ sẽ bị ông kẹ canh gác quanh khuôn viên các khu vườn xé xác tanh tành ngay. Vì thế, mặc cho trời có tối om và gió rét lạnh căm, việc của tôi vẫn là phải đi xuống tháp chuông, nơi có rặng cây liễu gai mọc thành vòng tròn, để xem thử ai là người cần giúp đỡ.

Tôi đang cảm thấy thật ấm êm dễ chịu sau bữa ăn tối sớm và hẳn là Thầy Trừ Tà đã cảm nhận được sự dửng dăng chẳng muốn đi của tôi. Thầy lắc đầu như thể thất vọng về tôi lắm, đôi mắt xanh lục của thầy long lên dữ tợn.

“Này anh bạn, đi xuống dưới đây đi nào,” thầy gầm gừ. “Đêm nay thời tiết thật kinh khủng và cho dù đây có là ai thì họ đều không muốn phải chờ đợi đâu!”

Khi tôi đứng lên với tay lấy tấm áo choàng, Alice khẽ mỉm cười thông cảm với tôi. Cô ấy thấy tội nghiệp tôi, nhưng tôi cũng có thể thấy rằng cô gái rất hạnh phúc được ngồi đây sưởi ấm hai tay trong khi tôi phải đi ra ngoài dưới trời giá rét thế này.

Tôi đóng chặt cánh cửa hậu sau lưng mình rồi tay trái cầm đèn lồng, tôi rải những bước dài băng qua khu vườn phía tây để đi xuống đồi, cơn gió đang cố hết sức để chực cuốn phăng tấm áo choàng trên lưng tôi. Rốt cuộc tôi cũng xuống đến chỗ rặng liễu gai, nơi hai con đường mòn giao nhau. Trời tối om om và ngọn đèn lồng trong tay tôi tỏa ra những bóng hình gớm guốc, các gốc cây cành cây xoắn vào nhau tạo thành hình các chi, móng vuốt và bản mặt của yêu tinh. Phía trên đầu tôi, những cành cây trụi lá đang rung lắc nhảy múa, gió ai oán nỉ non như một nữ thần báo tử, một linh hồn ma nữ thường cảnh báo cái chết đang đến gần.

Nhưng bấy nhiêu đấy không làm tôi lo lắng gì nhiều. Trước đây tôi đã đến chỗ này vào lúc tối trời, và trong những chuyến hành trình cùng Thầy Trừ Tà, tôi từng phải đối mặt với những thứ có thể khiến tóc tai người ta dựng đứng hết cả lên. Vậy nên tôi sẽ chẳng bận tâm gì với vài ba hình thù kỳ quái; tôi đinh ninh là sẽ gặp người còn lo lắng bồn chồn hơn cả mình. Chắc lại là con của bác nông dân nào đó được ông bố bị ma hành phái đến đây và cần sự giúp đỡ đến tuyệt vọng; anh chàng này còn sợ phải đến gần nhà Thầy Trừ Tà trong vòng nửa dặm ấy chứ.

Nhưng người đứng chờ dưới rừng liễu gai không phải là anh chàng nào, tôi đứng khựng lại vì ngạc nhiên. Tại nơi đấy, bên dưới sợi dây chuông, là một dáng hình cao ráo vận áo choàng đen có mũ trùm, cùng một cây gậy trên tay trái. Một thầy trừ tà khác!

Người đàn ông không hề động đậy nên tôi bước về phía ông ta, chỉ dừng lại cách vài bước. Ông này vai rộng và cao hơn thầy tôi một tẹo, nhưng tôi không thấy hết mặt ông ta vì chiếc mũ trùm xoa bóng che mất các nét. Ông ta mở miệng nói trước khi tôi kịp tự giới thiệu.

“Rõ là ông ta đang ngồi sưởi ấm bên bếp lửa trong khi cậu phải đi ra ngoài này trong giá lạnh,” người lạ mặt nói, giọng đầy vẻ mỉa mai. “Chẳng có gì thay đổi sắt!”

“Ông là ông Arkwright phải không ạ?” tôi hỏi. “Cháu là Tom Ward, là người học việc của thầy Gregory...”

Đoán thế cũng khá là hợp lý đấy chứ. Thầy tôi, John Gregory, là thầy trừ tà duy nhất tôi từng gặp, nhưng tôi biết còn có nhiều thầy trừ tà khác nữa, người ở gần đây nhất là Bill Arkwright, hành nghề ngoài phạm vi vùng Caster, trong toàn miền biên giới phía bắc của Hạt. Vì thế rất có khả năng người này chính là ông ta – mặc dù tôi không thể đoán ra vì sao ông lại đến đây nhờ vả.

Người lạ mặt trượt mũ trùm ra sau mặt, để lộ chòm râu đen lấm tấm bạc và mớ tóc đen bù xù bạc trắng hai bên thái dương. Ông ta nhoèn miệng cười nhưng cặp mắt vẫn lạnh tanh khắc nghiệt.

“Ta là ai không phải việc của cậu đâu, cậu nhóc à. Nhưng thầy của cậu biết ta rõ lắm đấy!”

Dứt lời, ông ta cho tay vào trong áo choàng, lôi ra một chiếc phong bì trao cho tôi. Tôi lật phong bì lên, thoáng đưa mắt xem xét. Phong bì đã được niêm kín bằng sáp và đề *Gửi John Gregory*.

“Được rồi, lên đường đi nào, cậu nhóc. Đưa thư này cho ông ta rồi cảnh báo ông ta rằng chúng ta sẽ lại sớm gặp mặt thôi. Ta sẽ chờ ông ta trên vùng Anglezarke ấy!”

Tôi làm theo, nhét phong thư vào túi quần thụng, lòng quá đổi vui mừng khi được đi khỏi, vì tôi thấy không thoải mái với sự hiện diện của người lạ mặt này. Nhưng khi đã quay lưng đi được vài bước, lòng hiếu kỳ buộc tôi phải ngoái lại. Ngạc nhiên làm sao, chẳng có dấu hiệu nào của ông ta cả. Mặc dù không đủ lâu để bước thêm mấy bước, nhưng ông ta đã biến vào trong những rừng cây mất rồi.

Hoang mang rối trí, tôi nhanh chóng bước đi, lòng nôn nao chỉ muốn trở vào nhà tránh cơn gió lạnh cắt da cắt thịt. Tôi thắc mắc không biết trong thư viết gì. Giọng nói của người lạ mặt có hơi hóm ẻo dọ trong ấy, và từ những gì ông ta nói thì không có vẻ gì là người lạ mặt và thầy tôi sẽ có một buổi gặp mặt thân tình đâu!

Với từng ấy suy nghĩ quay cuồng trong óc, tôi đi ngang qua băng ghế Thầy Trừ Tà giảng bài cho tôi vào những ngày thời tiết còn ấm áp, sau đó bước đến chỗ những hàng cây đầu tiên của khu vườn phía tây. Nhưng rồi tôi nghe thấy một thứ khiến tôi phải nín cả thở vì khiếp sợ.

Một tiếng gầm giận dữ xé tai từ trong bóng tối bên dưới các hàng cây rên lên. Tiếng gầm ấy hung tợn và kinh khủng đến độ tôi đang đi bỗng phải dừng sững lại. Đây là một tiếng gầm gừ như cú mèo mà cách xa đấy hàng mấy dặm vẫn nghe được, còn tôi thì chưa từng nghe thấy âm thanh như thế bao giờ. Tôi biết đấy là ông kẹ của Thầy Trừ Tà sắp sửa bảo vệ khu vườn. Nhưng bảo vệ khỏi thứ gì mới được chứ? Có phải tôi đang bị theo bước chăng?

Tôi quay ngoắt lại và giương cao ngọn đèn lồng, đưa mắt bồn chồn nhìn vào bóng đêm. Biết đâu kẻ lạ mặt ấy đang ở ngay sau lưng tôi! Chẳng nhìn thấy gì nên tôi căng tai ra, lắng nghe lấy từng âm thanh khẽ nhất. Nhưng những gì tôi có thể nghe được chỉ là tiếng gió than van qua những rặng cây cùng tiếng sủa ăng ăng xa xa của một chú chó canh nông trại. Vậy là, sau khi hài lòng rằng mình không bị theo đuôi, tôi tiếp tục bước đi.

Nhưng tôi chưa kịp bước thêm bước nào thì tiếng gầm giận dữ ấy lại vang lên, lần này nghe còn gần hơn nữa. Tóc tai sau gáy tôi bắt đầu dựng lên và lúc này, tôi còn sợ hãi hơn khi cảm nhận được cơn phẫn nộ của ông kẹ đang nhắm thẳng vào mình. Nhưng tại sao nó lại tức giận với tôi? Tôi nào có làm gì sai quấy.

Tôi đứng im phăng phắc, không dám bước thêm nữa, lòng lo sợ rằng một cử động dù là nhỏ nhất của mình cũng có thể khiến ông kẹ tấn công. Trời đêm ấy lạnh buốt, thế mà mồ hôi đang bắt đầu túa ra trên chân mày tôi và tôi thấy mình đang trong cơn nguy khốn thực sự.

“Là Tom đây mà!” Rốt cuộc, tôi gọi với vào những hàng cây. “Không có gì phải sợ. Ta chỉ đang mang một lá thư về cho thầy thôi...”

Đáp lại cũng là một tiếng gầm, nhưng lần này đã dịu hơn nhiều và cách xa đây hẳn, thế là sau vài bước ngập ngừng tôi lại nhanh chân đi tiếp. Khi tôi về đến nhà, Thầy Trừ Tà đang đứng nơi khung cửa hậu, tay lăm lăm trượng. Thầy đã nghe thấy tiếng ông kẹ nên bước ra xem tình hình thế nào.

“Không sao chứ anh bạn?” thầy hỏi lớn.

“Không sao ạ,” tôi la lớn đáp lại. “Ông kẹ nổi đóa nhưng con không hiểu vì sao. Nhưng giờ nó bình tĩnh lại rồi.”

Thầy Trừ Tà gật nhẹ đầu, đoạn quay trở vào trong nhà, đặt thanh trượng tựa vào sau cánh cửa.

Khi tôi theo được thầy vào trong bếp, thầy đang đứng quay lưng lại lò sưởi để sưởi ấm hai chân. Tôi lấy chiếc phong bì trong túi ra.

“Dưới kia có một người lạ hoắc, ăn vận như kẻ trừ tà ấy ạ,” tôi vừa thưa với thầy vừa trao lá thư ra. “Ông ta không chịu cho con biết tên nhưng lại

bảo con đưa cho thầy cái này...”

Thầy tôi bước tới và giật phắt lá thư khỏi tay tôi. Ngay lập tức ngọn nến trên bàn bắt đầu chấp chới, lửa trong lò sưởi lịm yếu đi và không khí lạnh bất chợt tràn ngập căn bếp, toàn là những dấu hiệu cho thấy ông kẹ vẫn chưa hài lòng lắm. Alice trông có vẻ cảnh giác và sém chút ngã lăn xuống ghế. Nhưng Thầy Trừ Tà, với hai mắt mở to, xé toang chiếc phong bì và bắt đầu đọc.

Đọc xong, thầy cau mày, hàng chân mày nhú lại vì bức dọc. Vừa khe khẽ lăm bầm gì đấy, thầy vừa quăng lá thư vào lò lửa, lá thư bùng cháy lên thành ngọn, co quắp cong queo lại rồi chuyển dần sang màu đen trước khi lọt thỏm ra sau vỉ lò. Tôi trân trối kinh ngạc nhìn thầy. Khuôn mặt thầy tràn đầy căm phẫn và hình như toàn thân thầy đang khẽ run run.

“Sáng sớm ngày mai chúng ta sẽ khởi hành đến nhà ta ở Anglezarke, trước khi thời tiết kịp xấu hơn,” thầy gắt lên, quắc mắt nhìn thẳng vào Alice, “nhưng con bé này, con chỉ đi cùng bọn ta nửa đường thôi. Ta sẽ để con lại gần Adlington.”

“Adlington ư?” tôi thốt lên. “Đấy là nơi bác Andrew anh của thầy hiện đang sinh sống phải không ạ?”

“Phải rồi đấy anh bạn, nhưng con bé sẽ không ở đó đâu. Ngoài ven rìa làng đấy có vợ chồng người nông dân mà ta nghĩ là còn nợ ta vài ân huệ. Họ có nhiều con trai, nhưng buồn thay là chỉ một đứa sống sót. Và rồi, để chồng chất thêm vào tấn thảm kịch ấy, còn có thêm một cô con gái bị chết đuối nữa. Hiện nay anh con trai chủ yếu là làm việc xa nhà – sức khỏe của bà mẹ đang kém đi và có thể bà ấy cần đến chút phụ giúp. Cho nên nơi ấy sẽ là nhà mới của con.”

Alice nhìn Thầy Trừ Tà, hai mắt cô gái mở to kinh ngạc. “Nhà mới của cháu ư? Thật không công bằng gì cả!” cô kêu lên. “Tại sao cháu không thể ở cùng các người chứ? Chẳng phải cháu đã làm hết mọi việc ông bảo hay sao?”

Từ mùa thu rồi Alice đã không hề làm gì sai trái lấy một lần, kể từ khi Thầy Trừ Tà cho phép cô gái sinh sống cùng chúng tôi tại Chipenden. Để được ở lại, cô đã sao chép vài cuốn sách trong thư viện của Thầy Trừ Tà và nói cho tôi nghe nhiều điều mà dì của cô, là mụ phù thủy Lizzie Xương Xấu ấy, từng dạy cho để tôi ghi chép ra hết, hầu gia tăng sự hiểu biết của tôi về kiến thức phù thủy.

“Phải rồi, con đã vâng lời ta, nên chuyện này ta không có gì phải phàn nàn,” Thầy Trừ Tà đáp. “Nhưng vấn đề không phải ở đấy. Việc huấn luyện để trở thành thầy trừ tà là một công việc gian nan: Tom không cần bị một con bé như con làm sao nhãng đâu. Không có chỗ nào cho phụ nữ trong cuộc đời một kẻ trừ tà cả. Nói đúng ra thì đấy là điểm chung duy nhất mà chúng ta và các cha cố thật sự có.”

“Nhưng toàn bộ chuyện này bỗng từ đâu mà ra vậy? Cháu đã giúp đỡ cho Tom chứ nào có làm cậu ấy sao nhãng!” Alice phản đối. “Mà cháu đã làm hết sức, có muốn cố hơn nữa cũng không được. Hay là kẻ nào đó vừa viết thư cho ông đã nói khác đi vậy?” cô gái tức giận vặn hỏi, hươ tay chỉ ra phía sau vỉ lò sưởi, nơi lá thư bị thiêu rụi đã lọt qua.

“Gì cơ?” Thầy Trừ Tà hỏi lại, thầy nhướn mày lên vì không hiểu, nhưng rồi lại nhanh chóng nhận ra ý Alice là gì. “Không, dĩ nhiên là không rồi. Nhưng nội dung trong lá thư riêng tư kia không phải việc của con. Mà thôi, ý ta đã quyết,” thầy vừa nói vừa trừng trừng nhìn Alice. “Cho nên chúng ta không bàn cãi thêm nữa. Con sẽ có một khởi đầu mới mẻ. Đây là cơ hội tốt để con tìm được một nơi chốn thích hợp trên thế gian này. Đồng thời cũng sẽ là cơ hội cuối cùng của con!”

Không nói không rằng và thậm chí chẳng buồn liếc qua tôi một lần, Alice quay ngoắt đi, dẫn dắt nện bước lên cầu thang về phòng ngủ. Tôi đứng lên, định đi theo cô để an ủi đôi lời thì Thầy Trừ Tà đã kêu tôi lại.

“Này anh bạn kia, con chờ ở đây đã! Chúng ta cần nói chuyện trước khi con đi lên cầu thang ấy, nên ngồi xuống đi con!”

Tôi làm theo, ngồi xuống bên lò sưởi.

“Con có nói gì cũng không thay đổi được ý định của ta đâu! Bây giờ con phải chấp nhận chuyện đó đi, rồi mọi việc sẽ dễ dàng hơn,” Thầy Trừ Tà nói với tôi.

“Có lẽ là thế thật,” tôi bảo, “nhưng còn nhiều cách dễ chịu hơn để thông báo cho bạn ấy biết cơ mà. Lẽ ra thầy đã có thể báo tin này cho Alice một cách nhẹ nhàng hơn chứ ạ?”

“Ta còn cả mớ chuyện để lo đến chứ không chỉ mỗi cảm xúc của con bé đó đâu,” Thầy Trừ Tà đáp.

Những lúc thầy như thế này thì chẳng cần phải tranh cãi với thầy làm gì, vậy nên tôi chả buồn phí hơi. Tôi không vui đâu, nhưng cũng chẳng làm gì khác được. Tôi biết thầy mình đã quyết định chuyện này từ mấy tuần trước rồi, và đến lúc này thầy sẽ không thay đổi ý định nữa. Dẫu sao cá nhân tôi cũng không hiểu tại sao chúng tôi lại phải đi đến Anglezarke. Và tại sao chúng tôi sẽ đi ngay lúc này, thật đột ngột đến vậy? Có phải là có liên quan đến người lạ mặt và những gì ông ta viết trong thư không? Cả ông kẹ cũng phản ứng rất kỳ cục nữa. Liệu có phải là vì nó biết tôi đang mang trong mình lá thư ấy?

“Người lạ mặt bảo rằng ông ta sẽ gặp thầy trên vùng Anglezarke kia đấy,” tôi thốt lên. “Trông ông ta chẳng thân thiện lắm. Ông ấy là ai vậy ạ?”

Thầy Trừ Tà quắc mắt nhìn tôi, trong một đôi tôi nghĩ là thầy sẽ chẳng trả lời mình đâu. Đoạn thầy lại lắc đầu và lăm ba lăm bậm gì đấy trước khi lên tiếng.

“Hắn tên Morgan, từng là một trong những chân học việc của ta. Để ta nói thêm nhé, hắn là một tay học việc thất bại, mặc dù hắn đã học nghề gần ba năm ròng. Con cũng biết đấy, không phải tất cả những kẻ học việc với ta đều có thành quả. Hắn ta không đủ khả năng đảm đương việc này, cho nên hắn ôm lòng thù hận, có thể thôi. Có lẽ khi chúng ta lên đó con cũng chẳng gặp hắn đâu, nhưng nếu có gặp thì con tránh thật xa hắn ra nhé. Hắn chỉ toàn mang lại rắc rối thôi, anh bạn à. Còn giờ thì lên lầu đi nào: như ta đã nói, ngày mai chúng ta sẽ khởi hành sớm.”

“Tại sao chúng ta phải đi đến Anglezarke vào mùa đông vậy ạ?” tôi hỏi. “Chúng ta không thể chỉ ở lại đây sao? Ở trong nhà *này* chẳng phải sẽ thoải mái hơn ư?” Thật là một chuyện chẳng hợp lý gì cả.

“Hôm nay con đã hỏi đủ rồi đấy!” Thầy Trừ Tà đáp, giọng thầy đầy bức dộc. “Nhưng ta sẽ nói thế này. Không phải khi nào chúng ta cũng làm chuyện mà chúng ta muốn. Và nếu thứ con muốn là chút ấm êm thoải mái, vậy thì nghề này không dành cho con rồi. Dù muốn hay không, người dân trên vùng kia vẫn cần đến chúng ta đấy – nhất là khi màn đêm buông xuống. Người ta cần đến chúng ta, thế nên đấy là lý do vì sao chúng ta phải lên đường. Giờ thì đi ngủ đi. Không hỏi han gì nữa!”

Đấy không phải là câu trả lời đầy đủ tôi mong được nghe, nhưng Thầy Trừ Tà luôn có lý do chính đáng cho mọi việc mà thầy làm, còn tôi chỉ mới là chân học việc còn quá nhiều thứ để học hỏi. Thế là, ngoan ngoãn gật đầu, tôi bỏ lên phòng ngủ.

TẠM BIỆT CHIPENDEN

Alice đang ngồi trên mấy bậc thang ngoài phòng tôi mà chờ đợi. Ngọn nến bên cạnh cô le lói tỏa bóng xuống sàn nhà.

“Tớ không muốn rời khỏi đây đâu Tom à,” Alice vừa nói vừa đứng dậy. “Ở đây tớ đã rất hạnh phúc. Căn nhà mùa đông của lão hân cũng tuyệt vời không kém. Lão Gregory chẳng công bằng gì với tớ cả!”

“Tớ xin lỗi nhé, Alice, tớ đồng ý đấy, nhưng thầy đã quyết rồi. Tớ chẳng xoay chuyển được đâu.”

Tôi có thể nhìn thấy này giờ Alice đã khóc nhưng tôi chẳng biết nói gì hơn. Thành linh cô gái tóm lấy cánh tay trái của tôi rồi bóp mạnh. “Tại sao lúc nào lão ta cũng phải như thế?” cô hỏi. “Tại sao lão ta lại căm ghét đàn bà con gái đến thế cơ chứ?”

“Tớ nghĩ là vì hồi trước thầy từng bị tổn thương,” tôi nhẹ nhàng đáp. Gần đây tôi được biết vài điều về thầy mình nhưng cho đến lúc này tôi vẫn giữ kín trong lòng. “Nghe này Alice, giờ tớ sẽ nói cho cậu nghe chuyện này, nhưng cậu phải hứa là sẽ không tiết lộ với ai và không bao giờ để Thầy Trừ Tà biết là tớ kể đấy nhé!”

“Tớ hứa,” Alice thì thầm, hai mắt mở lớn.

“À, cậu còn nhớ lúc thầy sém bỏ cậu xuống hố khi chúng ta từ Priestown quay về đây không?”

Alice gật đầu. Thầy tôi đối phó với các loại phù thủy độc bằng cách nhốt sống chúng xuống hố. Đạo trước thầy cũng định làm vậy với Alice, mặc dù cô ấy không đáng phải bị như thế.

“Cậu có nhớ tớ đã gào lên câu gì không?” tôi hỏi.

“Làm sao tớ nghe rõ được hả Tom. Lúc đấy tớ đang giãy giụa và hoảng loạn mà, nhưng dù là cậu nói gì thì cũng có tác dụng vì lão ấy đã đổi ý. Tớ

luôn luôn biết ơn cậu về chuyện đó.”

“Tớ chỉ nhắc cho thầy nhớ là thầy đã không bỏ Meg xuống hố, vậy nên thầy cũng không được làm thế với cậu!”

“Meg à?” Alice hỏi xen vào. “Là ai thế? Tớ chưa từng nghe nhắc đến bà ta...”

“Meg là một phù thủy. Tớ đã đọc hết chuyện về mẹ trong một cuốn nhật ký của Thầy Trừ Tà. Khi còn trẻ thầy đã phải lòng mẹ ta. Tớ nghĩ mẹ đã làm tan nát trái tim thầy. Và lại mẹ hiện vẫn còn sinh sống đâu đó trên vùng Anglezarke.”

“Mà Meg nào thế?”

“Meg Skelton...”

“Ồ không! Không thể nào là thế được. Bà Meg Skelton này từ ngoại quốc đến đây. Vài năm trước bà ta đã quay về quê cũ rồi. Ai cũng biết thế mà. Bà ta là một phù thủy nữ yêu và bà ta muốn quay lại với đồng loại của mình.”

Tôi biết khá nhiều về loài phù thủy nữ yêu từ cuốn sách trong thư viện của Thầy Trừ Tà. Đa phần bọn họ từ Hy Lạp đến đây, nơi mẹ tôi từng sinh sống ấy, và trong hình thái hoang dã thì bọn họ uống lấy máu người.

“Ừ thì, Alice này, cậu nói mẹ không sinh ra trong Hạt này là đúng đấy, nhưng Thầy Trừ Tà nói rằng mẹ vẫn còn ở đây và tớ sẽ gặp mẹ ta vào mùa đông này. Theo như tớ biết thì có thể mẹ ấy đang sống trong nhà thầy...”

“Đừng có ngốc chứ Tom. Làm sao lại thế được, phải không nào? Có người đàn bà biết suy nghĩ nào lại muốn sống cùng lão ta cơ chứ?”

“Thầy không tệ đến vậy đâu, Alice à,” tôi nhắc nhở cô gái. “Cả hai chúng ta ở chung nhà với thầy mấy tuần rồi và chúng ta đều vui ra phết đấy thôi!”

“Giả sử Meg đang sống trong nhà lão ta trên vùng Anglezarke ấy,” Alice nói với nụ cười tinh quái trên mặt, “thì đừng có ngạc nhiên nếu lão đã chôn bà ta xuống hố rồi nhé.”

Tôi mỉm cười đáp lại. “À, khi lên đến đấy tụi mình sẽ tìm ra thôi,” tôi bảo.

“Không đâu Tom. *Cậu* sẽ tìm ra. Còn tớ lại đang ở nơi khác. Nhớ không nào? Nhưng cũng không tệ lắm đâu, vì Adlington gần Anglezarke thôi,” cô gái nói. “Không phải lộ bộ nhiều nên Tom này, cậu có thể đến thăm tớ đây. Cậu sẽ đến thăm chứ? Sẽ thế chứ? Như vậy tớ mới không cô đơn cho lắm...”

Mặc dù tôi không chắc là Thầy Trừ Tà có cho mình đi thăm hay không, nhưng tôi vẫn muốn làm Alice vui hơn. Đột nhiên tôi nhớ đến ông Andrew.

“Thế còn bác Andrew thì sao?” tôi nói. “Bác ấy là người anh trai còn lại của Thầy Trừ Tà, hiện tại bác ấy đang sinh sống và làm việc tại Adlington. Chắc là thầy tớ thỉnh thoảng cũng muốn đến thăm bác ấy, khi mà hai người ở gần nhau thế. Và chắc thầy sẽ mang tớ theo cùng. Thầy trò tớ sẽ ghé qua làng luôn ấy mà, chắc chắn đấy, nên tớ sẽ có nhiều cơ hội gặp cậu.”

Alice mỉm cười, đoạn thả tay tôi ra. “Thế thì cậu phải nhớ làm như vậy đấy nhé Tom. Tớ sẽ mong cậu tới. Đừng làm tớ thất vọng đấy. Với lại cảm ơn cậu đã kể cho tớ nghe mấy cái chuyện về Lão Gregory. Phải lòng phù thủy cơ à? Ai lại nghĩ lão ta chôn giấu chuyện ấy trong lòng chứ?”

Dứt lời, Alice chộp lấy cây nến rồi đi lên cầu thang. Tôi thực sự sẽ rất nhớ cô ấy, nhưng việc tìm cho ra cái cớ để được đến thăm Alice nói không chừng sẽ khó khăn hơn là tôi gợi ý. Chắc chắn Thầy Trừ Tà sẽ không cho phép. Thầy chẳng có nhiều thời gian dành cho phụ nữ và đã khá nhiều lần khuyến cáo tôi phải tránh xa bọn họ. Hiện thời, tôi đã kể Alice nghe khá nhiều về thầy mình, có lẽ là hơi quá nhiều là khác, nhưng quá khứ của Thầy Trừ Tà còn có nhiều điều hơn là chuyện về Meg. Thầy cũng từng dây dưa với một phụ nữ khác, bà Emily Burns, người đã hứa hôn với một trong những anh trai của thầy. Đến nay thì người anh kia đã mất nhưng chuyện động trời ấy đã chia cắt gia đình thầy, gây ra vô số chuyện rắc rối. Bà Emily cũng được cho là đang sinh sống đâu đó gần Anglezarke. Câu chuyện nào cũng có hai mặt cả, nên tôi sẽ không phán xét gì Thầy Trừ Tà cho đến khi tôi được biết rõ hơn; thế nhưng, từng ấy phụ nữ cũng đã là nhiều gấp đôi số phụ nữ mà đa số mấy ông trong Hạt quen cả đời rồi: chắc hẳn Thầy Trừ Tà đã tận hưởng cuộc sống kha khá ấy nhỉ!

Tôi vào phòng rồi đặt cây nến lên tủ kê đầu giường. Trên vách tường gần chân giường là vô số tên người, do những tay học việc trước đây viết nguệch ngoạc lên đấy. Vài người đã hoàn tất thành công kỳ huấn luyện với Thầy Trừ Tà: tên của Bill Arkwright được đề ở góc trên bên trái. Có rất nhiều người đã thất bại và không hoàn thành hết kỳ học việc. Thậm chí một số còn bỏ mạng. Tên của Billy Bradley ở góc đầu kia đấy. Cậu ấy là người học việc ngay trước tôi nhưng đã phạm sai lầm khiến mấy ngón tay bị ông kẹp cắn đứt. Billy đã chết vì sốc và mất máu.

Đêm ấy tôi cẩn thận rà soát bức vách. Theo tôi biết, bất cứ ai từng ở trong căn phòng này đều đã viết tên mình lên đấy, kể cả tôi. Tên của tôi được viết bé tí vì bức vách chẳng còn bao nhiêu chỗ trống nữa, nhưng dù sao tên tôi vẫn nằm trên đấy. Ấy thế mà tôi vẫn thấy thiếu một tên. Tôi rà soát thêm để đoán chắc, nhưng tôi không sai: chẳng có cái tên “Morgan” nào trên ấy cả. Vậy là sao nhỉ? Thầy Trừ Tà bảo ông ta từng là chân học việc của thầy thì tại sao ông ta không viết tên mình lên chứ?

Morgan thì có gì quá khác biệt?

Sáng ngày hôm sau, sau khi dùng điểm tâm chóng vánh, chúng tôi đóng gói hành lý sửa soạn lên đường. Ngay trước khi đi, tôi lên vào trong bếp để chào tạm biệt ông kẹ của Thầy Trừ Tà.

“Cảm ơn vì tất cả những bữa ăn mi đã nấu nhé,” tôi nói lớn tiếng vào trong không trung trống rỗng.

Tôi không chắc Thầy Trừ Tà có vừa ý về việc tôi bỏ vào bếp để nói lời cảm ơn hay không: thầy khi nào cũng cảm râm về chuyện dừng bao giờ quá gần gũi thân thiết với “người làm mướn.”

Nhưng dù sao đi nữa, tôi biết là ông kẹ rất thích được khen, bởi vì vừa ngay khi tôi nói ra đã có một tiếng gừ gừ trầm trầm phát ra từ dưới bàn bếp, âm thanh này lớn đến mức bao nồi niêu xô chậu bắt đầu va nhau loảng xoảng. Đa phần thì ông kẹ vô hình, nhưng thi thoảng nó cũng hiện hình trong bộ dạng một con mèo đực to lớn lông màu hung đỏ.

Tôi lưỡng lự, thu hết lòng can đảm để nói tiếp. Tôi không rõ ông kẹ sẽ phản ứng thế nào với những điều tôi phải nói ra đây.

“Xin lỗi tôi qua đã làm mi nổi cáu,” tôi nói. “Ta chỉ làm việc của mình thôi. Có phải lá thư đã làm mi tức giận không?”

Ông kẹ không thể nói tiếng người nên tôi sẽ không nhận được lời đáp thành tiếng. Bản năng đã thôi thúc tôi hỏi câu hỏi này. Tôi có cảm giác đây là việc đúng đắn cần làm.

Thốt nhiên từ trên ống khói một làn gió đánh vèo xuống, thoang thoang mùi bồ hóng, rồi một mảnh giấy từ trong lò sưởi bay ra đáp xuống tấm thảm trước lò. Tôi bước tới nhặt mẫu giấy lên. Quanh mép mảnh giấy đã cháy sém và một phần mảnh giấy vỡ tan thành tro trong tay tôi, nhưng tôi biết đấy là nội dung còn lại từ lá thư tôi đã chuyển giùm cho Morgan.

Trên mảnh giấy cháy đen ấy chỉ còn sót lại vài chữ mà tôi phải nhìn chăm chú hồi lâu mới đọc được:

Hãy trả lại cho ta những gì thuộc về ta, bằng không ta sẽ khiến ông phải hối tiếc vì đã được sinh ra. Ông có thể bắt đầu bằng

Tất cả chỉ có thế, nhưng từng ấy cũng đủ cho tôi biết Morgan đang đe dọa thầy tôi. Chuyện này là sao đây? Có phải Thầy Trừ Tà đã lấy mất vật gì của Morgan chăng? Thứ gì đấy mà đáng lẽ là thuộc về hắn ấy? Tôi thật không thể tưởng tượng ra Thầy Trừ Tà lại đi ăn cắp thứ gì. Thầy đơn giản không phải người như thế. Chuyện này vô lý quá.

Các suy nghĩ của tôi bị tiếng quát của Thầy Trừ Tà từ ngoài cửa trước vọng vào làm gián đoạn. “Nào anh bạn! Con đang làm gì đấy? Đừng lè mề nữa! Chúng ta không có cả ngày đâu!”

Tôi vò mảnh giấy lại quăng vào lò sưởi rồi nhặt thanh trượng của mình lên mà phóng ra cửa. Alice đã đứng ở ngoài rồi nhưng Thầy Trừ Tà vẫn còn ở ngay lối cửa, dưới chân thầy là hai chiếc túi. Thầy trò tôi không gói ghém theo nhiều đồ đạc, tuy nhiên tôi vẫn phải vác hết hai chiếc túi ấy.

Đến thời điểm này Thầy Trừ Tà đã cho tôi riêng một chiếc túi, dù cho đến nay tôi chưa có gì nhiều nhận để bỏ vào trong ấy. Chiếc túi chỉ vồn vện chứa

sợi xích bạc mà mẹ tôi cho, một hộp đánh lửa, là quà chia tay của bố tôi, mấy cuốn sổ ghi chép cùng ít quần áo. Những đôi vớ vá chằng vá đụp đến nỗi nhìn gần như mới, nhưng Thầy Trừ Tà đã mua cho tôi một chiếc áo khoác da cừu, áo này ấm cực, tôi đang mặc nó ngay dưới lớp áo choàng. Tôi cũng có thanh trượng của riêng mình nữa – một thanh trượng mới to do thầy tôi tự tay đẽo từ gỗ cây thanh hương trà, loại gỗ vô cùng hiệu quả trong việc chống lại phù thủy.

Thầy Trừ Tà, mặc dù không ưa thích gì Alice, cũng đã tỏ ra rất hào phóng trong chuyện ăn mặc của cô gái. Cả Alice cũng có một chiếc áo khoác mùa đông mới bằng len màu đen dài gần đến mắt cá chân; áo còn đính mũ trùm đầu để cô giữ ấm hai tai.

Cái lạnh có vẻ không làm Thầy Trừ Tà bận tâm mấy vì thầy vẫn mặc chiếc áo choàng có mũ trùm như hồi mùa xuân và mùa hè rồi. Trong mấy tháng vừa qua sức khỏe thầy kém lắm, nhưng hiện tại dường như thầy đã hồi phục và trông còn khỏe mạnh hơn bao giờ hết.

Thầy Trừ Tà khóa cửa trước lại, nheo nheo mắt nhìn lên mặt trời mùa đông rồi khởi bước nhanh kinh hoàng. Tôi nhặt cả hai chiếc túi lên và cố theo thầy bằng tốc độ nhanh nhất, trong khi Alice theo sát gót tôi.

“Mà này anh bạn,” Thầy Trừ Tà gọi với lại sau lưng, “trên đường đi về phía nam chúng ta sẽ ghé qua nông trại của bố con đấy. Ông ấy vẫn còn nợ ta mười đồng tiền vàng, khoản tiền công cuối cùng cho kỳ huấn luyện của con!”

Tôi từng rất buồn khi phải rời khỏi Chipenden. Tôi đã từng yêu mến ngôi nhà cùng những khu vườn và tôi tiếc rẻ biết bao khi kể từ đây tôi và Alice phải chia xa. Nhưng ít ra tôi sẽ có cơ hội gặp lại bố mẹ mình. Thế là trái tim tôi nhảy vọt lên sung sướng và các bước chân được tiếp thêm nguồn năng lượng mới. Tôi đang trên đường trở về nhà!

3

VỀ NHÀ

Khi chúng tôi xuôi về hướng nam, tôi cứ liếc mắt nhìn lại rặng đồi đá. Tôi đã từng bỏ nhiều thời gian đi lên những rặng đồi gần giáp với mây trời ấy đến nỗi, vài đỉnh đồi cứ như là bạn cũ của tôi, nhất là mỏm Parlick, là mỏm đồi gần căn nhà mùa hè của Thầy Trừ Tà nhất. Nhưng đến cuối ngày cuộc bộ thứ hai, những ngọn đồi sừng sững quen thuộc ấy chỉ còn là đường chân trời tím ngắt thâm thập xa xa, còn tôi lại rất yêu thích chiếc áo khoác mới. Chúng tôi đã phải trải qua một đêm rất khổ sở, rét đến tê người trong một kho chứa cỏ tốc mái, và cho dù giờ đây gió đã thôi tạt qua, mặt trời đang le lói tỏa sáng, thời tiết mỗi giờ dường như một lạnh hơn.

Ít ra thì chúng tôi đang trên đường về nhà, và cảm giác háo hức được gặp lại gia đình trong tôi càng lúc càng mãnh liệt theo mỗi sải chân. Tôi nóng lòng muốn gặp bố. Trong lần ghé thăm gần đây nhất thì bố tôi chỉ mới qua khỏi một cơn bạo bệnh, mà cơ may bố hồi phục sức khỏe hoàn toàn rất mong manh. Dù sao bố cũng định thôi làm việc và giao lại nông trại cho người anh cả của tôi, anh Jack, vào đầu mùa đông này rồi. Nhưng bệnh tình của bố đã làm mọi chuyện tiến triển nhanh hơn. Thầy Trừ Tà gọi đấy là nông trại của bố tôi, nhưng giờ đây điều này không còn đúng nữa.

Bất chợt, ngay dưới chúng tôi, tôi có thể trông thấy kho chứa cỏ và căn nhà nằm trong nông trại thân thuộc có khói bốc lên nghi ngút từ ống khói. Những mảnh ruộng chằng chịt bao quanh cùng các rặng cây khẳng khiu trơ trọi trông thật hắt hiu ảm đạm, và tôi chỉ mong được ngồi hơ tay bên bếp lửa.

Đến cuối đường, thầy tôi dừng bước. “Được rồi đấy anh bạn, ta không nghĩ vợ chồng anh trai con sẽ vui mừng gì lắm khi gặp chúng ta đâu. Công việc của kẻ trừ tà làm nhiều người khó chịu, do đó chúng ta không nên lấy đó làm điều. Con đi đi và lấy tiền về cho ta; con bé kia và ta sẽ chờ tại đây.

Rõ ràng con sẽ rất mong gặp lại gia đình mình, nhưng đừng có đi lâu hơn một giờ đồng hồ. Trong khi con được ngồi bên lò lửa ấm áp thì bọn ta sẽ phải chịu rét cóng ngoài đây đấy!”

Thầy nói đúng: anh Jack cùng vợ anh ấy không thích công việc của kẻ trừ tà, hồi trước anh chị đã cảnh cáo tôi không được đem chuyện ấy vào nhà họ. Vậy nên tôi bỏ lại Alice và Thầy Trừ Tà để chạy ngược lên con đường dẫn về nông trại. Khi tôi mở cổng ra, đám chó bắt đầu sủa vang làm Jack từ bên hông kho chứa cỏ đi vòng đến. Kể từ khi tôi trở thành chân học việc cho Thầy Trừ Tà, anh em chúng tôi không hòa thuận với nhau lắm, nhưng lần này thấy tôi anh ấy trông rất vui, mặt anh nhoẻn cười rạng rỡ.

“Gặp chú thật mừng quá đấy Tom,” anh vừa nói vừa đặt tay lên vai tôi.

“Em cũng mừng khi gặp anh nữa, Jack. Bố sao rồi ạ?” tôi hỏi.

Nụ cười trên gương mặt anh nhanh chóng biến đi như khi nó đến. “Sự thật là, Tom à, anh không nghĩ bố khỏe gì hơn kể từ lần vừa rồi chú ở đây đâu. Có vài ngày khá hơn những ngày khác, nhưng mới sáng dậy là bố lại ho rồi khạc đến nỗi ông không thở được. Nghe thấy mà đau lòng lắm. Mọi người rất muốn giúp bố nhưng đành lực bất tòng tâm.”

Tôi buồn bã lắc đầu. “Tội nghiệp bố. Em đang trên đường về phương nam để đón mùa đông,” tôi bảo anh Jack, “và em chỉ ghé qua để lấy phần tiền mà bố còn thiếu Thầy Trừ Tà. Em ước sao mình có thể ở lại nhưng không được rồi. Thầy em đang đứng chờ ngoài cuối đường kia. Bọn em sẽ lại lên đường trong một giờ nữa.”

Tôi không nhắc đến Alice. Jack biết cô là cháu gái một mục sư thủy và anh ấy chẳng kiên nhẫn với cô ấy đâu. Trước đây giữa hai người họ từng xảy ra va chạm và tôi không muốn màn ấy lặp lại.

Anh Jack quay đi nhìn về phía con đường rồi quay lại ngắm tôi khắp lượt. “Mà chú rõ là đang ăn vận phù hợp với nghề rồi đấy,” anh vừa nói vừa cười toe toét.

Anh ấy nói phải. Tôi đã bỏ mấy chiếc túi lại chỗ Alice nhưng vẫn đang mặc chiếc áo choàng đen và cầm theo thanh trượng, trông tôi như một bản

mẫu thu nhỏ của thầy mình vậy.

“Anh thích chiếc áo khoác này chứ?” tôi hỏi, tay vén áo choàng sang để Jack nhìn rõ áo khoác.

“Trông ấm đấy.”

“Thầy Gregory mua cho em đấy ạ. Thầy bảo là em sẽ cần đến nó. Thầy có nhà tận trên khu đồng hoang Anglezarke, không xa Adlington lắm. Bọn em sẽ trải qua mùa đông trên ấy mà nơi đấy thì cứ rét căm căm.”

“Ừ, trên đấy lạnh thôi rồi – chú cứ tin chắc thế đi! Anh thì anh chịu. Mà thôi, anh phải quay lại làm việc đây,” Jack bảo. “Đừng để mẹ chờ nhé. Hôm nay bà cứ vui vẻ hân hoan suốt. Hẳn là mẹ biết chú sẽ về.”

Dứt lời, Jack băng ngược lại qua sân, đến góc kho chứa cỏ anh dừng lại vẫy vẫy tay. Tôi vẫy tay chào lại rồi bước về phía cửa nhà bếp. Rất có thể mẹ đã biết tôi đang trên đường đến đây. Bà luôn có khả năng cảm nhận những chuyện như thế. Là một bà mụ lẩn thầy lang, bà thường biết trước sẽ có ai đó đến nhờ giúp đỡ.

Lúc đẩy cửa sau nhà mở ra, tôi trông thấy mẹ đang ngồi trên ghế đu cạnh lò sưởi. Các rèm cửa đều đã đóng vì mẹ nhạy cảm với ánh sáng mặt trời. Bà mỉm cười khi tôi bước vào bếp.

“Gặp lại con thật tốt quá đấy, con trai,” bà bảo. “Lại đây ôm mẹ một cái rồi hãy kể cho mẹ nghe mọi chuyện nào!”

Tôi băng qua phòng và mẹ ôm tôi thật chặt. Đoạn tôi kéo ghế ngồi cạnh bà. Đã có nhiều chuyện xảy ra kể từ lần cuối tôi gặp mẹ vào mùa thu rồi, nhưng tôi đã gửi cho bà một lá thư thật dài kể hết những nguy hiểm mà tôi cùng thầy mình phải đối mặt trong suốt những phần việc cuối cùng tại Priestown.

“Mẹ có nhận được thư con không ạ?”

“Có chứ Tom, mẹ nhận được, và mẹ thật xin lỗi đã không hồi âm cho con, nhưng ở đây mọi việc thật bận bịu, với lại mẹ biết là con sẽ ghé qua khi con đi về hướng nam thôi. Hiện tại Alice thế nào?”

“Rốt cuộc thì dứt khoát là bạn ấy ổn rồi mẹ ạ, và bạn ấy đang sống vui vẻ cùng thầy trò con tại Chipenden, vấn đề là, Thầy Trừ Tà vẫn không tin tưởng Alice. Bọn con sắp đi đến ngôi nhà mùa đông của thầy nhưng Alice sẽ phải ở lại một nông trại với những người bạn ấy chưa bao giờ gặp.”

“Điều này nghe có vẻ tàn nhẫn thật,” mẹ tôi đáp, “nhưng mẹ tin chắc thầy Gregory biết mình đang làm gì. Làm thế là vì lợi ích của mọi người thôi. Về chuyện đi đến vùng Anglezarke, con phải giữ gìn sức khỏe đấy nhé, con trai. Nơi ấy là một vùng đồng hoang thê lương, ảm đạm. Mẹ thấy Alice đã được miễn đi một cách nhẹ nhàng đấy.”

“Anh Jack có nói cho con nghe về bố. Có thật tình hình tệ như mẹ đã lường trước không ạ?” tôi hỏi. Lần trước gặp mẹ, bà đã giấu điều xấu nhất trong các mối lo của mình không cho Jack biết, nhưng bà lại gợi ý cho tôi rằng sinh mệnh của bố đang dần đi đến hồi kết.

“Mẹ đã hy vọng ông ấy sẽ lấy lại chút sức. Ông ấy cần được chăm nom cẩn thận để vượt qua mùa đông, mà mẹ nghĩ là mùa đông này rồi thời tiết cũng sẽ xấu như bao mùa đông khác mẹ từng chứng kiến từ khi đặt chân lên Hạt này. Giờ bố con đang nằm ngủ trên lầu ấy. Mẹ sẽ đưa con lên gặp bố ít phút.”

“Nhưng anh Jack trông chừng vui vẻ lắm,” tôi nói, cố gắng làm cho tâm trạng đỡ nặng nề hơn. “Có lẽ anh ấy đã quán triệt được ý nghĩ trong gia đình có một người làm kẻ trừ tà rồi.”

Mẹ mỉm cười rạng rỡ. “Anh con cũng nên thế, nhưng mẹ cho rằng việc ấy liên quan nhiều đến chuyện Ellie lại đang mang thai hơn, và lần này sẽ là bé trai – điều này thì mẹ chắc chắn. Jack lúc nào cũng mong có con trai mà. Có người để mai này còn thừa kế nông trại chứ.”

Tôi mừng cho anh Jack lắm. Mẹ tôi không bao giờ nói sai mấy chuyện về em bé. Nhưng rồi tôi nhận thấy căn nhà có vẻ vắng lặng. Đường như quá vắng lặng là khác.

“Chị Ellie đâu rồi ạ?” tôi hỏi.

“Tiếc thật đấy Tom, nhưng con đã chọn sai ngày để ghé thăm rồi. Đa phần các ngày thứ Tư Ellie thường về thăm bố mẹ, đem theo cả nhóc Mary nữa. Con nên nhìn thấy con bé lúc này! Con bé thật lớn tướng so với em bé tám tháng, nó bò cũng rất nhanh, phải có ba đầu sáu tay để canh chừng nó đấy! Nhưng thôi, mẹ biết thầy con đang chờ con mà ngoài kia lại đang rất lạnh, nên ta đi lên lầu thăm bố con nào.”

Bố đang ngủ li bì nhưng sau lưng lại kê đến bốn chiếc gối, để bố gần như ngồi thẳng người lên.

“Thứ thế ấy giúp bố con thở dễ dàng hơn,” mẹ giải thích. “Bố con vẫn còn bị nghẽn chút máu trong phổi.”

Bố tôi thở khè khè; gương mặt bố xám ngoét còn bên hàng chân mày lại có mồ hôi chảy thành dòng. Thật tình mà nói trông bố ốm rất nặng – bố giờ chỉ còn là cái bóng của người đàn ông vững chãi, khỏe mạnh từng có thời một tay cai quản nông trại, cùng lúc đó cũng là một người bố tốt giàu tình thương dành cho những bảy thằng con trai.

“Ngày Tom, mẹ biết con muốn nói đôi lời với bố nhưng cả đêm qua ông ấy đã không ngủ được chút nào. Tốt hơn hết bây giờ chúng ta không nên đánh thức bố dậy nhé. Con thấy sao nào?”

“Dĩ nhiên rồi thưa mẹ,” tôi đồng tình, nhưng lòng lại thấy thật buồn vì không thể nói chuyện với bố. Bố yếu lắm rồi, tôi biết mình có khả năng không bao giờ nhìn thấy ông nữa.

“Vậy thì, con chỉ cần hôn bố một cái thôi, con trai à, rồi chúng ta sẽ để yên cho ông ấy ngủ...”

Tôi kinh ngạc nhìn mẹ. Tôi không nhớ nổi lần cuối cùng mình hôn bố là khi nào. Chỉ có vỗ vai nhẹ nhàng hay bắt tay qua loa thôi.

“Làm đi nào, Tom, hôn lên trán bố ấy,” mẹ tôi nài nỉ. “Rồi con chúc bố chóng khỏi bệnh. Có thể ông ấy đang say ngủ nhưng một phần trong ông sẽ nghe được con nói gì và như thế sẽ khiến bố con thấy khỏe hơn.”

Tôi nhìn mẹ và mắt mẹ bắt gặp mắt tôi. Trong tia nhìn của mẹ có ánh đánh thép khiến tôi cảm nhận được uy lực ý chí của bà. Vậy nên tôi làm

đúng theo lời bà bảo. Tôi cúi xuống giường hôn nhẹ lên vầng trán âm ẩm đầm mồ hôi của bố. Có một mùi là lạ mà tôi không nhận ra là mùi gì. Như mùi hoa. Một loại hoa tôi không thể gọi tên.

“Chóng khỏe lại nhé bố,” tôi khe khẽ thì thầm. “Con sẽ lại ghé về vào mùa xuân và khi đấy ta sẽ gặp nhau vậy.”

Môi tôi đột nhiên khô khốc, và khi đưa lưỡi liếm môi, tôi nếm thấy vị mặn từ hàng chân mày của bố. Mẹ tôi cười buồn, đoạn chỉ tay ra phía cửa phòng ngủ.

Khi tôi theo mẹ ra ngoài, bố bắt đầu ho và thở phì phì sau lưng tôi. Tôi lo lắng quay lại, và vào ngay lúc ấy, bố mở mắt nhìn tôi.

“Tom! Tom! Con đấy à?” bố cất tiếng gọi trước khi lại ho sự thêm tràng khác.

Mẹ lướt nhanh qua tôi qua lối cửa và lo âu cúi xuống nhìn bố, nhẹ nhàng vuốt ve trán bố cho đến khi cơn ho chịu lắng xuống.

“Tom *đang* ở đây,” mẹ bảo bố, “nhưng mình đừng nói quá nhiều kéo lại mất sức.”

“Con đang làm việc chăm lắm phải không con trai? Thầy con có hài lòng về con không?” bố hỏi, nhưng giọng ông quá yếu lại thều thào, cứ như đang có thứ gì mắc kẹt trong họng bố vậy.

“Vâng thưa bố, mọi chuyện tốt lắm ạ. Thật ra đấy là một trong những lý do vì sao con đến đây,” tôi vừa đáp vừa tiến đến gần giường. “Thầy con nhất định giữ con lại và thầy muốn lấy mười đồng tiền vàng mà bố phải trả cho thầy để con theo học việc.”

“Tin tốt đấy con. Bố thực sự mừng cho con lắm. Vậy con thích làm việc trên vùng Chipenden lắm phỏng?”

“Vâng thưa bố,” tôi mỉm cười đáp, “nhưng hiện thời thầy trò con sắp chuyển đến sống qua mùa đông tại nhà thầy nơi đồng hoang Anglezarke ạ.”

Thốt nhiên bố tôi trông cảnh giác ra mặt. “Ôi, bố ước sao con không cần đi đến đó đấy con trai,” bố vừa nói vừa liếc sang mẹ. “Có nhiều giai thoại kỳ

lạ về nơi ấy lắm, mà không có chuyện nào là tốt đẹp cả. Sống ở đấy con phải cảnh giác cao độ. Con nhớ phải ở thật gần thầy mình và cẩn thận lắng nghe mọi điều thầy nói.”

“Con sẽ không sao đâu bố. Bố đừng lo. Mỗi ngày con lại học hỏi thêm nhiều mà.”

“Bố tin chắc là con sẽ học hỏi thêm. Bố phải thú nhận là đã từng không tin vào việc giao con học việc với thầy trừ tà, nhưng mẹ con nói đúng. Đây là một công việc khó khăn nhưng phải có ai đó làm thôi. Mẹ đã kể cho bố nghe mọi thành tích con đạt được từ bấy đến nay, và bố rất tự hào khi có đứa con trai gan dạ thế này. Mà này, bố không thiên vị ai đâu nhé. Bố có cả thầy bảy đứa con trai, đứa nào cũng giỏi giang. Bố yêu hết thầy các con của bố, nhưng bố có linh cảm con sẽ trở thành đứa xuất sắc nhất trong đám.”

Tôi chỉ mỉm cười, không biết nói gì hơn. Bố cũng mỉm cười, đoạn nhắm mắt, rồi chỉ trong chốc lát nhịp thở của bố thay đổi khi ông lại chìm vào giấc ngủ. Mẹ khoát tay về phía cửa và hai mẹ con cùng rời khỏi phòng.

Xuống đến nhà bếp, tôi hỏi mẹ về mùi hương kỳ lạ kia.

“Vì con đã hỏi nên mẹ cũng không cố giấu làm gì, Tom à,” bà đáp. “Là đứa con trai thứ bảy của người con trai thứ bảy, con được thừa hưởng vài thứ từ mẹ. Cả hai chúng ta đều rất mẫn cảm với thứ gọi là ‘tử vong báo ứng’. Cho nên mùi con ngửi thấy chính là cái chết đang đến gần...”

Một cục nghẹn dâng lên trong cổ họng tôi và nước mắt bắt đầu ứa lên trong mắt. Ngay lập tức mẹ tiến đến để ôm choàng lấy tôi.

“Ôi Tom, con phải cố đừng buồn chứ. Điều ấy không nhất thiết nghĩa là bố con sẽ qua đời trong một tuần, một tháng hay một năm nữa đâu. Nhưng mà mùi hương kia càng nồng thì cái chết càng cận kề. Nếu người ta hồi phục hoàn toàn, mùi hương sẽ bay đi. Tương tự với bố con vậy. Có những ngày chẳng có mùi gì ở đây hết. Mẹ đang dốc hết sức giúp ông và vẫn còn chút hy vọng. Mà thôi, đây, mẹ đã nói cho con biết và con vừa học thêm một điều nữa.”

“Cảm ơn mẹ ạ,” tôi buồn bã đáp, sửa soạn ra đi.

“Đừng có vội vã bỏ đi trong tình trạng như thế chứ,” mẹ tôi bảo, giọng bà vừa âu yếm vừa dịu dàng. “Con cứ ngồi cạnh lò sưởi để mẹ soạn chút bánh kẹp cho con mang đi đường nào.”

Tôi làm theo lời mẹ, bà nhanh tay soạn lấy một túi bánh mì kẹp giảm bông và thịt gà cho cả ba người chúng tôi.

“Chúng ta có quên gì không ấy nhỉ?” mẹ vừa đưa túi bánh cho tôi vừa hỏi.

“Tiền cho thầy Gregory ạ!” tôi đáp. Tôi đã quên bằng đi.

“Chờ đấy Tom,” mẹ tôi bảo. “Để mẹ lên phòng của mẹ lấy cho con.”

“Phòng của mẹ” theo ý mẹ không có nghĩa là căn phòng mẹ ở cùng với bố. Đó là căn phòng khóa kín gần nóc nhà, nơi mẹ cất giữ các vật dụng cá nhân. Kể từ khi còn là cậu bé con chập chững biết đi, tính đến bây giờ tôi chỉ mới vào trong ấy một lần, và đấy là lần mẹ trao cho tôi sợi xích bạc. Không có người nào khác bước vào căn phòng ấy. Cả bố cũng không.

Trong phòng ấy có khá nhiều thùng bông và rương học nhưng tôi chẳng biết chúng đựng gì. Theo lời mẹ tôi vừa mới nói thì trong đấy cũng có cả tiền nữa. Ngay từ đầu nhờ tiền của mẹ mà chúng tôi mới mua được nông trại này. Mẹ mang theo tiền từ quê hương bà, Hy Lạp.

Trước khi tôi đi, mẹ đưa cho tôi một túi đầy bánh mì kẹp và đếm mười đồng vàng đặt vào tay tôi. Khi bà nhìn vào mắt tôi, tôi có thể trông thấy vẻ lo lắng trong ấy.

“Con trai này, đây sẽ là một mùa đông dài, khó khăn, khắc nghiệt. Mọi dấu hiệu đã đầy ra đấy. Những đàn chim én bay về miền nam sớm hơn lệ thường những gần một tháng, đợt sương giá đầu tiên xuất hiện khi những bông hồng cuối cùng của mẹ vẫn còn trổ hoa – đấy là những điều trước nay mẹ chưa từng thấy. Mùa đông này rồi sẽ rất gian khổ, và mẹ không nghĩ ai trong chúng ta trải qua mùa này mà không thay đổi gì đâu. Rồi lại thêm việc không có nơi nào để sống qua mùa đông này tụi tẻ bằng ở Anglezarke. Bố lo lắng cho con đấy, con trai, và mẹ cũng lo nữa. Mà những gì bố con nói đều đúng. Cho nên mẹ sẽ không phải nói toạc ra hết. Không còn nghi ngờ gì

nữa, thế lực bóng tối đang ngày càng lớn mạnh, mà trên khu đồng hoang ấy tồn tại một thế lực vô cùng đáng sợ. Đây là nơi một vài Cổ Thần được thờ phụng từ lâu lắm rồi, và vào mùa đông vài vị lại cựa mình thức giấc. Vị thần xấu xa nhất trong số đó là thần Golgoth, vị được một số người gọi là Chúa Tể Mùa Đông. Vậy nên con hãy ở sát bên thầy mình. Thầy ấy là người bạn thực thụ duy nhất mà con có. Con và thầy con phải trợ giúp lẫn nhau.”

“Nhưng còn Alice thì sao ạ?”

Mẹ tôi lắc đầu. “Có thể con bé sẽ ổn thôi, nhưng cũng khi là không. Con thấy đấy, ở trên vùng đồng hoang lạnh giá ấy, con sẽ kề cận với thế giới bóng tối hơn hẳn những nơi khác trong Hạt, cho nên việc ở gần đấy sẽ tiếp tục thử thách con bé. Mẹ hy vọng nó sẽ vượt qua nhưng mẹ không thể thấy trước kết cục. Cứ làm theo như lời mẹ bảo đi. Hãy kề vai sát cánh bên thầy con. Đấy mới là điều quan trọng.”

Mẹ con tôi lại ôm lấy nhau lần nữa, đoạn tôi nói lời từ biệt rồi lại khởi bước tiến ra con lộ.

CĂN NHÀ MÙA ĐÔNG

Chúng tôi đến gần Anglezarke bao nhiêu, thời tiết trở nên xấu hơn bấy nhiêu.

Trời đã bắt đầu đổ mưa và gió đông nam lạnh căm càng lúc càng mạnh hơn cho đến khi nó quất phần phật vào mặt chúng tôi, mây xám sà thấp và ngột ngạt như một quả tạ bằng chì treo lơ lửng trên đầu mọi người. Sau đấy gió thổi thậm chí còn tợn hơn và cơn mưa chuyển thành mưa băng mưa đá. Đất dưới chân hóa ra bùn nhão và chúng tôi tiến bước chậm chạp. Còn tệ hơn nữa, chúng tôi cứ sa chân vào vùng đất phủ rêu và vũng lầy nhão nhoét trá hình, và phải nhờ vào toàn bộ kiến thức của Thầy Trừ Tà mà chúng tôi mới an toàn băng qua.

Nhưng vào sáng ngày thứ ba, mưa thưa bớt và mây tản đi, giúp chúng tôi có thể nhìn ra dãy đồi u ám ngay trước mặt.

“Kia rồi!” Thầy Trừ Tà lên tiếng, chỉ thanh trượng về phía đường chân trời. “Đồng hoang Anglezarke đấy. Còn ở đằng ấy, về hướng nam khoảng bốn dặm” – thầy lại khoa tay – “là Blackrod.”

Nơi đây còn cách xa quá nên chưa thấy bóng dáng ngôi làng đâu cả. Tôi cứ tưởng mình mới nhìn ra vài dải khói nhưng có lẽ đấy là mây.

“Làng Blackrod trông thế nào vậy thầy?” tôi hỏi. Thầy tôi thỉnh thoảng có đề cập qua, nên tôi hình dung nơi đấy chắc cũng giống như ngôi làng mà hàng tuần tôi đến thu gom lương thực.

“Nơi ấy không thân thiện như ở Chipenden đâu, nên tốt nhất là tránh xa ra,” Thầy Trừ Tà bảo. “Toàn những người vụng về sinh sống và nhiều người trong số họ là người một nhà. Ta được sinh ra tại đấy nên ta phải biết rõ. Không đâu, Adlington là nơi dễ chịu hơn nhiều và cách đây cũng không còn xa nữa. Cách Adlington khoảng một dặm về hướng bắc là nơi bọn ta sẽ bỏ

con lại, cô bé à,” thầy nói với Alice. “Tên nơi ấy là nông trại Cảnh Bờ Hoang. Con sẽ ở cùng ông bà Hurst, chủ nông trại.”

Chừng một giờ đồng hồ sau chúng tôi đến được một ngôi nhà nông trại biệt lập gần bên hồ nước lớn. Khi Thầy Trừ Tà tiến thẳng vào, đám chó bắt đầu sủa vang; chẳng mấy chốc sau thầy đã đứng trong sân nhà, trò chuyện cùng một lão nông trông không vui vẻ gì cho lắm khi gặp mặt thầy. Sau khoảng dăm phút, vợ của lão nông đến đứng trò chuyện cùng. Ba người bọn họ chẳng ai buồn nhếch mép cười với ai lấy một lần.

“Tớ sẽ không được chào đón tại nơi này, bảo đảm luôn!” Alice vừa nói vừa trề khóe miệng xuống.

“Biết đâu không tệ đến thế thì sao,” tôi bảo, cố tìm cách bào chữa. “Đừng quên là bọn họ từng mất một đứa con gái. Có những người chẳng bao giờ vượt qua được một bi kịch như vậy đâu.”

Trong khi đứng chờ, tôi quan sát nông trại ấy kỹ hơn. Nông trại trông không trù phú mấy và đa phần các khu nhà trong đấy đều trong tình trạng cần phải sửa sang lại. Kho chứa cỏ xiêu vẹo hẳn sang một bên, trông như thể cơn dông sắp tới sẽ làm nó bẹp dúm. Mọi thứ trong tầm mắt trông thật buồn thảm. Tôi cũng không thể không thắc mắc về hồ nước bên cạnh nông trại. Đây là một vùng nước xám xịt u ám trải rộng mà mép nước bờ bên kia là khu đầm lầy, còn bờ bên này chỉ là vài cây liễu còi cọc. Có phải đây là nơi con gái họ chết đuối không nhỉ? Bất cứ khi nào từ khung cửa sổ trước nhìn ra, ông bà Hurst cũng sẽ bị gợi nhớ đến những chuyện đã xảy ra.

Vài phút sau Thầy Trừ Tà quay ra vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi tiến đến, và chúng tôi khập khiễng băng qua đồng bùn nhão vào trong sân.

“Đây là Tom, cậu học việc của tôi,” Thầy Trừ Tà giới thiệu tôi cho lão nông cùng vợ ông ta.

Tôi mỉm cười chào hỏi. Bọn họ cùng gật đầu chào tôi nhưng chẳng hề cười đáp lại.

“Và đây là cô bé Alice,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Cô bé làm lụng chăm chỉ lắm nên sẽ là tay trợ giúp đắc lực mọi việc trong nhà. Ông bà cứ cương

quyết nhưng tử tế vào thì con bé sẽ không gây rắc rối gì cho hai người đâu.”

Hai người họ nhìn lên nhìn xuống Alice nhưng chẳng nói gì; sau một cái gật đầu ngắn gọn về phía họ cộng thêm thoáng nhếch cười thì Alice chỉ nhìn chăm chăm xuống đôi giày mũi nhọn của mình. Tôi có thể khẳng định là Alice đang không vui; chuyển lưu lại nhà gia đình Hurst của cô gái khởi đầu không mấy tốt đẹp rồi. Thật sự tôi cũng không trách gì cô. Trông hai người kia đều khổ sở thảm thương, như thể cuộc đời đã làm họ bầm dập tả tơi hết. Mặt và trán ông Hurst chẳng chít những nếp nhăn cho thấy ông ấy đã phải nhăn nhó nhiều hơn là cười đùa.

“Gần đây có gặp Morgan thường không?” Thầy Trừ Tà hỏi.

Đột nhiên nghe đến cái tên “Morgan” khiến tôi nhìn phắt lên để kịp trông thấy mi mắt trái ông Hurst mấp máy co giật. Ông ta trông bồn chồn lo lắng. Có lẽ cả e sợ nữa. Có phải cùng là người tên Morgan đã đến đưa tôi lá thư gửi cho Thầy Trừ Tà không nhỉ?

“Chẳng thường lắm,” bà Hurst ừ ừ đáp mà chẳng nhìn vào ánh mắt Thầy Trừ Tà. “Nó năm thì mười họa có qua đêm tại đây nhưng chỉ đến rồi đi khi nó thích thôi. Lúc này chủ yếu nó tránh xa khỏi nhà.”

“Lần cuối anh ta ở đây là khi nào vậy?”

“Hai tuần trước. Có lẽ còn trước đó nữa cơ...”

“À, khi nào anh ta ghé về, bảo cho anh ta biết là tôi cần nói vài lời với anh ta. Bảo anh ta đến thẳng nhà nhé.”

“Được rồi, tôi sẽ bảo nó.”

“Nhớ làm đấy. Thôi, chúng tôi phải lên đường đây.”

Thầy Trừ Tà quay lưng bước đi và tôi nhặt trượng của mình cùng hai chiếc túi lên mà đi theo thầy. Alice chạy bổ theo tóm lấy tay tôi, làm tôi phải dừng lại.

“Đừng quên lời cậu hứa đấy,” cô gái thì thầm vào tai trái tôi. “Hãy đến thăm tớ, đừng để lâu quá một tuần nhé. Tớ đặt lòng tin vào cậu!”

“Tớ sẽ đến thăm cậu mà, đừng lo,” tôi vừa nói vừa mỉm cười với Alice.

Nghe thế, Alice bước trở lại nhà ông bà Hurst và tôi đứng dõi theo cả ba người họ trở vào trong căn nhà nông trại. Tôi thấy buồn cho Alice lắm nhưng chẳng thể làm được gì.

Khi thầy trò tôi bỏ nông trại Cảnh Bờ Hoang lại sau lưng, tôi kể cho Thầy Trừ Tà nghe những điều đã bắt đầu làm tôi lo lắng.

“Họ hình như trông không vui vì phải nhận Alice vào,” tôi nói, lòng nghĩ Thầy Trừ Tà sẽ phản bác lại mình. Thật kinh ngạc làm sao, thầy lại đồng ý với những gì tôi nói.

“Phải, đúng là thế thật, bọn họ không vui vẻ mấy. Nhưng trong chuyện này họ chẳng có quyền quyết định gì nhiều. Con thấy đấy, gia đình nhà Hurst nợ ta một món khá lớn. Ta đã hai lần giúp họ tổng khứ vài ông kẹ phá phách ra khỏi nhà. Thế mà đến nay ta chưa hề nhận một xu nào cho bao công sức mình bỏ ra cả. Ta đồng ý xóa nợ cho họ nếu họ chịu nhận Alice.”

Tôi không sao tin nổi mình đang nghe thấy gì. “Nhưng như thế thật không công bằng cho Alice!” tôi kêu lên. “Họ có thể đối xử tệ với bạn ấy mất.”

“Con bé ấy biết tự chăm sóc mình, con cũng biết quá rõ rồi còn gì,” thầy nói với nụ cười nham hiểm. “Vả lại, chắc chắn là con sẽ không thể ở xa con bé và rồi thỉnh thoảng sẽ phải ghé qua thăm con bé có ổn không cho xem.”

Khi tôi mở miệng định phản đối, nụ cười toe của Thầy Trừ Tà càng thêm rộng ra khiến thầy trông như một con chó sói đói ăn đang há to mồm để cắn phăng đầu con mồi của nó.

“Sao hử, ta nói có đúng không nào?” thầy hỏi.

Tôi gật đầu.

“Ta đã nghĩ thế mà lại. Đến giờ thì ta đã hiểu con rõ lắm rồi. Cho nên con đừng quá lo lắng cho con bé. Lo đến thân con kìa. Có vẻ như đây sẽ là một mùa đông khắc nghiệt đấy. Mùa đông sẽ thử thách sức mạnh của hai thầy trò ta đến mức tột cùng. Anglezarke không phải là nơi dành cho những kẻ nhát gan yếu đuối!”

Còn một chuyện khác bấy lâu nay vẫn khiến tôi băn khoăn, thế nên tôi quyết định nói ra cho hết. “Con nghe thầy hỏi ông bà Hurst về ai đó tên là

Morgan,” tôi nói. “Có phải là cùng ông Morgan đã gửi cho thầy lá thư không ạ?”

“À, dứt khoát là ta hy vọng không có hai kẻ như thế đâu, anh bạn ạ! Một tên đã đủ rắc rối rồi.”

“Vậy là thỉnh thoảng hẳn ta trú lại nhà gia đình Hurst ạ?”

“Quả có thể thật đấy anh bạn, mà đúng ra phải thế vì hẳn là con trai họ cơ mà.”

“Thầy đã gửi Alice vào ở với bố mẹ của Morgan ư!” tôi kinh ngạc thốt lên.

“Phải. Và ta biết mình đang làm gì nên giờ hỏi thế là đủ rồi. Ta đi thôi nào. Chúng ta cần đến đó sớm trước khi màn đêm buông xuống.”

Từ giây phút đầu tiên nhìn cận cảnh, tôi đã yêu thích rặng đồi đá bao quanh Chipenden rồi, nhưng không biết sao với Đầm lầy Anglezarke thì lại khác. Tôi không thể xác định chính xác là do đâu, nhưng càng gần đến Anglezarke, tinh thần tôi càng nặng nề.

Có lẽ là do tôi trông thấy nơi này vào thời điểm năm cùng tháng tận, khi mà quang cảnh u ám và mùa đông đang kéo đến. Hoặc là do chính vùng đồng hoang đen đúa đang dâng lên trước mặt tôi như một con quái vật khổng lồ khum khum mình, cùng các đám mây bao phủ những đỉnh đồi ảm đạm. Nhưng chủ yếu nhất là do mọi người cứ khuyên tôi phải tránh xa nơi này, rồi lại bảo là mùa đông nơi đây sẽ khắc nghiệt đến thế nào. Dù có là vì lý do nào đi nữa, tôi cảm thấy tình hình còn tồi tệ hơn khi trông thấy căn nhà của Thầy Trừ Tà, một nơi u ám mà thầy trò chúng tôi sẽ phải trú ngụ trong vài tháng tới.

Chúng tôi tiến về phía ngôi nhà bằng cách đi men theo con suối ngược đến đầu nguồn, leo lên nơi mà Thầy Trừ Tà gọi là “hẻm núi”, một khe rãnh giữa vùng đồng hoang, một thung lũng vừa hẹp vừa sâu với hai bên bờ là những sườn dốc đứng nhô thẳng. Thoạt tiên hai sườn dốc này toàn là sỏi

vụn, nhưng những viên đá rời rạc ấy chẳng bao lâu sau đã bị cỏ hoang cùng các phiến đá tường gai góc lấn át, và những vách đá hai bên hẻm núi dường như mỗi lúc một thu hẹp lại.

Sau khoảng hai mươi phút thì hẻm núi uốn quanh sang trái, và bỗng nhiên ngôi nhà của Thầy Trừ Tà hiện ra sừng sững ngay trước mặt, được xây cất tựa lưng vào vách đá bên tay phải chúng tôi. Lúc nào bố tôi cũng bảo ấn tượng đầu tiên của ta về một điều gì đó hầu như luôn chính xác, thế cho nên tinh thần tôi suy sụp hoàn toàn. Lúc này là xế chiều và ánh nắng đã không còn soi rõ nữa, vậy nên ánh sáng còn lại chẳng giúp ích được gì. Căn nhà này lớn và uy nghi hơn nhà ở Chipenden, nhưng lại được xây bằng loại đá tối màu hơn nhiều, khiến cho toàn ngôi nhà toát lên vẻ hung ác hiển hiện. Thêm vào đó các cửa sổ lại bé xiu, cộng với việc ngôi nhà xây trong hẻm núi, chắc chắn rồi các căn phòng bên trong sẽ rất tối tăm. Đây là một trong những ngôi nhà kém hiếu khách nhất mà tôi từng thấy.

Mà không, điều tồi tệ nhất, là ngôi nhà này chẳng hề có vườn. Như tôi đã mô tả, căn nhà được xây ngay trên vách đá cheo leo lởm chởm phía sau; còn phía trước, chỉ bước độ năm hay sáu sải chân thôi là đã đến mép suối, con suối tuy không rộng lắm nhưng trông lại rất sâu và lạnh. Đi thêm chừng ba mươi sải nữa, bước lạo xạo qua lớp sỏi dưới chân, bạn sẽ vấp vào vách đá đối diện ngay. Đây là nếu như bạn khéo léo bước băng qua những bậc đá trơn trượt mà không bị rơi tòm xuống nước.

Chả có làn khói nào bay lên từ ống khói, điều này cho thấy sẽ chẳng có lò sưởi nào được nhóm lên chào đón chúng tôi cả. Lúc ở Chipenden ấy à, ông kẹ nuôi trong nhà Thầy Trừ Tà luôn luôn biết khi nào chúng tôi quay về, và nó không chỉ sưởi ấm sẵn cho ngôi nhà thôi đâu, mà còn có một bữa ăn nóng sốt dọn ra chờ đón trên bàn bếp nữa.

Cao xa trên kia, hai vách hẻm núi gần như giao vào nhau và chỉ để lộ ra một dải mây trời hèm hẹp. Tôi rung mình vì bên dưới hẻm núi này không khí thậm chí còn lạnh hơn trên những sườn hạ đầy đá của vùng đồng hoang, và tôi nhận ra rằng kể cả vào mùa hè thì mỗi ngày mặt trời cũng chỉ lộ mặt ra đâu chừng một giờ đồng hồ mà thôi. Điều này làm tôi thấy quý trọng

những gì mình có ở Chipenden, nào là rừng cây, đồng ruộng, nào là những rặng đồi đá cao cao cùng bầu trời bao la trên đầu. Ở đây, chúng tôi thoải mái đưa mắt nhìn bao quát xuống toàn cảnh bên dưới; còn tại đây, chúng tôi lại bị mắc kẹt trong một chiếc hố vừa dài, vừa sâu, lại hẹp.

Tôi thấp thỏm liếc nhìn lên mép hẻm núi tối đen vươn chạm đến bầu trời. Bất cứ ai hay bất cứ thứ gì đều có thể đứng trên đây chỗ mắt nhìn xuống chúng tôi mà chúng tôi không hề hay biết.

“Rồi đây anh bạn, chúng ta đến nơi rồi. Đây là ngôi nhà mùa đông của ta. Chúng ta có nhiều việc phải làm lắm đấy: dù mệt hay không, chúng ta vẫn phải bắt tay vào thôi!”

Thay vì bước thẳng đến cửa trước, Thầy Trừ Tà lại dẫn đường đi vòng ra khoảng sân nhỏ lát đá phía sau nhà. Từ cửa sau này bước tới ba bước sẽ dẫn chúng tôi đến ngay vách đá đối diện, nơi đang nhỏ nước long tong và mắc đầy băng nhũ, giống như hàm răng của con rồng trong câu chuyện khoác lác/ hoang đường mà một trong những ông bác thường hay kể cho tôi nghe.

Tất nhiên, nếu là trong một cái mồm nóng rực như trong truyện ấy thì những “chiếc răng” kia sẽ bốc hơi ngay lập tức; nhưng tại nơi lạnh lẽo phía sau ngôi nhà này thì chúng sẽ tồn tại gần như cả năm, và một khi trời đổ tuyết, sẽ chẳng có cách nào dẹp hết chúng cho mãi đến nửa mùa xuân sau.

“Ở đây chúng ta luôn sử dụng cửa sau nhé anh bạn,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa lấy từ trong túi ra chiếc chìa khóa mà ông anh Andrew của thầy, bác thợ khóa ấy, đã làm cho. Chiếc chìa này mở được bất cứ cánh cửa nào miễn là ổ khóa không quá phức tạp. Tôi cũng có một chìa tương tự và nó hữu dụng không chỉ có một lần.

Chiếc chìa mắc cứng trong ổ khóa và cánh cửa dường như không chịu mở. Khi đã vào trong nhà rồi, tôi thấy thật chán vì căn phòng tối hết sức, nhưng Thầy Trừ Tà đã đặt thanh trượng tựa vào tường, lấy từ trong túi đeo ra một cây nến mà châm lên.

“Đặt mấy chiếc túi lại đằng đó,” thầy chỉ tay vào chiếc kệ thấp cạnh cửa sau.

Tôi làm theo rồi đặt thanh trượng của mình cạnh trượng của thầy nơi góc phòng trước khi theo bước thầy đi vào sâu trong nhà.

Mẹ tôi hẳn sẽ choáng váng với tình trạng của căn bếp. Đến lúc này, tôi khá quả quyết là không có ông kẹ nào chăm nom làm việc ở đây. Rõ ràng là đã chẳng có ai coi sóc nơi này kể từ khi Thầy Trừ Tà rời khỏi đây vào cuối mùa đông năm trước. Bụi bám khắp mọi bề mặt, mạng nhện giăng đầy từ trần nhà rũ xuống. Nồi niêu chưa rửa chất thành đống cao trong bồn rửa chén và trên bàn còn có nửa ổ bánh mì xanh lè những mốc. Lại có thêm một thứ mùi khó chịu nồng nồng thoang thoảng, như thể có thứ gì đó đang nằm mục ruỗng từ từ trong góc nhà tối om. Cạnh lò sưởi là chiếc ghế đu giống như ghế của mẹ tôi ở nông trại. Quàng qua lưng ghế là một chiếc khăn sam màu nâu trông như thể cần phải được giặt giũ tận tình vào. Tôi thắc mắc chẳng biết khăn này là của ai.

“Nào anh bạn,” Thầy Trừ Tà lên tiếng, “ta nên bắt tay vào việc thôi. Trước hết là phải sưởi ấm căn nhà. Xong việc đó rồi thì chúng ta sẽ bắt đầu lau dọn.”

Bên hông ngôi nhà là chiếc lán gỗ lớn chứa đầy than. Tôi chẳng muốn nghĩ đến việc làm thế nào đem được từng ấy than lên hẻm núi. Ở Chipenden, hàng tuần tôi được phái đi thu gom nhu yếu phẩm nên tôi chỉ hy vọng rằng việc đi gom từng giỏ than sẽ không phải là một trong những việc mình phải làm ở đây.

Có hai thùng đựng than thật lớn, thầy trò tôi chất đầy than vào đấy và đem chúng trở vào bếp.

“Biết cách nhóm than cháy thật ngon lành chứ?” Thầy Trừ Tà hỏi.

Tôi gật đầu. Vào mùa đông, hồi còn ở trong nông trại, nhiệm vụ đầu tiên của tôi vào mỗi sớm là nhóm lửa trong bếp.

“Thế thì được rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Con sẽ nhóm lửa lò này, còn ta sẽ lo cho lò trong phòng khách. Có đến mười ba lò sưởi trong căn nhà cũ kỹ này, nhưng bây giờ chỉ cần nhóm sáu lò là đủ bắt đầu làm mọi thứ ấm lên rồi.”

Sau khoảng một giờ đồng hồ, thầy trò chúng tôi đã nhóm xong xuôi sáu lò sưởi: một trong nhà bếp, một trong phòng khách, một trong nơi mà Thầy Trừ Tà gọi là “phòng làm việc” nằm ngay tầng trệt, và từng lò sưởi một trong ba phòng ngủ trên tầng một. Còn có bảy phòng ngủ khác nữa, bao gồm cả căn trên rầm thượng, nhưng chúng tôi không cần bận tâm đến mấy căn phòng đó.

“Được rồi anh bạn, khởi đầu vậy là tốt rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Giờ chúng ta phải đi lấy nước về.”

Mỗi người xách một chiếc vại thật to, thầy trò tôi lại theo đường cửa sau vòng ra trước nhà, từ đây Thầy Trừ Tà dẫn đường đi ra suối. Con suối này sâu như thoát trông là thế, nên việc múc đầy nước vào hai chiếc vại thật dễ dàng; nước suối thật sạch, thật lạnh và thật trong đến nỗi có thể nhìn thấy những tảng đá dưới đáy. Đây là một con suối tĩnh lặng, chẳng tạo ra âm thanh nào khác hơn ngoài tiếng khe khẽ rì rầm khi chảy xuống hẻm núi.

Nhưng ngay khi vừa múc đầy nước vào vại của mình, tôi cảm nhận được một cử động ở đâu đó phía trên xa kia. Thật sự thì tôi không nhìn ra được gì; nói đúng hơn đây chỉ là cảm giác bị quan sát, và khi tôi ngược nhìn lên nơi vách đá tạo thành một mép đen tối trên nền trời xám xịt, trên đây chẳng có gì cả.

“Này anh bạn, đừng nhìn lên chứ,” Thầy Trừ Tà gắt, giọng thầy thoáng chút bức bối. “Đừng để cho hăn hả hê. Cứ vờ như là con không để ý đến đi.”

“Hăn là ai thế ạ?” tôi hỏi, bụng rất lo lắng khi tôi theo chân Thầy Trừ Tà trở vào nhà.

“Khó nói lắm. Ta không nhìn lên nên không chắc chắn được,” Thầy Trừ Tà đáp, thỉnh thoảng thầy dừng phắt lại và đặt vại nước xuống. Đoạn thầy nhanh chóng đổi đề tài. “Con nghĩ sao về ngôi nhà này nào?” thầy hỏi.

Bố tôi đã dạy là phải nói thật bất cứ khi nào có thể, và tôi biết Thầy Trừ Tà không phải là người dễ dàng bị tổn thương. “Con thà sống trên đỉnh đồi còn hơn là sống như con kiến trong khe nứt sâu giữa mấy phiến đá lát đường

ạ,” tôi thưa với thầy. “Cho đến nay, con vẫn thích ngôi nhà của thầy ở Chipenden hơn.”

“Ta cũng vậy, anh bạn à,” Thầy Trừ Tà đáp. “Ta cũng vậy thôi. Chúng ta bất đắc dĩ mới phải đến đây. Tại đây chúng ta đang sống trong áp lực và nguy hiểm, ngay giáp ranh với thế lực bóng tối, và sống qua mùa đông tại nơi này thật tồi tệ biết bao. Trên vùng đồng hoang kia có nhiều thứ thật không nên nghĩ đến, nhưng nếu chúng ta không đối mặt với chúng, vậy thì còn ai có thể cơ chứ?”

“Những thứ như là gì vậy ạ?” tôi hỏi, chợt nhớ ra rằng mẹ từng bảo tôi phải quan tâm chú ý đến những gì Thầy Trừ Tà nói.

“Ồ, ông kẹ này, phù thủy này, hăng hà sa số hồn ma lẫn văn hồn này, rồi thêm những thứ khác còn kinh khủng hơn nữa...”

“Như là Golgoth phải không ạ?” tôi gợi ý.

“Phải rồi, Golgoth. Rõ là mẹ con đã kể cho con nghe hết về kẻ ấy. Ta nói đúng không nào?”

“Mẹ nhắc đến kẻ ấy khi con báo là chúng ta sẽ đi đến Anglezarke, nhưng mẹ không nói gì nhiều đâu ạ. Chỉ bảo là đôi khi vào mùa đông thì hẳn ta có quấy quá đôi chút.”

“Quả có thể thật, anh bạn à, nhưng ta sẽ thêm phần kiến thức về hẳn cho con vào thời điểm thích hợp hơn nhé. Giờ thì nhìn kia,” thầy bảo, đồng thời chỉ tay lên cụm ống khói to tướng có ngọn khói nâu cuộn cuộn phả lên không trung từ hai hàng ống hình trụ. Thầy xĩa ngón trỏ về hướng cột khói. “Chúng ta đến đây để giương cao ngọn cờ đấy anh bạn.”

Tôi đưa mắt tìm lá cờ. Tôi chẳng thấy gì ngoài khói và khói.

“Ý ta là, chỉ với việc có mặt ở đây thôi, chúng ta sẽ tuyên bố rằng vùng đất này thuộc về chúng ta chứ không phải là thế lực bóng tối,” Thầy Trừ Tà giảng giải. “Đối đầu với thế lực bóng tối, nhất là ngay tại Anglezarke này, là một việc rất gian nan, nhưng đấy là nghĩa vụ của chúng ta và việc ấy rất đáng để xả thân. Nhưng thôi,” thầy vừa nói vừa cầm vại nước của mình lên, “ta vào trong nhà bắt đầu lau dọn thôi nào.”

Quả thật, hai giờ đồng hồ tiếp sau đấy, tôi phải quay cuồng với nào là cọ rửa, quét tước, nào là đánh bóng rồi lại đi ra ngoài nhà đập giũ từng đám từng đám bụi ra khỏi mấy tấm thảm. Cuối cùng, sau khi đã rửa sạch và lau khô đồng đĩa bẩn, Thầy Trừ Tà bảo tôi đi soạn giường cho ba phòng ngủ trên tầng một.

“Những *ba* giường cơ ạ?” tôi hỏi lại, bản khoản không rõ liệu mình có nghe lầm chẳng.

“Phải rồi, *ba* giường đấy, mà làm xong thì con cũng nên đi tắm rửa cho sạch sẽ vào! Đi đi nào! Đừng có đứng trố mắt ra như thế. Chúng ta chẳng có nhiều thời gian đâu.”

Thế là, nhún vai chấp nhận, tôi làm theo những gì được bảo. Đóng chặn màn ẩm ướt nhưng tôi đã kéo tuột mấy tấm trải xuống để lửa lò sưởi hong khô chúng. Xong xuôi, mệt bã cả người vì đã bỏ bao công sức, tôi bước xuống lầu. Khi đi qua cầu thang dẫn xuống tầng hầm, tôi nghe thấy một âm thanh khiến cho tóc gáy mình dựng hết cả lên.

Từ dưới kia, tôi nghe được tiếng giống như tiếng thở dài run rẩy, gần như tức tốc ngay sau đấy là tiếng khóc ỉ ôi. Tôi đứng ngay đầu những bậc thang mấp mé dẫn xuống vùng tối tăm mà chờ đợi, dỏng tai lên cẩn thận lắng nghe, nhưng tiếng động ấy không lặp lại. Có phải tôi vừa tưởng tượng ra chẳng?

Vào phòng bếp, tôi thấy Thầy Trừ Tà đang rửa tay trong bồn rửa.

“Con nghe có tiếng khóc than từ dưới tầng hầm,” tôi mách với thầy. “Là ma phải không ạ?”

“Không phải đâu anh bạn, lúc này trong nhà chẳng có con ma nào đâu – ta đã giải quyết hết bọn chúng từ đời nào đời nào rồi. Không đâu, chắc là Meg đấy. Rõ là bà ấy vừa mới thức giấc.”

Tôi chả chắc mình có nghe lầm không nữa. Tôi từng được bảo là sẽ gặp Meg và tôi biết mẹ là một phù thủy nữ yêu đang sinh sống đâu đó trên đồng hoang Anglezarke. Tôi từng nửa như cũng mong là mình sẽ tìm thấy mẹ ta sống trong nhà của Thầy Trừ Tà. Nhưng khi nhìn thấy ngôi nhà bị bỏ hoang

lạnh lẽo thì viễn cảnh ấy đã bị cuốn phăng khỏi đầu tôi rồi. Tại sao mù lại đang ngủ dưới tầng hầm lạnh đến cắt da cắt thịt kia được chứ? Tôi tò mò lắm, nhưng cũng biết là không nên hỏi những câu không đúng thời điểm.

Đôi khi Thầy Trừ Tà có tâm trạng muốn trả lời, thế là thầy sẽ bảo tôi ngồi xuống lấy tập ra và chấm bút đầy mực, chuẩn bị sẵn sàng ghi ghi chép chép. Có những lúc khác thầy chỉ muốn làm tiếp những việc đang dở tay, và lúc này đây tôi có thể thấy vẻ cương quyết ánh lên trong đôi mắt xanh lục của thầy, vậy nên tôi chỉ im lặng trong lúc thầy thấp nển lên.

Tôi đi theo thầy xuống mấy bậc thang bằng đá dẫn xuống tầng hầm. Nói đúng ra, không hẳn là tôi sợ bởi vì thầy tôi biết mình đang làm gì, nhưng chắc chắn là tôi có bồn chồn. Trước nay tôi chưa từng gặp một phù thủy nữ yêu nào, và cho dù đã đọc đôi chút về bọn họ, tôi vẫn không biết mình nên trông chờ gặp được gì nữa. Và làm sao mù có thể sống qua bao mùa xuân, mùa hạ, mùa thu dưới cái nơi tối tăm lạnh lẽo ấy chứ? Bấy lâu nay mù ta ăn gì? Máy con ốc con sên, côn trùng sâu bọ như những mù phù thủy khác mà Thầy Trừ Tà từng nhốt xuống hố chẳng?

Khi những bậc thang quanh qua góc quanh đầu tiên, một cánh cổng lưới sắt đan xen hình mắt cáo chắn ngang lối đi. Đằng sau cổng, những bậc cấp đột nhiên rộng rãi hẳn ra, dễ đến bốn người có thể đi sóng bước bên nhau. Tôi chưa bao giờ trông thấy những bậc cấp dẫn xuống tầng hầm nào lại rộng như vậy. Phía sau cánh cổng không xa lắm, tôi nhìn thấy một cửa âm tường, trong bụng liền thắc mắc sau cửa ấy là gì nhỉ. Thầy Trừ Tà lấy một chiếc chìa ra khỏi túi, tra vào ổ khóa. Không phải chiếc chìa thầy thường dùng.

“Đây là một ổ khóa phức tạp phải không ạ?” tôi hỏi.

“Nó đấy anh bạn,” thầy đáp. “Phức tạp hơn hết thảy. Nếu có khi nào con cần đến thì ta thường cất nó trên đầu kệ sách trong phòng làm việc, chỗ gần cửa nhất.”

Khi thầy mở cổng ra, cách cổng gây nên tiếng loảng xoảng lớn đến độ âm thanh ấy dường như vọng xuyên qua lớp đá trên trần lẫn dưới sàn, làm cho toàn căn nhà rung động như một chiếc chuông to vật.

“Cổng sắt sẽ ngăn hầu hết bọn chúng đi qua chỗ này, nhưng kể cả khi bọn chúng không qua được, từ trên tầng trên chúng ta cũng sẽ nghe thấy. Cánh cổng này hữu ích hơn cả một con chó canh cửa ấy chứ.”

“Đa số bọn nào thế ạ? Mà tại sao mấy bậc cấp lại rộng vậy thầy?” tôi hỏi.

“Làm việc trước đã,” Thầy Trừ Tà gắt. “Hỏi han giải đáp có thể để sau. Trước hết chúng ta cần phải vào thăm Meg đã.”

Khi thầy trò chúng tôi tiếp tục bước xuống mấy bậc cấp, tôi bắt đầu nghe thấy những âm thanh văng vẳng vọng lên. Có tiếng càu nhàu rồi âm thanh gì đấy nghe như tiếng cào cào khe khẽ, mấy thứ ấy càng làm tôi thấy lo lắng tột. Chẳng mất bao lâu tôi đã nhận ra rằng phía dưới này hẳn cũng phải rộng ít nhất là bằng căn nhà bên trên: cứ mỗi lúc các bậc cấp quanh qua một khúc quanh lại có một cánh cửa gỗ âm vào tường, và sau lần quanh thứ ba là đến chân cầu thang với ba cánh cửa.

Thầy Trừ Tà dừng ngay trước cánh cửa chính giữa, đoạn quay sang tôi. “Con chờ tại đây,” thầy bảo. “Lúc nào mới thức dậy Meg cũng hơi bồn chồn một chút. Ta phải cho bà ấy thời gian làm quen với con.”

Dứt lời, thầy đưa cây nến cho tôi, tra khóa vào ổ rồi bước vào trong vùng bóng tối, đồng thời đóng cửa lại.

Tôi bị bỏ lại bên ngoài trong khoảng mười phút, và chẳng ngại nói cho bạn biết nhé, đứng chờ ở mấy bậc thang ấy thật rợn cả người. Vì một lẽ, càng đi xuống sâu hơn mấy bậc cấp, dường như không khí càng thêm lạnh. Vì một lẽ khác nữa, tôi có thể nghe thấy những âm thanh ghê ghê từ bên dưới vọng lên, gần ngay khúc quanh tiếp theo mà mắt thường không nhìn tới. Đa phần đấy là tiếng thều thào văng vẳng, nhưng có một lần tôi nghĩ mình nghe được một tiếng rên xa xa, như thể có ai đó đang trải qua một thời gian đau đớn vậy.

Rồi còn có những tiếng động nghiền nghệt từ trong căn phòng mà Thầy Trừ Tà vừa bước vào nữa chứ. Hình như thầy tôi đang nói chuyện rất khẽ nhưng cũng rất cương quyết, có lúc tôi còn nghe thấy một phụ nữ đang

khóc. Nhưng cũng không kéo dài lâu lắm và lại thêm nhiều tiếng thì thào, như thể hai người họ chẳng ai muốn cho tôi nghe được họ đang nói gì.

Rốt cuộc cánh cửa cũng kẹt mở. Thầy Trừ Tà xuất hiện và thêm một người nữa theo thầy bước ra chân cầu thang.

“Đây là Meg,” thầy tôi giới thiệu, đoạn bước sang một bên để tôi nhìn rõ bà ta. “Con sẽ thích bà ấy thôi, anh bạn nhỏ à. Bà ấy hầu như là đầu bếp giỏi nhất Hạt này đấy.”

Trong lúc ngó nghiêng tôi từ đầu đến chân, Meg trông có vẻ hoang mang. Tôi nhìn chăm chăm vào bà ta vì ngạc nhiên quá đỗi. Bạn biết đấy, Meg là người phụ nữ xinh đẹp nhất mà tôi từng gặp, và bà còn mang cả giày mũi nhọn. Khi tôi mới lần đầu đến Chipenden, trong bài giảng đầu tiên, Thầy Trừ Tà đã cảnh báo tôi về những mối hiểm nguy của việc trò chuyện với đám con gái mang giày mũi nhọn. Thầy từng bảo tôi rằng, không cần biết đám con gái ấy có nhận thức được hay không, nhưng vài con bé trong số ấy sẽ là phù thủy.

Tôi chẳng mảy may lưu tâm đến lời cảnh báo của thầy và cứ thế nói chuyện với Alice, người đã lôi kéo tôi vào đủ kiểu rắc rối trước khi dần dà rồi cũng giúp tôi thoát khỏi những rắc rối ấy. Nhưng đây là thầy tôi, và thầy đang bỏ qua lời khuyên của chính mình! Chỉ khác rằng Meg không phải là một cô bé con; bà ta là một người phụ nữ, mọi đường nét trên mặt bà ta hoàn hảo đến nỗi ta sẽ chẳng thể nào mà không trân trối ngắm nhìn: đôi mắt, gò má cao cao lẫn làn da của bà.

Tuy nhiên, mái tóc của bà lại là thứ phản chủ. Màu tóc bạc trắng, là sắc màu ta thường mong thấy ở một người lớn tuổi hơn nhiều. Bà Meg không cao hơn tôi là mấy và chỉ đứng ngang vai Thầy Trừ Tà. Nếu quan sát kỹ hơn, bạn sẽ nhận ra là bà đã ngủ hàng tháng trời trong không khí ẩm lạnh: tóc bà còn vương vài mẩu mạng nhện và trên tấm áo sắc tím đã ngả màu lốm đốm vài mảng mốc meo.

Có vài loại phù thủy khác nhau và các tập vở của tôi dày kín những bài học mà Thầy Trừ Tà từng giảng giải. Nhưng tôi đã khám phá ra những điều

cần biết về phù thủy nữ yêu bằng cách vụng trộm xem qua những cuốn sách trong thư viện của Thầy Trừ Tà, việc tôi được cho là đừng nên học thì hơn.

Loài phù thủy nữ yêu từ ngoại quốc đến đây, và tại quê hương, họ sống bằng máu người. Hình thái tự nhiên của họ được biết đến là “hoang dã”, trong thể trạng ấy bọn họ không chút gì giống con người, và toàn thân chúng phủ đầy vảy, ngón tay là những vuốt dày. Nhưng họ là loại biến hình từ từ, và nếu càng tiếp xúc nhiều với con người chừng nào thì vẻ bề ngoài của họ càng giống người chừng ấy. Sau một thời gian bọn họ sẽ biến thành thứ được biết đến như là “nữ yêu thuần dưỡng”, họ giống phụ nữ bình thường, chỉ có điều còn mang một đường vảy màu vàng và xanh lục dọc theo sống lưng. Có một số thậm chí còn trở nên lành chứ chẳng phải độc nữa. Vậy Meg đã trở thành loại lành chẳng? Phải chăng đấy lại thêm một lý do vì sao Thầy Trừ Tà không xử lý bà ta, quảng bà ta xuống hố như đã làm với Lizzie Xương Xấu ấy?

“Meg này,” Thầy Trừ Tà lên tiếng, “đây là Tom, cậu học việc của ta. thằng bé ngoan lắm nên hai người sẽ hợp tính nhau ngay thôi.”

Meg chìa một tay về phía tôi. Tôi tưởng bà ta muốn bắt tay tôi, nhưng ngay trước khi mấy ngón tay chúng tôi chạm vào nhau, bà ta lại đột nhiên buông thông tay xuống như thể vừa bị thiêu phỏng, và vẻ lo lắng hiện lên trong mắt bà.

“Billy đâu rồi?” Meg hỏi, giọng bà êm ái mượt mà nhưng có thoáng đượm vẻ hoang mang. “Ta thích Billy.”

Tôi biết Meg đang nói đến Billy Bradley, cậu học việc của Thầy Trừ Tà trước tôi mà nay đã mất.

“Billy mất rồi, Meg à,” Thầy Trừ Tà dịu dàng giải thích. “Ta đã kể cho bà nghe rồi còn gì. Đừng lo nghĩ đến chuyện ấy nữa. Cuộc sống vẫn tiếp diễn. Bây giờ bà phải làm quen với Tom thôi.”

“Nhưng đấy lại thêm một cái tên *khác* cần phải nhớ,” Meg buồn bã than phiền. “Có đáng phải mất công thể không khi chẳng cậu nào trụ được lâu?”

Meg không bắt tay ngay vào chuẩn bị bữa tối cho chúng tôi.

Tôi được sai đi lấy thêm nước từ suối vào, và tôi phải đi tới đi lui cả tá lần thì Meg mới hài lòng. Thế rồi, sử dụng cả hai lò sưởi, bà ta bắt đầu đun nước lên, nhưng tôi thật thất vọng khi nhận ra nước được đun không phải vì mục đích nấu nướng.

Tôi phụ Thầy Trừ Tà lôi một bồn tắm kim loại to tướng vào trong phòng bếp rồi đổ đầy nước nóng vào. Đây là dành cho Meg.

“Chúng ta sẽ lui sang phòng khách,” Thầy Trừ Tà bảo, “để Meg có chút riêng tư. Bà ấy đã nằm dưới hầm kia hằng mấy tháng trời nên muốn tắm tấp.”

Tôi cầu nhàu cầu nhàu trong lòng rằng, nếu thầy tôi không khóa chốt bà ta xuống đấy thì Meg đã có thể giữ cho nhà cửa sạch sẽ gọn gàng chờ thầy quay về vào mùa đông rồi. Và, tất nhiên, điều này dẫn đến một câu hỏi khác – tại sao Thầy Trừ Tà lại không mang Meg cùng đi đến ngôi nhà mùa hè của thầy ở Chipenden?

“Đây là phòng khách,” thầy tôi vừa nói vừa mở cửa ra mời tôi bước vào. “Nơi thầy trò ta đàm đạo. Nơi chúng ta gặp gỡ những ai cần giúp đỡ.”

Nhà có phòng khách là một truyền thống lâu đời của Hạt. Đấy phải là căn phòng tốt nhất, hào nhoáng nhất mà bạn có, và căn phòng ấy hiếm khi dùng đến bởi vì nó phải luôn được giữ gọn gàng sạch đẹp để tiếp khách. Ở Chipenden, Thầy Trừ Tà không có phòng khách vì thầy muốn người ta tránh xa ngôi nhà. Đấy là lý do vì sao người ta phải đi đến ngã tư đường dưới gốc những cây liễu gai để gióng chuông và chờ đợi. Đường như ở đây các luật lệ sẽ phải khác hẳn.

Ở nông trại gia đình chúng tôi cũng chẳng buồn có phòng khách, bởi bảy anh em trai đã đủ là một gia đình đông đúc, và khi tất cả còn chung sống trong nhà, chúng tôi cần huy động hết các phòng để ở. Vả lại, mẹ tôi, người không sinh ra trong Hạt này, nghĩ rằng giữ một phòng làm phòng khách thì ngu ngốc quá.

“Căn phòng tốt nhất mà lại chẳng khi nào được dùng thì có ích gì chứ?” mẹ tôi luôn bảo. “Chúng ta thường sống như thế nào cứ để người ta cảm

nhận như thế ấy.”

Phòng khách của Thầy Trừ Tà thật sự không hào nhoáng gì lắm, tuy nhiên, chiếc trường kỷ cũ mềm cũng êm ái hết như vẻ ngoài của hai chiếc ghế bành, căn phòng lại được đốt sưởi ấm áp, nên vừa ngồi xuống thì tôi bắt đầu thấy buồn ngủ. Hôm nay là một ngày thật dài và thầy trò tôi đã cuộc bộ không biết hàng bao nhiêu dặm rồi.

Tôi cố nén ngoác mồm ra ngáp nhưng cũng không thể qua mặt Thầy Trừ Tà. “Ta định giảng thêm cho con một bài học về tiếng La Tinh nhưng để học được đầu óc con phải minh mẫn,” thầy bảo. “Ngay sau bữa tối con nên đi ngủ đi thì hơn, nhưng phải thức dậy thật sớm để ôn lại mấy bài học về động từ đấy nhé.”

Tôi gật đầu.

“Thêm một việc nữa thôi,” thầy tôi vừa nói vừa mở tủ chén đặt cạnh lò sưởi. Thầy lấy ra một lọ thủy tinh màu nâu to tướng rồi giơ lên cao cho tôi nhìn rõ. “Biết đây là gì không?” thầy hỏi, hàng chân mày nhướn hăn lên.

Tôi nhún vai, đoạn tôi trông thấy nhãn chai nên đọc to lên cho thầy nghe. “Trà thảo dược ạ,” tôi đáp.

“Đừng bao giờ tin tưởng nhãn mác trên chai lọ cả,” Thầy Trừ Tà bảo. “Ta muốn việc đầu tiên con làm vào mỗi buổi sáng là rót nửa lỏng tay thứ chất này vào tách trà, đổ đầy nước nóng vào tách, khuấy tan rồi đưa Meg uống. Kế đó ta muốn con phải đứng quanh quần chờ ở đấy cho đến khi bà ấy uống hết đến giọt cuối cùng. Sẽ mất chút thời gian vì bà ấy thích nhấm nháp trà lắm. Đây sẽ là nhiệm vụ quan trọng nhất trong ngày của con. Hãy luôn bảo với Meg rằng đây là tách trà bà ấy thường uống để giúp các đốt khớp dẻo dai và xương cốt cứng cáp. Nói thế sẽ làm bà ấy vui lòng.”

“Đấy là thứ gì vậy ạ?” tôi hỏi.

Trong một hồi Thầy Trừ Tà chẳng hé miệng đáp lời.

“Con cũng biết đấy, Meg là một phù thủy nữ yêu,” rốt cuộc thầy cũng lên tiếng, “nhưng loại thức uống này khiến bà ấy quên đi mình là ai. Việc nhớ ra mình *thật sự* là ai là chuyện nguy hiểm và khó chịu với bất cứ người nào,

nên ta mong điều này không bao giờ xảy đến với con cả, anh bạn à. Nếu Meg nhớ ra bà ấy là ai và năng lực của mình thì đây là một điều đặc biệt nguy hiểm cho tất cả chúng ta.”

“Vậy đây có phải là lý do thầy nhốt bà ấy xuống hầm và giữ bà ấy tránh xa Chipenden không thầy?”

“Phải rồi, an toàn là trên hết mà. Với lại ta không thể để người dân biết là bà ấy đang ở đây. Sẽ chẳng ai thông cảm đâu. Vài người sống trong mấy vùng quanh đây vẫn còn nhớ bà ấy làm được những gì – dù chính Meg lại không nhớ.”

“Nhưng làm sao bà ấy sống sót qua mùa hè mà không cần chút thức ăn nào vậy ạ?”

“Trong thế trạng hoang dã, các phù thủy nữ yêu đôi khi có thể tồn tại hàng năm trời mà không cần ăn, ngoại trừ vài món côn trùng, dòi bọ hoặc thằn lằn hoặc một hai con chuột cống nào đấy. Kể cả khi là loại thuần như Meg đây, có bị đói hàng tháng trời cũng không hề hấn gì. Với lại ngoài việc làm cho bà ấy ngủ mê đi, một liều lớn loại thảo dược ấy còn có thêm rất nhiều chất bổ, cho nên Meg có thể sống qua ngày mà không bị phương hại gì.

“Mà thôi, anh bạn này, ta chắc chắn là con sẽ thích bà ấy. Meg là một đầu bếp rất cừ, con sẽ chóng phát hiện ra thôi,” Thầy Trừ Tà bảo, “và bà ấy cũng là người rất trật tự ngăn nắp nữa. Bà ấy luôn giữ nồi niêu xoong chảo sạch sẽ sáng loáng như mới và cất chúng vào chạn theo đúng trật tự mà bà ấy muốn. Cả bộ dao nĩa của bà ấy cũng thế. Luôn luôn được sắp ngăn nắp vào ngăn hộc, dao bên trái, nĩa bên phải.”

Tôi thắc mắc không biết Meg sẽ nghĩ sao về đồng bừa bộn mà thầy trò tôi vừa nhìn thấy. Có lẽ đây là lý do vì sao Thầy Trừ Tà đã tắt bật lo lắng sao cho mọi thứ được lau dọn thật sạch sẽ ngăn nắp.

“Được rồi, anh bạn, chúng ta trò chuyện đủ rồi. Ta đi xem Meg ra sao nào...”

Sau khi tắm rửa, khuôn mặt của Meg đã được chùi sạch, màu da hồng hào khỏe mạnh khiến bà trông còn trẻ trung và xinh đẹp hơn bao giờ hết, thậm

chí là dù tóc bà có bạc trắng thì bạn hẳn vẫn sẽ nghĩ bà ấy chỉ đáng phân nửa tuổi tác Thầy Trừ Tà. Lúc này bà đang mặc chiếc váy sạch sẽ màu nâu, màu mắt của bà, được cài sau lưng bằng những chiếc cúc trắng. Cũng thật không chắc lắm đâu, nhưng dường như các chiếc cúc ấy trông như làm từ xương! Tôi chẳng muốn nghĩ vậy chút nào. Nếu là xương thật thì xương ấy từ đâu ra nhỉ?

Thật thất vọng là Meg đã không nấu bữa tối. Bà nấu nướng sao được khi trong nhà chẳng có chút thực phẩm nào ngoài nửa ổ bánh mì mốc meo cơ chứ?

Thế nên chúng tôi đành ăn qua loa với miếng pho mát cuối cùng mà Thầy Trừ Tà mang theo cho chuyến đi. Đây là loại pho mát ngon của Hạt, một màu vàng vàng tai tái giòn tan, nhưng chẳng còn lại bao nhiêu để đủ cho ba người no bụng.

Chúng tôi ngồi quanh bàn chậm rãi nhấm nháp món pho mát để bữa ăn còn được kéo dài. Chẳng có ai nói chuyện gì nhiều: tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là bữa điểm tâm hôm sau.

“Ngay khi trời sáng, con sẽ đi thu gom nhu yếu phẩm cho tuần ạ,” tôi đề nghị với Thầy Trừ Tà. “Con nên xuống Adlington hay Blackrod vậy thầy?”

“Con cứ việc tránh xa cả hai nơi ấy ra anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Nhất là Blackrod ấy. Đi lấy nhu yếu phẩm về là một trong những việc khi chúng ta ở đây con không phải làm. Đừng lo lắng nữa. Những gì con cần làm tối nay là ngủ sớm, cho nên giờ con đi nằm đi. Phòng của con là căn phòng phía trước nhà – con đi mà ngủ cho đầy giấc vào. Meg và ta có đôi chuyện cần nói với nhau.”

Tôi làm theo lời thầy và đi thẳng vào phòng ngủ. Phòng này rộng rãi hơn căn phòng tôi được giao ở Chipenden nhiều, tuy nhiên trong phòng cũng chỉ có một chiếc giường, một chiếc ghế và một tủ ngăn kéo rất bé. Nếu như căn phòng này mà nằm sau nhà, tôi sẽ chẳng thể thấy gì ngoài bức vách đá ở sau. May sao phòng nằm ở mặt trước, và khi đẩy khung kính cửa sổ lên, tôi có thể nghe thấy tiếng suối chảy rì rầm vắng vắng xa xa bên dưới cùng với

tiếng gió rền rĩ thổi thông thốc qua nhà. Trời mây đã quang và mặt trăng rằm đang soi tỏ, tỏa sáng bàng bạc xuống dưới hẻm núi, ánh sáng ấy được dòng suối phản chiếu ngược lên. Đêm nay sẽ là một đêm lạnh lẽo, đầy sương giá đây.

Tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn rõ hơn. Mặt trăng đang đậu ngay trên đỉnh vách đá đằng trước, trông to đến bất thường. Hắt lên trên mặt trăng, trong hình thù đen ngòm, tôi trông thấy ai đó đang quỳ gối đối mặt với mỏm đá mà nhìn xuống bên dưới. Trong tích tắc hình thù ấy đã biến mất, nhưng cũng kịp để tôi nhìn ra một người đang mặc áo choàng có mũ trùm!

Tôi nhìn chăm chăm lên mỏm đá một chốc nữa nhưng hình thù ấy không xuất hiện trở lại. Không khí lạnh bắt đầu tràn vào phòng nên tôi phải đóng cửa sổ. Là Morgan chăng? Mà nếu thế thì tại sao hắt rình mò chúng tôi? Liệu có phải lúc này cũng là Morgan quan sát thầy trò chúng tôi đi lấy nước ngoài bờ suối không?

Tôi trút bỏ quần áo và leo vào giường. Tôi mệt bã cả người nhưng vẫn thấy khó ngủ. Ngôi nhà cũ kỹ này răng rắc rên rĩ thật lắm, rồi có lúc lại thêm tiếng động lộp độp dưới chân giường nữa chứ. Chắc chỉ là mấy con chuột dưới ván sàn nhà thôi, nhưng là đứa con trai thứ bảy của người con thứ bảy, hẳn tôi đang nghe thấy những thứ gì đó hoàn toàn khác hẳn.

Mặc cho bao tiếng động nọ, rốt cuộc tôi cũng chìm vào giấc ngủ – để rồi đột nhiên bừng tỉnh giữa đêm khuya. Tôi nằm đấy, bụng thấy không yên, bấn khoăn không rõ vì sao mình đột ngột choàng tỉnh như thế. Trời tối đen như mực và tôi chẳng nhìn thấy gì sất, nhưng tôi vẫn cứ có cảm giác là có gì không ổn. Có một thứ tiếng ồn gì đấy. Chuyện này thì tôi chắc lắm.

Chẳng phải chờ đợi thêm lâu nữa, tôi lại nghe thấy âm thanh ấy. Có hai loại tiếng động khác nhau, bắt đầu từ từ, rồi cứ mỗi giây trôi qua chúng càng trở nên ồn ã hơn. Một là tiếng ầm ừ the the, còn lại là tiếng ùng ục trầm đặc hơn nhiều, như thể có ai đó đang lăn những tảng đá cuội to tướng xuống một sườn núi đầy đá sỏi.

Chỉ có điều việc ấy đang diễn ra đâu đó bên dưới ngôi nhà, và âm thanh lớn đến mức các khung cửa sổ dần khua lạch cạch, thậm chí các bức tường dường như cũng đang rung động rung lắc. Tôi bắt đầu thấy sợ. Nếu sự việc còn diễn tiến xấu hơn thì cả ngôi nhà chắc sẽ sụp mất. Tôi không biết có thể là chuyện gì đây, nhưng một ý nghĩ lóe lên trong đầu tôi. Có phải một cơn động đất đang làm hẻm núi đổ ập xuống ngôi nhà chăng?

NHỮNG GÌ BÊN DƯỚI

Động đất đúng là có xảy ra, nhưng ở trong Hạng này lại rất hiếm. Trong ký ức của bao người còn sống ở đây, trước giờ chẳng có lấy một vụ động đất nghiêm trọng nào. Ấy vậy mà ngôi nhà cứ rung lắc mãi, tôi thực sự thấy lo ngại. Thế là tôi nhanh nhẩu mặc lại quần áo, xỏ ủng vào rồi đi xuống lầu.

Điều đầu tiên tôi chú ý đến cửa xuống hầm đang để mở. Những tiếng động văng vẳng đang từ bên dưới vọng lên, cho nên, vì trong dạ thấy tò mò, tôi bước xuống vài bậc cấp. Dưới đây, tiếng ùng ục nghe càng lớn hơn và tôi còn nghe rõ mồn một một tiếng thét chói tai, giống tiếng thú hơn là tiếng người.

Nhưng ngay sau đấy, tôi nghe thấy các cánh cổng va nhau loảng xoảng rồi tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Một ngọn nến chập chờn trong bóng tối bên dưới và tiếng bước chân tiến tới mỗi lúc một gần. Trong giây lát tôi thấy hãi sợ, phập phồng không biết đấy là ai, nhưng thoát sau tôi đã nhìn ra đó chính là Thầy Trừ Tà.

“Cái gì vậy ạ?” tôi hỏi, bụng thăm nghĩ rằng thầy vừa mới xử lý thứ gì đấy dưới kia.

Thầy Trừ Tà nhìn tôi, gương mặt lộ vẻ hốt hoảng giật mình. “Con làm gì vào đêm hôm khuya khoắt thế này?” thầy gặng hỏi. “Có biến ngay đi không, quay trở về giường ngay nào!”

“Con nghĩ con nghe thấy có ai đó khóc đấy ạ,” tôi bảo thầy. “Với lại thứ gì đang gây nên bao tiếng động ấy thế? Là động đất phải không thầy?”

“Không đâu anh bạn, không phải động đất. Cũng chẳng có chuyện gì mà con phải quần lên đâu! Lúc này đầu óc ta còn bao nhiêu chuyện quan trọng hơn là giải đáp câu hỏi cho con đấy. Mọi thứ sẽ kết thúc trong chốc lát thôi

nên con cứ đi về phòng đi, sáng mai ta sẽ nói hết cho con biết,” thầy tôi vừa đáp vừa xua tôi bước ra khỏi mấy bậc thang rồi khóa cửa lại.

Âm giọng thầy mách cho tôi biết có cái cọ cũng chẳng ích gì, thế nên tôi trở lên lầu, lòng vẫn lo lắng về cái cách ngôi nhà đang tiếp tục rùng rùng rung lắc.

Ừ thì, ngôi nhà đã không sụm xuống, và đúng như lời Thầy Trừ Tà đã hứa, mọi thứ yên tĩnh trở lại. Tôi cố gắng chợp mắt ngủ tiếp nhưng rồi lại thức dậy một giờ trước lúc bình minh và đi xuống bếp. Meg đang ngủ gật trên chiếc ghế đu, tôi không rõ liệu có phải bà ngủ trên ghế ấy suốt đêm hay là đã chui ra khỏi phòng mình khi tiếng ồn kia bắt đầu. Meg không hẳn là đang ngáy, nhưng mỗi khi bà ta thở thì lại phát ra một âm thanh lú lú khe khẽ.

Cẩn thận để không gây ra lắm tiếng ồn đánh thức Meg dậy, tôi cho thêm ít than vào lò sưởi và chẳng bao lâu sau than bùng cháy thành ngọn. Xong xuôi, tôi ngồi xuống chiếc ghế con cạnh lò sưởi và bắt đầu ôn lại bài về mấy động từ La Tinh. Tôi mang theo mình hai cuốn sổ ghi chép: một cuốn ghi lại tất cả những điều mà Thầy Trừ Tà dạy cho tôi về ông kẹ và những công việc trừ tà khác; cuốn thứ hai dành cho các bài học tiếng La Tinh.

Mẹ tôi đã dạy tôi tiếng Hy Lạp, điều này giúp tôi khỏi cần học ngôn ngữ ấy, nhưng tôi vẫn gặp vô vàn khó khăn để học cho thông tiếng La Tinh, đặc biệt là mấy động từ gây cho tôi biết bao phiền toái kia. Rất nhiều sách của Thầy Trừ Tà được viết bằng tiếng La Tinh, nên tôi phải nỗ lực thật chăm để học thứ tiếng này.

Tôi bắt đầu với động từ đầu tiên Thầy Trừ Tà nhồi vào đầu tôi. Thầy đã dạy tôi học động từ tiếng La Tinh theo một loạt hình thái nhất định. Điều này rất quan trọng, bởi phần kết của mỗi từ biến đổi khác nhau tùy theo ý nghĩa điều ta muốn nói. Việc đọc thuộc lòng các động từ thật lớn tiếng cũng rất hữu ích, vì theo như Thầy Trừ Tà giải thích, làm thế sẽ giúp ta ghi nhớ lâu hơn. Không muốn đánh thức bà Meg dậy nên tôi cố giữ giọng mình chỉ là tiếng lầm rầm.

“*Amo, amas, amat,*” tôi đọc lên mà không cần liếc xuống sổ ghi, học thuộc lòng ba từ mang nghĩa “tôi yêu, anh yêu, anh ấy, cô ấy hay nó yêu.”

“Ta đã từng yêu một người nào đó,” giọng nói từ chiếc ghế đu cất lên, “nhưng giờ ta không còn nhớ người ấy là ai nữa.”

Tôi giật mình thất kinh đến nỗi suýt chút nữa đánh rơi cuốn sổ mà ngã lăn ra khỏi ghế. Bà Meg đang nhìn chăm chăm vào ngọn lửa chứ chẳng phải nhìn gì vào tôi, gương mặt lộ vẻ hoang mang đan xen buồn bã.

“Chào buổi sáng, bà Meg,” tôi nói, cố nặn ra nụ cười. “Cháu hy vọng bà đã có một đêm ngon giấc.”

“Cậu thật dễ thương khi hỏi đến ta đấy Billy,” Meg trả lời, “nhưng ta chẳng ngủ được giấc nào ngon cả. Có bao nhiêu thứ âm thanh ồn ào, còn ta suốt đêm cứ cố nhớ ra gì đấy nhưng điều ấy cứ xoay vòng vòng trong đầu ta. Là thứ gì đó rất nhanh và trơn nhẵn mà ta chẳng thể nào tóm lấy. Nhưng ta không dễ dàng đầu hàng đâu, và ta sẽ chỉ ngồi tại đây, cạnh lò sưởi, cho đến khi ta nhớ ra.”

Nghe thế tôi bỗng giật mình cảnh giác. Lỡ Meg nhớ ra bà ta là ai thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bà ta nhận thức mình là một phù thủy nữ yêu! Tôi phải nhanh tay hành động trước khi mọi chuyện quá muộn.

“Đừng lo đến chuyện ấy làm gì bà Meg ạ,” tôi vừa nói vừa đặt cuốn tập xuống và nhảy dựng lên. “Cháu sẽ pha cho bà một ly trà thơm nóng hổi ngay.”

Tôi nhanh nhẩu đổ đầy nước vào ấm đồng và treo ấm lên móc trong lò sưởi, để theo như lời bố tôi bảo, cho ngọn lửa làm nóng đáy ấm. Đoạn tôi cầm một chiếc tách sạch mang vào phòng khách. Tại đây, tôi lấy chiếc lọ thủy tinh nâu từ trong tủ chén ra và rót nửa lóng tay chất thuốc vào trong tách. Xong xuôi, tôi quay trở vào bếp chờ cho ấm nước sôi lên rồi rót gần đầy đến miệng tách và khuấy thật tan như lời Thầy Trừ Tà hướng dẫn.

“Đây này Meg, trà thảo dược của bà đây ạ. Trà này sẽ giúp giữ các đốt khớp dẻo dai và xương cốt cứng cáp.”

“Cảm ơn Billy nhé,” Meg mỉm cười đáp. Bà ta đưa tay đón lấy tách trà, bắt đầu thổi cho nguội, đoạn chậm rãi nhấp từng ngụm, trong khi mắt vẫn nhìn chăm chăm vào ngọn lửa.

“Trà ngon thật đấy,” một lúc sau Meg nói. “Cậu thật là một cậu bé đáng yêu. Đây đúng là thứ ta cần để mớ xương cốt già nua của ta được khởi động vào mỗi buổi sáng...”

Tôi thấy buồn làm sao khi nghe Meg nói vậy. Một phần trong tôi không lấy gì làm vui vẻ về việc mình vừa mới làm. Meg đã gần như thức suốt đêm để cố nhớ cho ra điều gì đó và giờ đây bà ta lại uống thứ sẽ làm trí nhớ của mình kém thêm. Trong khi Meg đang bận rؤون mình tới trước nhấm nháp tách trà, tôi đi đến đằng sau bà ta để nhìn cho kỹ thứ đã khiến tôi suy nghĩ mãi từ đêm hôm trước.

Tôi nhìn chăm chăm vào mười ba chiếc cốc gài chặt váy áo của Meg từ cổ xuống chân váy. Tất nhiên, tuy không thể tuyệt đối chắc chắn nhưng tôi cũng khá đoán chắc rồi.

Mỗi một chiếc cốc được làm từ xương. Meg không phải loại phù thủy sử dụng cốt thuật; bà ta là phù thủy nữ yêu, loại phù thủy không xuất thân từ Hạt này. Nhưng tôi thắc mắc về những chiếc cốc bằng xương ấy. Phải chăng chúng là của những nạn nhân đã bị Meg sát hại trong quá khứ? Rồi dưới hàng cốc ấy, bên trong chiếc váy kia, tôi biết nếu là một phù thủy nữ yêu thuần hóa thì Meg sẽ có một dãy váy vàng và xanh lục chạy dọc theo sống lưng.

Chẳng mấy chốc sau đấy có tiếng gõ cửa ngoài cửa sau. Tôi đi ra mở cửa vì thầy tôi còn đang say ngủ sau một đêm không yên bình.

Một người đàn ông đang đứng ngoài cửa, đầu đội một chiếc mũ da kỳ dị có vành mũ phủ xuống tận hai tai. Tay phải anh ta cầm đèn lồng; tay trái ghì một chú ngựa con bé xúu bị chất lên mình nhiều túi màu nâu đến nỗi bốn chân chú ngựa không bị khuy xuống đã là một điều kỳ diệu rồi.

“Chào anh bạn trẻ, tôi đem các món ông Gregory đặt đến đây,” người đàn ông vừa nói vừa mím miệng cười miễn cưỡng. “Hẳn cậu là người học việc

mới nhĩ. Cậu kia dễ thương lắm, cậu Billy ấy, tôi lấy làm tiếc khi được nghe những gì đã xảy ra.”

“Tên em là Tom,” tôi tự giới thiệu.

“Được thôi, Tom, cậu khỏe chứ? Tên tôi là Shanks. Cậu làm ơn nói cho thầy mình biết là tôi đã đem thêm nhu yếu phẩm lên đây và cứ mỗi tuần tôi sẽ mang lên gấp đôi cho đến khi thời tiết trở nên khắc nghiệt nhé. Trông mùa đông năm nay có vẻ kinh khủng lắm đấy, khi tuyết rơi xuống thì còn lâu tôi mới lên trên này được.”

Tôi gật đầu với Shanks, mỉm cười, đoạn nhìn lên. Trời vẫn còn tối, nhưng cũng đang bắt đầu rạng lên và khe nứt trên trời kia gần như phủ đầy mây xám từ phía tây bạt đến. Ngay khi ấy, Meg ra đứng cùng tôi ngoài lối cửa. Bà ta chỉ loáng thoáng chờn vờn sau lưng tôi thôi, nhưng Shanks đã kịp nhìn rõ bà bởi hai mắt anh ta như muốn lồi ra khỏi hốc mắt, tiếp đó anh ta vội vã thối lui vài bước, suýt nữa đâm vào chú ngựa bé con.

Tôi có thể khẳng định là Shanks đang sợ, nhưng sau khi Meg quay gót vào trong nhà, anh ta cũng bình tĩnh trở lại một chút và tôi giúp anh đỡ mấy túi hàng xuống. Trong khi chúng tôi đang đỡ hàng, Thầy Trừ Tà đi ra trả tiền cho Shanks.

Khi Shanks đi về, Thầy Trừ Tà theo anh ta xuống dưới hẻm núi chừng ba mươi bước. Hai người họ bắt đầu nói gì đấy với nhau nhưng họ ở cách xa quá nên tôi không thể nghe hết từng lời trong cuộc nói chuyện giữa hai người. Họ đang nói về Meg, điều này thì tôi dám chắc, bởi vì có hai lần tôi nghe nhắc đến tên của bà.

Rõ ràng tôi nghe thấy Shanks nói, “Ông bảo với chúng tôi là mụ ta đã bị xử lý rồi!”, Thầy Trừ Tà đáp lại rằng, “Ta giam giữ bà ấy cẩn mật lắm, anh đừng lo. Ta biết rõ công việc của mình nên đấy chẳng phải việc anh cần quan tâm làm gì. Mà anh giữ kín chuyện này đấy, nếu anh biết điều gì là tốt cho mình!”

Thầy tôi trông không vui lắm khi bước trở lại phía tôi. “Con cho Meg uống trà thảo dược chưa thế?” thầy hỏi tôi đầy vẻ nghi ngại.

“Con đã làm theo như thầy dặn,” tôi đáp, “ngay khi bà ấy thức giấc.”

“Bà ấy có đi ra ngoài không?” thầy lại hỏi.

“Không ạ, nhưng có đến bên cửa và đứng sau lưng con. Shanks đã nhìn thấy Meg và hình như điều này làm anh ta hoảng sợ.”

“Đáng tiếc là anh ta thấy bà ấy mất rồi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Thường thì Meg không hay lộ mặt như thế. Bao nhiêu năm gần đây bà ấy có làm thế đâu. Có lẽ chúng ta phải tăng liều lượng thuốc thôi. Như ta đã nói cho con biết tối qua, Meg từng gây ra nhiều rắc rối trong Hạt này. Người dân trong Hạt rất sợ bà ấy, cho đến giờ vẫn còn e dè. Và mãi đến nay dân chúng trong vùng vẫn không biết là Meg được tự do đi lại trong nhà. Nếu tin này lọt ra ngoài, ta sẽ phải nghe ca cẩm mãi mãi. Người dân quanh đây rất cứng đầu: một khi họ đã bập vào thứ gì thì sẽ không dễ dàng nhả ra đâu. Nhưng Shanks sẽ câm như hến thôi. Ta trả cho anh ta rất hậu.”

“Shanks là người bán tạp hóa ạ?” tôi hỏi.

“Không đâu anh bạn, Shanks là tay thợ mộc trong vùng này và cũng là người lo dịch vụ đám tang. Người duy nhất trong vùng Adlington có gan liều lĩnh lên đến tận trên này. Ta trả tiền để anh ta giao hàng lên và nhận hàng xuống.”

Sau đấy thầy trò tôi đem hết mấy túi đồ vào trong nhà, rồi Thầy Trừ Tà mở túi lớn nhất ra đưa Meg những thứ bà ấy cần để bắt đầu nấu bữa điểm tâm.

Món thịt lợn muối còn ngon hơn món do ông kẹ của Thầy Trừ Tà dọn ra, thậm chí là vào những buổi sáng đẹp trời nhất, bên cạnh đó bà Meg đã chiên bánh khoai tây và khuấy trứng mới cùng pho mát: Thầy Trừ Tà không quá lời khi nói rằng Meg nấu ăn rất ngon. Khi thầy trò tôi đang ngấu nghiến dùng điểm tâm, tôi hỏi thầy về những tiếng động lạ tối hôm qua.

“Trong lúc này thì không có gì phải lo lắng lắm,” thầy vừa nuốt một mồm đầy bánh khoai tây vừa đáp lời tôi. “Ngôi nhà này được xây trên một mạch hóc xoáy nên thỉnh thoảng chúng ta có rắc rối. Đôi khi một trận động đất cách đây hàng dặm vẫn gây xáo động đến một loạt các hóc xoáy. Đám ông

kệ có thể bị buộc phải di dời khỏi nơi mà bọn chúng đã cư ngụ yên lành trong mấy năm trời. Tối hôm qua một ông kệ đã di chuyển qua dưới nhà chúng ta. Ta xuống hầm chỉ để xem xem mọi thứ có được an toàn chắc chắn không thôi.”

Lúc còn ở Chipenden Thầy Trừ Tà đã kể cho tôi nghe về các hóc xoáy. Đây là những mạch quyền lực dưới lòng đất, kiểu như những con đường mà vài loại ông kệ sử dụng để di chuyển nhanh chóng từ nơi này sang nơi khác.

“Mà này, đôi khi điều ấy nghĩa là sẽ có rắc rối trong tương lai đấy,” thầy nói tiếp. “Khi bọn ông kệ dựng ổ tại chỗ mới, thường bọn chúng sẽ bắt đầu tác oai tác quái – nhiều khi còn là những trò tai quái nguy hiểm – và thế nghĩa là chúng ta có việc phải làm. Nhớ lấy lời ta nhé anh bạn, rất có khả năng ta phải đối phó với một ông kệ ngay trong vùng này trước cuối tuần đấy.”

Sau bữa điểm tâm, chúng tôi đi vào phòng làm việc của Thầy Trừ Tà để bắt đầu bài học tiếng La Tinh của tôi. Phòng làm việc là một căn phòng nhỏ nhỏ chứa vài ba chiếc ghế gỗ lưng thẳng đứng, một chiếc bàn lớn, một chiếc ghế đầu ba chân bằng gỗ, mấy tấm bảng nhẵn nhụi và rất nhiều kệ sách cao cao tối màu. Trong này cũng hơi se lạnh nữa: lò sưởi nhóm hôm qua nay chỉ còn là nhúm tro xám trong lò.

“Ngồi xuống đi anh bạn. Mấy chiếc ghế này cứng quèo nhưng khi con đang học thì không nên quá thoải mái êm ái làm gì. Ta không muốn con ngủ gật đâu,” Thầy Trừ Tà lên tiếng, đưa mắt sắc lạnh nhìn tôi.

Tôi nhìn quanh mấy kệ sách. Căn phòng âm u, chỉ được chiếu sáng bằng ánh sáng xám xịt từ cửa sổ và vài ba ngọn nến, nên mãi đến lúc ấy tôi mới nhận ra là các kệ sách đều trống trơn.

“Sách đâu hết rồi ạ?” tôi hỏi.

“Đem về Chipenden hết rồi – chứ con nghĩ còn ở đâu nữa nào? Giữ sách ở đây trong thời tiết lạnh và ẩm thấp này thì chả ích lợi gì. Sách không chịu được điều kiện khí hậu như thế đâu. Không, chúng ta sẽ chỉ phải xoay xở bằng những gì đã mang theo và có lẽ là tự viết ra những điều mình nghiên

cứu khi chúng ta ở đây. Con không thể lúc nào cũng chỉ biết đọc sách và chữa phần viết lại cho người khác.”

Tôi biết Thầy Trừ Tà mang theo kha khá sách, khiến chiếc túi của thầy rất nặng, trong khi tôi chỉ mang theo mấy cuốn sổ ghi chép của mình mà thôi. Trong một giờ đồng hồ kể tiếp tôi vật vã với mấy động từ tiếng La Tinh. Đúng là khó khăn khổ sở thật nên tôi mừng làm sao khi Thầy Trừ Tà bảo chúng tôi sẽ tạm nghỉ, nhưng phải đến sau khi thầy làm xong những gì tiếp sau đây.

Thầy lôi chiếc ghế đầu bằng gỗ đến gần kệ sách gần cửa ra vào nhất. Rồi thầy leo lên ghế và rướn mấy ngón tay lên đầu kệ.

“Anh bạn này,” thầy vừa nói vừa giơ chiếc chìa khóa lên, gương mặt thầy nghiêm trang âm trầm. “Chúng ta không thể trì hoãn việc này lâu hơn nữa. Ta hãy xuống dưới kia thăm hầm nhà. Nhưng trước hết chúng ta phải đi xem Meg thế nào đã. Ta không muốn bà ấy biết là thầy trò ta sẽ xuống dưới đây. Bà ấy sẽ lo lắng cho mà xem. Meg không thích nghĩ đến mấy bậc thang ấy chút nào!”

Những lời của thầy khiến tôi vừa kích động vừa sợ. Lâu nay tôi cứ cuồng lên vì tò mò muốn biết có thứ gì bên dưới những bậc thang dẫn xuống hầm kia, nhưng đồng thời tôi cũng biết việc đi xuống đó chẳng hề là một trải nghiệm dễ chịu.

Chúng tôi thấy Meg vẫn ở trong bếp. Bà ấy đã lau dọn xong xuôi và giờ đây đang ngồi trước lò sưởi, lại lơ mơ gà gật.

“Bây giờ bà ấy khá ổn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Ngoài việc tác động đến trí nhớ của Meg, liều thuốc kia còn khiến bà ấy ngủ thật lắm.”

Thầy trò tôi mỗi người thắp theo một cây nến trước khi bước xuống mấy bậc thang bằng đá, Thầy Trừ Tà đi trước dẫn đường. Lần này tôi chú ý nhiều hơn đến quang cảnh xung quanh, cố gắng ghi nhớ phần bên dưới mặt đất của ngôi nhà. Tôi đã từng đi xuống kha khá tầng hầm rồi, nhưng trực giác mách bảo tôi rằng căn hầm này có thể là nơi đáng sợ và bất thường nhất.

Sau khi Thầy Trừ Tà mở khóa cổng sắt, thầy quay lại vỗ vai tôi. “Meg ít khi vào phòng làm việc của ta lắm,” thầy bảo, “nhưng dù có xảy ra chuyện gì thì cũng đừng bao giờ để bà ấy cầm được chiếc chìa này nhé.”

Tôi gật đầu, quan sát Thầy Trừ Tà khóa cửa lại. Tôi nhìn xuống....

“Sao các bậc thang lại rộng quá vậy thầy?” tôi lại hỏi.

“Cần phải thế. Nhiều thứ được mang vác xuống dưới mấy bậc thang này. Máy người nhân công cần lối đi thật thuận tiện...”

“Nhân công ạ?”

“Tất nhiên là mấy anh thợ rèn thợ nề chứ còn ai nữa – những nghề mà loại hình công việc của chúng ta phụ thuộc vào đấy!”

Trong khi chúng tôi đi xuống, Thầy Trừ Tà dẫn đường đi trước, cây nến trong tay tôi phả bóng thầy lên vách tường, và mặc cho tiếng ủng của chúng tôi có vang vọng trên các bậc thang bằng đá, tôi vẫn nghe thấy những tiếng động văng vẳng đầu tiên từ dưới xa kia. Một tiếng thở dài rồi tiếng ho nghèn nghẹt thoang thoảng. Nhất định dưới này phải có người nào hay vật gì ấy!

Có bốn tầng ngầm cả thảy. Hai tầng đầu tiên chỉ có một cửa vào được tạc âm vào vách đá, nhưng rốt cuộc khi chúng tôi đến tầng thứ ba, tầng có ba cánh cửa mà hôm trước tôi đã trông thấy.

“Cánh cửa ở giữa, như con đã biết, là nơi Meg thường ngủ khi ta đi khỏi đây,” Thầy Trừ Tà bảo.

Còn bây giờ bà ấy được giao một phòng trên lầu trên, cạnh phòng của Thầy Trừ Tà, chắc là để thầy có thể dễ mắt đến bà ấy – dù căn cứ vào bằng chứng tối qua, bà ấy thích ngủ trên chiếc ghế đu cạnh lò sưởi hơn.

“Ta không hay dùng mấy căn xà lim kia lắm,” Thầy Trừ Tà nói tiếp, “nhưng mấy căn phòng ấy cũng rất có ích trong việc nhốt một mục phù thủy thật chắc chắn trong khi mọi công đoạn sửa soạn đang được tiến hành...”

“Ý thầy là trong khi chuẩn bị hố ấy ạ?”

“Phải rồi, ta làm thế đấy anh bạn. Như con đã thấy, ở đây đâu giống như Chipenden. Ta đâu có vườn tược rộng rãi gì nên phải tận dụng tầng hầm

thôi...”

Lẽ đương nhiên, tầng thứ tư và là tầng sâu nhất, chính là tầng hầm. Thậm chí trước khi chúng tôi quành qua khúc quanh cuối cùng và tầng hầm hiện ra, tôi đã nghe được những tiếng động đủ khiến cây nến trên tay run lấy bầy, làm bóng Thầy Trừ Tà nhảy múa loạn xạ.

Có những tiếng rên rỉ lẫn thều thào, và kinh khủng nhất là còn có âm thanh sồn sột khe khẽ. Là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, tôi có thể nghe thấy những thứ mà phần lớn người ta không nghe ra, nhưng tôi chẳng khi nào thật sự quen được với chuyện này. Có những ngày tôi can đảm hơn những ngày khác, tôi chỉ có thể nói thế thôi. Thầy Trừ Tà trông có vẻ khá bình tĩnh, nhưng mà thầy đã làm việc này cả đời rồi còn gì.

Tầng hầm thật lớn, còn lớn hơn là tôi hằng tưởng, lớn đến nỗi thực tế nơi này hẳn còn rộng hơn diện tích thật của tầng trệt nhà trên. Một bên vách đang nhỏ nước thành giọt còn trần hầm thâm thấp ngay trên đầu thì ẩm rì ẩm rịt, làm tôi băn khoăn không biết có phải tầng hầm này nằm ngay mép con suối hay thật ra là nằm dưới con suối.

Phần trần hầm khô ráo lại phủ đầy mạng nhện, vừa ken dày vừa đan xen rối rắm đến nỗi hẳn phải có một quân đoàn nhện nhện lao động mới tạo ra nổi. Chứ nếu chỉ có một hai con nhện nào đó dệt nên mớ mạng nhện kia thì tôi chẳng muốn giáp mặt với thứ nhện ấy đâu.

Tôi bỏ nhiều thời gian quan sát trần và vách hầm vì tôi đang trì hoãn khoảnh khắc phải nhìn xuống sàn. Nhưng sau vài giây, cảm nhận được ánh mắt Thầy Trừ Tà đang dán vào mình nên chẳng còn lựa chọn nào khác, tôi đành ép mình hạ tầm nhìn xuống.

Tôi đã từng trông thấy Thầy Trừ Tà nhốt giữ gì trong hai khu vườn ở Chipenden. Tôi cứ tưởng ở đây cũng chỉ thêm những thứ tương tự, nhưng trong khi ở Chipenden các ngôi mộ và hố được đào rải rác xen giữa rừng cây, nơi ánh mặt trời thi thoảng chiếu sáng làm cây đổ bóng loang lổ xuống đất, nơi đây lại có lắm mộ hơn nhiều và tôi cảm thấy mình như bị mắc kẹt, bị bốn bức vách lẫn trần hầm đầy mạng nhện nhốt kín.

Tổng cộng có chín ngôi mộ phù thủy tất cả, mỗi mộ đánh dấu bằng một tấm bia và được viền bằng những phiến đá nhỏ hơn phía trước huyết đất sâu ba thước này. Mười ba thanh sắt dày cui vít vào những phiến đá đó, che phủ hết từng mảng đất. Chúng được đặt đấy để ngăn những mộ phù thủy đã chết bên dưới bò lên xới tung lối lên mặt đất.

Và rồi, dọc theo một bức vách của tầng hầm, còn có thêm những tảng đá to hơn, nặng hơn nữa. Có ba tảng đá cả thấy, mỗi tảng được thợ nề khắc lên theo cùng một cách:

Chữ cái beta bằng tiếng Hy Lạp mách cho bất kỳ ai có thể đọc các dấu hiệu rằng ông kẹ đã được chèn an toàn bên dưới đấy, và con số La Mã “I” góc dưới bên phải cho biết đây là những ông kẹ cấp bậc thứ nhất, những sinh vật chết người có khả năng giết hại một người còn nhanh hơn ta chớp mắt. Chẳng có gì mới, tôi thăm nhủ, và vì Thầy Trừ Tà rất thạo việc nên chẳng có gì phải e ngại đám ông kẹ đang bị nhốt dưới kia.

“Dưới này cũng có hai mộ phù thủy còn sống,” Thầy Trừ Tà bảo, “và đây là mộ thứ nhất,” thầy vừa nói tiếp vừa chỉ tay vào một hố hình vuông tối om, xung quanh viền những phiến đá nhỏ có mười ba thanh sắt đóng chéo để ngăn mộ ta trèo ra ngoài. “Nhìn xem tảng đá ngay góc kia,” thầy bảo và chỉ thẳng xuống dưới.

Đến khi ấy tôi mới nhìn thấy thứ mà nào giờ mình chưa từng để ý đến, cả khi ở Chipenden cũng thế. Thầy Trừ Tà giờ nên đến gần hơn để tôi nhìn thêm rõ. Có một dấu hiệu, *nhỏ hơn nhiều* so với những dấu hiệu trên các tảng đá chèn ông kẹ, theo sau dấu hiệu này là tên mộ phù thủy.

“Ký hiệu này là chữ cái sigma trong tiếng Hy Lạp bởi vì chúng ta phân loại tất cả phù thủy bằng ký tự ‘S’ viết tắt cho sorceress (Nữ phù thủy). Có nhiều chủng loại phù thủy đến nỗi, vì bọn chúng là giống cái và khôn ngoan xảo quyệt, rất khó mà phân loại cho chính xác,” Thầy Trừ Tà giảng giải. “Thậm chí so với ông kẹ, phù thủy có tính cách thay đổi theo thời gian còn nhiều hơn. Vậy nên con phải đối chiếu vào lịch sử của bọn chúng – lịch sử đầy đủ của mỗi mộ phù thủy, có bị chèn hay chưa, đều được ghi chép lại trong thư viện tại Chipenden đấy.”

Tôi biết điều này không đúng trong trường hợp của Meg. Trong thư viện của Thầy Trừ Tà có rất ít tư liệu viết về Meg, nhưng tôi không nói gì. Bất thành linh tôi nghe thấy tiếng cựa quậy khe khẽ từ dưới hố tối om om kia, thế là tôi vội bước giật lùi ra sau.

“Bessy là phù thủy cấp bậc thứ nhất phải không ạ?” tôi bồn chồn hỏi Thầy Trừ Tà, bởi vì loại này là loại nguy hiểm nhất và có khả năng giết chết người. “Trên tảng đá này không thấy có đánh dấu...”

“*Tất cả* các phù thủy và ông kẹ dưới hầm này đều là cấp bậc thứ nhất hết,” Thầy Trừ Tà nói với tôi, “và ta đã chèn hết bọn chúng cho nên không phải khi nào cũng đáng để bắt thợ nề bỏ công đẽo khắc làm gì, nhưng ở đây không có gì phải sợ đâu anh bạn à. Lão bà Bessy ở dưới kia lâu lắm rồi. Chúng ta vừa mới quấy phá mụ ta nên mụ ta đang chuyển mình trong giấc ngủ, thế thôi. Còn giờ con hãy sang đây nhìn thứ này này...”

Đó là một hố chôn phù thủy khác, giống hệt hố thứ nhất, nhưng thốt nhiên tôi rùng mình ớn lạnh. Điều gì đấy mách bảo với tôi rằng cho dù dưới hố kia có là gì thì thứ này còn nguy hiểm hơn mụ Bessy nhiều, Bessy chỉ đang mê ngủ và đang cố xoay mình cho thoải mái dưới nền đất lạnh và ẩm ướt kia thôi.

“Có lẽ con nên nhìn thật kỹ, anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo, “để con có thể thấy chúng ta đang đối phó với thứ gì. Giơ nển cao lên và nhìn xuống, nhưng nhớ là đặt chân lùi cho rõ xa vào!”

Tôi chẳng muốn làm thế nhưng giọng Thầy Trừ Tà thật cương quyết. Đây là mệnh lệnh. Nhìn xuống dưới hố là một phần trong quy trình huấn luyện, thế nên tôi chẳng có lựa chọn nào cả.

Tôi rướn người tới trước, giữ cho đầu ngón chân mình cách xa các thanh sắt và giơ cao nển lên để nển tỏa ánh sáng vàng vàng nhảy nhót xuống dưới hố. Ngay lúc ấy, tôi nghe thấy một tiếng động từ bên dưới rồi có thứ gì vội lạch bạch chạy băng qua sàn và biến vào vùng tối trong góc bên này. Vật đấy di chuyển nghe thật sống động nhanh nhẹn, cứ như thể nó có thể phóng vọt lên vách hố còn nhanh hơn là ta kịp chớp mắt nữa!

“Giờ nển lên ngay trên các thanh sắt để nhìn cho rõ đi!” Thầy Trừ Tà ra lệnh.

Tôi vâng theo, duỗi hết cánh tay giờ nển lên. Thoạt đầu tôi chỉ nhìn thấy hai con mắt tàn ác trừng trừng ngó lên mình, như hai đốm lửa phản chiếu ánh nển. Khi nhìn chăm chú hơn, tôi trông thấy một khuôn mặt hốc hác to bè đóng khung trong mớ tóc dày nhớt nhờn rối bù, bên dưới đấy là thân thể béo lùn đầy những vảy. Có tứ chi cả thảy và trông chúng giống bốn tay hơn là chân, thêm vào đấy là những bàn tay to tướng dài ngoẵng kết thúc bằng những móng vuốt dài nhọn.

Tôi rùng mình, hai tay run bần bật, đến mức sém chút là đánh rơi cây nển qua mấy thanh sắt. Tôi vội vã thụt lùi và chỉ chút thôi là ngã lăn đùng, nhưng Thầy Trừ Tà đã tóm được vai tôi, giữ cho tôi thăng bằng trở lại.

“Trông chẳng đẹp đẽ gì, anh bạn nhỉ,” thầy lăm bắm và lắc lắc đầu. “Thứ chúng ta đang có dưới kia là một mụ phù thủy nữ yêu. Hai mươi năm trước, khi mới bị ta nhốt xuống dưới, mụ ta còn trông giống con người. Giờ đây mụ biến trở lại thành loại hoang dã. Đây là điều sẽ xảy ra khi ta nhốt phù thủy nữ yêu xuống hố. Bị tước bỏ đi mỗi thân hữu với con người, mụ ta sẽ từ từ đảo ngược lại thành hình dạng ban đầu. Và cho dù đã sau bao nhiêu năm, mụ ta vẫn còn rất mạnh. Đây là lý do vì sao ta đặt cổng sắt trên cầu thang. Nếu có khi nào mụ ta thoát ra khỏi đây, cánh cổng ấy sẽ làm chậm bước mụ trong một chốc.

“Chưa hết đâu anh bạn à. Con thấy đấy, loại hố dành cho phù thủy bình thường không đủ sức giam mụ ta. Bốn bên hông và ngay dưới đáy hố cũng có các thanh sắt được chôn lẫn vào lớp đất. Thế nên mụ ta thực sự là đang ở trong một chiếc lồng. Lớp thanh sắt ấy rồi thêm một lớp muối và sắt bên ngoài nữa. Mụ ta cũng có thể đào thật nhanh và thật sâu bằng mấy bàn tay có vuốt, nên đấy là cách duy nhất ta ngăn không cho mụ thoát ra ngoài! Mà thôi, con có biết mụ ta là ai không?”

Thật là một câu hỏi kỳ quặc. Tôi nhìn xuống và đọc tên mụ trên tảng đá.

Hắn Thầy Trừ Tà đã thấy vẻ mặt cuối cùng cũng ngộ ra của tôi, bởi vì thầy buồn bã mỉm cười. “Phải rồi đấy anh bạn. Đây là chị của Meg...”

“Thế Meg có biết bà ta ở dưới đây không ạ?” tôi hỏi.

“Bà ấy đã từng biết, nhưng giờ đây thì không cách nào nhớ ra; cho nên tốt nhất hãy để mọi chuyện cứ như thế. Giờ con qua đây nào – ta còn có thứ khác chỉ cho con xem đây.”

Thầy dẫn lối đi len giữa các tảng đá đến góc hầm đầu kia, trông có vẻ đây là chỗ khô ráo nhất trong hầm; trần hầm bên trên dường như thừa bóng mạng nhện nhất. Đây là một chiếc hố để trống, sẵn sàng được đưa vào sử dụng, và tấm nắp chắn đang nằm trên nền hầm ngay bên cạnh hố, chờ kéo vào vị trí.

Mãi đến khi đấy tôi mới nhìn thấy nắp chắn trên miệng hố được làm như thế nào. Những phiến đá viền ngoài gắn kết với nhau bằng xi măng thành hình khối vuông rồi những thanh bù loong dài xuyên từ đầu này sang đầu kia từng khối vuông ấy để đảm bảo cho chúng lèn chặt vào nhau. Mười ba thanh sắt thực ra cũng là những thanh bù loong dài vít chặt vào đai ốc đục lõm vào trong các tảng đá. Như vậy khá là thông minh, và khi bác thợ nề với bác thợ rèn làm việc cùng nhau, hẳn họ phải cần lắm kỹ năng để làm nên thứ này.

Đột nhiên mồm miệng tôi há hốc và cứ ngoác ra như thế một hồi thật lâu, đủ khiến Thầy Trừ Tà chú ý đến. Lần này không có ký hiệu gì, nhưng một cái tên đã được khắc lên góc đá gần nhất:

Meg Skelton

“Con nghĩ cách nào là tốt hơn hử, anh bạn?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Trà thảo dược hay là làm thế này? Bởi vì nếu không cách này thì phải là cách kia thôi.”

“Trà thảo dược ạ,” tôi đáp, giọng tôi chẳng khác nào tiếng thì thào.

“Quả vậy, nên giờ đây con biết vì sao con không thể quên cho Meg uống trà mỗi sáng rồi đấy. Nếu con mà quên, bà ấy sẽ nhớ lại, mà ta thì không muốn phải đem bà ấy xuống đây.”

Khi ấy tôi có một câu muốn hỏi, nhưng tôi đã không nói gì vì biết Thầy Trừ Tà sẽ không thích nghe. Tôi muốn biết vì sao một phương thức thích hợp cho một phù thủy lại không thích hợp cho tất cả phù thủy còn lại. Dù vậy, tôi hiểu mình không thể than phiền nhiều: tôi sẽ không bao giờ quên Alice từng có lần đã tiến gần đến thế lực bóng tối như thế nào. Gần đến nỗi Thầy Trừ Tà từng nghĩ rằng tốt nhất là phải bỏ *cô ấy* xuống hố. Thầy chỉ rủ lòng thương vì tôi đã nhắc cho thầy nhớ thầy từng tha cho Meg ra sao.

Đêm ấy tôi thấy thật khó ngủ. Đầu óc tôi quay cuồng với những gì mình chứng kiến cùng nhận thức về nơi mình đang trú ngụ. Tôi đã từng trông thấy vài chuyện đáng sợ, tuy nhiên, việc sống trong một ngôi nhà chứa mả phù thủy, các ông kẹ bị chèn và những phù thủy còn sống dưới tầng hầm khiến tôi không thoải mái nghỉ ngơi được. Cuối cùng, tôi quyết định rón rén nhón gót xuống dưới lầu. Tôi đã để quên mấy cuốn sổ ghi chép trong phòng bếp và tôi muốn tìm cuốn ghi chép tiếng La Tinh: tôi biết chỉ cần nửa giờ đồng hồ nhìn chăm chăm vào những danh từ động từ chán ngấy kia chắc chắn sẽ khiến tôi díp mắt lại.

Trước khi xuống đến chân cầu thang, tôi đã nghe thấy những tiếng động mình không ngờ tới. Ai đó đang khẽ khàng khóc trong phòng bếp và tôi nghe ra tiếng Thầy Trừ Tà nói nho nhỏ. Đến cửa bếp rồi, tôi không đi vào trong; cửa hé hé mở và qua khe cửa, tôi đã nhìn thấy cảnh tượng khiến mình phải dừng sững lại.

Meg đang ngồi trên ghế đu gần bên lò sưởi. Bà gục đầu vào hai tay và vai bà nhấp nhô trong cơn nức nở. Thầy Trừ Tà cúi xuống cạnh bà, dịu dàng nói và vuốt ve tóc bà. Gương mặt thầy, dưới ánh nến soi rọi, đang nửa quay về phía tôi và lộ ra biểu cảm mà trước giờ tôi chưa từng trông thấy. Tương tự như cái cách gương mặt to lớn, cục cằn của anh Jack đôi lúc lại dịu dàng hẳn đi khi anh ấy nhìn vào chị Ellie, vợ của mình.

Thế rồi, trong khi tôi quan sát, thật ngạc nhiên làm sao, một giọt nước mắt từ mắt trái thầy tôi rỉ ra, lăn dài trên má và rơi xuống môi thầy.

Biết rằng không nên nhòm lén thêm nữa, tôi bèn quay trở về giường.

KẺ TRỜI ĐÁNH THÁNH ĐÂM

Ngày tháng nhanh chóng vào nếp ổn định thường nhật.

Buổi sáng, công việc hàng ngày của tôi là nhóm các lò sưởi dưới lầu và xách nước sạch từ suối vào. Cứ cách hai ngày một lần tôi phải nhóm hết các lò sưởi trong nhà để giữ cho ngôi nhà khỏi bị ẩm ướt quá độ. Khi nhóm lò sưởi trong mấy phòng ngủ, tôi được dặn là phải mở cửa sổ từng phòng ra trong khoảng mười phút để không khí lưu thông trong phòng. Trước đó tôi phải moi sạch các vỉ lò sưởi và đi lên đi xuống mấy cầu thang nhiều đến mức tôi mừng húm mỗi khi làm xong việc. Căn phòng ngủ trên rằm thượng là mệt nhất, tất nhiên là thế rồi, nên tôi luôn làm phòng ấy trước, trước khi hai chân tôi mỏi rã mỏi rời.

Rằm thượng là một căn phòng rất rộng, là căn rộng nhất nhà, diện tích sàn bao la. Nơi đây chỉ có một cửa sổ là giếng trời to vật ngay trên mái. Cả căn phòng trống vốc, chỉ có mỗi một chiếc bàn giấy thật to bằng gỗ gụ, hộc bàn được khóa chặt. Miếng vỉ đồng chung quanh lỗ khóa mang biểu tượng vòng pháp thuật chạm nổi, hình một ngôi sao năm cánh nằm trong ba vòng tròn đồng tâm. Tôi biết biểu tượng vòng pháp thuật được sử dụng để bảo vệ các pháp sư khi họ triệu gọi ma quỷ, và tôi thắc mắc không biết tại sao vỉ đồng kia lại mang biểu tượng ấy.

Chiếc bàn giấy trông rất đắt tiền, tôi cũng thắc mắc trong hộc bàn chứa gì và tại sao Thầy Trừ Tà lại không đem bàn này xuống phòng làm việc của thầy, nơi ấy hẳn là thích hợp và hữu dụng hơn nhiều. Tôi chưa khi nào tiện hỏi han thầy về chiếc bàn đó cả. Và rốt cuộc khi thầy trò tôi nhắc đến chiếc bàn ấy thì đã muộn mất rồi.

Sau khi cho không khí lưu thông trên rằm thượng, tôi sẽ tiến hành công việc từ tầng trên xuống tầng dưới, từng tầng một. Ba phòng ngủ ngay dưới tầng áp mái không kê bàn ghế. Hai phòng ngủ nằm ở mặt trước căn nhà và

một phòng ở mặt sau. Căn phòng mặt sau là nơi xấu xí và tối tăm nhất trong cả ngôi nhà vì nó chỉ có một cửa sổ nhìn ra vách đá. Khi tôi nâng khung cửa lên và thò đầu nhìn ra ngoài, bức vách núi ẩm ướt ấy ở gần đến nỗi tôi gần như có thể với tay ra chạm vào. Từ vách đá chìa ra một mép gờ có lối mòn đi thẳng lên trên. Tôi thấy dường như mình có thể leo ra khỏi cửa sổ mà trèo lên mép gờ ấy. Nhưng tôi nào có ngu đến mức muốn thử làm thế đâu! Chỉ trượt chân một cái, nhất định tôi sẽ ngã nát óc xuống nền sân lát đá cuội bên dưới.

Sau khi nhóm xong mọi lò sưởi, tôi sẽ pha trà cho Meg rồi ngồi ôn bài về các động từ tiếng La Tinh cho đến giờ điểm tâm, thường là muộn hơn giờ điểm tâm ở Chipenden nhiều. Xong xuôi đâu đấy, hầu hết thời gian còn lại trong ngày là dành cho việc học, nhưng đến xế chiều, tôi thường cùng Thầy Trừ Tà đi dạo một quãng ngắn không quá hai mươi phút xuống đồi đến chân hẻm núi, từ đây hẻm núi trải rộng ra những sườn dốc thấp hơn của vùng đồng hoang. Mặc dù việc nhóm lò sưởi mệt nhọc thật đấy, nhưng lúc còn ở Chipenden tôi phải vận động thân thể cực hơn nhiều, do đó tôi bắt đầu thấy chồn tay chồn chân. Mỗi buổi sáng trời dường như mỗi lạnh hơn, Thầy Trừ Tà bảo đợt tuyết rơi đầu tiên sẽ chóng đến thôi.

Một sáng nọ thầy tôi phải xuống Adlington thăm anh trai Andrew, bác thợ khóa. Khi tôi xin phép được theo cùng, thầy từ chối.

“Không được, cần có người trông chừng Meg chứ. Với lại, ta còn có việc phải trao đổi với Andrew. Những việc liên quan đến gia đình đều là vấn đề riêng tư hết. Và ta còn phải cập nhật cho ông ấy biết những gì đã xảy ra...”

Nói thế tôi đoán có nghĩa là Thầy Trừ Tà sẽ kể cho anh trai mình đầu đuôi câu chuyện đã xảy đến với thầy trò chúng tôi tại Priestown, nơi thầy tôi từng suýt chút nữa là bị tay Phán Quan hỏa thiêu đến chết. Khi chúng tôi về lại Chipenden, Thầy Trừ Tà đã gửi thư cho ông Andrew, báo tin rằng thầy vẫn bình an, nhưng chắc là giờ đây thầy muốn kể chi tiết.

Bị bỏ lại nhà làm tôi thất vọng lắm – tôi một mực muốn tìm hiểu xem Alice đang sống ra sao mà – nhưng tôi không còn lựa chọn nào cả, và mặc dù có món trà thảo dược đấy nhưng đúng là Meg cần được trông chừng cẩn

thận. Thầy Trừ Tà đặc biệt lo rằng biết đâu bà ấy lại rời khỏi nhà đi lang thang đây đó, nên tôi phải đảm bảo sao cho cả cửa sau lẫn cửa trước đều khóa kín. Ấy vậy mà, những gì Meg làm hoàn toàn không thể ngờ tới...

Khi ấy là lúc xế chiều, tôi đang ở trong phòng làm việc của Thầy Trừ Tà ghi ghi chép chép bài học vào sổ. Cứ độ chừng mười lăm phút tôi đi ra xem Meg thế nào. Thường thì tôi hay thấy bà ấy ngủ gà ngủ gật trước lò sưởi; hoặc là thế hoặc là bà đang rửa rau củ chuẩn bị cho bữa tối. Nhưng lần này, khi tôi đi ra kiểm tra, Meg không có ở đấy.

Đầu tiên tôi chạy bổ ra cửa, để phòng hờ thôi, nhưng cả cửa sau lẫn cửa trước đều đang khóa. Tìm qua trong phòng khách rồi, tôi liền đi lên lầu. Tôi tưởng sẽ tìm ra Meg trong phòng bà, nhưng sau khi gõ cửa mà không thấy trả lời, tôi đẩy cửa mở ra. Căn phòng trống không.

Càng đi lên tầng trên, lòng tôi càng thêm lo. Khi đến căn phòng trên rầm thượng cũng chẳng có ai, tôi bắt đầu phát hoảng. Nhưng tôi hít vào một hơi thật sâu. “*Nghĩ đi nào!*” tôi tự nhủ. Meg còn có thể ở nơi nào nữa đây?

Chỉ còn duy nhất một nơi và đấy là dưới mấy bậc thang dẫn xuống tầng hầm. Chuyện này ít có khả năng xảy ra vì Thầy Trừ Tà từng bảo tôi là chỉ cần nghĩ đến mấy bậc thang đó thôi cũng đã khiến bà ấy nôn nao cơ mà. Trước hết tôi vào phòng làm việc của thầy, đứng trên ghế đầu soát tay trên đầu kệ sách. Chẳng có cách nào Meg lấy được chìa khóa mà tôi không chú ý đến, nhưng dẫu sao tôi cũng phải đoán chắc cái đã. Chiếc chìa vẫn còn đấy. Thở phào nhẹ nhõm, tôi thấp nện lên và đi xuống các bậc thang.

Trước khi đến nơi, tôi đã nghe thấy tiếng cánh cổng liên tục va loảng xoảng, tạo nên âm thanh ầm ĩ hỗn loạn vang vọng khắp nhà một lúc lâu. Nếu không phải đang mong sẽ tìm ra bà Meg ở đó, hẳn tôi sẽ nghĩ là có thứ gì đấy từ dưới tầng hầm vừa trèo lên và đang cố thoát ra ngoài.

Nhưng đúng là do Meg thật. Bà ấy đang tóm chặt lấy những thanh sắt và nước mắt giàn giụa thành dòng trên mặt bà. Qua ánh sáng từ ngọn nến, tôi thấy Meg đang rung lắc cánh cổng. Căn cứ vào sức lực bà ta đang vận dụng, có thể khẳng định Meg vẫn còn khỏe lắm.

“Thôi nào bà Meg,” tôi nhẹ nhàng nói, “ta quay trở lên lầu nào. Dưới này vừa lạnh vừa gió máy quá. Nếu không cẩn thận bà sẽ bị cảm lạnh đấy.”

“Nhưng Billy ơi, dưới kia có người. Có ai đấy đang cần giúp đỡ.”

“Dưới đây không có ai đâu,” tôi bảo Meg, lòng biết rõ mình đang nói dối. Chị bà Meg, mẹ Marcia, một phù thủy nữ yêu hoang dã, đang ở dưới kia, mắc kẹt trong chiếc hố của mẹ. Liệu có phải Meg đang bắt đầu phục hồi trí nhớ chẳng?

“Nhưng ta biết chắc là có mà Billy. Ta không nhớ nổi tên người đó nhưng bà ta đang ở bên dưới và đang cần đến ta. Làm ơn mở cổng ra giúp ta nào. Hãy để ta xuống dưới xem sao. Sao cậu không đi theo ta và mang theo cả nến nhỉ?”

“Cháu không thể, Meg ạ. Bà thấy đấy, cháu không có chìa khóa mở cổng này. Thôi, cháu xin bà đấy. Quay trở lên bếp đi nào...”

“Thế John có biết chìa khóa ở đâu không?” Meg hỏi.

“Chắc là có. Sao chúng ta không hỏi thầy khi thầy quay về nhỉ?”

“Phải rồi Billy, ý hay đấy. Chúng ta sẽ làm thế nhé!”

Meg mỉm cười với tôi qua hai hàng nước mắt và bước trở lên mấy bậc thang. Tôi dẫn bà vào bếp, dìu bà ngồi xuống chiếc ghế đu cạnh lò sưởi.

“Bà ngồi xuống đây và trấn tĩnh lại nhé Meg. Cháu sẽ đi pha cho bà thêm tách trà nữa. Bà cần uống ít trà sau khi đi xuống mấy bậc thang âm lạnh kia...”

Meg đã dùng liều lượng thường ngày nên tôi không dám làm bà phát ốm, thế là tôi chỉ bỏ vào một lượng rất nhỏ rồi thêm nước nóng vào. Meg cảm ơn tôi và chẳng mấy chốc là uống sạch. Khi Thầy Trừ Tà trở về nhà, bà ấy đã ngủ mất rồi.

Lúc tôi kể cho thầy nghe chuyện đã xảy ra, Thầy Trừ Tà lắc đầu. “Ta không thích cái kiểu này tí nào, anh bạn ạ! Từ rày trở đi liều lượng ban sáng của bà ấy phải là ba phần tư lỏng tay từ đáy tách trở lên. Ta không muốn làm thế này nhưng chúng ta hết cách rồi.”

Thầy trông thật buồn rầu chán nản. Ít khi nào tôi thấy mất hết nhuệ khí đến vậy. Nhưng không lâu sau đấy tôi được biết không phải chỉ là vì chuyện của Meg.

“Ta có chút tin không tốt đây anh bạn,” thầy vừa bảo tôi vừa mệt mỏi buông mình xuống chiếc ghế cạnh lò sưởi. “Emily Burns đã qua đời. Bà ấy nằm trong đất lạnh hơn một tháng nay rồi.”

Tôi chẳng biết nói gì. Đã hằng ấy năm trôi qua kể từ khi thầy tôi từng ở bên Emily. Từ bấy đến nay Meg mới là người phụ nữ trong cuộc đời thầy. Vậy tại sao thầy phải u sầu đến vậy?

“Con rất lấy làm tiếc ạ,” tôi nói ra đến là vô duyên.

“Nhưng cũng không tiếc bằng nửa ta đâu, anh bạn,” Thầy Trừ Tà khàn giọng đáp. “Emily là một phụ nữ hiền lành. Dù cuộc đời khốn khó nhưng bà ấy luôn cố gắng hết mình. Giờ đây khi bà đã khuất bóng, thế giới này sẽ trở thành một nơi đáng thương hơn! Khi những điều thiện tàn lụi, đôi khi việc ấy lại tháo tung xiềng xích cho những điều ác mà đáng lý ra sẽ được kìm hãm nếu điều thiện còn tồn tại!”

Tôi định hỏi xem ý thầy là sao khi nói ra những lời lẽ bí ẩn đến thế, nhưng ngay lúc đó Meg bắt đầu cựa mình mở mắt, do vậy thầy trò chúng tôi ngừng bật và thầy không đề cập đến tên Emily nữa.

Vào bữa điểm tâm trong buổi sáng thứ tám kể từ khi chúng tôi đến nơi này, Thầy Trừ Tà đẩy đĩa ra xa, khen ngợi tài nấu nướng của Meg, đoạn quay sang tôi.

“Này anh bạn, ta nghĩ cũng đã đến lúc con đi xem con bé kia sống ra sao rồi. Con nghĩ mình tìm được đường đi không thế?”

Tôi gật đầu, cố không cười rách cả mang tai, và trong vòng mười phút tôi đã xăm xăm bước xuống hẻm núi để dẫn mình sang bên mạn đồi có trời xanh bao la trên đầu. Tôi xuôi theo hướng bắc xuống Adlington, đi về phía nông trại Cảnh Bờ Hoang Alice đang trú ngụ.

Trước đây, khi Thầy Trừ Tà quyết định đến căn nhà mùa đông, tôi từng phỏng đoán là sau đấy thời tiết sẽ nhanh chóng xấu đi, và quả thật trời đang

dần mỗi lúc một lạnh hơn. Nhưng hôm nay vạn vật dường như thay đổi theo chiều hướng tốt hơn. Mặc dù đây là một buổi sáng lạnh lẽo, sương giá, nhưng mặt trời lại đang chiếu sáng, không khí trong lành và tầm nhìn của tôi xa đến hàng dặm. Kiểu buổi sáng khiến con người ta cảm thấy thật hạnh phúc khi được sống.

Hắn Alice đã nhìn thấy tôi men theo sườn đồi, vì cô gái đã ra khỏi sân nông trại và bước đến gặp tôi. Ngay ngoài phạm vi nông trại là một khu rừng nho nhỏ, Alice đang đứng đấy, trong bóng râm của mấy hàng cây. Cô trông thật thiếu nảo, nên tôi biết ngay, thậm chí trước cả khi chúng tôi mở miệng, rằng Alice không vui vẻ gì trong ngôi nhà mới.

“Không công bằng đâu, Tom à. Lão Gregory chẳng thể tìm ra nơi nào cho tớ trú ngụ mà tệ hơn nơi này đâu! Ở lại gia đình nhà Hurst chán chết được.”

“Thật là tệ đến thế sao, Alice?” tôi hỏi.

“Thà ở Pendle còn đỡ hơn, thế là đủ nói lên vài điều.”

Pendle là nơi hầu hết gia đình phù thủy của Alice sinh sống. Cô gái ghét nơi đấy vì ở đó bọn họ đối xử rất tệ với cô.

“Bọn họ cư xử với cậu có hà khắc không, Alice?” tôi hỏi, bỗng chột trở nên nghi ngại.

Alice lắc đầu. “Cho tới giờ thì chưa có ai động tay động chân gì. Nhưng họ cũng không nói chuyện nhiều với tớ. Và tớ chẳng cần tốn mấy thời gian để hiểu ra tại sao hai người họ lại quá lạnh lẽo và khổ sở đến vậy. Là do gã con của hai người – kẻ tên Morgan, người mà Lão Gregory có hỏi đến ấy. Hắn xấu xa ác nghiệt ghê lắm. Đúng là tên trời đánh thánh đâm. Con cái kiểu gì mà lại đánh bố ruột rồi quát tháo mẹ đến phát khóc cơ chứ? Hắn thậm chí còn không gọi họ là Mẹ với Bố nữa kia. Họ chỉ được hắn gọi là “Lão Khom” với “Mụ Già” thôi. Hai người ấy sợ hắn phát khiếp, và họ đã nói dối Lão Gregory vì Morgan thường ghé qua nhà lắm. Hai ông bà rất sợ những lần hắn tạt về. Đúng là tớ vô can, nhưng tớ chẳng chịu nổi mấy chuyện này. Nếu cần, kiểu gì cũng được, tớ sẽ xử đẹp hắn cho xem.”

“Khoan hãy ra tay vội,” tôi bảo Alice. “Để tớ nói chuyện với Thầy Trừ Tà đã.”

“Tớ không nghĩ lão ta sẽ cuống cuồng đến đây ra tay giúp đỡ gì đâu. Tớ nghĩ Lão Gregory làm thế là có chủ đích. Gã con của hai người kia cùng loại với lão. Cũng mặc áo choàng có mũ trùm và xách theo cây trượng! Chắc là Lão Gregory đã yêu cầu hắn để mắt trông chừng tớ đấy.”

“À, hắn không phải là kẻ trừ tà đâu Alice.”

“Thế thì hắn còn có thể là gì khác cơ chứ?”

“Hắn là một trong những chân học việc thất bại của Thầy Trừ Tà, và hai người họ không ưa gì nhau. Còn nhớ cái đêm ở Chipenden khi tớ mang lá thư vào nhà làm Thầy Trừ Tà nổi trận lôi đình không? Tớ đã không có dịp kể cho cậu biết, nhưng đấy là thư của Morgan. Lâu nay hắn cứ đe dọa Thầy Trừ Tà mãi. Hắn bảo thầy tớ đang giữ thứ gì đó thuộc về hắn.”

“Ừ thì hắn đúng là một kẻ trời đánh thánh đâm mà,” Alice nói tiếp. “Hắn không chỉ ghé qua nhà thôi đâu. Có những đêm hắn xuôi xuống đồi và đi ra hồ. Tối qua tớ đã theo dõi hắn. Hắn đứng ngay bên mép hồ mà nhìn trừng trừng xuống nước. Đôi lúc miệng hắn mấp máy như thể hắn đang trò chuyện cùng ai đó. Em gái hắn chết đuối dưới hồ ấy phải không nhỉ? Tớ nghĩ là hắn đang nói chuyện với hồn ma của cô ấy. Tớ sẽ chẳng ngạc nhiên lắm đâu nếu người chìm chết cô ta lại là hắn!”

“Và hắn đánh ông bố ư?” tôi hỏi. Đây là chuyện làm tôi choáng váng hơn cả. Chuyện này khiến tôi nghĩ về bố mình, và một cục nghẹn ứ lên trong họng khi tôi nhớ đến đấy. Làm sao người ta có thể giơ nắm đấm lên với bố đẻ mình cơ chứ?

Alice gật đầu. “Từ khi tớ đến đây hai người họ đã cãi cọ hai lần. Cãi kinh lắm. Lần thứ nhất, ông lão Hurst cố đẩy hắn ra khỏi cửa, thế là bọn họ giằng co. Tên Morgan vừa trẻ vừa khỏe hơn nhiều nên cậu có thể đoán ra ai là người lãnh đủ. Lần thứ hai Morgan kéo lê bố hắn lên gác rồi nhốt ông ấy vào phòng. Ông lão bắt đầu gào thét. Tớ không thích thế. Chuyện ấy khiến tớ nhớ đến những chuyện tương tự như lúc tớ còn sống với gia đình tại

Pendle. Có lẽ nếu cậu kể cho Lão Gregory nghe tình hình tồi tệ đến thế nào, biết đâu lão ta sẽ cho tớ đến ở cùng cậu.”

“Tớ không nghĩ cậu sẽ thích thú gì cuộc sống trên Anglezarke đâu. Tầng hầm thì đầy những hố và thầy nhốt hai mụ phù thủy còn sống nhằn dưới đấy, một trong hai mụ là chị gái Meg, và mụ ta là phù thủy nữ yêu hoang dã. Quan sát mụ ta lạch bạch bò lê trong hố kinh dị lắm. Nhưng tớ thấy tội cho Meg nhất. Cậu đã nói đúng về Meg. Bà ấy đúng là sống trong nhà Thầy Trừ Tà, nhưng thầy đã thuốc bà ấy để bà không nhớ mình là ai. Meg trải qua hơn nửa năm trong một căn phòng bị khóa kín dưới lầu gần tầng hầm. Nhìn cảnh ấy thật đáng buồn làm sao. Nhưng Thầy Trừ Tà chẳng còn lựa chọn nào hết. Hoặc là như thế, hoặc là phải bỏ Meg xuống hố như chị bà ấy.”

“Nhốt phù thủy trong hố là việc không đúng đắn. Tớ chẳng khi nào đồng tình với chuyện ấy. Nhưng tớ thà ở đây với cậu hơn là sống ở đây rồi cứ phải gặp Morgan luôn. Tớ thấy cô đơn lắm, Tom à. Tớ nhớ cậu!”

“Tớ cũng nhớ cậu lắm chứ Alice, nhưng lúc này đây thì tớ bất lực. Dù vậy, tớ sẽ kể chuyện cậu vừa nói cho Thầy Trừ Tà nghe và xin phép thầy lần nữa. Tớ sẽ cố hết sức, hứa đấy. Mà thôi, bây giờ Morgan đang ở trong nông trại à?” tôi hất đầu về phía nông trại mà hỏi.

Alice lắc đầu. “Từ hôm qua tớ không thấy hấn đâu. Chắc hẳn hấn sẽ mau mau quay lại thôi.”

Sau đấy chúng tôi không trò chuyện được gì nhiều vì bà Hurst, bà vợ của lão nông, đã đi ra cửa sau réo gọi Alice, thế nên cô phải về.

Alice ngửa mặt đảo mắt nhìn lên trời.

“Tớ sẽ sớm trở lại thăm cậu!” tôi nói với theo khi Alice quay lưng rời đi.

“Nhớ làm thế đấy Tom. Nhưng cậu làm ơn hỏi xin Lão Gregory luôn nhé!”

Tuy nhiên, tôi không về thẳng nhà Thầy Trừ Tà. Tôi leo ngược lên trên đỉnh đồng hoang, đi đến nơi cơn gió có thể giúp đầu óc tôi quang đãng. Ấn tượng đầu tiên của tôi là phần đỉnh của đồng hoang khá bằng phẳng, còn

cảnh vật thì chẳng thể nào sánh bằng phong cảnh của vùng đồi đá ở Chipenden. Cả quang cảnh đồng quê bên dưới cũng không duyên dáng bằng.

Tuy thế, về phía đông và phía nam cũng có nhiều ngọn đồi cao hơn, và xa xa khỏi phạm vi Anglezarke lại là thêm nhiều vùng đồng hoang khác. Về phía trực nam là đồi Mùa Đông và đồi Rivington, sau hai ngọn đồi đấy là dãy Smithhill, còn về phía đông là hai đồng hoang Turton và Darwen. Tôi biết điều đó là do tôi đã nghiên cứu những tấm bản đồ của Thầy Trừ Tà trước khi chúng tôi lên đường, sau khi xem xong tôi cẩn thận gấp gọn các tấm bản đồ ấy lại. Nhờ thế tôi mới có khái niệm khá rõ ràng về bố cục khu vực này trong đầu. Cũng còn phải thăm thú khám phá nhiều nơi nên tôi quyết định sẽ xin phép Thầy Trừ Tà xem mình có được nghỉ một ngày để làm điều này trước khi thời tiết mùa đông thực sự kéo đến không. Tôi nghĩ chắc là thầy sẽ đồng ý thôi, bởi lẽ một phần công việc của kẻ trừ tà là phải biết thông tỏ địa lý trong Hạt để có thể lẹ làng di chuyển từ nơi này sang nơi khác và tìm ra đường đi khi có ai đó cầu viện.

Tôi rảo bước đi xa hơn cho đến khi trông thấy một ngọn đồi khum khum nho nhỏ từ xa, ngay trên đỉnh đồng hoang. Ngọn đồi trông như do con người đắp thành, nên tôi đoán đó là một gò mả, loại mô đất chôn cất vị thủ lĩnh xa xưa nào đấy. Ngay khi tôi định quay đi, một dáng người hiện lên ngay trên đỉnh gò mả. Hắn mang thanh trường bên tay trái và khoác chiếc áo choàng có mũ trùm phủ xuống trước. Hắn đấy chính là Morgan!

Hắn xuất hiện trên gò mả kia đột ngột đến nỗi dường như hắn được thành hình từ trong không trung vậy. Tuy nhiên, lý lẽ thường tình mách bảo cho tôi biết, hắn đơn giản chỉ là từ mạn bên kia sườn đồi đi ngược lên đấy mà thôi.

Nhưng hắn đang làm gì thế nhỉ? Tôi không nhận biết được. Trông giống một điệu nhảy nào đó! Hắn đang quăng vật mình tứ tung còn hai tay thì vung vẩy lên không trung. Tiếp đến, bất thành lình hắn rống tướng lên rồi phóng mạnh thanh trường xuống đất. Hắn đang phẫn nộ. Nhưng phẫn nộ vì cái gì mới được?

Chốc lát sau, một đám sương mù từ phía đông dạt đến che mất hắn nên tôi tiếp tục bước đi. Chắc chắn là tôi không yêu thích gì chuyện phải giáp mặt

với hắn rồi. Nhất là khi hắn đang trong tâm trạng thế kia!

Sau đấy tôi cũng không nán lại lâu trên mấy bãi hoang ấy. Dẫu sao thì, nếu tôi về nhà đúng giờ đúng giấc, có khả năng Thầy Trừ Tà sẽ cho phép tôi sớm được đi thăm Alice lần nữa. Với lại tôi cũng muốn quay về kể cho thầy nghe những gì mình vừa biết.

Vậy là sau bữa ăn trưa, tôi kể thầy nghe việc mình bắt gặp Morgan trên đồi hoang và tất tần tật những điều Alice đã kể về hắn.

Thầy Trừ Tà gãi gãi chòm râu rồi thở dài. “Con bé nói đúng đấy. Morgan là thằng trời đánh thánh đâm, chuyện này thì rõ quá rồi. Hắn ăn vận như một kẻ trừ tà, và có mấy người nhẹ dạ giờ đây tin rằng hắn là thầy trừ tà thật. Nhưng hắn còn thiếu kỹ thuật để có thể thành thạo ngành nghề của chúng ta. Hắn cũng lười biếng và thích ăn gian làm dối. Cũng đã gần mười tám năm kể từ khi hắn rời bỏ ta, và từ đấy đến nay hắn hầu như chẳng làm điều gì tốt đẹp cả. Hắn tự phong là pháp sư rồi thu tiền của những người thật thà tốt bụng khi họ đang trong lúc mong manh yếu đuối nhất. Ta đã cố không để hắn rơi vào con đường tội lỗi nhưng dường như, có những người cứ muốn từ chối được giúp đỡ mãi thôi.”

“Pháp sư là gì ạ?” tôi hỏi vì không biết đến từ này.

“Là một tên gọi khác của thầy phù thủy hay kẻ có pháp thuật. Những ai sử dụng thứ gọi là pháp thuật ấy mà. Hắn cũng hành nghề chữa bệnh chút đỉnh, nhưng năng lực đặc biệt của hắn là *necromancy* – thuật gọi hồn.”

“Gọi hồn ư? Là gì vậy ạ?” tôi hỏi. Trước đây tôi cũng chưa từng nghe Thầy Trừ Tà nhắc đến từ này, và tôi nhận ra sau cuộc trò chuyện mình sẽ có lắm ghi chú phải chép lại vào sổ đây.

“Động não đi anh bạn. Từ này xuất phát từ tiếng Hy Lạp, nên lẽ ra con phải nghĩ ra được nghĩa của nó chứ!”

“À vâng, *nekros* nghĩa là ‘tử thi’, ” tôi nói sau một thoáng suy nghĩ cẩn thận. “Nên con nghĩ thuật này có liên quan gì đấy đến người chết.”

“Giỏi lắm! Hắn là pháp sư sử dụng người chết để giúp việc và cho hắn quyền năng.”

“Bằng cách nào chứ?” tôi hỏi.

“Ừ thì, như con biết đấy, các hồn ma và vãn hồn đều là một phần trong nghề này thôi. Nhưng trong khi chúng ta nói chuyện phải quấy với họ và tiễn họ lên đường siêu thoát thì Morgan lại làm điều đối nghịch. Hắn lợi dụng người đã khuất. Dùng họ làm gián điệp. Hắn khuyến khích họ mãi kẹt lại trên dương gian – để phục vụ cho mục đích của hắn và giúp hắn trút tiền vào đầy túi. Thi thoảng là bằng cách lừa gạt những người dân đau khổ đang lúc dễ bị tổn thương nhất.”

“Thế thì hắn là một kẻ lừa đảo phải không ạ?” tôi hỏi.

“Không, đúng là hắn có khả năng nói chuyện với người chết. Vậy nên con phải nhớ lấy điều này và nhớ cho kỹ vào: Morgan là một kẻ nham hiểm, việc hắn dính líu đến thế lực bóng tối đã cho hắn vài quyền năng thực sự và nguy hiểm là điều mà chúng ta phải dè chừng. Hắn cũng tàn độc nữa, và sẽ làm tổn thương nghiêm trọng bất cứ ai ngáng đường. Cho nên con phải tránh xa hắn ra đấy nhé anh bạn.”

“Tại sao lúc trước thầy không ngăn hắn lại?” tôi hỏi. “Chẳng phải thầy nên giải quyết hắn từ bao năm trước rồi sao?”

“Chuyện dài lắm,” thầy tôi đáp. “Mà nếu ta phải làm thế thì khi đấy thời điểm vẫn chưa chín muồi. Chúng ta sẽ sớm giải quyết hắn. Con hãy cố tránh xa hắn cho đến khi thầy trò ta sẵn sàng – với lại con hãy thôi ngay cái trò bảo ban ta phải làm việc của ta như thế nào đi!”

Tôi gục đầu ngượng chín người, thầy tôi vỗ nhẹ lên cánh tay tôi. “Coi nào anh bạn, không sao đâu. Ý của con chí lý đấy chứ. Ta rất mừng khi thấy con đang vận dụng trí óc của mình. Còn con bé kia cũng được việc lắm khi phát hiện ra Morgan nói chuyện với hồn ma em gái hắn. Đấy chính xác là lý do tại sao ta đã bỏ con bé lại đấy, để nó quan sát những chuyện như thế!”

“Nhưng vậy là không công bằng ạ!” tôi phản đối. “Thầy biết rõ là Alice sẽ phải hứng chịu quãng thời gian khó khăn khi phải ở lại đấy.”

“Ta biết sẽ chẳng phải là chuyện dễ dàng êm đẹp gì, anh bạn ạ. Nhưng con bé đó phải trả giá cho lỗi lầm mình gây ra trong quá khứ, và nó thừa khả

năng tự chăm sóc cho bản thân. Với lại, một khi chúng ta đã xử lý Morgan xong rồi, gia đình ấy sẽ vui vẻ hạnh phúc hơn hẳn. Nhưng trước hết chúng ta phải tìm cho ra hắc đã.”

“Alice bảo ông bà Hurst nói dối đấy ạ. Morgan ghé về nông trại ấy luôn.”

“Giờ thì hắc lại làm thế à!”

“Alice bảo lúc này đây Morgan không có ở đấy nhưng hắc sẽ quay về bất cứ lúc nào.”

“À, vậy thì có lẽ đấy là nơi ngày mai chúng ta bắt đầu cuộc tìm kiếm,” Thầy Trừ Tà trầm ngâm bảo.

Khi sự im lặng kéo dài thêm, tôi giữ lời mình đã hứa cùng Alice dù biết hỏi xin điều ấy chỉ là tốn công vô ích.

“Alice lại đến ở với chúng ta được không ạ?” tôi hỏi. “Bạn ấy đang phải chịu một quãng thời gian rất tồi tệ. Bỏ rơi bạn ấy khi ở đây chúng ta có đủ phòng ở thì ác quá.”

“Tại sao lại phải hỏi khi con đã biết câu trả lời là gì?” Thầy Trừ Tà trừng mắt giận dữ nhìn tôi. “Đừng có yếu lòng như thế. Nếu con để trái tim chi phối đầu óc thì thế lực bóng tối sẽ đánh bại con bất cứ lúc nào. Anh bạn, hãy nhớ lấy điều ấy – một ngày nào đó điều này sẽ cứu mạng con đấy. Và chúng ta đã có đủ phù thủy sống tại đây rồi.”

Vậy là chấm hết. Nhưng ngày hôm sau chúng tôi đã không ghé qua nông trại của gia đình nhà Hurst. Có chuyện xảy đến đã làm thay đổi mọi việc.

KẸ NÉM ĐÁ

Ngay sau bữa điểm tâm, một anh nông dân to lớn, vạm vỡ đến nện ầm ầm vào cửa sau bằng cả hai nắm tay, như thể mạng sống chính anh ta phụ thuộc vào cánh cửa này vậy.

“Này anh đang làm gì thế hả, cái đồ vụng về to xác kia?” Thầy Trừ Tà vừa ra mở rộng cửa vừa quát lên. “Tính đập gãy cánh cửa khi gió này à?”

Anh chàng thôi không đập cửa nữa và mặt hơi ửng đỏ. “Tôi hỏi thăm tin tức về ông ở dưới làng kia,” anh ta nói, đồng thời chỉ tay về phía Adlington. “Một người thợ mộc ra khỏi sân và chỉ đường lên trên này. Anh ấy bảo tôi phải gõ mạnh vào cửa sau.”

“Phải đấy, nhưng anh ta bảo là gõ, chứ có phải tống gậy bản lề đâu,” Thầy Trừ Tà giận dữ bảo. “Mà thôi, anh có việc gì liên quan đến ta thế?”

“Bố tôi cử tôi đến đây. Ông ấy bảo là phải đến ngay. Chuyện xấu lắm ạ. Một người đã mất mạng rồi.”

“Bố anh là ai thế?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Henry Luddock. Chúng tôi ngụ tại Trang trại Stone gần hẻm núi Owshaw.”

“Ta đã từng gặp bố anh và trước đây có làm việc cho ông ấy. Anh là William chẳng?”

“Đúng ạ...”

“Chà, William này, lần cuối cùng ta đến thăm Trang trại Stone thì anh còn là thằng bé con còn ẵm ngửa. Thôi, ta có thể thấy anh đang bồn chồn lo lắng, vào trong này mà nghỉ chân nào. Rồi hít thở sâu vào, trấn tĩnh lại mà thuật hết cho ta nghe ngay từ đầu. Ta muốn biết thật chi tiết, thế nên đừng bỏ sót phần nào nhé,” Thầy Trừ Tà ra lệnh.

Khi chúng tôi đi qua bếp để vào phòng khách, tôi không thấy bóng dáng Meg đâu cả. Khi không làm lụng thường thì bà ấy ngồi bên ghế đu, hơ tay sưởi ấm bên bếp lửa. Tôi thắc mắc không biết có phải bà ấy lánh đi khi chúng tôi có khách hay chẳng – là việc lẽ ra lần trước bà ấy phải làm khi Shanks đến giao lương thực ấy.

Vào đến phòng khách, William bắt đầu thuật lại câu chuyện về một loạt các sự kiện đã bắt đầu thật tồi tệ và rồi càng trở nên xấu đi. Hình như có một ông kẹ, chắc là tên mà tôi và thầy từng nghe chạy ngang qua mạch hóc xoáy cách đây mấy đêm, đến làm ổ tại Trang trại Stone. Ông kẹ này đã khua khoảng hết nồi niêu xoong chảo trong bếp, đập cửa trước rầm rầm rồi lại đâm thùm thụp vào tường nhà vài lần. Từng ấy thôi đã đủ để tôi xác định ngay tên ấy là loại ông kẹ nào, căn cứ vào những ghi chép của tôi về các loại ông kẹ.

Đây là một *kẹ phá nhà*, nên tôi liền đoán ra chuyện gì sẽ xảy đến tiếp theo trong câu chuyện của William. Sáng ngày hôm sau, ông kẹ bắt đầu ném đá. Thoạt đầu chỉ là mấy viên sỏi be bé va lách cách vào cửa sổ, lăn xuống vách tường đá hay lọt xuống ống khói. Và rồi mấy viên đá trở nên to hơn. To hơn nhiều.

Thầy Trừ Tà từng dạy tôi rằng *kẹ phá nhà* nhiều khi phát triển thành *kẹ ném đá*. Đây là những ông kẹ ác tính và xử lý bọn này rất nguy hiểm. Người đã bỏ mạng là một người chăn cừu do ông Henry Luddock mượn về. Xác người này được tìm thấy bên mạn sườn xuôi của đồng hoang.

“Đầu ông ấy nát bấy,” William kể. “Tảng đá đó còn lớn hơn đầu ông ấy nữa.”

“Anh có chắc đấy không phải là tai nạn không?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Biết đâu ông ta chỉ trượt chân, té ngã rồi đập đầu xuống đất thì sao.”

“Bọn tôi tin chắc mà: ông ấy nằm ngửa và bị tảng đá đè lên người. Và rồi, trong khi chúng tôi đang khiêng xác xuống, lại có thêm những tảng đá khác rơi rào rào xuống xung quanh. Thật kinh khủng. Tôi cứ tưởng là mình chết tới nơi. Vậy ông sẽ đến giúp chứ ạ? Xin ông đấy. Bố tôi sắp phát rồ vì lo

lãng rồi. Có bao nhiêu việc cần làm nhưng lại không an toàn chút nào khi ra khỏi nhà.”

“Được, anh quay về bảo với bố anh là ta đang trên đường xuống đây. Còn về công việc, cứ vất vả đi rồi chỉ làm những việc cần thiết. Đám cừu có thể tự lo cho chúng, ít nhất là cho đến khi trời đổ tuyết, cho nên các anh hãy tránh xa khu vực sườn đồi đi nhé.”

Khi William đi rồi, Thầy Trừ Tà quay sang tôi lắc đầu với vẻ mặt nghiêm trọng. “Chuyện không hay đấy, anh bạn,” thầy bảo. “Kẹ ném đá có quấy phá thật nhưng hiểm khi giết hại người, nên ông kệ lần này là thứ lật lọng và rất có thể sẽ làm như thế nữa. Trước đây ta từng xử lý một hai tên như thế và thường kết thúc với ít nhất là một cái đầu đau nhức. Việc này khác với việc xử lý một kệ xé xác, nhưng đôi khi cũng rất nguy hiểm. Đã từng có các thầy trừ tà bị kệ ném đá giết chết.”

Mùa thu rồi tôi từng đối phó với một kệ xé xác. Khi ấy Thầy Trừ Tà bị ốm nên tôi phải ra tay mà không có thầy, với sự giúp sức của một anh thợ chằng cùng thợ phụ. Việc ấy khá đáng sợ vì kệ xé xác thường lấy mạng con mồi. Đối phó với kệ ném đá lần này cũng phải e dè lắm, nhưng mà theo kiểu khác. Bạn chẳng thể làm gì nhiều để bảo vệ chính mình khỏi những tảng đá từ trên trời rơi xuống!

“Chà, ai đó phải làm việc này thôi!” tôi vừa nói vừa mỉm cười, cố trưng ra gương mặt can đảm.

Thầy Trừ Tà nghiêm nghị gật đầu. “Chắc chắn là thế, anh bạn, nên chúng ta hãy bắt tay vào việc nào.”

Vẫn còn việc cần phải hoàn tất trước khi chúng tôi lên đường. Thầy Trừ Tà dẫn tôi trở vào phòng khách và bảo tôi lấy chiếc bình thủy tinh màu nâu dán nhãn “TRÀ THẢO DƯỢC” xuống.

“Này con, pha thêm cho Meg tách trà nữa,” Thầy Trừ Tà bảo. “Chỉ có điều lần này phải pha đậm hơn. Con rót đầy vài lóng tay đi. Chừng đó sẽ đủ tác dụng vì chúng ta sẽ quay về trong tuần thôi.”

Tôi làm theo, rút ra ít nhất hai lóng tay thứ chất đen ngòm kia. Rồi tôi đun nước và đổ nước sôi gần đến miệng tách.

“Uống đi Meg,” Thầy Trừ Tà bảo bà ấy khi tôi đưa thầy cái tách nghi ngút hơi nước. “Bà cần thứ này vì thời tiết đang trở lạnh có thể khiến xương cốt bà đau nhức.”

Meg mỉm cười với Thầy Trừ Tà và trong vòng mười phút bà đã uống cạn, rồi đầu bà bắt đầu gà gật. Thầy Trừ Tà đưa cho tôi chiếc chìa khóa cổng sắt dưới cầu thang, bảo tôi đi trước dẫn đường. Đoạn thầy bế bổng Meg lên như thể bà ấy chỉ là một đứa bé rồi theo sát gót tôi.

Tôi mở khóa cổng ra, đi xuống mấy bậc thang và đợi bên ngoài cánh cửa chính giữa trong khi thầy tôi bế bà Meg vào trong căn phòng tối om. Thầy để cửa mở nên tôi có thể nghe rõ từng lời thầy nói với bà ấy.

“Chúc ngủ ngon, tình yêu của ta,” thầy nói. “Hãy mơ đến khu vườn của chúng ta nhé.”

Tôi biết lẽ ra mình không nên nghe lỏm, nhưng chuyện đã lỡ rồi, và tôi có chút xấu hổ khi nghe thấy không phải ai khác mà là chính thầy mình nói năng như thế.

Với lại Thầy Trừ Tà đang nói đến khu vườn nào nhỉ? Có phải thầy muốn ám chỉ mấy khu vườn ở Chipenden chẳng? Nếu thế, tôi hy vọng ý thầy là khu vườn phía tây trông ra rặng đồi đá. Còn hai khu vườn kia, nơi toàn là hồ nhốt ông kẹ và mồ chôn phù thủy ấy, thì không đáng để nghĩ đến làm gì.

Meg không đáp lại lời nào, nhưng hẳn Thầy Trừ Tà đã đánh thức bà ấy khi thầy bước ra ngoài khóa cửa lại, bởi vì đột nhiên bà bắt đầu khóc rên như một đứa bé hãi sợ bóng tối. Nghe thấy thế, Thầy Trừ Tà dừng lại và chúng tôi đứng chờ ngoài cửa thật lâu cho đến khi cuối cùng tiếng khóc cũng lịm dần và được thay thế bằng những âm thanh khê khàng hơn. Tôi nghe rõ tiếng hơi thở rít lên qua hàm răng của Meg khi bà thở hắt ra.

“Giờ bà ấy ổn rồi ạ,” tôi lặng lẽ thưa với thầy mình. “Bà ấy đang ngủ. Con có thể nghe thấy bà ấy ngáy kìa.”

“Nào phải đâu anh bạn!” Thầy Trừ Tà nói, mắt liếc tôi theo một trong những cách nhìn coi thường của thầy. “Nghe giống thở dài hơn là ngáy chứ!”

À thì, chắc hẳn với tôi lại nghe như tiếng ngáy, và tôi chỉ có thể nghĩ rằng Thầy Trừ Tà không thích những lời chê bai cho dù là nhẹ nhàng nhất về Meg. Mà thôi, dứt lời, thầy trò tôi đi lên mấy bậc thang, khóa cổng sắt lại và gói ghém đồ đạc chuẩn bị cho chuyến hành trình.

Chúng tôi đi về hướng đông, leo sâu hơn vào trong hẻm núi, cho đến khi khe núi trở nên hẹp đến mức hai thầy trò gần như phải bước đi ngay giữa lòng suối, còn trên đầu chỉ còn một khe trời tí xíu xám xịt. Và rồi, thật ngạc nhiên làm sao, chúng tôi bắt gặp vài bậc thang được đẽo vào trong vách đá.

Các bậc thang nhỏ hẹp, dốc đứng, trơn trượt, đôi chỗ còn vương vài mảnh băng. Tôi đang vác chiếc túi nặng trĩu của Thầy Trừ Tà, nghĩa là, nếu trượt chân, tôi chỉ có một tay còn rảnh để tự cứu mình.

Theo chân thầy mình, tôi cố gắng leo lên mà không xây xát gì, và chắc chắn là cũng bỏ công leo lên lắm vì tôi lại được tận hưởng bầu không khí trong lành với khoảng không bốn bề mở rộng. Cơn gió đang quật phàn phật không khéo là thổi bật chúng tôi bay khỏi đồng hoang, các đám mây thì âm u đầy đe dọa, lại còn đua nhau trôi sát qua đầu chúng tôi đến nỗi có cảm giác như ta có thể với tay lên và chạm vào chúng.

Như tôi đã nói, là vùng đồng hoang, Anglezarke tuy nằm trên cao nhưng lại bằng phẳng hơn các rặng đồi đá chúng tôi bỏ lại ở Chipenden nhiều. Tuy nhiên cũng có vài ngọn đồi cùng thung lũng, một số mang hình dáng khá kỳ quặc. Một ngọn đồi nổi bật hẳn lên vì đây là mô đất bé nhất, tròn và nhẵn đến mức chẳng thể nào là tự nhiên được. Khi chúng tôi đi qua mô đất này, tôi bỗng nhận ra đây chính là gò mả mình từng trông thấy tên con trai nhà Hurst.

“Đây là nơi con đã thấy Morgan đấy ạ,” tôi bảo với Thầy Trừ Tà. “Khi ấy hẳn đang đứng ngay trên đỉnh mô đất này.”

“Chắc chắn là thế rồi. Hẳn luôn bị cái gò mả ấy mê hoặc và không cách nào tránh xa nó. Người ta gọi đây là Gò Ụ Tròn, con biết đấy, là do hình dáng của nó,” Thầy Trừ Tà từ người lên thanh trượng mà nói. “Nó được những người đầu tiên phương tây đặt chân đến Hạt dựng lên từ thời xa xưa. Họ cập bến vào Heysham, như con đã biết rồi đấy.”

“Gò này để làm gì vậy ạ?” tôi hỏi.

“Chắc là ít người biết lắm, nhưng nhiều kẻ ngu ngơ đến mức đoán mò đoán đại. Phần lớn người ta nghĩ đây chỉ là một gò mả, nơi một vị vua cổ đại nào đấy an nghỉ cùng với bộ giáp sắt và vàng bạc của mình. Những kẻ tham lam đã đào bao chiếc hố sâu hoắm, nhưng dù là nhọc công đến thế, bọn họ vẫn chẳng tìm thấy gì cả. Con có biết từ Anglezarke nghĩa là gì không, anh bạn?”

Tôi lắc đầu rồi rùng mình vì lạnh.

“À, nó có nghĩa là ‘ngôi đền của những kẻ ngoại đạo’. Toàn bộ vùng đồng hoang này là một nhà thờ bao la mở rộng lên trời, nơi những người thời xưa thờ cúng các vị Cổ Thần. Và, như mẹ con đã bảo, kẻ quyền năng nhất trong các vị thần ấy tên là Golgoth, Chúa Tế Mùa Đông. Mô đất này, có người nói, là bệ thờ chuyên biệt cho vị thần nọ. Khởi thủy thì vị thần này là một thế lực thiên nhiên hùng mạnh, là một vị thần của tự nhiên rất yêu thích cái lạnh. Nhưng vì được thờ tế quá lâu và quá nhiệt thành, hẳn ta ý thức được điều này và bắt đầu trở nên ngạo ngược, đôi khi còn nấn ná lại rất lâu sau mùa mình được phân công và đe dọa sẽ gây ra một năm ròng chỉ toàn băng tuyết. Có người thậm chí còn nghĩ chính quyền năng của Golgoth đã gây ra Kỷ băng hà cuối cùng. Ai mà biết sự thật thế nào cơ chứ? Dù sao đi nữa, giữa mùa đông, vào ngày đông chí, sợ rằng cái lạnh sẽ chẳng đời nào chấm dứt và mùa xuân sẽ vĩnh viễn không quay trở lại, người ta đã dâng tế vật để làm Golgoth nguôi ngoai. Tế vật bằng máu đấy, vì con người chẳng bao giờ rút ra được bài học cả.”

“Máu súc vật ạ?” tôi hỏi.

“Máu người đẩy anh bạn – họ làm thế để sau khi Golgoth uống máu các nạn nhân no nê, hẳn sẽ thỏa mãn mà chìm sâu vào giấc ngủ, để mùa xuân được quay trở lại. Xương cốt của những nạn nhân bị tể vẫn còn tồn tại. Con mà đào bất kỳ nơi nào trong vòng một dặm quanh đây liền sẽ tìm thấy một đồng xương cho xem.

“Mô đất này là một thứ khác khiến ta cứ mãi băn khoăn về Morgan. Hẳn không thể nào rời xa nơi này và luôn có hứng thú với Golgoth – hứng thú đến độ làm ta chẳng thích nổi – và chắc là hẳn vẫn còn như thế. Con biết đấy, có vài kẻ cho rằng Golgoth có thể là chìa khóa để đạt được pháp thuật thượng thừa, và nếu một pháp sư như Morgan chạm đến quyền năng của Golgoth, khi ấy sức mạnh của thế lực bóng tối sẽ bao trùm toàn Hạt này.”

“Và thầy nghĩ là Golgoth vẫn còn ở đây, đâu đó trên đồng hoang này...”

“Đúng vậy. Người ta đồn vị thần này đang say giấc sâu bên dưới lòng đồng hoang kia. Và đấy là lý do vì sao lòng hứng thú với Golgoth của Morgan thật nguy hiểm. Vấn đề là, anh bạn à, các vị Cổ Thần có uy lực khi họ được những kẻ điên rồ thờ phụng. Khi việc thờ phụng kết thúc, quyền năng của Golgoth suy yếu, thế là hẳn ta rơi vào trạng thái mê ngủ. Một giấc ngủ mà chúng ta *không* muốn hẳn thức giấc đâu.”

“Nhưng tại sao người ta lại ngừng thờ phụng hẳn ta vậy? Con tưởng người ta sợ là mùa đông sẽ không bao giờ chấm dứt cơ mà?”

“Phải, điều ấy đúng đấy anh bạn, nhưng đôi khi có những tình huống khác còn quan trọng hơn nhiều. Có lẽ là một bộ tộc hùng mạnh hơn chuyển đến vùng đồng hoang này mang theo một vị thần khác. Hoặc có lẽ mùa màng thất bát và người ta phải chuyển sang khu vực màu mỡ phì nhiêu hơn. Lý do qua bao đời nay đã bị thất lạc đi mất, nhưng giờ đây Golgoth vẫn đang yên ngủ. Và ta muốn mọi chuyện ở yên như cũ. Vậy nên con hãy tránh xa nơi này nhé anh bạn, lời khuyên của ta đấy. Và hãy cách li Morgan khỏi nơi đây nữa. Giờ thì đi thôi, trời không còn sớm sửa gì đâu, ta nhanh chân bước tiếp nào.”

Nói đoạn Thầy Trừ Tà dẫn đường đi tiếp, một giờ đồng hồ sau chúng tôi đã đi xuống hết vùng đồng hoang và di chuyển về hướng bắc, đến được Trang trại Stone trước khi trời tối. William, anh con trai của bác nông dân, đang đứng chờ hai thầy trò ở cuối con đường đất, và chúng tôi cùng nhau đi lên đồi về phía nông trại ngay khi ánh sáng bắt đầu nhá nhem. Nhưng trước khi ghé qua nông trang, Thầy Trừ Tà khẳng khẳng muốn được dẫn đến nơi tìm thấy xác chết.

Lối mòn từ cổng sau sân nông trại dẫn thẳng lên đồng hoang, lúc này đã tối đen và thật đáng sợ nổi bật trên nền trời xám. Giờ đây khi gió đã lặng, các đám mây đang lơ lửng trôi và trông nặng nề những tuyết.

Đi khoảng hai trăm bước, chúng tôi đến được hẻm núi còn nhỏ hơn hẻm núi nơi ngôi nhà của Thầy Trừ Tà tọa lạc rất nhiều, nhưng lại trông u ám gớm ghiếc chẳng kém. Nơi này chỉ là một khe núi chật hẹp đầy bùn đất và đá tảng, bị ngăn đôi bởi một con suối cạn nước xiết.

Hình như chẳng có gì nhiều để xem xét nhưng tôi lại thấy bất an và cả William cũng vậy. Anh chàng cứ đảo mắt nhìn lên trời mãi và liên tục bất chợt quay ngoắt đi như thể đang nghĩ có thứ gì đó rình rập sau lưng anh ấy. Trông thì buồn cười lắm nhưng vì đang quá lo sợ nên tôi cười không nổi.

“Đến nơi rồi chứ gì?” Thầy Trừ Tà hỏi khi William đột nhiên dừng sững lại.

William gật đầu và chỉ tay về phía một vạt đất, nơi mấy túm cỏ bẹp dí.

“Còn kia là tảng đá chúng tôi đã nhắc khỏi đầu ông ấy,” anh vừa nói vừa chỉ sang một tảng đá xám to cộc. “Phải hai người chúng tôi mới nhắc nổi đấy!”

Tảng đá này to thật, tôi rầu rĩ đưa mắt nhìn sang, lòng hãi sợ khi nghĩ rằng một vật gì đó tương tự có khả năng từ trên trời rơi xuống. Điều này khiến tôi ngộ ra kẹ ném đá có thể nguy hiểm đến dường nào.

Và rồi, bất thành linh, đá bắt đầu rơi xuống thật. Viên đầu tiên nhỏ thôi, tiếng đá chạm xuống bãi cỏ khê đến nỗi tôi chỉ nghe thấy trên nền tiếng nước chảy ồ ạt. Tôi ngược nhìn lên trời mây vừa kịp lúc trông thấy một

viên đá to hơn hẳn rơi xuống, chỉ cách đầu tôi trong gang tấc. Chẳng mấy chốc đá sỏi đủ cỡ đủ loại bắt đầu rơi xung quanh chúng tôi, vài viên đá đủ to để gây ra chấn thương nghiêm trọng.

Thầy Trừ Tà chỉ thanh trượng về hướng nông trang và, ngạc nhiên làm sao, thầy bắt đầu dẫn đường quay trở xuống hẻm núi. Chúng tôi lẹ làng di chuyển, tôi chặt vật lăm mới theo kịp, chiếc túi trở nặng theo mỗi bước đi, bùn đất dưới chân tôi trơn tuột. Mãi tới khi đến được nông trang, chúng tôi mới ná thở mà dừng lại.

Đá đã ngừng rơi nhưng một trong số chúng đã kịp gây ra tổn thất. Trên trán Thầy Trừ Tà có một vết cắt và máu đang nhỏ xuống. Cũng không nghiêm trọng và đe dọa đến sức khỏe của thầy, nhưng trông thầy bị thương như thế khiến tôi lo lắng.

Tên kẻ ném đá đã giết chết một người đàn ông, ấy vậy mà bằng cách nào đó, thầy tôi – người đã qua thời sung sức – lại sắp phải đối mặt với nó. Tôi biết ngày mai thầy thật sự cần đến sự trợ giúp của mình. Nhất định ngày mai sẽ là một ngày kinh hoàng.

Henry Luddock chào đón chúng tôi khi chúng tôi quay lại nông trang. Chẳng bao lâu sau chúng tôi được mời vào ngồi trong gian bếp nhà ông, trước lò sưởi củi cháy phừng phừng. Henry là một người đàn ông to con, vui tính, mặt đỏ ửng, người không để mỗi đe dọa từ ông kẻ làm mình chùn lòng. Ông rất buồn về cái chết của người chăn cừu mà mình thuê về, nhưng ông lại rất tử tế và chu đáo với chúng tôi, lại còn muốn tiếp đón chúng tôi bằng một bữa tối thịnh soạn.

“Cảm ơn vì đã mời nhé Henry,” Thầy Trừ Tà lịch sự từ chối. “Anh thật tốt bụng, nhưng chúng tôi không bao giờ làm việc với cái dạ dày no căng cả. Làm thế chỉ tổ rước thêm rắc rối thôi. Nhưng mọi người cứ việc ăn uống và ăn bao nhiêu tùy thích.”

Thật đáng buồn cho tôi vì đấy chính xác là điều mà gia đình Luddock đã làm. Họ an tọa và chén đầy những suất bánh nướng nhân thịt bê to tướng,

trong khi đẩy một miếng phó mát vàng vọt hèn mọn và một ly nước lã là tất cả những gì Thầy Trừ Tà cho phép chúng tôi ăn.

Vậy là tôi ngồi đấy gặm nhấm mẫu phó mát của mình, ngẫm nghĩ về Alice trong căn nhà mà cô gái thấy không vui vẻ gì. Nếu không có vụ ông kẹ này, hẳn Thầy Trừ Tà đã ra tay xử lý Morgan để làm mọi chuyện sáng sủa hơn. Nhưng với việc phải đối mặt với một kẹ ném đá, ai mà biết khi nào thầy mới có thời gian lo đến chuyện kia.

Trong nhà gia đình Luddock không còn phòng ngủ nào trống, thế là tôi và Thầy Trừ Tà phải trải qua một đêm bất tiện, mỗi người cuộn mình trong một tấm chăn nằm dưới sàn bếp, cạnh đám tro lò sưởi. Vừa lạnh vừa mỗi cứng cả người, sáng hôm sau chúng tôi thức dậy trước lúc bình minh ló dạng một đổi lâu và khởi hành đi đến ngôi làng gần nhất, tên là Belmont. Ngôi làng nằm mãi cuối chân đồi, khiến cho việc đi xuống đấy thật dễ dàng, nhưng tôi biết sớm thôi, chúng tôi sẽ phải bước lại theo lối cũ, khó nhọc vất vả leo ngược lên đồi trở về nông trang.

Belmont không rộng lớn mấy – chỉ là một ngã tư đường với nửa tá nhà cửa cùng lò rèn mà chúng tôi ghé đến. Bác thợ rèn trông chả có vẻ gì là vui vẻ khi thấy chúng tôi, nhưng chắc đấy là do chúng tôi gõ cửa buộc bác ra khỏi giường. Bác to cao vạm vỡ như đa số các thợ rèn, chắc chắn là kiểu người ta không nên giởn mặt, nhưng bác ta lại nhìn Thầy Trừ Tà với vẻ thận trọng dè chừng và dường như không được tự nhiên thoải mái cho lắm. Rõ là bác ta biết tổng thầy tôi làm nghề gì.

“Ta cần một chiếc rìu mới,” Thầy Trừ Tà bảo.

Bác thợ rèn chỉ ra đằng sau lò rèn, nơi có bày một số lưỡi rìu đúc thô sẵn để được rèn nhẵn thành thành phẩm.

Thầy Trừ Tà chọn rất nhanh, chỉ vào lưỡi rìu lớn nhất. Đây là loại rìu hai lưỡi to tướng và bác thợ rèn loáng đưa mắt nhìn ngang dọc người thầy tôi, như thể ước lượng đánh giá liệu thầy có đủ to đủ khỏe để sử dụng nó không.

Thế rồi, không chút do dự, bác thợ rèn gật đầu, càu nhàu càu nhàu rồi bắt tay vào việc. Tôi đứng bên cạnh bể rèn quan sát, trong khi bác thợ đun nóng,

đập chan chát để tạo hình lưỡi rìu trên đe, thảng hoặc nhúng lưỡi rìu vào chậu nước tạo nên tiếng xì xèo rõ to cùng một đám mây hơi nước.

Bác thợ đóng lưỡi rìu vào một cái cán dài bằng gỗ trước khi mài sắc lưỡi trên đá mài, những tàn lửa bay lên tung tóe. Tổng cộng cũng phải mất gần một giờ đồng hồ thì bác thợ rèn mới chịu hài lòng và đưa chiếc rìu cho Thầy Trừ Tà.

“Tiếp đến ta cần một tấm khiên thật lớn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Khiên phải đủ lớn để che chắn cho cả hai người chúng ta nhưng cũng phải thật nhẹ sao cho anh bạn kia có thể dùng tay giơ nó cao khỏi đầu.”

Bác thợ rèn trông có vẻ ngạc nhiên nhưng vẫn đi vào trong kho hàng ở phía sau rồi trở ra với một tấm khiên đại hình tròn. Chiếc khiên bằng gỗ, có viền kim loại bao quanh. Khiên còn có tâm khiên bằng kim loại kèm theo mũi giáo nhọn, thế là bác thợ bắt đầu tháo phần tâm khiên ra thay thêm gỗ vào đấy để làm chiếc khiên nhẹ đi. Rồi bác dùng thiếc phủ lấy mặt ngoài khiên.

Nếu nắm lấy mép ngoài khiên, giờ đây tôi đã giơ được chiếc khiên lên khỏi đầu bằng hai cánh tay vươn ra hết cỡ. Thầy Trừ Tà bảo như thế lại không ổn vì các ngón tay tôi sẽ bị đau khiến tôi đánh rơi khiên. Thế là sợi dây đai bằng da thường thấy được thay thế bằng hai tay cầm bằng gỗ ngay bên trong mép khiên.

“Được rồi, để xem con làm được gì nào,” Thầy Trừ Tà nói.

Thầy bắt tôi giơ cao khiên theo nhiều tư thế với nhiều góc độ khác nhau, và rồi khi đã vừa ý, thầy trả tiền cho bác thợ rèn và thầy trò chúng tôi khởi bước quay lại Trang trại Stone.

Chúng tôi leo thẳng đến đồi đá. Thầy Trừ Tà phải bỏ thanh trường lại đằng sau vì hai tay thầy đã bận mang theo rìu và túi. Tôi thì chắt vật với chiếc khiên nặng trĩu, bụng thấy mừng vì thầy không còn muốn tôi vác thêm túi của thầy nữa. Chúng tôi cứ leo lên mãi cho đến khi đến được nơi người chần cừu mất mạng. Đoạn Thầy Trừ Tà dừng lại và nhìn chòng chọc vào mắt tôi.

“Anh bạn này, bây giờ con can đảm lên nhé. Phải thật can đảm vào. Và chúng ta phải ra tay nhanh gọn,” thầy bảo tôi. “Ông kẹ đang sống dưới đám rễ của cây gai già đặng trên kia kia. Chúng ta phải đốn cây xuống rồi đốt nó đi để ép ông kẹ lò mặt ra ngoài.”

“Làm sao thầy biết vậy ạ?” tôi hỏi. “Kẹ ném đá thường hay sống dưới rễ cây lắm hả thầy?”

“Bọn chúng sống ở bất cứ đâu chúng thích. Nhưng nói chung ông kẹ thường thích sống trong hẻm núi, nhất là dưới rễ của mấy loại cây gai. Người chẵn cừu đã bị giết ngay dưới chân hẻm núi này. Và ta biết xa xa trên kia có một cây gai bởi vì đấy đích thị là nơi ta từng đối phó với ông kẹ mới đây nhất, khoảng mười chín năm trước, khi nhóc John mới chỉ là thằng bé ẵm ngửa và Morgan là chân học việc của ta. Nhưng chuyện này có chút rắc rối cho chúng ta đây, vì trong khi lần trước ông kẹ kia chịu nghe lấy đôi lời thương thuyết hữu nghị mà bỏ đi khi ta yêu cầu, thì lần này lại là một kẹ ném đá lặt lọng đã từng giết người, nên chỉ nói năng thuyết phục thôi e không đủ đâu.”

Thế rồi, tiến thẳng lên hướng bắc, thầy trò chúng tôi bước vào vùng ven phía tây hẻm núi, Thầy Trừ Tà đi nhanh như gió trước mặt tôi: chẳng mấy chốc cả hai chúng tôi đều thở hồng hộc. Đám bùn đất dưới chân dần dà nhường chỗ cho đá sỏi rời rạc, khiến cho bước đi càng thêm khó khăn.

Thoạt tiên chúng tôi giữ khoảng cách gần với đỉnh hẻm núi, nhưng rồi Thầy Trừ Tà dẫn đường đi xuống sườn núi đầy đá nhỏ cho đến lúc chúng tôi đến được ven bờ suối. Dòng suối cạn nhách và hẹp lòng nhưng nước vẫn chảy ồ ạt qua các tảng đá, ồ ạt đổ về xuôi với sức nước mạnh đến mức việc băng qua con suối này hẳn là không dễ. Chúng tôi tiếp tục đi ngược lên dòng chảy, hai bên bờ suối dốc đứng dẫn lên cho đến khi trên đầu chỉ còn trông thấy một kẽ hở trời mây nhỏ hẹp. Và rồi, mặc cho dòng suối chảy ồ ồ là thế, tôi vẫn nghe thấy tiếng viên sỏi đầu tiên rơi tòm xuống vùng nước ngay phía trước.

Đây là điều này giờ tôi chờ đợi, không lâu sau đấy còn có thêm nhiều viên sỏi nữa, buộc tôi phải lúi khiên từ sau lưng ra mà cố giơ nó lên trên đầu hai

thầy trò. Thầy Trừ Tà cao hơn tôi nên tôi phải giương khiên thẳng lên hết cỡ, và chẳng mấy chốc hai vai và tay tôi đã bắt đầu nhức nhối. Mặc dù tôi đang giơ khiên cao hết cỡ, Thầy Trừ Tà vẫn phải cúi lom khom và việc đi tiếp tới trước thật chẳng dễ dàng gì cho cả hai chúng tôi.

Chúng tôi nhanh chóng trông thấy cây gai nọ. Cây không to lớn lắm nhưng là một cây rất lâu đời, đen đúa với thân cây vắn vẹo, rễ cây xù xì trông như bao móng vuốt. Cây gai hiên ngang đứng đấy, sống sót qua bao lần thời tiết khắc nghiệt nhất trong hàng trăm năm trời có lẽ. Đây quả là nơi thích hợp cho ông kẹ làm ổ, nhất là với một kẹ ném đá như tên này, loại kẹ luôn tránh xa con người và thích cô độc một mình.

Mỗi phút trôi qua, đám đá sỏi rơi xuống càng lớn dần, khi chúng tôi vừa đến được chỗ cây gai, một viên đá to hơn nắm tay đã rơi choảng xuống khiên, sém chút làm tôi buông tay.

“Này, giữ cho chắc vào chứ!” Thầy Trừ Tà quát lên.

Thế rồi đá bỗng ngừng rơi.

“Đằng kia kia...” Thầy chỉ tay, và tôi trông thấy ông kẹ đang bắt đầu hiện hình dưới bóng các tán cây. Thầy Trừ Tà đã bảo tôi rằng ông kẹ thực ra là một linh hồn không xác thịt, không xương không máu; nhưng có lúc, khi muốn dọa nạt con người, chúng sẽ khoác lên mình những lớp mắt thường có thể nhìn thấy. Lần này, ông kẹ sử dụng bùn đá dưới gốc cây. Đống bùn đất ấy dâng lên thành một đám mây ướt nhẹp to tướng vùn vụt dính sát vào ông kẹ để người ta nhìn ra hình dạng của nó.

Cảnh tượng này không đẹp mắt gì cho lắm. Ông kẹ có sáu cánh tay to vạm, mà theo tôi, chúng rất hữu ích trong việc ném đá. Chả trách sao tên này ném vừa nhanh lại vừa nhiều đến vậy. Đầu nó cũng khổng lồ nữa chứ, mặt bị bùn đất che hết, trông như một đồng chất nhều nhão lẫn sỏi nhúc nhích khi nó cau có nhìn chúng tôi, như thể đang có một cơn động đất xảy đến bên dưới lòng đất kia. Còn có một khe hở đen ngòm là miệng ông kẹ và hai cái hốc lớn đen thui ở nơi lẽ ra phải là hai mắt.

Chẳng màng đến ông kẹ và cũng không bỏ phí thời khắc nào, vì đá cuội lại bắt đầu trút xuống, Thầy Trừ Tà xông thẳng đến cây gai, khi thầy đi đến nơi thì tay rìu đã vun vút chặt xuống. Loại cây xù xì già nua này rất dai và phải chặt kha khá phát thì mấy cành cây mới chịu đứt xuống. Tôi chẳng thấy ông kẹ đâu nữa, vì mãi bận bịu cố giữ chiếc khiên che trên cao đỡ lấy mấy tảng đá rơi về phía mình. Dường như chiếc khiên mỗi lúc một trở nặng và hai cánh tay tôi run bần bật khi cố hết sức giơ khiên cao như thế.

Thầy Trừ Tà tấn công sang gốc cây, điên cuồng phang vào đấy. Khi ấy tôi hiểu ra vì sao thầy lại chọn loại rìu hai lưỡi: thầy vun rìu theo chiều xuôi lẫn chiều ngược thành những đường vòng cung thật lớn gặt xuống như lưỡi hái, khiến tôi thấy nguy cho cả tính mạng của mình. Nhìn thầy, bạn sẽ không thể nào đoán được là thầy mạnh đến nhường ấy. Thầy có còn trẻ nữa đâu, nhưng lúc ấy tôi biết, căn cứ vào cái cách lưỡi rìu bập sâu vào thân cây, rằng bất chấp tuổi tác cũng như tình hình sức khỏe gần đây cứ đau yếu luôn, ít ra thầy vẫn còn khỏe như bác thợ rèn và hẳn là mạnh bằng hai lần bố tôi ấy chứ.

Thầy Trừ Tà không đốn ngã cây ngay xuống; thầy chẻ đôi gốc cây, đoạn đặt rìu xuống và thò tay vào chiếc túi da màu đen của mình. Tôi không thể nhìn rõ thầy đang làm gì vì đồng đá bắt đầu đổ xuống còn nhanh hơn bao giờ hết. Tôi liếc xéo sang bên, nhìn thấy ông kẹ dần uốn éo lay động và phình to ra: những bắp thịt ú nần to lớn đang trồi lên khắp người nó như những mụn mủ sục sôi nóng giận. Và rồi, khi bùn đất và sỏi đá phóng lên, ông kẹ gần như phình to gấp đôi lúc này. Có hai điều nhanh chóng nổi đuôi nhau diễn ra.

Điều thứ nhất là có một tảng đá khổng lồ từ trên trời rơi xuống ngay bên phải chúng tôi rồi cắm ngập xuống đất đến ngang nửa. Nếu tảng đá này mà tương ngay lên chúng tôi thì hẳn chiếc khiên cũng vô dụng. Thầy trò tôi chắc đã dẹp lếp. Điều thứ hai là đột nhiên cây gai bốc cháy. Như tôi đã nói đấy, tôi không có dịp nhìn xem Thầy Trừ Tà đã làm thế bằng cách nào, nhưng kết quả chắc chắn là ngoạn mục. Cả thân cây bùng lên trong một

tiếng *phụt* và rồi ngọn lửa sáng rực cả bầu trời, tàn lửa lép bép phóng ra tứ phía.

Lúc tôi nhìn sang trái, ông kẹ đã biến mất, vậy nên bằng hai cánh tay run rẩy, tôi hạ khiên chắn xuống và đặt mép dưới khiên tì lên mặt đất. Tôi vừa làm thế xong, Thầy Trừ Tà đã nhặt túi của mình lên, vác rìu lên vai, và chẳng buồn buồn lấy một lời hay liếc ra sau một cái, thầy xăm xăm đi xuống đồi đá.

“Đi thôi nào anh bạn!” thầy giục tôi. “Đừng có lần khần!”

Thế là tôi nhặt khiên lên và đi theo, không dám cả gan liếc lại ra sau dù chỉ một lần.

Một lúc sau, Thầy Trừ Tà đi chậm lại và tôi bắt kịp thầy. “Xong rồi hả thầy?” tôi hỏi. “VẬY là chấm dứt chứ ạ?”

“Đừng ngớ ngẩn thế!” thầy vừa nói vừa lắc đầu. “Mọi việc chỉ mới bắt đầu thôi. Đây chỉ mới là bước đầu tiên. Hiện tại nông trại của Henry Luddock đã được an toàn nhưng ông kẹ sẽ chóng giở chứng tiếp ở một nơi khác. Nhiều chuyện tồi tệ hơn còn chưa xảy đến đâu!”

Tôi thấy thất vọng vì cứ ngỡ rằng nguy hiểm đã qua và nhiệm vụ của thầy trò chúng tôi đã hoàn tất. Nãy giờ tôi thật lòng mong ngóng đến một bữa ăn nóng sốt ngon ngọt lắm rồi, nhưng giờ đây Thầy Trừ Tà đã dẹp tan mọi hy vọng của tôi vì chúng tôi phải tiếp tục nhịn đói.

Ngay khi quay trở lại nông trại, thầy tôi nói với ông Henry Luddock rằng thầy đã đuổi được ông kẹ đi. Ông Henry cảm ơn thầy rồi hứa sẽ trả công cho thầy vào mùa thu năm sau, ngay sau khi thu hoạch mùa màng xong; năm phút sau thầy trò chúng tôi lên đường quay về căn nhà mùa đông của Thầy Trừ Tà.

“Thầy có chắc là ông kẹ sẽ quay lại chứ? Con thật sự nghĩ là công việc đã xong rồi cơ đấy,” tôi nói với Thầy Trừ Tà khi chúng tôi băng qua đồng hoang, gió réo ào ào sau lưng hai thầy trò.

“Thật ra, công việc mới xong có một nửa thôi anh bạn à, nhưng chuyện tồi tệ nhất lại chưa đến. Cũng giống như một con sóc chôn mấy hạt dẻ để ăn

dần, ông kẹ cất nguồn năng lượng dự trữ tại nơi nó sống. Cũng may là, giờ thì nơi ấy đã tiêu tủng, đã bị thiêu rụi theo cây gai ròi. Chúng ta đã đánh thắng trận đấu lớn đầu tiên, nhưng trải qua vài ngày khôi phục sức lực, ông kẹ sẽ bắt đầu quấy phá người khác.”

“Vậy chúng ta sẽ phải chèn nó xuống hố ạ?”

“Không đâu con. Khi một kẹ xé xác giết người tỉnh bơ như thế, nó cần được tiêu diệt một lần dứt điểm!”

“Nó sẽ lấy sức mạnh mới từ đâu vậy ạ?” tôi hỏi.

“Từ nỗi sợ hãi, anh bạn ạ. Đây là cách nó thu sức mạnh. Kẹ ném đá sống nhờ vào lòng sợ hãi của những kẻ bị nó hành hạ. Một vài gia đình đáng thương nào đấy quanh đây rồi sẽ phải chịu một đêm kinh hoàng đây. Ta không biết nó sẽ đi đâu hay sẽ chọn ai, nên ta không thể làm gì mà cũng không thể đưa ra lời cảnh báo. Đây chỉ là một trong những điều chúng ta phải chấp nhận thôi. Giống như việc đốn gãy cái cây già nua tội nghiệp ấy. Ta không muốn làm thế nhưng chẳng còn lựa chọn nào cả. Tên ông kẹ đó sẽ di chuyển tiếp, phục hồi sức lực, nhưng trong vòng một hai ngày tới nó sẽ tìm cho mình một cái ổ mới dài hạn hơn. Và đây là khi sẽ có ai đó đến xin chúng ta giúp đỡ.”

“Nhưng tại sao ông kẹ lại lật lọng chứ?” tôi hỏi. “Tại sao nó phải giết người?”

“Tại sao *người ta* lại giết nhau?” Thầy Trừ Tà hỏi lại. “Có người giết có người không. Và có những người sinh ra là thiện nhưng kết thúc là ác. Ta nghĩ tên kẹ ném đá này chán phải làm kẹ phá nhà rình rập quanh mấy khu nhà dọa người ta sợ bằng cách khua gõ quấy phá về đêm rồi. Nó muốn có nhiều hơn nữa: muốn toàn bộ vùng sườn đồi thuộc về mình nên có ý định ép đuổi Henry Luddock đáng thương cùng gia đình ông ta ra khỏi nông trại. Nhưng giờ đây, vì chúng ta đã phá hủy ổ của nó, nó sẽ cần có ổ mới. Vậy nên nó sẽ di chuyển sâu hơn xuống hóc xoáy.”

Tôi gật gù.

“À, có lẽ cái này sẽ làm con vui vẻ hơn một chút,” thầy vừa nói vừa lấy trong túi quần ra một miếng pho mát màu vàng. Thầy bẻ một mảnh nhỏ đưa cho tôi. “Nhai thứ này đi,” thầy bảo tôi, “nhưng đừng có vội nuốt hết đấy.”

Trở về lại nhà Thầy Trừ Tà, chúng tôi mang Meg ra khỏi hầm, sau đó tôi quay lại với công việc và bài học thường ngày. Nhưng có một khác biệt lớn. Vì chúng tôi đang chờ ông kẹ gây rắc rối nên việc nhịn đói vẫn tiếp diễn. Thật là đau khổ cho tôi khi phải nhìn Meg nấu ăn cho bà ấy trong khi thầy trò tôi lại phải đói meo. Chúng tôi nhịn đói ba ngày ba đêm cho đến khi dạ dày tôi nghĩ là cổ họng mình đã bị cắt lìa rồi hay sao ấy, nhưng rồi cuộc, khoảng giữa trưa ngày thứ tư, từ cửa sau vang lên một tiếng gõ thật lớn.

“À há, ra mở cửa xem nào anh bạn!” Thầy Trừ Tà ra lệnh. “Chẳng nghi ngờ gì nữa, đây là tin tức chúng ta đang chờ đợi bấy lâu.”

Tôi tuân lời, nhưng khi ra mở cửa, thật kinh ngạc làm sao, tôi thấy Alice đang đứng ngay ngoài ấy.

“Ông lão Hurst sai tớ đến,” Alice bảo. “Dưới nông trại Cảnh Bờ Hoang có rắc rối về ông kẹ. Sao hả? Cậu sẽ không mời tớ vào sao?”

KẸ NÉM ĐÁ TRỞ LẠI

Thầy Trừ Tà đã tiên đoán chính xác nhưng thầy cũng ngạc nhiên như tôi khi tôi đưa vị khách vào trong bếp. “Ông ẹ đã xuất hiện ở nông trại gia đình Hurst,” tôi thưa với thầy. “Ông Hurst cầu xin giúp đỡ đấy ạ.”

“Bé con, hãy vào trong phòng khách nào. Chúng ta sẽ trao đổi trong ấy,” thầy vừa nói vừa quay bước dẫn đường.

Alice mỉm cười với tôi, nhưng trước đấy cô gái đã kịp liếc thấy Meg, lúc này đang quay lưng về phía chúng tôi mà hơ tay trên bếp lửa.

“Ngồi xuống đi,” Thầy Trừ Tà bảo Alice, đoạn đóng cửa phòng khách lại. “Giờ kể cho ta nghe nào. Kể ngay từ đầu và cứ từ từ cũng được.”

“Chẳng có gì nhiều để kể đâu ạ,” Alice mở lời. “Tom đã từng nói cho cháu biết khá nhiều về ông ẹ nên cháu chắc chắn đấy là một tên ẹ ném đá. Nó đã ném bao nhiêu là đá vào nông trại trong mấy ngày qua – đi ra khỏi nhà nguy hiểm lắm ạ. Cháu đã phải liều cả mạng sống chỉ để chạy đi tìm ông đấy. Ngoài sân đầy đá tảng không thôi. Dường như chẳng còn khung kính cửa nào nguyên vẹn và tên này đã ném vỡ luôn ba cụm ống khói. Cũng may là không ai bị thương.”

“Thế Morgan đã không ngăn chặn việc này à?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Ta đã dạy bảo hẳn đầy đủ kiến thức căn bản về ông ẹ rồi cơ mà.”

“Bao nhiêu ngày nay cháu có thấy hẳn đâu. Thật là thoát được của nợ!”

“Nghe như là chuyện chúng ta đang chờ đợi bao ngày,” tôi bảo.

“Phải, ta nghĩ là thế. Tốt hơn là con đi chuẩn bị trà thảo dược đi. Pha thật đậm như lần rồi ấy.”

Tôi đứng dậy mở tủ chén cạnh lò sưởi, lấy ra cái chai thủy tinh màu nâu. Khi quay lại, tôi thấy vẻ không đồng tình trên gương mặt Alice. Thầy Trừ Tà cũng nhìn ra thế.

“Rõ rồi, như mọi khi, anh chàng kia đã nói cho con biết tất tần tật về việc riêng của ta rồi chứ gì. Do đó con sẽ biết luôn cậu ta sắp sửa làm gì và vì sao như thế là cần thiết. Nên con thôi ngay cái vẻ mặt đó đi!”

Alice không đáp lời thầy mà lại đi theo tôi vào trong bếp và quan sát tôi pha trà, trong khi đó Thầy Trừ Tà đi vào phòng làm việc để ghi chép cập nhật vào nhật ký của mình. Khi tôi pha xong, Meg đang gà gât trên ghế, nên tôi phải nhẹ nhàng lay lay vai bà ấy để đánh thức bà dậy.

“Của bà này Meg,” tôi nói khi Meg mở mắt ra. “Trà của bà này. Uống cẩn thận để không phỏng miệng nhé...”

Meg đón lấy tách trà nhưng sau lại trầm ngâm nhìn vào đấy. “Chẳng phải hôm nay ta đã uống trà rồi sao Billy?”

“Bà cần thêm một tách nữa đấy Meg ạ, vì mỗi ngày trời đang mỗi lạnh hơn mà.”

“Ồ thế à! Bạn cậu là ai thế Billy? Cô bé xinh quá! Cặp mắt nâu kia mới đáng yêu chưa kìa!”

Alice mỉm cười khi nghe thấy Meg gọi tôi là Billy và cô bé xưng tên mình.

“Cháu là Alice và cháu từng sống ở Chipenden. Còn hiện giờ cháu đang sống tại trang trại gần đây.”

“Thế à, cháu cứ đến đây thăm chúng ta bất cứ khi nào cháu muốn nhé,” Meg cất lời mời. “Dạo này ta không có nhiều bạn cùng giới lắm. Ta sẽ rất vui nếu gặp cháu đấy.”

“Uống trà đi bà Meg,” tôi xen vào. “Bà hãy uống khi trà còn nóng ấy. Như thế là có lợi nhất cho bà.”

Thế là Meg bắt đầu nhấm nháp từng ngụm thảo dược và chẳng bao lâu sau bà ấy đã uống hết tách trà rồi gật gù ngái ngủ.

“Ta nên đem bà ấy xuống cái chỗ lạnh lẽo ẩm ướt kia đi nào!” Alice nói, giọng cô bé thoáng chút chua chát.

Tôi chẳng kịp đáp lời vì Thầy Trừ Tà đã từ trong phòng làm việc đi ra và bế bổng Meg lên khỏi ghế. Tôi mang theo nển và mở khóa cổng trong khi thầy mang bà Meg xuống phòng bà ấy dưới tầng hầm. Alice ở lại trong bếp. Năm phút sau khi thầy trò chúng tôi quay trở lên, cả ba chúng tôi cất bước lên đường.

Nông trại Cảnh Bờ Hoang đã tới bởi tan nát. Như lời Alice kể, sân vườn nông trại đầy nhóc đá cuội và hầu như mọi ô cửa sổ đều vỡ nát. Duy chỉ có cửa sổ bếp là còn nguyên vẹn. Cửa trước đang khóa kín nhưng Thầy Trừ Tà sử dụng chìa khóa của mình và trong nháy mắt đã mở được cửa. Chúng tôi tìm ông bà Hurst và thấy họ đang ru rú dưới tầng hầm; còn ông kẹ thì chẳng thấy tăm hơi.

Thầy Trừ Tà bắt tay ngay vào việc.

“Hai người phải rời khỏi nơi này ngay lập tức,” thầy bảo với lão nông và vợ ông ta. “Ta e là không còn lựa chọn nào khác. Chỉ thu dọn theo những thứ cần thiết rồi biến đi ngay. Để mặc ta làm những việc cần làm.”

“Nhưng chúng tôi đi đâu bây giờ?” ông lão Hurst buột miệng, run run như chực khóc.

“Nếu hai người ở lại đây, ta sẽ không đảm bảo nổi tính mạng cho hai người,” Thầy Trừ Tà thẳng thừng. “Hai người còn bà con ở Adlington cơ mà. Bọn họ sẽ cho hai người tá túc thôi.”

“Mất bao lâu chúng tôi mới quay lại được?” ông Hurst hỏi. Ông ta đang lo cho việc đồng áng.

“Tối đa là ba ngày,” Thầy Trừ Tà trả lời. “Nhưng đừng lo gì về nông trại. Cậu học việc của tôi sẽ đảm đương hết những việc cần thiết.”

Trong lúc hai ông bà gói ghém đồ đạc, thầy tôi bảo tôi phải làm càng nhiều việc trong nông trại càng tốt. Vạn vật im lặng như tờ: chẳng có tảng đá nào rơi xuống và dường như ông kẹ đang nghỉ dưỡng sức. Thế là, tranh thủ tình huống tối đa, tôi bắt tay vào vắt sữa bò; tôi làm xong thì trời đã gần

sụp tối. Khi tôi bước vào bếp, Thầy Trừ Tà đang đứng cạnh bàn ăn một mình.

“Alice đâu rồi ạ?” tôi hỏi.

“Đi cùng ông bà Hurst chứ còn ở đâu khác nữa? Chúng ta không thể có thêm một con bé làm vương tay vương chân trong khi phải đối phó với một ông kẹ.”

Tôi đã mệt nhoài nên chẳng buồn tranh cãi với thầy làm gì. Tôi đã từng nửa như hy vọng rằng Alice sẽ được phép ở lại đây.

“Con ngồi xuống đây và dẹp ngay cái bản mặt bí xị đấy đi nào. Trông thảm thế không khéo lại làm sữa ôi mất. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng thôi.”

“Giờ này thì ông kẹ ở đâu vậy thầy?” tôi hỏi.

Thầy Trừ Tà nhún vai. “Đang nghỉ ngơi dưới một gốc cây hay tảng đá nào đó, ta cho là thế. Giờ trời đã tối nên nó sẽ sớm xuất hiện thôi. Ông kẹ hoạt động lan lẹ dưới ánh sáng ban ngày, và căn cứ vào cái giá phải trả trên ngọn đồi đá kia, chắc chắn chúng sẽ chiến đấu tự vệ khi bị khiêu khích. Nhưng ban đêm mới là thời điểm ưa thích của bọn chúng và đấy cũng là lúc chúng sung sức nhất.

“Nếu đây là cùng một ông kẹ chúng ta đã chạm trán tại Trang trại Stone, tình hình có khả năng sẽ rất gay go đấy. Vì một lẽ nó sẽ nhận ra chúng ta ngay khi nó đến gần và sẽ muốn trả thù. Đập vỡ vài khung cửa sổ hay ném tan mấy ống khói chẳng thấm thía gì đâu. Nó sẽ ra sức phá tan ngôi nhà này với chúng ta trong ấy. Cho nên đây là trận chiến sống còn. Mà thôi, anh bạn, vui lên đi,” thầy nói thêm khi nhác thấy vẻ hoang mang trên mặt tôi. “Căn nhà này tuy cũ kỹ nhưng lại được xây từ loại đá chất lượng của Hạt trên một móng nhà cực kỳ chắc chắn. Đa số mấy ông kẹ thường ngu ngốc hơn vẻ ngoài nên chúng ta chưa chết đâu. Những gì ta cần làm là phải khiến nó suy yếu hơn nữa. Ta sẽ đem thân mình ra làm mục tiêu tấn công. Khi ta đã làm hao tổn sức mạnh của ông kẹ, con ra tay kết liễu nó với sắt và muối nhé, vậy nên con đi chất đầy túi của mình đi, anh bạn, phải chuẩn bị chu đáo vào!”

Bản thân tôi cũng đã từng sử dụng chiêu muối và sắt ấy khi phải đối mặt với mụ phù thủy già, Mẹ Malkin. Hai thứ ấy kết hợp với nhau rất hữu hiệu chống lại thể lực bóng tối. Muối sẽ đốt cháy ông kẹ; sắt sẽ làm sức mạnh của nó rỉ thấm ra ngoài.

Thế là tôi làm theo chỉ dẫn, đổ đầy hai túi quần những sắt và muối từ mấy bịch nhỏ được thầy tôi cất trong túi của thầy.

Ông kẹ tấn công ngay trước nửa đêm. Một cơn dông lớn đang hoành hành này giờ và những âm thanh đì đùng xa xa lúc này đã nhường chỗ cho tiếng sấm nổ âm ào trên đầu cùng ánh sét sáng lòe chớp giạt. Hai thầy trò tôi đang ngồi tại bàn ăn trong bếp thì ông kẹ ập đến.

“Nó đến kìa,” Thầy Trừ Tà lầm bầm, giọng thầy trầm đến nỗi dường như thầy đang nói cho chính mình nghe chứ không phải nói với tôi.

Thầy nói đúng: một hai giây sau ông kẹ từ trên đồi đá vừa gào rú vừa sùng sục điên cuồng lao thẳng vào nông trang. Âm thanh nghe như một dòng sông đã tức vỡ bờ và dòng thác lũ đang cuồn cuộn đổ về phía chúng tôi.

Cửa sổ bếp vỡ toang vào trong, những mảnh kính vỡ bắn tung tóe, còn cánh cửa sau bật tung vào trong nhà như thể có một sức nặng kinh hồn nào đó đang tì vào đấy. Và rồi toàn bộ ngôi nhà rung lắc như một ngọn cây trong cơn bão, xiên sang bên này rồi xẹo sang bên kia. Tôi biết việc này nghe bất khả dĩ nhưng tôi thề là nó đã xảy ra đúng như thế.

Tiếp đến là tiếng loạc xoạc bung rách phía trên đầu khi những viên ngói trên mái nhà bắt đầu rơi xuống sân nông trại mà vỡ tan tành. Sau đó trong đôi ba giây, mọi thứ đột nhiên trở nên tĩnh lặng, như thể ông kẹ đang nghỉ tay hay suy nghĩ phải làm gì kế tiếp.

“Đến lúc giải quyết dứt điểm rồi đấy anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Con ở lại đây và quan sát qua cửa sổ đi. Bên ngoài kia chắc chắn sẽ trở nên kinh khủng lắm đấy.”

Tôi tưởng mọi chuyện đã ghê gớm lắm rồi chứ, nhưng tôi không nói ra.

“Bằng mọi giá, dù có xảy ra chuyện gì đi nữa,” thầy tôi nói tiếp, “cũng đừng bèn mảng ra ngoài. Chỉ được dùng sắt và muối khi ông kẹ vào tới trong bếp thôi. Nếu con sử dụng hai thứ ấy ngoài trời kia dưới thời tiết này thì sẽ không có tác dụng tối đa đâu. Ta sẽ lừa nó chui vào trong này. Sẵn sàng nhé.”

Thầy Trừ Tà mở khóa cửa, tay mang theo trượng, bước ra ngoài sân. Thầy là người can đảm nhất mà tôi từng gặp. Về phần mình, chắc chắn là tôi chẳng muốn đối mặt với ông kẹ kia trong bóng tối đâu.

Ngoài kia trời tối đen như mực, còn trong bếp mọi cây nến đều đã bị thổi tắt. Tôi thật không muốn bị chìm vào bóng đêm tối như hũ nút này đâu, nhưng may là chúng tôi còn một ngọn đèn lồng. Tôi xách đèn đến gần cửa sổ nhưng cũng chẳng rọi được bao nhiêu ánh sáng ra đến ngoài sân. Thầy Trừ Tà đang đứng đâu đấy cách xa một khoảng nên tôi vẫn không thể thấy hết những gì đang diễn ra và phải quan sát nhờ vào ánh chớp.

Tôi nghe thấy Thầy Trừ Tà gõ trượng ba lần xuống nền đá; thế rồi, rống lên một tiếng, ông kẹ nhảy bổ vào thầy, phóng từ đầu này sang đầu kia sân nông trại. Tiếp đấy là một tiếng kêu đau đớn và một âm thanh nghe như cành cây gãy đôi. Khi ánh chớp lại chói lòa lên, tôi trông thấy Thầy Trừ Tà đang khụy gối quỳ xuống đất, hay bàn tay giơ lên trước mặt cổ che lấy đầu. Trượng của thầy nằm lăn lóc trên nền đá cách thầy một quãng, đã gãy tan thành ba mảnh.

Trong bóng tối tôi nghe có tiếng đá tảng rơi xuống sân nền đá gần chỗ Thầy Trừ Tà, trên đầu thầy còn có thêm nhiều viên ngói rơi ra khỏi mái. Thầy kêu lên vì đau khoảng hai ba lần gì nữa, khiến tôi dù đã được dặn là phải đứng bên trong cửa sổ mà quan sát và chờ cho ông kẹ chui vào nhà, tôi vẫn băn khoăn không biết mình có nên chạy ra ngoài giúp thầy chẳng. Thầy tôi đang phải đương đầu với khó khăn và có vẻ chắc chắn là sẽ mang lấy kết cục tồi tệ nhất.

Tôi căng mắt trông ra vùng tối, cố nhìn xem chuyện gì đang diễn ra, lòng hy vọng là ánh chớp sẽ lại soi sáng khoảng sân lần nữa. Tôi không thấy bóng dáng Thầy Trừ Tà đâu cả. Nhưng rồi cửa sau bắt đầu kẹt mở thật

chậm. Tôi hoảng kinh, né người tránh khỏi cửa, bước thụt lùi mãi cho đến khi lưng chạm vách. Có phải là ông kẹ đang tiến đến tấn công tôi chăng? Tôi đặt ngọn đèn lên bàn rồi sẵn sàng cho hai tay vào túi quần tìm muối và sắt. Một bóng đen chậm chạp băng qua ngưỡng cửa đi vào bếp làm tôi điếng người, nhưng rồi tôi hít vào một hơi sâu khi trông thấy Thầy Trừ Tà đang lom còm di chuyển vào nhà trên hai tay hai chân. Từ nãy đến giờ thầy đã ẩn mình trong bóng tối của bức tường mà lần bò tới cửa. Thế nên tôi đã không thấy thầy đâu.

Tôi lao đến, sập cửa đánh sầm, đoạn giúp thầy đến bên bàn ăn. Thật khó khăn chật vật vô cùng vì toàn thân thầy run như cây sậy còn hai chân dường như chẳng còn chút sức lực nào. Thầy tả tơi thê thảm. Tên ông kẹ đã đả thương thầy trầm trọng: mặt mũi thầy bê bết máu và trán thầy u lên một cục to như quả trứng. Thầy bấu hai tay vào mép bàn, vận hết sức giữ cho mình đứng vững. Khi thầy mở miệng lên tiếng, tôi thấy một trong những chiếc răng cửa của thầy đã gãy. Trông thầy đã sức cùng lực kiệt.

“Đừng lo anh bạn,” thầy rên rỉ. “Chúng ta đã bắt nó phải rút lui. Nó không còn bao nhiêu sức mạnh nữa đâu và đây là lúc phải ra đòn kết liễu. Con sẵn sàng sử dụng muối và sắt đi nào, nhưng làm gì thì làm, đừng có mà hụt đấy!”

“Rút lui” theo nghĩa của Thầy Trừ Tà là thầy đã hiến thân mình làm mục tiêu cho ông kẹ vận dụng thật nhiều năng lượng để tiêu diệt thầy nên giờ đây nó đã suy yếu lắm rồi. Nhưng suy yếu đến chừng nào mới được? Biết đâu nó vẫn còn hết sức nguy hiểm thì sao.

Ngay lúc ấy cánh cửa lại bật mở và lần này đúng là ông kẹ xông vào thật. Ánh chớp lóe lên và tôi trông thấy cái đầu tròn tròn cùng sáu cánh tay đóng đầy bùn. Nhưng có gì đó khang khác: hiện thời ông kẹ trông nhỏ thó hơn hẳn. Sức mạnh của nó đã hao hụt đi ít nhiều và Thầy Trừ Tà đã không chịu đau vô ích.

Tim tôi đập dồn, hai gối run rẩy, tôi tiến lên trước đối mặt với ông kẹ. Đoạn tôi cho tay vào túi quần, lấy ra hai nắm tay đầy ứ rầy thật mạnh thảng vào ông kẹ. Muối từ tay phải; sắt từ tay trái.

Bất chấp cái giá phải trả, Thầy Trừ Tà đã xử lý mọi chuyện theo đúng trình tự lớp lang. Trước hết, thầy đã phóng hỏa thiêu rụi cái cây nơi ông kẹ làm ổ, tiêu diệt nơi nó tồn trữ năng lượng. Thứ đến, thầy đã hiến mình làm mục tiêu ở bên ngoài kia, làm hao hụt thêm sức mạnh của ông kẹ. Nhưng tôi phải giải quyết dứt điểm mọi việc trong nhà này. Và tôi không được phép làm hụt.

Chỉ có một ngọn gió lùa vào từ cửa sổ và cửa ra vào để mở, còn tôi thì đã nhắm rất chính xác. Muối và sắt hòa vào nhau thành một tấn công toàn diện vào ông kẹ. Một tiếng thét xé tai rít lên, đỉnh tai nhức óc đến nỗi hàm răng tôi nhức buốt và suýt chút nữa là chọc vỡ màng nhĩ. Muối đang thiêu đốt sinh vật kia, còn bột sắt đang hủy hoại phần sức lực còn lại của nó. Ngay giây sau ông kẹ biến mất tăm.

Nó đã biến mất. Biến mất vĩnh viễn. Tôi đã kết liễu nó!

Nhưng tôi nhẹ lòng chẳng được bao lâu. Tôi trông thấy người Thầy Trừ Tà loạng choạng và biết là thầy sắp sửa đổ xuống. Tôi cố vươn tới đỡ thầy – cố hết sức. Nhưng đã quá muộn. Hai đầu gối thầy sụm xuống, thầy buông tay khỏi bàn mà ngã ngửa ra sau, đầu đập xuống nền bếp lát đá cứng quèo. Tôi loay hoay ráng đỡ thầy lên nhưng thầy nặng lắm, và tôi nhận thấy, thật đáng lo làm sao, là mũi thầy đang chảy máu xối xả.

Tôi bắt đầu phát hoảng. Thoạt tiên tôi không nghe ra nhịp thở của thầy. Nhưng rồi rốt cuộc, tôi cũng nghe thấy tiếng thở yếu ớt run rẩy rất khẽ trong họng thầy. Thầy Trừ Tà bị thương rất nặng và cần có thầy thuốc ngay.

TỬ VONG BÁO ỨNG

Tôi chạy một mạch xuống đồi thẳng vào trong làng dưới cơn mưa như trút, sấm nổ đì đùng trên không trung và những tia chớp ngoằn ngoèo rạch nát bầu trời.

Tôi chẳng hề biết nhà thầy thuốc ở đâu, và trong cơn tuyệt vọng, tôi gõ gọi vào cánh cửa đầu tiên mà mình nhìn thấy. Chẳng ai ra mở cửa, thế là tôi đâm thình thịch vào cửa nhà kế tiếp. Khi làm thế mà cũng không có lấy một người đáp lời, tôi sức nhớ đến anh trai của Thầy Trừ Tà, ông Andrew, ông ấy có một cửa hiệu ở đâu đó trong làng này. Vậy nên tôi chạy sâu hơn vào trung tâm thị trấn, vừa chạy vừa té lên té xuống vấp chân vào những phiến đá lát đường, băng qua những con lạch nước mưa đang như thác đổ xuôi xuống đồi.

Phải mất một lúc lâu tôi mới tìm ra cửa hiệu của bác Andrew. Nơi này nhỏ hơn căn ông ấy thuê ở Priestown, nhưng lại tọa lạc ở vị trí thuận lợi, ngay trên ngõ Babylon, chỉ quanh qua góc phố nơi hình như tập trung một loạt các cửa hiệu trong làng. Một tia chớp lóe lên soi sáng bảng hiệu bên trên cửa sổ:

ANDREW GREGORY

BÁC THẦY SỬA KHÓA

Tôi gõ thật mạnh vào cửa, và khi không thấy ai trả lời, tôi giằng lấy tay nắm cửa mà giật điên cuồng, vậy mà vẫn không ích gì. Tôi thắc mắc liệu có phải ông Andrew đang đi tác nghiệp ở đâu khác không. Có lẽ là đang qua đêm trong một ngôi làng khác. Rồi tôi nghe thấy tiếng khung cửa kính cửa sổ phòng ngủ bên trên của cửa hiệu sát cạnh được kéo lên, một giọng đàn ông bức bối gọi với ra đêm tối.

“Cút xéo! Xéo ngay đi! Mà muốn gì mà lại gây ồn ào mất trật tự vào đêm hôm thế này khi người ta cần ngủ yên thế hử?”

“Cháu cần thầy thuốc!” tôi hướng về phía cửa sổ hình chữ nhật tối om mà gào lên đáp lời. “Cấp bách lắm ạ. Có người có thể mất mạng đấy!”

“Này, thế thì mày đang phí thời gian ở đây rồi! Đây là hiệu sửa khóa cơ mà!”

“Cháu làm việc cho em trai ông Andrew Gregory. Thầy ấy sống trong căn nhà trên hẻm núi ngay rìa đồng hoang đấy ạ. Cháu là thợ học việc của thầy ấy!”

Ánh chớp lại lóe lên và tôi nhác thấy gương mặt trên cao kia đang hằn lên vẻ sợ sệt. Chắc hẳn cả ngôi làng này đã biết em trai ông Andrew là thầy trừ tà.

“Có một thầy thuốc ngụ trên phố Bolton, về hướng nam khoảng chừng trăm mét thôi!”

“Phố Bolton là đâu thế ạ?” tôi gắng hỏi.

“Cứ đi xuống đồi, đến chỗ ngã tư đường rồi rẽ trái. Đây là phố Bolton. Rồi đi tiếp. Là căn nhà cuối dãy ấy!”

Dứt lời, cánh cửa sổ đóng sầm lại, nhưng chẳng hề chi: tôi đã có thông tin mình cần. Thế là tôi chạy thực mạng xuống đồi, rẽ trái, chạy tiếp, thở hồng hộc, và chẳng bao lâu sau là đã gõ dồn đập lên cửa căn nhà cuối dãy.

Các thầy thuốc đã quen với việc bị dựng dậy vào nửa đêm cho những trường hợp cấp bách, nên ông thầy thuốc này ra mở cửa ngay. Thầy thuốc là một người đàn ông nhỏ thó có hàng ria mép đen mỏng dính và tóc hai bên thái dương đang chuyển sang màu muối tiêu. Ông ta cầm cây nến và gục gặc khi tôi nói, trông có vẻ rất bình tĩnh và chuyên nghiệp. Tôi bảo với ông ta là có một người đang bị thương tại nông trại Cảnh Bờ Hoang, nhưng đến khi tôi giải thích là ai đang cần giúp đỡ và lý do vì sao thì cung cách của ông ta biến đổi ngay, cây nến trong tay ông ta bắt đầu lật bật.

“Cậu về đi, tôi sẽ theo chân cậu ngay khi có thể,” ông ta nói, đoạn đóng sập cửa ngay vào mặt tôi.

Tôi leo ngược về lại đồng hoang nhưng lòng vẫn lo lắng. Rõ ràng ông thầy thuốc kia sợ phải chữa trị cho một kẻ trừ tà. Ông ta có giữ lời hứa

không nhỉ? Ông ta thật sự sẽ theo tôi đến nông trại chứ? Nếu ông ta không đến, Thầy Trừ Tà có thể mất mạng. Mà tôi lo là biết đâu thầy đã nhắm mắt xuôi tay rồi chứ chẳng chơi, nên với trái tim trĩu nặng tôi lê bước ngược lên đồi nhanh hết sức có thể. Lúc này đỉnh điểm cơn dông đã qua, chỉ còn lại tiếng sấm ì ùng văng vẳng xa xa trên đồng hoang cùng vài ánh chớp thi thoảng chói lòa.

Tôi không cần phải lo về thầy thuốc. Ông ta đã giữ lời và đến nông trại chỉ sau tôi chừng mười lăm phút.

Nhưng ông ta không nán lại lâu. Khi khám cho Thầy Trừ Tà, hai bàn tay thầy thuốc run lập cập đến nỗi tôi không cần cái vẻ mặt tròn mắt kinh hãi của ông ta để biết là ông ta đang khiếp đảm. Chẳng ai muốn ở gần một kẻ trừ tà cả. Tôi cũng đã kể cho ông ta nghe chuyện xảy ra ngoài sân và trong bếp, điều này khiến cho mọi chuyện càng thêm phần tồi tệ. Thầy thuốc cứ đảo mắt nhìn quanh như thể đang mong nhìn thấy một ông kẹ nào đó nhảy bổ vào mình. Nếu này giờ tôi không vừa buồn lại vừa lo đến vậy, hẳn tôi đã thấy tình cảnh của ông thầy thuốc này mới thật buồn cười làm sao.

Thầy thuốc đúng là có giúp tôi khiêng Thầy Trừ Tà lên lầu trên và đặt thầy vào giường. Rồi ông ta áp tai vào ngực thầy để lắng nghe cẩn thận. Khi đứng lên, thầy thuốc lắc đầu.

“Bệnh viêm phổi đã lây đến hai phổi của ông ấy rồi,” cuối cùng thầy thuốc cũng nói. “Tôi lực bất tòng tâm.”

“Thầy mạnh lắm cơ mà!” tôi phản đối. “Thầy cháu sẽ khỏe lại thôi.”

Thầy thuốc quay sang nhìn tôi với vẻ mặt trước đây tôi từng thấy những người hành nghề y hay dùng. Là khuôn mặt chuyên nghiệp pha trộn giữa lòng trắc ẩn và sự bình thản, một chiếc mặt nạ được khoác vào khi họ phải thông báo tin chẳng lành cho thân nhân của kẻ ốm nặng.

“Cậu nhóc này, tôi e là lời tiên lượng sẽ rất xấu đấy,” ông ta vừa bảo vừa vỗ nhẹ lên vai tôi. “Thầy của cậu đang hấp hối – rất ít khả năng ông ấy sẽ

qua khỏi đêm nay. Nhưng cái chết rồi cuộc rồi cũng sẽ đến với tất cả chúng ta nên tôi e là ta phải chấp nhận thôi. Cậu ở đây một mình à?”

Tôi gật đầu.

“Rồi cậu sẽ không sao chứ?”

Tôi lại gật.

“Thôi, sáng mai tôi sẽ cho người lên đây,” thầy thuốc bảo, nhặt nhanh túi đồ chuẩn bị bỏ đi. “Ông ấy sẽ cần rửa ráy sạch sẽ,” ông ta nói thêm với vẻ xúi quẩy.

Tôi biết ông ta nói thế là ý gì. Phong tục của Hạt là phải rửa sạch mình mấy người chết trước khi chôn cất. Ý tưởng này lâu nay với tôi hình như thật ngu xuẩn. Tắm rửa cho người ta để làm gì khi kết cục là họ sẽ nằm trong quan tài chôn dưới đất cơ chứ? Tôi nổi nóng và suýt chút nữa là nói ra điều này với thầy thuốc, nhưng tôi cố kìm nén bản thân mà đi đến ngồi bên cạnh giường, lắng tai nghe Thầy Trừ Tà hớp hớp lấy hơi thở.

Thầy không thể đang hấp hối được! Tôi không muốn tin điều đó. Làm sao thầy lại có thể chết sau tất cả mọi chuyện thầy đã kinh qua? Tôi chưa chuẩn bị tinh thần để chấp nhận chuyện này. Thầy thuốc đã sai rồi, chắc là vậy nhỉ? Nhưng mặc cho tôi cố bao công sức để tự thuyết phục mình rằng thầy thuốc đã nhầm lẫn, tôi vẫn bắt đầu cảm thấy tuyệt vọng. Bạn biết đấy, tôi nhớ đến lời mẹ tôi đã nói về những điềm báo của cái chết. Tôi nhớ đến mùi hương trong phòng bố, cái mùi hương hoa ấy, và nhớ mẹ đã bảo rằng đấy là điềm báo ứng tử vong. Tôi thừa hưởng năng khiếu của mẹ và giờ đây tôi ngửi thấy mùi ấy vì nó đang bốc ra từ Thầy Trừ Tà, cứ mỗi phút trôi qua mùi hương lại càng thêm nồng.

Nhưng khi ánh nắng ban mai rọi vào, thầy tôi vẫn còn sống, và người phụ nữ mà thầy thuốc phái đến để lau rửa xác thầy không giấu được vẻ thất vọng trên mặt.

“Tôi chỉ có thể ở đây đến trưa thôi đấy. Chiều nay tôi còn có một ca khác!” bà ta gặt gồng, nhưng rồi lại bảo tôi đi lấy một tấm trải giường sạch rồi xé nó ra thành bảy mảnh, sau đấy bưng cho bà ta một chén nước lạnh.

Sau khi tôi làm theo những gì được bảo, bà ta lấy một trong những mảnh vải trải giường gấp lại cho đến khi nó nhỏ chỉ bằng bàn tay của mình rồi nhúng mảnh vải vào nước. Đoạn bà dùng mảnh vải ấy để lau trán và cằm Thầy Trừ Tà. Thật khó khăn định là bà ta làm thế để giúp thầy thấy đỡ hơn, hay là chỉ để tiết kiệm chút thời gian khi bà ta lau rửa xác cho thầy sau này.

Xong xuôi, bà ta ngồi xuống cạnh giường và bắt đầu đan thứ gì đấy trông như quần áo trẻ con. Bà ta kể lể thật lảm với tôi, về chuyện đời bà đồng thời khoe khoang về hai công việc của mình. Ngoài việc rửa xác người chết và sửa soạn cho họ trước khi chôn cất, bà ta còn là bà mụ trong vùng. Bà ta đang bị cảm nặng và cứ mãi ho sù sụ vào người Thầy Trừ Tà rồi lại hì cái mũi đỏ lựng của mình vào chiếc khăn tay to tướng lấm lấm bẩn.

Ngay trước giữa trưa bà ta bắt đầu thu dọn đồ đạc chuẩn bị ra về. “Sáng ngày mai tôi sẽ quay lại để liệm cho ông ta,” bà ta bảo. “Ông ta sẽ không qua nổi đêm thứ hai đâu.”

“Chẳng còn chút hy vọng nào hết ạ?” tôi hỏi bà ta, dù đã ý thức được là Thầy Trừ Tà không hề mở mắt ra từ khi đập đầu xuống đất.

“Nghe ông ta thở kia kìa,” bà ta bảo tôi.

Tôi đóng tai lắng nghe. Tiếng thở của thầy nghe khàn đục, thoảng chút khọt khẹt. Nghe như thể khí quản của thầy bị thu hẹp lại vậy.

“Đây là tiếng khọt khẹt khi hấp hối,” bà ta nói. “Thời hạn của ông ta trên dương gian này sắp đến hồi chấm dứt rồi.”

Ngay khi ấy ngoài cửa trước vang lên tiếng gõ cửa nên tôi đi ra xem là ai. Khi tôi mở cửa ra, Alice đang đứng gần bậc thềm, chiếc áo khoác len của cô gái cài kín đến cổ còn mũ trùm được kéo sụp xuống trước.

“Alice!” tôi thốt lên, vô cùng mừng rỡ khi nhìn thấy cô ấy. “Thầy Trừ Tà đã bị thương khi đối đầu với ông kẹ. Thầy ngã đập đầu ra sau và thầy thuốc cho là thầy sẽ chết mất!”

“Để tớ vào xem lão ấy nào,” Alice vừa nói vừa len qua người tôi. “Có lẽ không tồi tệ như thầy thuốc nghĩ đâu. Thầy thuốc nhiều khi cũng sai mà. Lão Gregory đang ở trên lầu à?”

Tôi gạt đầu và đi theo Alice lên phòng ngủ. Cô đi thẳng đến chỗ Thầy Trừ Tà và đặt tay lên trán thầy. Đoạn Alice dùng ngón cái vạch mi mắt trái của thầy lên rồi chăm chú nhìn vào mắt thầy.

“Chưa hẳn là vô vọng đâu,” Alice lên tiếng. “Có lẽ tớ giúp được đấy...”

Người phụ nữ nhặt túi đồ của mình lên và chuẩn bị bỏ về, cơn giận làm bà nhú hết cả mày. “Á à, giờ thì ta đã mở rộng tầm mắt rồi đây!” bà ta thốt lên, mắt trừng trừng nhìn xuống đôi giày mũi nhọn của Alice. “Một con oắt phù thủy đang muốn giúp một kẻ trừ tà!”

Alice ngược lên, hai mắt tóe lửa phẫn nộ, mồm ngoác nhe hết cả răng ra. Rồi cô rút phì phì về phía bà kia, bà này vội lùi hai bước tránh xa cái giường.

“Đừng có mong là ông ta sẽ cảm ơn mi!” bà ta cảnh cáo Alice, đoạn thụt lùi ra tới cửa phòng rồi bỏ chạy xuống cầu thang.

“Lão ấy có biết ơn tớ lắm đâu,” Alice nói khi bà ta đã đi khỏi. Cô bé cởi nút áo khoác và lấy ra một bịch da nhỏ nhỏ từ túi bên trong áo. Bịch được cột chặt bằng dây, Alice tháo dây ra, lắc lắc vài chiếc lá khô vào lòng bàn tay. “Để tớ đi pha cho lão ấy một ít nước thuốc cấp thời,” cô bảo.

Khi Alice đã đi xuống bếp, tôi ngồi bên cạnh Thầy Trừ Tà, làm tất cả những gì mình có thể để giúp thầy. Toàn thân thầy đang nóng hầm hập nên tôi dùng vải ướt liên tục lau qua hàng chân mày cho thầy để hạ cơn sốt. Từ mũi thầy liên tục rỉ ra dải lẫn máu chảy xuống hàm râu, nên tôi phải luôn tay chùi sạch. Trong suốt thời gian ấy ngực thầy khọt khẹt mãi và mùi hương hoa càng nồng hơn bao giờ hết, thế nên tôi bắt đầu cảm thấy, dù Alice có làm gì đi nữa, bà y tá kia vẫn nói không sai, rằng thầy sẽ chẳng còn cầm cự được bao lâu.

Một lúc sau, Alice trở lên gác mang theo một tách chất lỏng vàng vàng đầy đến nửa, tôi nâng đầu Thầy Trừ Tà dậy trong khi cô gái đổ thứ chất ấy vào miệng thầy. Tôi ước gì mẹ mình có ở đây nhưng tôi biết không có mẹ thì

Alice cũng là lựa chọn tốt nhất: có lần mẹ đã bảo tôi, Alice rất rành về các loại thuốc pha chế.

Thầy Trừ Tà sặc lên rồi phun ra một chút nhưng chúng tôi cố gắng đỡ gần hết chất thuốc xuống họng thầy. “Đây là thời điểm khó khăn nhất trong năm nhưng biết đâu tớ sẽ kiếm được vài thứ thuốc tốt hơn,” Alice bảo. “Cũng bỏ công ra ngoài tìm lắm. Không phải là lão ta xứng đáng được giúp đỡ đến thế đâu, căn cứ vào cái cách mà lão ấy đã đối xử với tớ ấy!”

Tôi cảm ơn Alice rồi tiễn cô gái ra đến cửa trước. Trời đã hết mưa nhưng trong không khí ẩm ướt vẫn còn vương hơi lạnh. Những cành cây trụi trơ lá, vạn vật trông thật thê lương. “Giờ là mùa đông mà Alice. Cậu có thể tìm được gì khi đường như chẳng có thứ gì đâm chồi nảy lộc cơ chứ?”

“Kể cả vào mùa đông vẫn có những loại rễ và thân cây cậu dùng được,” Alice vừa đáp vừa cài nút áo khoác lại để ngăn cái lạnh. “Đấy là nếu như cậu biết tìm ở đâu. Tớ sẽ quay lại nhanh hết sức có thể...”

Tôi quay ngược lên phòng ngủ để ngồi bên Thầy Trừ Tà, lòng vừa buồn thiu vừa hoang mang. Tôi biết nghe thì thật ích kỷ nhưng tôi không thể không bắt đầu thấy lo cho bản thân mình. Tôi không có cách nào để hoàn tất kỳ học việc của mình mà không có Thầy Trừ Tà. Tôi sẽ phải đi lên phía bắc vùng Caster đến nơi ông Arkwright hành nghề để xin ông ta nhận mình vào. Vì từng có thời là học việc của Thầy Trừ Tà và từng sống tại Chipenden, có lẽ ông ấy sẽ chịu nhận tôi, nhưng chẳng có gì bảo đảm cả. Biết đâu ông ấy đã có chân học việc khác rồi. Nghĩ đến đây, tôi cảm thấy còn tồi tệ hơn. Cảm thấy thật sự có lỗi. Bởi vì này giờ tôi chỉ đang nghĩ cho bản thân mình, chứ không phải cho thầy của mình.

Rồi, sau khoảng một giờ đồng hồ, đột nhiên Thầy Trừ Tà mở mắt ra. Đôi mắt thầy đại đi và sáng rực vì sốt, và thoát tiên tôi không nghĩ thầy nhận biết được tôi là ai. Nhưng thầy vẫn còn nhớ cách ra lệnh, và bắt đầu lớn tiếng quát tháo như thể tôi bị điếc không bằng.

“Đỡ ta dậy! Dựng ta lên! Lên! Lên! Làm ngay đi!” thầy quát, trong khi tôi đang loay hoay đỡ thầy ngồi lên và chồng mấy chiếc gối sau lưng thầy. Thầy

bắt đầu rên thật lớn, hai tròng mắt trợn lên rồi đảo ngược vào trong sọ cho đến khi chỉ còn thấy tròng trắng.

“Cho ta uống!” thầy gào tướng. “Ta cần làm một ly!”

Trên bàn cạnh giường chỉ có một vại nước lạnh nên tôi rót đầy nửa cốc và nhẹ nhàng nâng cốc lên miệng thầy.

“Uống từ từ thôi nhé thầy,” tôi khuyên lơn, nhưng Thầy Trừ Tà đã nốc một ngụm tướng rồi nhổ toẹt ra khăn trải giường.

“Thứ rác rưởi gì đây? Ta chỉ xứng đáng được từng này thôi sao?” Thầy Trừ Tà rống lên, hai con người xuất hiện trở lại để trừng trừng tức tối nhìn vào tôi. “Đem rượu đến đây cho ta. Rượu vang đỏ đấy. Ta cần thứ ấy!”

Tôi không nghĩ đây là ý hay chút nào, thầy thì đang ốm như thế, nhưng thầy lại nặng nề đòi cho bằng được. Thầy muốn có rượu vang mà phải là vang đỏ.

“Con xin lỗi nhưng ở đây không có rượu vang ạ,” tôi phân trần, cố giữ giọng mình bình tĩnh để không khiến thầy tôi thêm kích động.

“Đương nhiên làm gì có rượu vang *trong này*! Đây là phòng ngủ cơ mà!” thầy quát tháo. “Ở dưới bếp kia, đấy là nơi mi sẽ tìm thấy rượu. Nếu không có thì tìm dưới hầm rượu. Đi tìm đi nào. Mà tìm cho chóng vào. Đừng bắt ta chờ đấy.”

Dưới bếp có khoảng nửa tá rượu vang và tất cả đều là vang đỏ. Vấn đề là, chẳng thấy bóng dáng đồ khai chai đâu cả – mà tôi cũng chẳng tìm kỹ làm gì. Thế là tôi đem chai rượu lên phòng ngủ, bụng bảo dạ rằng đến thế này thì chịu thôi chứ còn làm gì được nữa.

Tôi đã lầm: ngay khi tôi đến gần giường, thầy tôi đã giật phắt lấy chai rượu đưa lên miệng rồi kéo nủi chai ra bằng những chiếc răng còn sót lại. Trong chốc lát tôi những tưởng là thầy sẽ nuốt luôn nút chai chứ, nhưng thành linh thầy phun ra thật mạnh khiến chiếc nút chai bật thẳng vào bức tường đối diện trong phòng ngủ rồi dội trở lại.

Rồi thầy bắt đầu uống, và trong khi uống, thầy nói. Trước đây tôi chưa từng thấy Thầy Trừ Tà uống rượu, còn bây giờ thì thầy nốc không kịp nuốt.

Thầy mỗi lúc một trở nên phấn khích, những lời nói bắt đầu nhường chỗ cho lời huyền thuyên. Câu cú không có ý nghĩa gì lắm vì thầy đang nói sảng do sốt và rượu. Rất nhiều câu là tiếng La Tinh, thứ ngôn ngữ tôi đang đánh vật để học lấy. Có một lúc thầy luôn tay làm dấu thánh bằng tay phải, theo cách mà các cha cố thường làm.

Hồi trước ở nông trại nhà tôi, rượu vang là thứ chúng tôi ít khi uống. Mẹ tôi tự làm thứ rượu cất bằng cây cơm cháy ngon vô cùng. Nhưng loại rượu này chỉ được dọn ra vào những dịp đặc biệt: khi còn sống ở nhà, may mắn lắm tôi mới được cho uống nửa cốc nhỏ, một năm hai lần. Thầy Trừ Tà làm sạch một chai trong vòng chưa tới mười lăm phút rồi sau đấy nôn ọe hết cả ra – nôn nhiều đến nỗi thầy sém chút là sặc chết ngay tại chỗ. Và tất nhiên, tôi phải dùng mấy mảnh khăn trải giường lau dọn sạch đồng ấy.

Ngay sau đấy Alice quay trở lại và chế thêm một liều thuốc nữa bằng các loại rễ cây mà cô tìm được. Chúng tôi cùng nhau hợp sức dốc hết thứ thuốc ấy xuống cổ họng Thầy Trừ Tà, và tích tắc sau thầy lại lăn ra ngủ.

Xong xuôi mọi việc, Alice hít hít trong không trung rồi chun mũi. Ngay cả khi tôi đã thay hết chăn nệm rồi mà căn phòng vẫn thối không chịu được, thối đến nỗi tôi không còn ngửi thấy mùi hương hoa kia nữa. Ít ra thì đấy là suy nghĩ của tôi lúc ấy. Tôi không nhận ra là Thầy Trừ Tà đang trên đà hồi phục.

Vậy là cả thầy thuốc và bà y tá đều được chứng minh là đã sai lầm: trong vòng mấy giờ đồng hồ sau cơn sốt đã biến mất và thầy tôi ho khạc ra từng đống đờm dãi đặc sệt trong phổi, bao nhiêu khăn tay tôi tìm thấy cũng không kịp hứng hết, nên cuối cùng tôi phải xé thêm một tấm khăn trải giường nữa thành nhiều mảnh. Thầy đang từ từ hồi phục. Và một lần nữa thầy trò tôi lại mang ơn Alice tất tần tật.

TIN CHẴNG LÀNH

Ngày hôm sau ông bà Hurst quay trở lại nhưng trông thật hoang mang bối rối, như thể họ không biết phải bắt tay vào dọn dẹp đồng hỗn độn bằng cách nào. Thầy Trừ Tà đa phần là ngủ vùi nhưng chúng tôi không thể để thầy ở lại căn phòng có gió thông thốc qua cửa sổ kính vỡ, nên tôi lấy ít tiền trong túi của thầy đưa cho ông Hurst để trả chút tiền sửa chữa.

Nhân công được mượn từ dưới làng lên: thợ lắp kính gắn lại kính cửa sổ phòng ngủ và nhà bếp trong khi anh Shanks tạm thời đóng ván che các cửa sổ còn lại để giữ ấm. Bản thân tôi cũng có một ngày bận rộn, nhóm lò sưởi trong mấy phòng ngủ và một cái dưới bếp, rồi lại phụ giúp công việc nông trại nữa, nhất là việc vắt sữa. Ông lão Hurst có làm vài việc này nọ nhưng lại không để tâm mấy vào việc. Trông như thể ông không còn hứng thú với cuộc đời và đã đánh mất lòng vui sống.

“Ôi trời! Ôi trời!” ông luôn mồm lầm bầm một mình. Và có lần tôi nghe ông thốt lên khá rõ, khi ông nhìn lên mái kho chứa cỏ, gương mặt đầy thống khổ, “Tôi đã làm gì? Tôi đã làm gì để phải hứng chịu cảnh này cơ chứ?”

Đêm ấy, ngay sau khi chúng tôi ăn tối xong, ngoài cửa trước vang lên ba tiếng gõ lớn khiến ông lão Hurst tội nghiệp đột nhiên nhảy dựng lên, chút nữa là ngã khỏi ghế.

“Để tôi ra xem,” bà Hurst nói, nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay chồng mình. “Ông cứ ở lại đây, mình ạ, và cố giữ bình tĩnh nhé. Đừng bồn chồn lo lắng gì nữa đấy.”

Căn cứ vào phản ứng của họ tôi đoán ngoài cửa kia là Morgan. Và trong âm thanh gõ cửa lớn tiếng kia có thứ gì đó khiến tôi ớn lạnh đến tận xương. Lòng nghi ngờ của tôi đã được khẳng định khi Alice nhìn sang tôi, khóe môi trễ xuống khi cô khẽ mấp máy cái tên “Morgan”.

Morgan nghênh ngang đi trước bà mẹ vào phòng. Hắn mang theo túi và trượng. Trong trang phục áo choàng có mũ trùm, hắn trông giống một kẻ trừ tà như đúc.

“A, trong này đầm ấm đây. Và chẳng phải là anh chàng học việc trẻ tuổi đây sao,” hắn quay sang tôi. “Chào cậu Ward, chúng ta lại gặp nhau.”

Tôi gật đầu đáp lễ.

“Thế ở đây vừa xảy ra chuyện gì thế hử Lão Già?” Morgan buông lời miệt thị ông Hurst. “Ngoài sân kia trông đến tởm. Ông chẳng còn chút tự trọng nào sao? Ông để cho nơi này tan hoang hết cả rồi.”

“Không phải lỗi của ông ấy. Người là đồ đầu đất hay sao thế?” Alice nạt lại, giọng cô chất chứa sự căm ghét. “Người ngờ nghệch nhất cũng có thể thấy đây là trò của ông kẻ cơ mà!”

Morgan giận dữ cau mày trừng mắt nhìn cô bé, tay khê giường trượng lên, nhưng Alice đáp lại cái nhìn của hắn bằng nụ cười khinh khỉnh.

“Vậy ra Thầy Trừ Tà phái tên học việc của lão đến để xử lý chuyện này đấy à?” Morgan quay sang hỏi bà mẹ. “À há, thế là biết ơn bà lắm đấy, Mụ Khom nhỉ? Bà nhận chứa chấp con oắt phù thủy cho lão còn lão thì không buồn đến giúp chèn ông kẻ cho bà. Lão vẫn luôn là một tên độc ác nhẫn tâm thế mà.”

Trong tích tắc tôi bật phắt dậy. “Thầy Gregory đã đến ngay ấy chứ. Thầy đang nằm trên lầu vì đã bị thương rất nặng khi đối đầu với ông kẻ...”

Ngay lập tức tôi biết mình đã nói quá nhiều. Đột nhiên tôi thấy lo sợ cho thầy mình. Dạo trước Morgan đã từng đe dọa thầy tôi và lúc này đây Thầy Trừ Tà đang rất yếu ớt, không có khả năng tự vệ.

“Ô, vậy là mi nói được ư?” Morgan chế giễu tôi. “Nếu mi muốn biết, thì thầy mi rõ ràng đã hết thời rồi. Bị thương khi đang chèn một ông kẻ ư!? Trời đất, ấy là trò xoàng nhất trong sách! Nhưng là do tuổi tác cả đấy. Rõ ràng lão già ngu ngốc kia đã qua thời đỉnh cao. Ta nên lên trên lầu và trao đổi vài lời với lão ta.”

Dứt lời, Morgan băng qua phòng bếp và dậm bước lên cầu thang bằng gỗ dẫn đến phòng ngủ. Tôi rướn người qua thì thầm bảo Alice phải ở yên đấy. Đoạn tôi ra khỏi bếp bước lên theo hắt. Thoạt đầu tôi tưởng bà Hurst sẽ bảo tôi ở lại, nhưng bà ấy chỉ ngồi xuống vùi mặt vào hai lòng bàn tay.

Tôi bắt đầu rón rén đi lên mấy bậc thang, nhưng cầu thang phát ra tiếng cọt kẹt nên tôi chỉ leo được ba bậc rồi dừng lại lắng nghe tiếng cười khả ố của Morgan từ trên vọng xuống, theo sau đấy là tiếng Thầy Trừ Tà ho khan. Rồi cầu thang sau lưng tôi kết lên, tôi quay nhìn xuống và trông thấy Alice đang giơ ngón tay đặt lên môi ra hiệu im lặng.

Tiếp đến giọng Thầy Trừ Tà từ trên phòng ngủ vọng ra. “Vẫn còn đào khoét cái gò cũ rích ấy à?” tôi nghe thấy thầy hỏi. “Một ngày nào đó việc này sẽ làm anh mất mạng đấy. Hãy biết suy nghĩ một chút. Tránh xa nơi ấy trong khi anh vẫn còn chút hơi thở đi.”

“Người có thể giúp mọi chuyện dễ dàng hơn cho ta mà,” Morgan đáp. “Chỉ cần trả lại cho ta đồ của ta. Ta yêu cầu có bấy nhiêu thôi.”

“Nếu ta đưa cho anh, anh sẽ gây ra những tổn thất không kể xiết. Đây là nếu như anh sống sót. Tại sao mọi chuyện phải như thế này cơ chứ? Hãy ngừng dấn dằng đến thể lực bóng tối và đừng có ngu xuẩn nữa anh bạn! Hãy nhớ đến những lời anh từng hứa với mẹ anh. Vẫn chưa quá muộn để sống cuộc đời cho ra hồn.”

“Đừng vờ vịt như người có quan tâm đến mẹ ta,” Morgan trả lời. “Mà đừng cả gan nhắc đến bà ấy nhé. Người chẳng thèm đếm xỉa đến bất cứ ai trong gia đình chúng ta và đấy là sự thực. Người nào có quan tâm đến ai ngoài mục phù thủy kia. Khi Meg Skeleton xuất hiện thì người mẹ đáng thương của ta chẳng còn có lấy một cơ hội. Và làm thế người được gì nào? Làm thế thì mẹ ta được gì ngoài việc cả đời sống trong lao khổ?”

“Không đúng đâu, anh bạn. Ta quan tâm đến anh và ta quan tâm đến mẹ của anh. Ta từng có thời yêu bà ấy, như anh cũng biết quá rõ rồi còn gì, và cả đời mình ta đã làm hết sức để giúp bà ấy. Và vì bà ấy ta đã cố để giúp anh, bất chấp những việc anh làm!”

Thầy Trừ Tà lại bắt đầu ho và tôi nghe thấy tiếng Morgan chửi thề rồi dợm bước ra cửa. “Giờ thời thế đã thay đổi rồi, Lão Già ạ, rồi ta sẽ có được thứ thuộc về ta thôi,” hắn bảo. “Và nếu như người không đưa nó cho ta, ta sẽ dùng cách khác vậy.”

Alice và tôi cùng quay bước trở xuống cầu thang. Chúng tôi chỉ mới vào đến bếp thì đã nghe thấy tiếng ủng của Morgan giẫm trên đầu cầu thang.

Rồi cứ thế, Morgan chẳng hề nhìn qua chúng tôi. Với bản mặt hầm hầm, phớt lờ cả cha mẹ mình, hắn bước thẳng qua bếp đi ra sảnh ngoài. Tất cả chúng tôi lặng lẽ lắng nghe khi hắn rút chốt cửa ra, mở cửa ngoài sảnh và bắt đầu nện bước vào căn phòng đằng sau đấy. Một chốc sau chúng tôi lại nghe thấy hắn bước ra, khóa và chặn then cửa lại. Sau đấy hắn rời khỏi nhà; cánh cửa trước sập đánh sầm sau lưng hắn.

Tại bàn ăn không ai nói lời nào, nhưng tôi không thể không liếc sang bà Hurst. Vậy là Thầy Trừ Tà đã từng yêu cả người này nữa. Nghĩa là thầy có quan hệ với những ba người phụ nữ! Và đấy là một trong những lý do vì sao Morgan có vẻ có ác cảm với thầy đến vậy.

“Mình này, ta đi nằm thôi,” bà Hurst bảo chồng mình, giọng bà dịu dàng đầy yêu thương. “Mình cần ngủ một giấc thật ngon. Sáng ra mình sẽ thấy khỏe hơn nhiều.”

Nói đoạn, hai người họ rời khỏi bàn ăn, ông lão Hurst đáng thương lão đảo bước về phía cửa, đầu cúi gằm. Tôi thật lòng thấy thương cho cả hai người bọn họ. Không ai đáng phải có một đứa con như Morgan. Vợ ông Hurst dừng ngay lối cửa và ngoái lại nhìn chúng tôi. “Hai đứa đừng đi ngủ muộn quá đấy,” bà ấy bảo, và hai chúng tôi cùng lễ phép gật đầu rồi lắng nghe họ cùng nhau leo lên cầu thang.

“Thôi,” Alice lên tiếng, “vậy là chỉ còn lại bọn mình. Vậy sao chúng ta không đi nhòm qua phòng của Morgan nhỉ? Ai mà biết chúng ta có thể tìm ra những gì...”

“Căn phòng hắn vừa mới đi vào ấy à?”

Alice gật đầu. “Đôi khi trong ấy vọng ra mấy âm thanh kỳ quặc. Tôi rất muốn xem trong ấy có gì.”

Thế là Alice lấy cây nến trên giá nến xuống rồi dẫn đường đi ra sảnh ngoài. Nếu quay lưng về cửa trước thì bạn có thể đi thẳng vào phòng khách; còn bên trái là một cánh cửa khác được sơn đen. Cánh cửa cài then từ bên ngoài.

“Là đây này,” Alice thì thào, chạm mũi giày nhọn bên chân trái vào cánh cửa và rút chốt ra. “Nếu cửa không khóa thì tôi đã tò mò làm một vòng trong ấy rồi. Nhưng giờ không còn vấn đề gì nữa. Chìa khóa của cậu sẽ chóng mở được cửa thôi mà Tom.” Cô chỉ vào ổ khóa.

Đúng là chiếc chìa của tôi đã mở được khóa và tôi đẩy nhẹ cửa vào. Căn phòng này rộng thật, chiều dài dài hơn chiều rộng, đầu kia phòng là một cửa sổ bị đóng ván có phủ tấm màn đen dày. Sàn nhà lát đá như phần còn lại ở tầng dưới, nhưng lại không có thảm trải nào cả. Và trong phòng chỉ có ba món đồ gỗ: một chiếc bàn gỗ dài, mỗi đầu bàn là một chiếc ghế lưng thẳng.

Alice dẫn đường bước vào phòng.

“Chẳng có gì nhiều để xem, phải không nào?” tôi bảo. “Cậu nghĩ là sẽ tìm thấy gì chứ?”

“Chẳng rõ, nhưng tôi nghĩ phải có thứ gì đó khác,” Alice lên tiếng. “Đôi khi tôi nghe có tiếng chuông rung trong này. Hầu hết là chuông bé, loại cậu cầm trong tay được ấy. Nhưng có một lần tôi nghe thấy tiếng chuông đám ma, âm thanh nghe lớn như thể đang gióng lên từ tháp chuông nhà thờ vậy. Và lại còn thường xuyên có tiếng nước nhỏ tí tách và tiếng một cô gái khóc than nữa. Tôi cho rằng đấy là cô em gái đã chết của hân.”

“Cậu nghe thấy các âm thanh ấy khi hân đang ở trong căn phòng này à?”

“Đa phần là vậy, nhưng ngay cả khi hân không có nhà, thỉnh thoảng tôi cũng nghe tiếng một con chó sủa, gầm gừ hay thậm chí là khụt khịt ngay sát cánh cửa này như thể đang cố thoát ra ngoài. Đây là lý do vì sao ông bà Hurst luôn luôn then chặt cánh cửa. Tôi nghĩ họ sợ có thứ gì đó kinh khiếp lắm sẽ lọt ra ngoài.”

“Nhưng lúc này tớ lại không cảm thấy có gì cả,” tôi bảo Alice. Không có chút cảm giác lạnh lẽo nào báo trước cho tôi biết khi có thứ gì đấy từ thế lực bóng tối đang ở gần. “Thầy Trừ Tà bảo Morgan là một ông đồng lợi dụng người đã khuất. Hắn nói chuyện với họ và bắt họ làm theo ý mình.”

“Hắn thu được quyền năng ấy từ đâu vậy? Hắn đâu có sử dụng cốt thuật hay huyết thuật như phù thủy,” Alice chun mũi bảo, “mà hắn cũng chẳng dùng thuật hiệp thần. Tớ sẽ phát hiện ra ngay nếu là một trong những thứ ấy. Vậy đấy là gì Tom nhỉ?”

Tôi nhún vai. “Có thể là Golgoth, một trong những vị Cổ Thần. Cậu vừa nghe Thầy Trừ Tà bảo là Morgan đào bới cái gò mả mà có thể sẽ là cửa tử cho hắn rồi chứ gì? Hừ, đấy là một gò đất có tên gọi là Gò Ụ Tròn, nó ở mãi trên khu đồng hoang. Có lẽ hắn đang cố triệu gọi Golgoth như những người thời xưa. Có lẽ Golgoth muốn được triệu về nên đang cố giúp hắn bằng cách nào đấy. Nhưng Morgan chưa ra tay được vì Thầy Trừ Tà đang giữ thứ hắn cần. Thứ sẽ làm cho mọi chuyện dễ dàng hơn ấy.”

Alice trầm ngâm gật gù. “Có thể là vậy thật, Tom nhỉ, nhưng có vài điều hai người họ nói ra cũng còn rối lắm. Tớ không nghĩ Lão Gregory và bà Hurst lại quen nhau đâu. Thật khó tin hai người đấy từng là một đôi.”

Tôi cũng thấy chuyện này khó tin lắm chứ. Rất khó. Mà thôi, chẳng còn gì để dòm ngó nữa, nên chúng tôi rời khỏi phòng rồi cài then và khóa cửa lại. Có nhiều điều bí ẩn cần được giải mã – những bí mật trong quá khứ của Thầy Trừ Tà – và tôi đang mỗi lúc một thêm tò mò.

Morgan không thò mặt trở lại nông trại Cảnh Bờ Hoang nữa, nhưng phải mất thêm một tuần sau chúng tôi mới có thể về lại ngôi nhà của Thầy Trừ Tà. Anh Shanks được gọi đến, và chúng tôi lên đường trở về với Thầy Trừ Tà cỡi trên chú ngựa con còn tôi và Alice lẻo đẻo theo sau.

Shanks từ chối không muốn bước vào nhà và quay về Adlington ngay, để lại Thầy Trừ Tà cho chúng tôi. Tôi nói cho thầy mình nghe bằng cách nào mà các liều thuốc của Alice chắc đã cứu mạng thầy. Thầy chẳng nói chẳng rằng nhưng giờ đây thì không phản đối khi hai chúng tôi dìu thầy lên phòng.

Thầy vẫn chưa tỉnh táo và cũng phải mất một thời gian dài để có thể hồi phục hoàn toàn. Chuyển đi quay về nhà cũng làm thầy hao tổn sức lực nữa. Hai chân thầy không đứng vững nên thầy ở lì trong phòng mình đến hai ba ngày.

Một điều làm tôi ngạc nhiên là thoát đầu thầy chẳng hề nhắc gì đến Meg. Nhưng tôi cũng không nhắc đến bà ấy với thầy: tôi chẳng mong mình phải đi xuống mấy bậc thang dẫn xuống hầm ấy đâu. Vì Meg thường trải qua nguyên mùa hè ngủ yên dưới ấy, nên có ngủ thêm vài ngày cũng chẳng hề hấn gì. Thế là tôi phải làm hầu hết mọi việc trong nhà. Alice có phụ giúp chút ít, nhưng chẳng nhiều nhận như tôi mong muốn.

“Chỉ vì tớ là con gái không có nghĩa là tớ phải làm hết việc bếp núc!” Alice gắt khi tôi gợi ý cô ấy sẽ nấu nướng giỏi hơn tôi.

“Nhưng Alice này, tớ không biết nấu ăn,” tôi bảo. “Ở nhà thì mẹ tớ nấu, ở Chipenden thì là ông kẹ của Thầy Trừ Tà, còn ở đây là do Meg làm.”

“À, giờ là dịp để cậu học hỏi,” Alice cười cười nói. “Còn về Meg, tớ cá nếu không vì cái món trà thảo dược bà ấy sẽ chẳng yêu thích gì mấy chuyện nấu nướng đâu!”

Sau đó, vào buổi sáng ngày thứ ba, cuối cùng Thầy Trừ Tà cũng mệt mỏi đi xuống dưới lầu ngồi vào bàn ăn trong khi tôi nỗ lực hết mình chuẩn bị bữa sáng. Việc nấu nướng gian nan hơn thoát trông nhiều, nhưng mà cũng không khó khăn như kết cục của món thịt muối xông khói.

Chúng tôi im lặng dùng bữa, cho đến vài phút sau, Thầy Trừ Tà đẩy đĩa ra xa. “May là ta không thấy ngon miệng cho lắm đấy anh bạn,” thầy vừa nói vừa lắc đầu. “Do đói nên ta mới buộc phải ăn hết mấy thứ ấy nhưng ta không chắc là mình có sống sót qua nỗi trải nghiệm này không nữa.”

Alice cười rú lên còn tôi chỉ nhún vai cười mỉm, lòng mừng vui khi thấy thầy mình rõ là đang trên đà hồi phục. Còn về món thịt muối xông khói ấy à, tôi có khẩu vị tốt hơn chứ, nhưng tôi quá đói nên có thể ăn hết bất cứ thứ gì và Alice cũng vậy. Tôi bắt đầu thấy vui hơn vì trông có vẻ như Thầy Trừ Tà sẽ cho phép Alice ở lại.

Sáng hôm sau, Thầy Trừ Tà rốt cuộc cũng quyết định đã đến lúc đánh thức Meg dậy. Thầy đứng vẫn còn chưa vững lắm nên tôi phải đi xuống mấy bậc thang cùng thầy để giúp thầy đem Meg trở lên bếp trong khi Alice đun sôi ít nước. Việc mang vác này thì ra là quá sức của thầy, và hai tay thầy bắt đầu run lập cập đến mức thầy phải trở vào giường nằm nghỉ.

Tôi phụ Alice chuẩn bị nước tắm cho Meg. “Cảm ơn Billy nhé,” Meg cất lời, trong khi chúng tôi rót nước nóng vào bồn. “Cậu là một cậu bé tử tế. Và cô bạn xinh xắn của cậu cũng rất được việc. Tên cô bé là gì thế, bé con?”

“Người ta gọi cháu là Alice ạ...” Alice mỉm cười đáp lời.

“À, Alice này, gia đình cháu sống gần đây không? Ở gần gia đình hạnh phúc lắm đấy. Ta ước mình cũng có gia đình. Nhưng giờ thì họ sống ở nơi xa xôi quá.”

“Hiện tại cháu không có gia đình ạ. Họ là người xấu nên tốt hơn là cháu phải tránh xa họ,” Alice đáp.

“Chắc chắn là không nên thế rồi!” Meg kêu lên. “Sao thế, chuyện gì không hay thế hả cháu?”

“Họ là phù thủy ạ,” Alice đáp lời kèm theo nụ cười toe toét tinh quái liếc xéo sang tôi.

Tôi bực bội lắm. Kiểu nói chuyện thế này có thể khơi lại trí nhớ của Meg. Alice đang làm chuyện này có chủ ý.

“Ta từng có biết một phù thủy,” Meg nói, mắt nhắm vẻ mơ màng. “Nhưng đấy là thời xa xưa lắm rồi...”

“Cháu nghĩ nước tắm của bà đã sẵn sàng,” tôi bảo Meg, đoạn chớp lấy tay Alice dẫn cô đi chỗ khác. “Chúng cháu sẽ sang phòng làm việc để bà có chút riêng tư ạ.”

Vào trong phòng làm việc của Thầy Trừ Tà rồi, tôi tức tối đối mặt Alice. “Tại sao cậu lại nói thế làm gì? Rồi bà ấy sẽ bắt đầu nhớ chuyện mình cũng là phù thủy mất.”

“Thế thì có tệ lắm không?” Alice hỏi lại. “Không công bằng đâu, cái cách đối xử với bà ấy như thế ấy. Thà bà ấy chết đi còn hay hơn. Tớ từng giới thiệu tên mình cho bà ấy, vậy mà bà ấy đã quên.”

“Thà chết còn tốt hơn à? Khả năng lớn nhất là bà ấy sẽ có kết cục bị nhốt xuống hố đấy,” tôi bực bõ đáp lại.

“À, sao cậu không pha ít lại *một tí* trà thảo dược đi nào – để bà ấy có cuộc sống tốt hơn mà không phải luôn quên hết mọi chuyện ấy? Cứ dùng liều lượng thích hợp và bà ấy sẽ không nhớ hết mọi chuyện nhưng cũng sẽ tốt hơn nhiều cho bà ấy. Để tớ làm cho Tom. Không khó lắm đâu. Mỗi ngày tớ sẽ chỉ việc cho bà ấy uống ít đi một tẹo cho đến khi chúng ta tìm ra đúng liều...”

“Không, Alice! Cấm cậu đấy!” tôi cảnh cáo. “Nếu Thầy Trừ Tà mà biết thì sẽ đuổi cậu về nhà ông bà Hurst ngay tắp lự. Vả lại, không đáng phải mạo hiểm như thế. Chuyện có thể trở nên vô cùng nguy hại đấy.”

Alice lắc đầu. “Nhưng thế là không đúng đâu, Tom à. Sớm muộn thì cũng phải thực thi điều đó thôi.”

“Thôi, thà muộn còn hơn sớm. Cậu không được giở trò gì với món trà thảo dược đấy nhé? Cậu hứa đi.”

Alice mỉm cười. “Tớ hứa, nhưng tớ nghĩ cậu nên bàn với Lão Gregory về chuyện này. Cậu sẽ làm thế chứ?”

“Giờ không phải lúc bàn đến chuyện này, khi thầy vẫn còn yếu. Nhưng tớ sẽ nói khi tớ nghĩ đã đến lúc. Nhưng thầy sẽ không nghe đâu. Việc này đã diễn ra bao nhiêu năm nay rồi. Tại sao giờ thầy phải thay đổi chứ?”

“Thì cứ bàn với lão ấy đi, tớ chỉ yêu cầu thế thôi.”

Vậy nên tôi đồng ý, mặc dù tôi biết mình rồi sẽ phí thời gian thôi, lại còn khiến Thầy Trừ Tà nổi giận mà chẳng được tích sự gì. Nhưng Alice bắt đầu làm tôi thấy lo lắng. Tôi muốn tin tưởng cô nhưng chắc chắn là cô ấy đang bứt rứt không yên về Meg rồi.

Đến chiều muộn, Thầy Trừ Tà cũng xuống lầu gắng gượng ăn chút súp, rồi hết cả tối thầy quần mình trong chăn ngồi trước lò sưởi. Khi tôi lên

phòng đi ngủ, thầy vẫn còn ngồi đấy, Alice thì đang giúp Meg rửa nồi niêu chuẩn bị bữa sáng.

Sáng hôm sau, hôm đấy là thứ Ba, Thầy Trừ Tà dạy tôi một bài học tiếng La Tinh ngắn. Trông thầy không khỏe lắm: thầy nhanh chóng trở mệt và quay về giường, nên tôi bị bỏ lại phòng làm việc một mình suốt thời gian còn lại trong ngày.

Và rồi, chiều muộn hôm ấy, có tiếng gõ cửa nơi cửa sau. Tôi ra mở cửa thì thấy Shanks, người giao hàng của Thầy Trừ Tà, đang đứng chờ ngoài đấy. Trên mặt anh ta mang vẻ lo lắng vô cùng và anh ta mãi liếc ra sau vai tôi, như thể đang sợ là có ai đó sẽ xuất hiện ngay sau tôi bất cứ lúc nào.

“Tôi mang đơn đặt hàng của ông Gregory đến đây,” anh ta vừa nói vừa hất đầu về phía chú ngựa đang chắt đầy những túi hàng màu nâu. “Và tôi còn có thư cho cậu nữa. Thư được chuyển đến sai địa chỉ khi họ đang đi làm ăn vắng nhà. Họ chỉ vừa mới quay lại thôi nên thư này chắc là cũng trễ hơn cả tuần rồi.”

Tôi kinh ngạc nhìn anh ta. Có thể là ai gửi thư đến đây cho tôi được chứ? Shanks đưa tay vào túi áo khoác, lôi ra một phong bì nhàu nhĩ đưa cho tôi. Tôi thấy lo vì tôi nhận ra nét chữ viết tay của anh Jack ngoài phong bì, và tôi cũng biết việc gửi thư theo chuyển bưu điện chuyển hàng hẳn phải mắc tiền lắm lắm: nhất định là chuyện nghiêm trọng đây. Chắc chắn là tin chẳng lành.

Tôi xé toạc phong bì và mở thư ra, thư ngắn gọn đề cập thẳng vào trọng tâm.

Tom này,

Bố của anh em mình lại khó ở nữa rồi. Ông đang suy kiệt nhanh chóng. Mọi người đều đã ở đây hết, trừ em, nên tốt nhất em phải về ngay nhà nhé.

Jack

Anh Jack khi nào cũng nói năng cộc lốc nên những lời lẽ vừa rồi khiến tim tôi rơi thỏm xuống đất. Tôi không thể tin là bố tôi sẽ qua đời. Tôi thậm chí còn không mừng tượng nổi điều ấy. Thế gian này rồi sẽ không còn như xưa nữa khi không có bố. Và nếu như thư của anh Jack đã kẹt lại trong làng

cả tuần nay, chờ đợi được đọc lấy, thì hẳn là tôi đã quá muộn rồi. Trong lúc Shanks dỡ hàng xuống, tôi chạy ù vào trong nhà, đi thẳng lên phòng ngủ của Thầy Trừ Tà, và với hai tay run rẩy, tôi đưa cho thầy xem bức thư. Thầy đọc xong, đoạn thở dài sườn sượt.

“Ta rất lấy làm tiếc khi nghe tin chẳng lành của con,” thầy bảo. “Con nên về nhà ngay đi. Vào những lúc như thế này mẹ con sẽ rất cần có con bên cạnh.”

“Còn thầy thì sao ạ?” tôi hỏi. “Thầy sẽ ổn cả chứ?”

“Đừng lo cho ta, ta rồi sẽ khỏe lại như vâm thôi. Không, con nên lên đường ngay khi trời chưa tắt nắng. Con phải rời khỏi đồng hoang thật sớm trước khi màn đêm buông xuống.”

Khi tôi xuống đến bếp, Alice và Meg đang thì thầm to nhỏ với nhau. Meg mỉm cười khi trông thấy tôi. “Tối nay ta sẽ nấu một bữa tối đặc biệt cho hai cô cậu,” bà bảo.

“Cháu sẽ không ở đây ăn tối đâu Meg à,” tôi nói với bà. “Bố cháu đang ốm nên cháu phải về nhà vài hôm.”

“Rất tiếc khi nghe thế đấy Billy. Chắc chắn là tuyết đang kéo đến đây nên cậu phải ăn mặc ấm áp để không bị lạnh nhé. Sương giá có thể làm cậu rụng hết mấy ngón tay đấy.”

“Tình hình xấu đến mức nào vậy Tom?” Alice hỏi, trông rất quan tâm, nên tôi đưa cho cô lá thư để cô đọc nhanh qua.

“Ôi Tom! Tớ thật tiếc,” Alice vừa nói vừa bước tới ôm choàng lấy tôi. “Có thể sẽ không đến nỗi tệ như ta tưởng đâu...”

Nhưng khi chúng tôi nhìn vào mắt nhau, tôi có thể nhận thấy Alice nói thế chỉ để làm tôi thấy khá hơn. Cả hai chúng tôi đều lo nghĩ đến tình huống xấu nhất.

Tôi chuẩn bị hành lý để quay về nhà. Tôi chẳng màng mang theo chiếc túi – tôi bỏ túi lại trong phòng làm việc – nhưng tôi mang theo thanh trượng của mình; trong túi quần tôi, ngoài một miếng tương phó mát vàng ệch để đi

đường, tôi còn có thêm chiếc hộp đánh lửa và một mẫu nển. Ta chẳng khi nào biết được lúc nào đấy mấy thứ này lại hữu ích đâu.

Sau khi chào từ biệt Thầy Trừ Tà, tôi đi ra cửa sau cùng Alice. Tôi ngạc nhiên lắm khi Alice, thay vì nói lời tạm biệt tôi, cô lại lấy áo choàng ra khỏi móc và khoác vào.

“Tớ sẽ đi cùng cậu xuống cuối hẻm núi,” Alice bảo, buồn rầu mỉm cười với tôi.

Vậy là chúng tôi sánh bước bên nhau. Không ai nói năng gì. Tôi đang tê cứng và lo sợ, trong khi Alice hình như vô cùng thờ ơ. Khi đến cuối hẻm núi và tôi quay sang chào từ biệt Alice, thật ngạc nhiên làm sao, tôi trông thấy hai mắt cô bé rơm rớm.

“Chuyện gì vậy Alice?”

“Khi cậu quay lại thì tớ sẽ không còn ở đây nữa đâu. Lão Gregory sẽ đuổi tớ đi. Tớ phải về lại nông trại Cảnh Bờ Hoang.”

“Ôi, tớ thật lấy làm tiếc Alice ạ. Thầy không nói gì với tớ về chuyện này. Tớ cứ tưởng mọi chuyện sẽ êm thấm rồi chứ.”

“Lão ấy mới bảo tớ tối qua thôi. Bảo rằng tớ đang ngày càng quá gần gũi với Meg.”

“Quá gần gũi ư?”

“Tớ nghĩ có thể là vì lão ấy trông thấy tớ và Meg trò chuyện với nhau, có thể thôi. Ai mà biết trong cái đầu già nua của Lão Gregory nghĩ gì cơ chứ? Tớ chỉ nghĩ là cần phải nói cho cậu biết. Để cậu còn biết tìm tớ ở nơi nào khi cậu quay trở lại đây.”

“Quay lại đây thì tớ sẽ ghé thăm cậu ngay,” tôi bảo với Alice. “Ngay cả trước khi tớ trở lại nhà của Thầy Trừ Tà nữa cơ.”

“Cảm ơn cậu nhé Tom,” Alice nói, đoạn thoắt nắm lấy bàn tay trái của tôi âu yếm siết nhẹ.

Sau đấy, tôi bỏ lại Alice và tiếp tục đi xuống, cũng dừng lại một lần để ngoái nhìn ra sau. Alice vẫn còn đứng đấy dõi theo tôi, nên tôi vẫy tay chào

cô gái. Alice đã không nói lời an ủi chia buồn nào với tôi hết. Cô cũng không hề nhắc đến bố tôi. Cả hai chúng tôi đều biết chẳng còn gì để nói đến nữa và tôi rất sợ điều mình sẽ phát hiện ra khi về đến nhà.

Hoàng hôn vội buông xuống, cùng một dải mây đen đặc, nặng nề từ phương bắc. Khi tôi rời khỏi đỉnh đồng hoang trời đang sập tối; chẳng hiểu vì sao mà tôi lại mất phương hướng và lỡ mất lối mòn mà mình đã định men theo.

Phía dưới xa xa kia là một đám bụi cây và một bức tường đá chồng thâm thấp, đằng sau đấy là một căn nhà nho nhỏ – chắc là chòi của tá điền, thế có nghĩa là từ đây rất có khả năng có một con lộ nhỏ hay lối mòn nào đấy dẫn xuống đồi. Tôi leo qua bức tường đá nhưng hơi ngần ngại trước khi nhảy xuống bên kia tường. Vì một lẽ bức tường này cao quá sáu thước và tôi phát hiện ra giờ đây mình đang nhìn xuống một bãi tha ma rộng lớn. Ở phía xa kia cũng chẳng phải là căn chòi gì. Mà là một nhà nguyện nhỏ.

Tôi rùng mình, đoạn nhảy xuống giữa những bia mộ. Dù sao thì, có thể hơi rùng rợn thật đấy nhưng tôi vẫn là cậu học việc của Thầy Trừ Tà cơ mà, và tôi phải làm quen với những nơi như thế này ngay cả khi trời gần như đã tối sập. Tôi bắt đầu len lỏi qua những ngôi mộ, di chuyển xuống đồi, và chẳng bao lâu sau chân tôi đã giẫm lạo xạo lên lối đi rải sỏi dẫn đến nhà nguyện.

Lẽ ra mọi thứ đã phải đơn giản thế này thôi. Lối đi dẫn xuống bên hông nhà nguyện; đằng sau đấy, lối đi uốn mình quanh co qua các bia mộ về phía hai cây thông dò to tướng tạo thành một cổng vòng cung bên trên cổng nghĩa trang. Lẽ ra tôi phải tiếp tục bước tới nhưng có chút ánh sáng le lói đằng sau ô cửa kính ghép màu của nhà nguyện, bằng chứng của một ngọn nến đang chiếu sáng. Và khi đi ngang qua cửa, tôi để ý thấy cánh cửa đang mở hé hé và tôi nghe rõ mồn một giọng nói từ bên trong.

Giọng nói ấy chỉ thốt lên đúng một tiếng: “Tom!”

Là một giọng thấp trầm, giọng của đàn ông, giọng của kẻ quen được người khác tuân lời. Tôi không nhận biết giọng này.

Mặc cho có vẻ là bất khả dĩ, nhưng tôi cảm thấy như mình đang bị triệu gọi. Và có thể là kẻ nào bên trong nhà nguyện ấy mà lại biết tên tôi mới được, hoặc ngay lúc ấy tôi chỉ là đang đi ngang qua bóng tối mà thôi? Đáng lý ra vào giờ này trong nhà nguyện phải chẳng còn ai chứ. Nhà nguyện này thì thoảng mới được dùng đến thôi mà, để tiến hành những buổi lễ ngắn gọn trước khi hạ huyết.

Gần như trước khi tôi kịp nhận ra mình đang làm gì, thì tôi đã bước lên phía cửa nhà nguyện, mở cửa ra rồi đi vào trong. Tôi ngạc nhiên khi thấy trong ấy chẳng có ai, nhưng ngay lập tức tôi nhận ra cách bài trí bên trong có gì đó kỳ quái. Thay vì những dãy băng ghế được sắp hướng mặt lên bệ thờ, với lối đi giữa các dãy ghế, thì những băng ghế trong này sắp thành bốn hàng đầu lưng vào tường và hướng mặt ra một buồng xưng tội duy nhất kê sát tường ngay bên tay phải tôi, hai bên buồng xưng tội đặt là cây nến lớn được đặt như vị trí đang đứng gác.

Buồng xưng tội có hai lối vào như thông lệ, một dành cho cha xứ và lối kia dành cho người đi sám hối. Buồng xưng tội thật ra là hai căn phòng được chia cắt bởi một bức màn sao cho, mặc dù là cha xứ có thể nghe được lời thú tội qua tấm lưới sắt ấy, ông ta vẫn không thể nhìn thấy mặt của người đang xưng tội. Nhưng ở đây có gì đó khang khác. Kẻ nào đó đã lấy đi mấy cánh cửa nên giờ đây tôi đang đối mặt với hai phòng hình chữ nhật tối om om.

Khi tôi dợm bước đi ra cửa, bụng cảm thấy bất an, thì ai đó từ trong bóng tối nơi lối vào của cha xứ bên tay trái bước ra đi về phía tôi. Hắn vận chiếc áo choàng có mũ trùm giống như Thầy Trừ Tà.

Chính là Morgan, mặc cho giọng nói gọi tên tôi lúc này không phải là giọng của hắn. Liệu trong nhà nguyện này còn có kẻ nào khác không? Khi Morgan tiến đến, tôi bất chợt cảm nhận một cơn lạnh cực cùng. Không phải là loại khí lạnh thường khi thông báo cho tôi biết là có thứ gì đấy từ thế lực bóng tối đang đến gần đâu. Cái lạnh lần này khang khác thế nào ấy. Nó gọi cho tôi nhớ đến cái lạnh tôi đã kinh qua khi phải đối mặt với một linh hồn quỷ quỷ có tên là Quỷ Độc ở Priestown.

“Tom, chúng ta lại gặp nhau nữa rồi,” Morgan cất lời cùng một cười nhạt khinh khỉnh. “Ta tiếc phải nghe tin về bố của mi nhé. Nhưng ông ta đã có một cuộc đời hạnh phúc mà. Cái chết rồi sẽ đến với tất cả chúng ta thôi.”

Tim tôi thót lại và tôi ngừng cả thở. Làm sao hẳn lại biết bệnh tình của bố tôi chứ?

“Nhưng chết không phải là hết đâu, Tom à,” hẳn vừa nói vừa bước thêm một bước về phía tôi. “Và trong một thời gian chúng ta vẫn có thể trò chuyện với những người ta yêu dấu. Mi có muốn nói chuyện với bố mi không? Ta có thể triệu hồn của ông ta về cho mi ngay lúc này, nếu mi muốn thế...”

Tôi không trả lời. Những gì hẳn đang nói chỉ mới bắt đầu ngấm vào tôi. Tôi tê dại.

“Ồ, ta xin lỗi nhé Tom. Tất nhiên, mi nào có biết nhỉ?” Morgan nói tiếp. “Bố mi chết từ tuần trước rồi.”

CĂN PHÒNG CỦA MẸ

Morgan lại mỉm cười, nhưng tim tôi đã thót lên đến cổ và toàn thân hoảng loạn: thế giới chợt quay cuồng quanh tôi. Không nghĩ ngợi gì nữa, tôi quay mình bỏ chạy ra cửa. Ra tới ngoài cửa rồi, tôi tiếp tục chạy xuống lối mòn, hai chân tôi nghiêng lên nền sỏi. Lúc đến được cổng nghĩa trang, tôi quay nhìn lại sau lưng. Morgan đang đứng trên lối cửa vào trong nhà nguyện. Bản mặt hắc chìm trong bóng tối nên tôi không thể nhìn ra vẻ mặt hắc, nhưng hắc lại giơ tay trái lên vẫy chào tôi. Cái kiểu mà bạn bè hay vẫy tay chào nhau ấy.

Tôi không vẫy tay đáp lại. Tôi chỉ mở cổng tiếp tục bước xuống sườn đồi, trong đầu là một mớ suy nghĩ và cảm xúc lẫn lộn. Tôi tan nát khi nghĩ rằng bố đã qua đời. Có khi nào Morgan lại nói đúng về điều ấy không nhỉ? Hắc là một ông đồng, nên có phải hắc đã cho gọi một hồn ma nào đó rồi hồn ma này đã nói điều này cho hắc biết chăng? Tôi không muốn tin đâu và cố nén ý nghĩ đó vào sâu trong óc.

Vậy mà tại sao tôi lại bỏ chạy đi? Đáng lý ra tôi phải nán lại đấy để bảo với hắc về những gì mình nghĩ về hắc chứ. Nhưng một cục nghẹn đã trào lên cổ tôi và hai chân tôi đưa tôi đi ra khỏi cửa trước cả khi tôi có thời gian để suy nghĩ. Không phải là tôi sợ hắc đâu, mặc dù nghe hắc nói ra những điều như thế trong nhà nguyện đúng là sờn óc thật, trong khi có bao nhiêu là nển đang chập chờn sau lưng hắc nữa. Chỉ là đương đầu với những tin tức như vậy thật khó khăn lắm.

Tôi không nhớ nhiều lắm về phần còn lại của chuyến hành trình, ngoại trừ việc dường như trời mỗi lúc một trở lạnh và gió máy hơn. Đến tối ngày thứ hai, hướng gió đã chuyển sang chiều đông bắc và bầu trời như nặng những tuyết.

Nhưng tuyết bắt đầu rơi khi tôi chỉ còn cách nhà nửa giờ. Ánh sáng đường lui dần nhưng tôi biết rõ đường đi như lòng bàn tay nên ánh sáng có như thế cũng không cản trở tiến trình cho lắm. Khi tôi mở cổng bước vào sân thì đã có một màn sắc trắng phủ che vạn vật và tôi đã lạnh thấu xương. Tuyết luôn làm cho mọi thứ dường như thật tĩnh lặng, nhưng một vẻ tĩnh lặng về đêm thật khác biệt dường như đang bao trùm xuống cả nông trang. Tôi bước vào trong sân thì sự tĩnh lặng ấy bị phá vỡ khi đám chó cất tiếng sủa vang.

Quanh đây chẳng có ai, mặc dù có tia sáng hấp háy từ một trong những cửa sổ phòng ngủ phía sau. Tôi đã về quá muộn chẳng? Tim tôi chùng hẳn xuống và lòng tôi e ngại đến điều tồi tệ nhất.

Rồi tôi nhìn thấy Jack: anh ấy đang hăm hăm băng qua sân tiến về phía tôi. Anh cau có dữ tợn, hai hàng chân mày rậm rì chầu lại ngay trên mũi.

“Chuyện gì trời chân chú thế?” anh giận dữ hỏi gặng. “Đâu phải mất đến cả tuần đâu, đúng không? Mấy anh em khác đã về rồi đi cả rồi. Mà James lại sống mãi nửa đường đến đầu kia của Hạt đấy! Chú là đứa duy nhất không về...”

“Thư của anh gửi sai địa chỉ. Một tuần sau em mới nhận được,” tôi phân trần. “Nhưng bố sao rồi ạ? Em về có trễ quá chẳng?” tôi hỏi, nín thở chờ đợi nhưng thực lòng đã đọc lấy được sự thật trên gương mặt của anh Jack rồi.

Jack thở dài cúi gằm đầu như là không thể nhìn thẳng vào mắt tôi được. Khi anh lại ngẩng đầu lên, hai mắt anh long lanh nước. “Bố đi rồi, Tom à,” anh khẽ khàng nói, mọi vẻ hằn học giận dữ đã biến mất. “Bố ra đi thanh thản trong giấc ngủ tính đến hôm qua là đã được một tuần rồi.”

Tôi chưa kịp định thần, thì Jack đã ôm chầm lấy tôi và cả hai chúng tôi òa khóc. Tôi sẽ không bao giờ được trông thấy bố mình nữa; không bao giờ nghe được giọng của ông, về những câu chuyện và lời thông thái; không bao giờ được bắt tay hay hỏi xin lời khuyên của ông nữa; và ý nghĩ ấy thật không thể nào chịu đựng nổi. Nhưng khi đang đứng đấy, tôi sức nhớ đến một người hẳn phải chịu đựng nhiều nỗi mất mát hơn cả bản thân tôi.

“Tội mẹ thật,” tôi nói khi rốt cuộc cũng lên tiếng được. “Mẹ sao rồi anh?”

“Tệ lắm, Tom à. Rất tệ,” anh Jack vừa nói vừa buồn bã lắc đầu. “Trước nay anh chưa bao giờ thấy mẹ khóc nên chứng kiến cảnh tượng ấy thật mới kinh khủng làm sao. Bà như người mất hồn, không ăn không ngủ hàng bao nhiêu ngày. Rồi đến một hôm sau lễ an táng bà gói ghém một túi đồ rồi bỏ đi, bảo rằng bà phải đi xa một thời gian.”

“Mà mẹ đi đâu vậy chứ?”

Jack lắc đầu, gương mặt tràn ngập vẻ khổ sở. “Giá mà anh biết,” anh bảo.

Tôi chẳng nói gì với Jack, nhưng tôi nhớ đến điều bố từng có lần kể với tôi: mẹ có cuộc đời riêng của bà, sau khi bố mất và được chôn cất xong thì chắc là bà sẽ quay về cố hương của mình. Rồi bố còn nói rằng đến lúc ấy tôi phải dừng cảm mím cười để cho mẹ ra đi. Tôi chỉ hy vọng là mẹ chưa đi thôi. Có thể nào mẹ lại bỏ đi mà không từ biệt tôi không nhỉ? Tôi hy vọng là không. Tôi phải được gặp lại mẹ mình, dù đấy chỉ là một lần sau cuối.

Bữa tối ấy là bữa ăn khó nuốt nhất tại nhà mà tôi có thể nhớ được.

Thật buồn làm sao khi không có bố mẹ ngồi tại bàn ăn, và tôi cứ mãi đưa mắt nhìn về phía chiếc ghế trống của bố. Em bé đã được đặt trong nôi trên lầu trên, nên chỉ còn lại ba chúng tôi, Jack, Ellie và tôi, ngồi tại bàn mà uể oải ăn.

Khi tôi bắt gặp mắt Ellie, chị âu sầu cười mím nhưng lặng lẽ không nói gì. Tôi có cảm giác như chị có điều gì đấy muốn nói với tôi nhưng vẫn còn đang kiên nhẫn chờ đến lúc.

“Món thịt hầm khoai tây ngon thật đấy Ellie à,” tôi bảo với chị ấy. “Em xin lỗi vì bỏ phí đi nhưng em thật không thể ăn nhiều được. Em chẳng thấy đói gì cả.”

“Không sao đâu Tom,” Ellie ôn tồn nói. “Chị hiểu mà. Chúng ta có ai ăn được đâu. Em ăn đến đâu được thì cứ ăn. Vào lúc như thế này thì việc giữ vững tinh thần mới là quan trọng.”

“Hắn đây không phải là lúc, nhưng em muốn chúc mừng cho hai anh chị ạ. Lần trước em về đây, mẹ có nói là chị đang mang thai em bé khác và lần này là bé trai.”

Jack buồn rầu mỉm cười, giọng anh lạc đi. “Cảm ơn nhé Tom. Chỉ ước sao mà bố còn sống để chứng kiến thằng cháu mình chào đời...” Đoạn anh hăng giọng như thể sắp sửa phải nói điều gì hệ trọng. “Này chú,” anh cất lời. “Sao chú không ở đây với anh chị ít ngày cho đến khi thời tiết sáng sủa hơn nhỉ? Chú không phải quay lại ngay ngày mai đấy chứ? Thật ra thì, anh cũng cần chút ít đỡ đần với việc trong nông trại đấy. James có nán lại vài hôm nhưng rồi chú ấy phải quay lại làm việc.”

James là anh thứ của tôi; là một thợ rèn. Tôi không cho là anh đấy đã nán lại nông trại chỉ vì Jack thực sự cần người phụ giúp việc đồng áng. Đâu phải là gieo vùi mùa xuân, hay thu hoạch mùa thu gì, đấy mới là lúc bạn phải cần huy động mọi sự giúp đỡ bạn có thể có được. Không đâu, anh Jack muốn tôi ở lại đây cũng vì cùng một lý do mà anh ấy đã muốn James ở lại. Bất chấp thực tế là Jack ghét công việc của kẻ trừ tà và thường cũng chẳng mấy vui vẻ khi có tôi ở gần, nhưng lúc này anh ấy vẫn cần có tôi để lấp đầy nỗi cô đơn, trống trải khi phải sống ở đây mà không có bố mẹ.

“Em sẵn sàng ở lại vài ngày ạ,” tôi mỉm cười nói với anh.

“Chú tốt bụng thật đấy, Tom à. Anh cảm ơn chú nhé,” Jack đáp, rồi đẩy đĩa ra xa mặc dù anh ăn chưa hết một phần ba đĩa. “Giờ anh đi ngủ đây.”

“Em sẽ lên sau nhé mình,” Ellie nói với Jack. “Mình không phiền để em ở dưới này trò chuyện với Tom chút chứ?”

“Không phiền gì đâu,” Jack bảo.

Khi anh đã lên trên lầu, chị Ellie nở nụ cười nồng hậu với tôi. Chị vẫn xinh đẹp như bao lâu nay nhưng lại trông âu sầu và mệt mỏi, bao nỗi căng thẳng từ một tuần qua đã in hằn lên dung nhan chị. “Cảm ơn em đã chịu ở lại đây vài hôm nhé Tom,” chị nói. “Anh Jack cần ôn lại chuyện ngày xưa với các anh em mình. Người ta đau buồn như thế đấy, bằng cách ôn đi ôn lại chuyện này. Nhưng chị cũng nghĩ rằng anh ấy cần em vì anh ấy tin rằng nếu em ở đây, nhiều khả năng là mẹ sẽ trở lại hơn...”

Tôi đã không nghĩ đến điều này. Mẹ có thể linh cảm được nhiều điều. Mẹ sẽ biết là tôi đang có mặt tại nông trại. Thật là có thể mẹ tôi sẽ quay về để

gặp tôi lắm.

“Em mong là mẹ sẽ quay lại.”

“Chị cũng mong vậy đấy Tom. Nhưng em này, chị cần em phải thật nhẫn nại với anh Jack nhé. Em biết không, có chuyện này anh ấy chưa kể cho em nghe. Trong di chúc của bố có điều bất ngờ đấy. Điều mà Jack đã không ngờ tới...”

Tôi cau mày. Điều bất ngờ ư? Bất ngờ gì mới được? Cả nhà đều biết là một khi bố qua đời, thì Jack, với tư cách là con cả, sẽ thừa kế toàn bộ nông trại. Chẳng lý gì lại đi chia nông trại cho bảy anh em chúng tôi khiến cho nông trại ngày càng teo nhỏ đi. Đây là truyền thống của Hạt. Nông trại bao giờ cũng được giao cho người con cả, còn vợ góa của người nông dân phải được bảo đảm có nơi ăn ở tử tế cho đến hết đời.

“Một điều bất ngờ *dễ chịu* chứ ạ?” tôi băn khoăn, không biết đấy là gì.

“Không đâu em, theo như Jack nghĩ thì không dễ chịu gì đâu. Nhưng chị không muốn em hiểu lầm việc này đâu Tom à. Jack chỉ là đang nghĩ cho chị và bé Mary, và đương nhiên là cho cả đứa con trai chưa ra đời của anh ấy nữa,” Ellie vừa nói vừa đưa tay xoa xoa qua bụng mình. “Em thấy đấy, Jack đã không được thừa hưởng toàn bộ ngôi nhà. Một căn phòng đã được dành lại cho em...”

“Căn phòng của mẹ phải không ạ?” tôi hỏi nhưng trong đầu đã đoán ra câu trả lời là gì rồi. Đây là căn phòng mẹ dùng để cất những vật dụng riêng tư của bà; là nơi bà đã cất giữ sợi xích bạc mà mùa thu rồi mẹ đã trao cho tôi.

“Phải rồi đấy Tom,” Ellie đáp. “Là căn phòng khóa kín ngay dưới rầm thượng ấy đấy. Căn phòng cùng toàn bộ mọi thứ chứa trong ấy. Mặc dù Jack sở hữu toàn bộ ngôi nhà và đất đai, nhưng em luôn luôn có quyền bước vào và ở lại trong căn phòng ấy bất cứ khi nào em muốn. Jack tái mặt khi bản di chúc được đọc lên. Điều này có nghĩa là em thậm chí còn có thể sinh sống tại đây, nếu em có ý muốn thế.”

Tôi biết rằng anh Jack sẽ không muốn tôi ở gần nhà nhiều đâu phòng trường hợp tôi lôi kéo theo thứ gì theo mình; thứ gì đó từ thế lực bóng tối. Tôi không thể phản bác điều này vì trước đây chuyện này từng xảy đến một lần rồi. Mẹ Malkin, mẹ phù thủy già, đúng thật là đã tìm được cách chui vào tầng hầm ủ rượu của nhà chúng tôi mùa xuân năm trước. Bé Mary con của Jack và Ellie đã thực sự ở trong vòng nguy hiểm.

“Mẹ có nói gì về điều này không ạ?” tôi hỏi.

“Chẳng nói lấy một lời. Jack thì đang cáu chẳng muốn nhắc đến chuyện ấy và rồi ngay ngày hôm sau thì mẹ bỏ đi.”

Tôi không thể không nghĩ tới chuyện để lại căn phòng ấy cho tôi có nghĩa là mẹ tôi sẽ sớm ra đi; quay về quê quán của mẹ và rời bỏ chúng tôi vĩnh viễn. Đây là nếu mẹ tôi chưa lên đường.

Sáng ngày hôm sau tôi thức dậy rất sớm nhưng chị Ellie đã xuống bếp trước cả tôi. Chính là mùi xúc xích nướng chín đã lôi bước tôi xuống lầu. Bất chấp mọi việc đã xảy ra, khẩu vị của tôi đang dần dà trở lại.

“Ngủ ngon chứ Tom?” Ellie mỉm cười rạng rỡ hỏi tôi.

Tôi gật đầu nhưng đây chỉ là nói xạo. Tôi đã phải trấn trọc mãi mới thiếp đi được nhưng rồi cứ giật mình tỉnh dậy luôn. Và cứ mỗi khi mở mắt ra, thì nỗi đau lại ủa về trong tôi, như thể tôi đang lần đầu tiên ý thức được rằng bố đã mất.

“Con bé đâu rồi vậy chị?” tôi hỏi.

“Mary đang ở trên lầu với Jack. Anh ấy thích đùa chơi với bé một chút mỗi sáng. Như thế cũng cho anh lý do chính đáng để bắt đầu công việc muộn một tí ấy mà. Dù gì thì hôm nay cũng không có nhiều việc để làm lắm,” chị nói rồi khoả tay ra cửa sổ. Các bông tuyết đang xoay xoáy rơi và căn phòng còn sáng hơn là vào ngày hè vì ánh sáng đang phản chiếu từ lớp tuyết chất đọng ngoài sân.

Chẳng mấy chốc tôi đã đang ngồi ngấu nghiêng một đĩa đầy trứng trắng và xúc xích. Trong khi tôi đang ăn, anh Jack đi xuống ngồi cùng tôi tại bàn. Anh ấy gật đầu rồi bắt đầu dùng điểm tâm của mình; Ellie bỏ đi ra phòng ngoài, để anh em tôi một mình với nhau. Jack uể oải ăn, nhai thật chậm, còn tôi bắt đầu thấy áy náy vì mình lại có thể dùng điểm tâm ngon miệng đến vậy.

“Ellie nói với anh là chú đã biết về bản di chúc rồi,” rốt cuộc Jack cũng lên tiếng.

Tôi gật đầu nhưng chẳng nói gì.

“Này nhé, Tom này, là con cả, anh là người thi hành bản di chúc ấy và bổn phận của anh là phải đảm bảo sao cho các mong muốn của bố được thực hiện, nhưng anh đang nghĩ liệu anh và chú có thể thỏa thuận thế nào đây với nhau được chẳng,” Jack nói. “Tỷ như anh bỏ tiền ra mua lại căn phòng từ chú thì sao? Nếu anh có thể kiếm đủ tiền, chú sẽ bán lại căn phòng cho anh chứ? Còn về những vật dụng của mẹ trong phòng, anh chắc là ông Gregory sẽ cho phép chú cất tại Chipenden...”

“Em cần chút thời gian suy nghĩ, Jack ạ,” tôi bảo anh ấy. “Mọi chuyện xảy đến bất ngờ quá. Quá nhiều thứ đã xảy đến quá nhanh. Anh đừng lo, em không định quay lại đây mãi đâu. Em bận rộn suốt mùa.”

Jack cho tay vào túi quần lấy ra một chùm chìa khóa. Anh đặt chúng lên bàn trước mặt tôi. Gồm một chìa to và ba chìa nhỏ hơn: chìa đầu tiên là khóa cửa vào phòng; ba chìa còn lại là cho những rương bông bên trong.

“Thôi, chìa khóa đây này. Chắc là chú muốn lên đây xem qua các cửa thừa kế của mình.”

Tôi vươn tay qua bàn đẩy chùm chìa khóa về phía Jack. “Không đâu Jack,” tôi bảo. “Hiện tại anh cứ giữ lấy chúng. Em sẽ không vào căn phòng ấy cho đến khi em nói chuyện với mẹ đã.”

Jack kinh ngạc nhìn tôi. “Chú chắc chứ?”

Tôi gật đầu, Jack nhét chùm chìa khóa vào túi và chuyện này không được bàn luận thêm nữa.

Những gì Jack nói khá là hợp lý đấy chứ. Nhưng tôi không muốn lấy tiền của anh. Để mua lấy căn phòng từ tôi, anh ấy cần phải vay tiền, trong khi xét về mặt tài chính, mọi thứ hiện tại hẳn đã là rất khó khăn rồi khi Jack phải tự thân điều hành nông trại. Theo ý tôi, anh ấy có thể giữ lấy căn phòng. Và tôi chắc là Thầy Trừ Tà sẽ cho phép tôi cất các rương bông của mẹ tại Chipenden thôi. Nhưng tôi đồ rằng việc căn phòng phải thuộc về tôi là ý của mẹ, và đây là điều duy nhất đã ngăn tôi không đồng ý ngay. Việc này nằm trong di chúc của bố nhưng chắc chắn là quyết định của mẹ. Mẹ luôn có những lý do chính đáng về mọi việc mà mẹ làm, nên tôi không thể đưa ra quyết định hợp lý cho đến khi tôi nói chuyện trực tiếp với mẹ.

Chiều hôm ấy tôi đi ra thăm mộ bố. Jack đã định sẽ đi cùng tôi nhưng tôi cố thuyết phục anh ấy đừng đi. Tôi muốn có thời gian ở một mình. Khoảng chừng một giờ đồng hồ thôi để suy nghĩ và đau buồn một mình. Và còn có chuyện khác nữa mà tôi cần biết. Chuyện mà tôi không thể làm được nếu Jack đi cùng tôi. Hẳn anh ấy sẽ không hiểu đâu, hay tệ nhất là anh ấy sẽ giận dữ lắm.

Tôi canh thời gian cho bước đi của mình để đến được mộ khi mặt trời lặn, chỉ còn chút ít ánh sáng để có thể tìm đến mộ. Nơi đây là một nghĩa trang thê lương phủ đầy tuyết cách nhà thờ khoảng nửa dặm. Bên trong sân nhà thờ đã hết chỗ nên người ta phong thánh nơi này thành mảnh đất thiêng thêm vào. Thật ra đây chỉ là một cánh đồng nhỏ bé bao quanh là bờ rào cây táo gai cùng đôi ba cây ngô đồng bên ven rào phía tây. Mộ của bố cũng dễ tìm thấy nơi dãy huyết đầu tiên, hàng huyết này cứ mỗi tháng lại lấn thêm qua cánh đồng. Mộ bố chưa có bia đá nhưng người ta đã tạm thời đánh dấu bằng một cây thập tự đơn giản, tên bố được khắc sâu vào thân gỗ:

JOHN WARD

CẦU MONG YÊN NGHỈ

Tôi đứng đấy một hồi lâu cạnh cây thánh giá bằng gỗ, nghĩ về những thời gian hạnh phúc mà chúng tôi khi còn là một gia đình đã từng có; nhớ lại lúc còn thơ bé, với bố mẹ vui vẻ bận rộn cùng các anh trai sinh sống tại nhà. Tôi hồi tưởng đến lần cuối cùng mình nói chuyện với bố, nhớ lại bố đã bảo rằng

ông tự hào đến thế nào khi có đứa con trai thật can đảm như tôi, và rằng mặc dù không đặc biệt yêu quý người con nào hơn, ông vẫn nghĩ tôi sẽ là đứa giỏi giang nhất đám.

Nước mắt dâng tràn, tôi đứng bên mộ bố mà khóc nức nở. Nhưng vì trời đang tối dần, tôi hít một hơi thật sâu rồi trấn tĩnh trở lại, tập trung tư tưởng vào việc cần được làm. Việc của kẻ trừ tà.

“Bố! Bố ơi!” tôi gọi vọng vào đêm tối. “Bố có ở đấy không? Bố nghe được con chứ?”

Ba lần tôi gọi lớn lên với cùng một nội dung, nhưng thứ âm thanh tôi nghe được sau mỗi lần chỉ là tiếng gió xào xạc qua rừng rào táo gai và tiếng chó sủa lẻ loi ở phía xa xa. Vậy là tôi thở dài nhẹ lòng. Bố không có ở đây. Linh hồn bố không bị trói buộc lại nơi này. Bố không phải là hồn ma lưu vấn quanh huyệt mộ. Tôi chỉ mong sao bố tôi đã đến một bến bờ tươi đẹp hơn thôi.

Thật sự thì tôi vẫn chưa biết mình nghĩ thế nào về Chúa trời. Có thể Ngài có tồn tại đấy, cũng có thể không. Mà nếu có tồn tại, liệu Ngài có bận tâm lắng nghe lấy tôi? Tôi thường không hay cầu nguyện, nhưng lần này là bố tôi nên tôi làm điều ngoại lệ.

“Cầu xin Chúa, xin ban cho bố con bình an,” tôi khẽ khàng. “Bố con xứng đáng được như thế. Bố là một người chăm làm tốt bụng và con rất yêu bố mình.”

Đoạn tôi quay đi, và với lòng trĩu nặng, tôi lần bước về nhà.

Tôi ở lại nông trại có đến gần một tuần. Khi đến lúc tôi phải rời đi, trời mưa tầm tã, tuyết đang tan ra thành bùn nhão trước sân.

Mẹ đã không quay lại và tôi băn khoăn liệu mẹ có bao giờ về lại nữa chẳng. Nhưng nhiệm vụ trên hết của tôi là phải quay về Anglezarke để xem Thầy Trừ Tà như thế nào. Tôi chỉ mong sao thầy vẫn đang tiếp tục trên đà hồi phục. Tôi bảo với Jack và Ellie mình sẽ quay lại thăm hai anh chị vào mùa xuân và lúc ấy chúng tôi sẽ bàn đến chuyện căn phòng.

Tôi khởi bước về hướng nam cho chuyến hành trình dài dằng dặc, đầu óc mãi nghĩ đến bố và đến mức độ thay đổi lớn lao của mọi chuyện. Đường như mới cách đây không lâu, tôi vẫn còn đang vui vẻ sinh sống dưới mái ấm gia đình cùng bố mẹ và sáu anh trai, và bố vẫn còn cường tráng khỏe mạnh. Giờ thì mọi chuyện đều thay đổi hết. Đền tan tác hết cả.

Nói theo cách nào ấy, tôi không bao giờ có thể thăm lại được mái ấm gia đình mình, vì nó chẳng còn nơi đây nữa. Giờ nó đã khác hẳn rồi. Căn nhà thì vẫn thế, cả cái quang cảnh đồi Treo Cỗ nhìn từ cửa sổ phòng ngủ thời xưa của tôi cũng vậy. Nhưng không có bố mẹ, nơi ấy đơn giản sẽ không còn là mái ấm gia đình.

Tôi biết mình đã vĩnh viễn đánh mất một thứ.

THUẬT GỌI HỒN

Càng xuôi về nam, không khí càng thêm lạnh, cơn mưa dần dà trở ngược lại thành tuyết. Tôi mệt mỏi chỉ muốn đi thẳng về nhà của Thầy Trừ Tà, nhưng tôi đã hứa sẽ ghé thăm Alice trước tiên và tôi muốn giữ lời.

Khi nông trại Cảnh Bờ Hoang thấp thoáng hiện ra, trời đã sập tối. Gió đã ngừng thổi và bầu trời đêm trong vắt. Trăng lên cao còn tuyết trắng khiến cho vạn vật sáng sủa hơn bình thường; xa xa phía sau nông trang, mặt hồ là một tấm gương đen ngòm phản chiếu những vì sao.

Toàn nông trại đang chìm trong bóng tối. Đa phần các gia đình nhà nông trong Hạt thường đi ngủ sớm vào mùa đông, nên cảnh nông trại tối om cũng là điều tôi đã tiên liệu. Nhưng tôi đang hy vọng là Alice sẽ cảm nhận thấy tôi đang tiến đến gần, rồi len ra ngoài mà gặp tôi. Tôi leo qua hàng rào ven nông trại rồi băng qua cánh đồng bước về phía cụm nông trang đồ nát lổn nhổn. Một chuồng gia súc lùm lùm phía trước tôi, và khi nghe thấy một âm thanh bất thường, tôi dừng phắt lại ngay ngoài lối vào chuồng. Có ai đó đang khóc.

Tôi bước vào lối vào chuồng, đám gia súc trong này bồn chồn nép dạt ra xa. Ngay lập tức một mùi hôi thốc xộc đến. Không phải là thứ mùi gia súc nồng nồng thường thấy, cộng thêm mùi vãi tá đồng phân bò khỏe mạnh. Mà đây là mùi xú uế tiêu chảy, một thứ bệnh về tiêu hóa các loại gia súc và heo lợn thường mắc phải. Bệnh này chữa trị được, nhưng các loài gia súc trong này đang bệnh mà lại không được coi sóc đến. Mọi việc đã còn trở nên xấu hơn kể từ lần trước tôi ở đây.

Chỉ đến khi ấy tôi mới nhận ra có người đang quan sát mình. Phía bên trái tôi, được một tia sáng trăng chiếu vào, là ông Hurst đang ngồi lồm khồm trên chiếc ghế vắt sữa. Hai má ông lão giàn dụa nước mắt và ông đang

ngước nhìn tôi trừng trừng, vẻ khốn khổ hằn lên trên mặt. Tôi giật lùi một bước khi ông đứng dậy.

“Xéo đi! Để tao yên!” ông Hurst gào lên, run rẩy huơ nắm đấm về phía tôi, toàn thân ông run lập cập.

Tôi vừa bất ngờ vừa cáu tiết. Trước nay ông ấy vẫn ôn tồn dịu dàng cơ mà, chưa từng khi nào thốt lên với tôi hay Alice một từ báng bổ. Giờ đây ông trông thật tuyệt vọng và sức cùng lực kiệt. Tôi bỏ đi, đầu cúi gằm. Tôi thấy tội nghiệp cho ông ấy quá. Hẳn Morgan đã đối xử rất tệ với ông: chắc chắn đấy là lý do vì sao ông ấy cáu bẳn và tủi hổ. Tôi không biết phải làm gì nhưng tôi nghĩ tốt hơn nên trao đổi với Alice về chuyện này.

Tôi bước tiếp cho đến khi vào tới trong sân. Cả ngôi nhà vẫn tối om khiến tôi không rõ mình nên làm gì. Hẳn là Alice đang ngủ say lắm mới không phát hiện ra là tôi đang ở gần kề như thế này. Tôi đứng chờ một chốc, hơi thở phả ra thành hơi trong không khí giá lạnh.

Tôi tiến đến cửa sau gõ lên hai hồi. Không cần phải gõ thêm lần nào nữa. Một chập sau cánh cửa chậm chạp mở ra, tiếng bản lề kéo kẹt, rồi bà Hurst hé ra nhìn tôi, chớp chớp mắt dưới ánh trăng.

“Cháu cần nói chuyện với Alice ạ,” tôi thưa với bà.

“Vào đi, vào đi nào,” bà mời mọc tôi, giọng bà vừa yếu ớt vừa khản khản.

Ngay bên trong cánh cửa là một tấm thảm chùi chân nên tôi bước vào trong lối sảnh nhỏ bé, và sau khi đã mỉm cười lễ phép cảm ơn bà Hurst, tôi giẫm giẫm cổ rữ sạch hết tuyết ra khỏi ủng. Phía trước kia là hai cánh cửa dẫn vào phòng bên trong. Cánh cửa bên tay phải đang đóng kín; nhưng cánh cửa dẫn vào phòng của Morgan thì đang khép hờ khiến tôi có thể nhìn thấy ánh nến chập chờn lóe ra từ trong.

“Vào trong ấy đi,” bà Hurst vừa bảo vừa chỉ tay về phía cánh cửa này.

Tôi do dự trong giây lát, bụng không biết là Alice lại đang làm gì trong phòng của Morgan nữa, nhưng rồi tôi cũng đi vào. Không khí trong này đặc quánh mùi mỡ động vật hôi thối, và chẳng hiểu vì sao nhưng điều đầu tiên tôi chú ý đến là cây nền tường làm từ sập đen, cắm trên chân nền bằng đồng

to ụ. Chân nên được đặt ngay chính giữa chiếc bàn bằng gỗ dài xọc có hai chiếc ghế đối diện nhau, mỗi ghế ở một bên cạnh bàn.

Tôi những tưởng vào đây sẽ gặp Alice nhưng tôi đã lầm. Đang ngồi gần nơi đầu này của bàn, quay lưng về tôi và đối mặt với cây nến, là một dáng hình trong chiếc mũ trùm. Hắn quay về phía tôi và tôi nhìn thấy chòm râu lẫn nụ cười khinh miệt. Là Morgan.

Một lần nữa bản năng trong người thúc đẩy tôi co giò bỏ chạy, nhưng tôi lại nghe thấy hai tiếng động sau lưng mình. Đầu tiên là tiếng cánh cửa được đóng chặt lại. Thứ đến là tiếng then cài nặng nề được sập vào then. Phía trước tôi là cánh cửa sổ được che phủ bằng một tấm rèm đen dày cui và không còn cánh cửa nào khác. Tôi đã bị nhốt lại trong phòng này cùng Morgan.

Tôi đưa mắt nhìn quanh, liếc xuống sàn nhà trơ đá lát, rồi nhìn sang chiếc ghế còn trống đang chờ đợi. Căn phòng lạnh ngắt khiến tôi phải rùng mình. Cũng có lò sưởi đấy nhưng lại chỉ chứa đầy tro xám.

“Ngồi xuống đi nào, Tom,” Morgan lên tiếng. “Chúng ta có nhiều chuyện phải bàn đấy.”

Tôi chẳng nhúc nhích gì nên Morgan phải khoát tay về phía chiếc ghế đối diện hẳn.

“Tôi đến đây để nói chuyện với Alice,” tôi bảo hẳn.

“Alice đi rồi,” Morgan bảo. “Con bé đó đã bỏ đi ba ngày trước.”

“Đi rồi ư? Đi đâu thế?” tôi hỏi.

“Nó không nói. Con bé Alice đấy, nó chẳng lăm mồm gì. Thậm chí chẳng buồn nói là nó sẽ đi đâu nữa. Mà này, Tom, lần gần đây nhất mi bước vào căn phòng này thì mi đã không được mời mà vẫn vào như một thằng ăn trộm trong đêm cùng với con oắt ấy bên cạnh. Nhưng chúng ta sẽ bỏ qua chuyện này vì giờ đây mi đang rất được chào đón. Nên để ta nói lại này. Ngồi xuống đi.”

Lòng thất vọng tràn trề, tôi ngồi xuống nhưng vẫn giữ cho thanh trượng thẳng thớm ngay bên trái, tay nắm chặt trượng. Làm sao Morgan biết là

chúng tôi đã từng vào trong phòng hắc nhĩ? Và tôi đang rất lo cho Alice. Cô đã đi đâu mới được? Chắc chắn không phải là quay trở lại Pendle chứ? Tôi nhìn thẳng qua bên kia bàn và bắt gặp ánh mắt của Morgan. Thốt nhiên, miệng nở nụ cười, hắc nhĩ mũ trùm ngược ra sau mặt, để lộ ra mớ tóc bù xù lia chĩa. Đường như so với lần trước thì lần này tóc hắc nhĩ có thêm nhiều sợi bạc hơn. Dưới ánh nến gương mặt hắc nhĩ xù xì lồm chồm và những nếp nhăn hắc nhĩ sâu thêm hắc nhĩ.

“Ta có thể mời mi uống chút vang,” hắc nhĩ bảo, “nhưng ta thì không uống khi đang làm việc.”

“Tôi thường không uống rượu,” tôi đáp.

“Nhưng chắc là mi ăn phở mát chứ gì,” hắc nhĩ nói, mặt cười tươi chế giễu.

Tôi không trả lời nên về mặt hắc nhĩ trở nên nghiêm trọng. Thành linh hắc nhĩ rướn người tới trước, chụm môi lại thổi thật mạnh. Ngọn nến chấp chới rồi tắt phụt, nhấn chìm căn phòng vào không gian tối như bưng trong khi mùi mờ động vật càng thêm nồng.

“Chỉ còn lại mi, ta và bóng tối,” Morgan nói. “Mi có thể chịu được không? Mi có thích hợp làm chân học việc cho ta không?”

Đây là đúng từng lời mà Thầy Trừ Tà đã nói với tôi trong căn hầm rượu của ngôi nhà bị ma ám ở Horshaw, nơi thầy đã đem tôi đến vào ngay ngày học việc đầu tiên của tôi. Thầy làm thế để đánh giá xem liệu tôi có các tố chất thích hợp để làm một kẻ trừ tà. Đây là những lời thầy đã nói vào ngay lúc ánh nến phụt tắt.

“Ta dám cá rằng khi mi lần đầu bước xuống những bậc thang dẫn đến hầm rượu ấy, thì lão ta đang ngồi trong góc hầm và rồi đứng thẳng dậy ngay lúc mi đến gần,” Morgan tiếp tục nói. “Chẳng có gì thay đổi sắt. Cả mi, cả ta và thêm chừng hai tá học việc khác. Toàn những trò có thể dự đoán. Lão già gàn! Chả trách sao không kẻ nào chịu ở lại lâu với lão.”

“Ông ở lại đến ba năm đấy thôi,” tôi nhẹ giọng đáp trả vào bóng tối.

“Thốt lại nên lời rồi đấy hả Tom? Giỏi đấy,” Morgan bảo. “Ta thấy lão ấy đã có nhắc đến ta rồi ấy nhĩ. Lão có điều gì hay ho để kể ra không vậy?”

“Không hẳn.”

“Chẳng làm ta ngạc nhiên đâu. Thế lão có nói cho mi biết vì sao ta từ bỏ chân học việc trừ tà không thế?”

Đến lúc này thì mắt tôi đã điều chỉnh thích ứng với bóng tối, tôi có thể nhìn ra hình dáng đầu Morgan đang đối diện mình phía bên kia bàn. Lẽ ra tôi đã có thể trả lời hẳn rằng Thầy Trừ Tà từng bảo hẳn không có tính kỷ cương và không phù hợp với công việc, nhưng thay vào đấy tôi quyết định mình nên nêu ra vài câu hỏi.

“Ông muốn gì ở tôi? Sao cửa lại bị chốt lại thế?” tôi hỏi.

“Để mi không thể bỏ chạy thêm lần nữa,” Morgan đáp. “Để mi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc ở lại đây đối mặt với điều ta muốn cho mi xem. Ta có nghe nói, mi là tay học việc rất cừ. Cả mi và ta đều biết là lão thầy của mi không biết quý trọng điều đấy. Nên đây là bài học đầu tiên dành cho kỳ học việc mới của mi. Trong tương lai chắc hẳn rồi mi cũng sẽ có việc dính dáng đến thế giới người chết, nhưng còn bây giờ ta sẽ bổ sung thêm kiến thức cho mi. Và bổ sung thật thích đáng.”

“Sao ông lại muốn làm chuyện này?” tôi gắng hỏi. “Thầy Greogory vẫn đang chỉ dạy cho tôi mọi điều mà tôi cần biết.”

“Từ từ đã nào, Tom,” Morgan trả lời. “Ta hãy nói về các hồn ma trước nào. Mi biết gì về những hồn ma nhỉ?”

Tôi quyết định chiều theo ý hẳn. Có lẽ nếu tôi để hẳn xõ ra những gì hẳn muốn, thì tôi có thể trở về nhà Thầy Trừ Tà.

“Đa phần các hồn ma bị trói buộc với xương cốt của chúng; những hồn ma khác lại bị trói buộc tại những nơi mà hoặc là chúng từng phải chịu khổ đau hay từng gây ra những tội ác tày trời khi chúng còn là người sinh sống trên dương gian. Chúng không được tự do lang thang theo ý thích.”

“Giỏi lắm Tom,” Morgan bảo, ẩn sâu trong giọng hẳn là chút hơi hóm chế giễu. “Mà ta cá là mi cũng đã chép mọi điều này vào sổ ghi chép của mi chứ gì, như một thằng nhóc học việc để bảo ấy. Nay, đây sẽ là điều mà lão già gàn kia đã không dạy cho mi này. Lão ta sẽ không nhắc đến điều này vì lão

không thích nghĩ đến nó. Và đây là câu hỏi lớn đây. Những người chết sẽ đi đâu sau khi chết? Mà ý ta không phải là đang nói đến những hồn ma hay vẫn hồn bị trói buộc đâu nhé. Ý ta là những người đã chết khác kia. Những kẻ đa số ấy. Những người như bố của mi ấy.”

Vừa nghe thấy bố được nhắc đến là tôi ngồi thẳng dậy nhìn chăm chăm vào Morgan. “Ông biết gì về bố tôi thế?” tôi tức tối hỏi. “Làm sao ông biết là bố tôi đã mất?”

“Việc đâu còn có đó, Tom. Việc đâu còn có đó. Ta sở hữu những quyền năng mà lão thầy của mi chỉ có thể nằm mơ mới có. Nhưng mi chưa trả lời câu hỏi của ta. Những người chết sẽ đi đâu sau khi chết?”

“Giáo hội bảo rằng sẽ đi lên Thiên đàng, xuống Địa ngục, giam mình trong tầng Luyện Ngục, hoặc là vất vưởng nơi chốn Lập Lờ,” tôi đáp. “Tôi không rõ lắm về những điều này và thầy Gregory thì không bao giờ bàn đến chuyện ấy. Nhưng tôi tin rằng linh hồn thì không chết được.”

Tầng Luyện Ngục là nơi các linh hồn đến để được tẩy trần, các linh hồn phải đau đớn khổ luyện tại đây cho đến khi họ được tinh khiết thích hợp để bước vào Thiên Đàng. Chốn Lập Lờ là nơi bí hiểm hơn nhiều. Các cha cố nghĩ rằng những ai không được ban thánh tích rửa tội thì sẽ phải đi đến đây. Người ta bảo đây là nơi dành cho những linh hồn không hẳn là độc ác, nhưng với những sai lầm không thực sự tội lỗi lắm của họ, thì họ không xứng đáng bước chân vào Thiên Đàng.

“Giáo hội thì biết gì chứ?” Morgan bảo, giọng đã chuyển sang nhạo báng. “Đây dường như là điều duy nhất mà ta cùng Lão Gregory ấy đồng ý với nhau. Nhưng Tom này, mi thấy đấy, trong bốn nơi mà mi vừa đề cập đến, tính đến nay thì chốn Lập Lờ là nơi hữu ích nhất cho những kẻ như ta. Chốn này được gọi tên dựa theo từ *limbus* tiếng La Tinh, có nghĩa là ‘ven rìa’ hay ‘ven mép’. Này nhé, dù là có đang đi về đâu, đa số những người chết trước tiên phải đi qua chốn Lập Lờ, nơi ven rìa với dương gian này, mà nhiều kẻ đã chết lại thấy việc đi qua vùng ấy mới thật khó khăn làm sao. Một số kẻ yếu đuối, khiếm nhược hoặc tội lỗi sẽ thối lui, lọt ngược lại vào thế giới này để trở thành hồn ma, gia nhập vào đám hồn ma lưu vẫn đã bị mắc kẹt trên

dương gian. Bọn này là bọn dễ kiểm soát nhất. Nhưng ngay cả những kẻ kiên cường tốt đẹp cũng phải chật vật tranh đấu mới vượt qua được chốn Lập Lờ. Việc này đòi hỏi nhiều thời gian, và trong lúc bọn họ đang bị trì hoãn ấy, ta có được quyền năng với tới bất cứ linh hồn nào đang trong nơi ấy mà ta muốn chọn lấy. Ta có thể ngăn không cho linh hồn ấy vượt qua. Ta có thể buộc linh hồn ấy làm mọi điều ta muốn. Nếu cần, ta có thể làm cho linh hồn ấy phải đau khổ.

“Những người quá cố từng có cuộc sống của riêng họ. Giờ thì với họ cuộc đời ấy đã chấm dứt. Nhưng chúng ta vẫn đang còn sống và có thể lợi dụng các linh hồn ấy. Chúng ta có thể trục lợi từ họ. Ta muốn có thứ lão Gregory đang nợ ta. Ta muốn có ngôi nhà của lão ở Chipenden cùng căn thư viện đầy những sách chứa đựng biết bao là kiến thức ấy. Và rồi còn thêm một thứ khác nữa. Một thứ còn quan trọng hơn cả. Thứ mà lão đã đánh cắp khỏi tay ta. Lão đang có một quyển thần chú, một cuốn sách chứa những lời chú và các nghi thức, và mi sẽ phải giúp ta lấy lại nó. Để đổi lại, mi có thể tiếp tục kỳ học việc của mi, và người huấn luyện là ta. Ta sẽ dạy cho mi những điều mà lão thầy mi thậm chí chẳng hề mơ tới được. Ta sẽ đặt những quyền năng *thực thụ* vào những đầu ngón tay mi!”

“Tôi chả muốn ông huấn luyện cho tôi đâu,” tôi giận dữ quắc lại. “Tôi hài lòng với mọi việc như hiện tại rồi!”

“Điều gì cho phép mi nghĩ rằng mi có được lựa chọn nào khác trong chuyện này cơ chứ?” Morgan hỏi, giọng hằn bồng dưng lạnh lùng đe dọa. “Ta nghĩ đã đến lúc phải cho mi thấy ta có thể làm những gì rồi. Đây, vì sự an toàn cho chính mi, ta muốn mi ngồi thật yên mà lắng tai nghe cho kỹ. Dù có xảy ra chuyện gì, đừng có mà cả gan rời khỏi chiếc ghế ấy đấy!”

Căn phòng trở nên tĩnh lặng như tờ và tôi ngoan ngoãn làm theo. Tôi còn làm gì khác được đâu? Cửa thì bị khóa còn Morgan lại vừa to vừa khỏe hơn tôi. Tôi có thể dùng trượng đấu lại hắn, nhưng không thực sự bảo đảm là thành công. Tốt nhất là hiện thời cứ làm theo ý hắn, cho đến khi tôi có thể thoát ra quay trở lại với Thầy Trừ Tà.

Từ bóng tối vọng ra một tiếng động mơ hồ. Âm thanh thoang thoảng nửa như sột soạt nửa như lộc cộc. Nghe hơi giống như tiếng chuột chạy loăng quăng dưới ván lát sàn. Nhưng ở đây có miếng lát sàn nào đâu, chỉ là sàn đá nặng nề thôi mà, và tôi có thể cảm thấy căn phòng bắt đầu trở lạnh hơn. Thông thường đây sẽ là dấu hiệu cho thấy có thứ gì đó đang tiến đến gần; thứ gì đó không thuộc về dương gian này. Nhưng một lần nữa, cái lạnh này khác hẳn, lạnh giống như khi tôi và Morgan nói chuyện với nhau trong nhà nguyện.

Bất thành lình có tiếng chuông gióng lên đầu đó trong không trung cao xa trên đầu chúng tôi. Tiếng chuông trầm vang tang tóc, nghe như đang gọi tang quyến đến đám ma, âm thanh lại lớn đến nỗi chiếc bàn rung bần bật. Tôi có thể cảm nhận được tiếng chuông dội xuống những phiến đá lát sàn dưới chân tôi. Chuông gióng chín tiếng cả thầy, thanh âm hồi sau dịu dần hơn hồi trước. Theo ngay sau đấy là ba loạt gõ lớn tiếng lên bàn. Tôi có thể nhìn ra hình dáng của Morgan và dường như hắn không động đậy. Loạt gõ được lập lại, lớn tiếng hết sức, và chân nển nặng nề bằng đồng ngã xuống, lăn lông lốc qua bàn rồi rơi loảng xoảng xuống sàn nhà.

Trong căn phòng tối om, sự im lặng theo sau đấy nhức nhối đến mức tôi có cảm giác như hai tai mình sắp sửa lòi ra ngoài. Tôi đang nín thở và tất cả những gì có thể nghe thấy là tiếng thành thịch trong óc tôi, là nhịp đập hối hả của tim tôi. Cái lạnh kỳ quặc càng gia tăng, và rồi Morgan cất lời trong bóng tối.

“Em gái của ta, hãy ở yên đấy mà nghe cho rõ!” hắn ra lệnh.

Khi đấy tôi nghe thấy tiếng nước nhỏ giọt lộp độp. Nghe như thể trên trần nhà có một lỗ hổng và nước đang nhỏ giọt xuống chính giữa bàn, nơi lúc này có đặt chân nển.

Tiếp đến một giọng nói cất lên đáp trả. Hình như là vọng ra từ chính miệng Morgan. Tôi có thể nhìn ra hình dạng cái đầu của hắn và tôi thề rằng quai hàm hắn đang chuyển động, nhưng giọng nói lại là giọng con gái, và không cách nào một người đàn ông trưởng thành lại bắt chước được thanh âm lạnh lạnh cao vút như thế.

“*Để ta yên! Để ta nghỉ!*” giọng nói rít lên.

Tiếng nước nhỏ giọt càng thêm lớn và còn có thêm loáng thoáng nước bắn ra tung tóe, như thể một vũng nước đã hình thành trên mặt bàn.

“Tuân lời ta rồi ta sẽ để mi yên,” Morgan gào lên. “Ta muốn nói chuyện với một linh hồn khác nữa. Hãy mang hắc đến nơi này rồi mi có thể quay về nơi từ đó mi đã đến. Có một thằng bé ở cùng ta trong căn phòng này. Mi nhìn thấy nó không?”

“Có, ta có thấy cậu ta,” giọng nói con gái đáp lại. “Thằng bé vừa mất đi một ai đó. Ta cảm nhận được nỗi đau buồn của nó.”

“Tên nó là Thomas Ward,” Morgan bảo. “Nó đang để tang bố mình. Hãy mang linh hồn bố nó đến chỗ chúng ta ngay!”

Cái lạnh bắt đầu thuyên giảm và nước thôi không nhỏ giọt nữa. Tôi không tin nổi những gì mình vừa nghe thấy. Thật sự là Morgan đang gọi hồn bố tôi về đây chăng? Tôi cảm thấy chút xúc phạm.

“Không phải là mi đang mong được nói chuyện với bố mi thêm một lần nữa sao?” Morgan hỏi. “Ta đã nói chuyện với ông ta rồi, ông ta bảo mọi anh trai của mi đã đến viếng ông ta trong phút lâm chung để nói lời từ biệt, chỉ trừ mỗi mình mi, rồi mi còn lờ cả đám ma của ông ta nữa. Ông ta buồn vì chuyện này lắm đấy. Rất buồn. Giờ thì hai người bọn mi có cơ hội thu xếp sửa sai rồi đấy.”

Nghe thế tôi sửng sốt. Làm sao Morga lại có thể biết những chuyện đã xảy ra? Trừ phi hẳn thật sự là có tiếp xúc với linh hồn của bố...

“Không phải lỗi do tôi!” tôi nói, vừa cau vừa giận. “Tôi không nhận được tin nhắn kịp thời.”

“A, giờ thì mi sắp có cơ hội tự mình giải thích điều đó cho ông ta đấy...”

Không khí lại trở lạnh hơn. Rồi một giọng nói từ bên kia bàn thốt ra với tôi. Quai hàm Morgan lại dịch chuyển, nhưng lần này, đáng sợ làm sao, lại là giọng bố tôi vọng ra từ miệng hắc. Không lẫn vào đâu được. Không ai lại có thể bắt chước giọng người khác hoàn hảo đến thế. Cứ như thể là bố tôi đang ngồi nhìn thẳng vào mặt tôi bên chiếc ghế đối diện.

“Tôi quá,” bố tôi rên lên, *“tôi thậm chí còn không thể nhìn thấy bàn tay trước mặt mình. Ai đó làm ơn thả giùm tôi ngọn nến nào. Thả nến lên để tôi được cứu rồi nào.”*

Tôi thấy thật kinh khủng làm sao khi nghĩ tới bố mình đang phải lẻ loi hãi sợ trong bóng tối. Tôi cố gọi lớn lên để làm bố an lòng, nhưng Morgan mới là người lên tiếng trước.

“Làm sao mà người được cứu rồi chứ?” Morgan nói, giọng hân hoan trầm hùng dưng đầy quyền năng. *“Làm sao một kẻ tội đồ như người lại có thể bước đến vùng ánh sáng? Hỡi kẻ tội đồ chuyên làm việc vào ngày của Chúa?”*

“Ôi, xin Người tha tội! Xin Chúa tha tội cho con!” Bố tôi khóc lên. *“Con là nông dân và luôn có việc phải hoàn thành. Con đã lao động cật lực nhưng một ngày chẳng bao giờ có đủ thời gian. Con còn phải chăm lo cho gia đình. Nhưng con đã luôn đóng đủ sưu thuế, không bao giờ giấu đi những gì phải thuộc về Giáo hội. Con luôn có đức tin, thực lòng là thế. Và con đã giáo dục con cái mình điều hay lẽ phải. Con đã làm mọi việc mà một người cha phải làm.”*

“Một trong những đứa con của người đang ở đây này,” Morgan bảo. *“Người có muốn nói chuyện với nó lần cuối không?”*

“Vâng con xin Người. Con xin Người. Hãy cho phép con nói chuyện với nó. Phải là Jack không? Có những chuyện lẽ ra con phải nói với nó khi con còn sống. Những điều không được nói ra mà giờ đây con phải nói thôi!”

“Không phải,” Morgan đáp. *“Jack không có ở đây. Là Tom, thằng con út của người đấy.”*

“Tom! Tom! Con đấy ư? Phải thật là con không?”

“Là con đây bố. Là con ạ!” Tôi gào lên, một cục nghẹn ứ lên trong họng. Tôi không thể chịu đựng ý nghĩ rằng bố mình đang khổ sở trong bóng tối như thế. Bố đã làm gì để phải hứng chịu điều này chứ? *“Con xin lỗi đã không về đến nhà kịp lúc. Xin lỗi vì con đã không đến được đám ma của bố. Tin nhắn đến tay con quá trễ. Nếu bố có gì muốn nói với Jack, bố cứ bảo*

con này. Con sẽ chuyển lời cho anh ấy,” tôi nói, nước mắt bắt đầu ứa ra khỏi hai mắt.

“Con ạ, con cứ bảo Jack là bố rất tiếc về nông trại. Bố xin lỗi không để lại toàn bộ nông trại cho anh ấy. Anh ấy là con trai cả và đây là quyền lợi từ thừa kế của Jack. Nhưng bố đã nghe theo lời mẹ con. Bảo với Jack là bố xin lỗi vì đã để lại căn phòng cho con.”

Lúc này nước mắt đang giàn giụa trên mặt tôi. Thật choáng váng khi nghe rằng mẹ và bố đã không đồng thuận với nhau về căn phòng. Tôi những muốn hứa với bố rằng mình sẽ chấn chỉnh mọi việc bằng cách trao lại căn phòng cho Jack, nhưng tôi không thể, vì tôi còn phải nghĩ đến ước nguyện của mẹ nữa. Tôi phải nói chuyện với mẹ đã. Nhưng tôi cố gắng làm bố thấy an tâm hơn. Đây là điều tối thiểu tôi có thể làm.

“Đừng lo bố ạ! Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi. Con sẽ bảo với Jack chuyện này. Sẽ không gây ra rắc rối nào trong nhà đâu ạ. Không chút nào đâu. Xin bố đừng lo. Rồi sẽ ổn thỏa cả thôi.”

“Con là thằng bé ngoan, Tom à,” bố nói, giọng ông đầy vẻ hàm ơn.

“Thằng bé ngoan!” Morgan xen vào. “Nó mà ngoan nổi gì. Đây là thằng con trai mà người đã trao vào tay một kẻ trù tà! Người có tới bảy thằng con trai mà lại không dâng nguyện được một đứa cho Giáo hội!”

“Ôi! Con xin lỗi! Con xin lỗi!” giọng bố kêu gào trong thống khổ. *“Nhưng không đứa con nào của con có thiên khiếu phụng sự cả. Chẳng đứa nào muốn làm cha. Con đã chật vật tìm cho mỗi đứa một nghề, đến phiên thằng con út, mẹ nó lại muốn nó học làm kẻ trù tà. Con đã cực lực phản đối và vợ chồng con đã cãi vã với nhau về việc này còn gay gắt hơn bất cứ cuộc cãi vã nào. Nhưng rốt cuộc con đầu hàng, bởi vì con yêu vợ mình và không thể từ chối bà ấy thứ mà bà ấy nhất mực phải đạt được. Xin tha thứ cho con! Con yếu đuối đã để cho tình ái tầm thường lấn át bốn phận của con với Chúa!”*

“Người đã làm thế đấy!” Morgan lớn tiếng quát lên. “Chẳng có sự tha thứ nào dành cho một kẻ như người, nên giờ đây người phải gánh chịu lấy đau

đón từ Địa ngục. Người có cảm nhận thấy những ngọn lửa đang bắt đầu liếm khắp da thịt không? Có cảm thấy sức nóng đang bắt đầu tích tụ không?”

“Ôi không, thưa Đức Chúa Cha! Xin Người! Xin Người! Con đau thật quá sức chịu đựng! Xin tha cho con. Con sẽ làm mọi chuyện! Bất cứ chuyện gì!”

Tôi đứng phắt dậy, lòng ngùn ngụt giận dữ. Morgan đang gây ra chuyện này cho bố tôi. Khiến bố tôi tin rằng ông đang ở dưới Địa ngục. Khiến bố phải kinh qua đau đớn cực cùng. Tôi không thể để cho chuyện này tiếp diễn.

“Bố ơi, đừng nghe lời hăn!” tôi hét lên. “Không có ngọn lửa nào đâu. Không đau đớn gì cả. Hãy ra đi trong thanh thản! Ra đi trong thanh thản! Hãy đến vùng ánh sáng! Đến vùng ánh sáng!”

Tôi thoăn thoắt bước bốn bước sang phía trái bàn, và vận hết sức lực, tôi vung thanh trượng về phía hình dáng người đầu đội mũ trùm mà giáng xuống một đòn kinh hồn. Không thốt ra được tiếng nào, hăn đổ nhào sang bên phải và tôi nghe thấy tiếng chiếc ghế chao đảo rơi xuống nền đá.

Thật nhanh tay tôi lôi hộp đánh lửa và mẩu nến từ trong túi ra. Trong chốc lát tôi đã châm lên ngọn nến. Tôi giơ nến lên nhìn quanh. Chiếc ghế đã đổ sang một bên và một chiếc áo choàng đen đang vắt ngang ghế lòng thòng xuống sàn. Nhưng lại chẳng thấy bóng dáng Morgan đâu! Tôi dùng trượng chọc chọc vào áo choàng nhưng chiếc áo rỗng không như thoát trông. Morgan đã biến mất tăm!

Tôi để ý thấy thứ gì đó trên mặt bàn. Mặt gỗ khô khốc ráo hoảnh, chẳng có dấu tích gì về nước đã từng nhỏ giọt hay vũng nước nào trên ấy cả, nhưng ở nơi từng đặt chiếc chân nến bằng đồng lại có một chiếc phong bì đen.

Đặt mẩu nến xuống mép bàn, tôi với tay qua nhật lấy phong bì. Phong bì được niêm kín, nhưng trên đấy là những chữ:

Gửi Tom Ward, Kẻ Học Việc Mới Của Ta

Tôi xé toang phong thư và mở mảnh giấy gấp trong ấy ra.

Sao hả, giờ thì mi đã được chứng kiến ta có thể làm những gì. Và điều ta vừa mới làm kia, ta có thể làm đi làm lại. Ta đã nhốt bố mi mắc kẹt vào chốn

Lập Lờ. Vì thế ta có thể tóm lấy ông ta bất cứ khi nào ta chọn và khiến ông ta tin vào bất cứ điều gì ta muốn. Nỗi đau mà ta có thể gây ra cho ông ta là vô cùng.

Nếu mi muốn cứu ông ta thoát khỏi chuyện này, mi phải nghe theo lời ta. Trước hết, ta cần một thứ từ trong nhà lão Gregory. Ở mãi trên rầm thượng, được khóa cất vào trong bàn giấy của lão, là một chiếc hộp gỗ mà trong đấy là cuốn thần chú, cuốn sách chứa những lời bùa chú cùng quỹ thức quyền năng. Cuốn sách bọc bì a da màu xanh lục và bì a trước có khắc nổi biểu tượng vòng ma thuật - ba vòng tròn đồng tâm chứa một ngôi sao năm cánh. Cuốn sách ấy là của ta. Mang nó đến cho ta.

Thứ hai, không được nói cho bất cứ ai nghe về những gì mi vừa chứng kiến. Thứ ba, mi phải chấp nhận rằng hiện giờ mi là tên học việc mới của ta, phải tuân thủ phục dịch cho ta trong năm năm từ hôm nay trở đi - bằng không bố của mi sẽ phải chịu đau đớn. Để ra dấu cho sự chấp thuận của mi, hãy gõ ba lần lên mặt bàn. Cánh cửa đã được mở khóa, và dù có quyết định thế nào, mi vẫn được tự do ra đi. Lựa chọn là do mi đấy.

Morgan G.

Tôi không thể chịu được ý nghĩ rằng linh hồn của bố mình đang bị tra tấn. Nhưng tôi cũng không muốn làm chân học việc cho Morgan. Tôi chần chừ không muốn gõ lên bàn, nhưng như thế lại cho tôi được ít thời gian. Morgan sẽ nghĩ là tôi đã đồng ý với những gì hắn yêu cầu, và như vậy sẽ giúp cho bố hiện thời không phải đau đớn trong khi tôi đi kiếm Thầy Trừ Tà hỏi ý kiến. Thầy sẽ biết tốt nhất nên làm gì.

Tôi hít một hơi sâu rồi gõ ba lần lên bàn. Tôi nín thở lắng nghe nhưng chẳng thấy có dấu hiệu nhận biết nào cả. Căn phòng tuyệt đối yên ắng tĩnh lặng. Tôi thử đẩy cửa và cánh cửa mở ra. Lúc này tôi không nghe thấy gì nhưng then cài đã được kéo lui. Tôi quay lại bàn, nhặt hộp đánh lửa, thối tắt nến và bỏ hai thứ vào túi. Đoạn, tay nắm chặt trượng, tôi rời khỏi phòng và mở cửa trước ra.

Tôi mém chút té ngựa vì kinh ngạc. Trời đang sáng trưng! Ánh sáng mặt trời đang nhảy nhót phản chiếu từ tuyết và cũng phải quá bình minh ít nhất là hai tiếng rồi! Có vẻ như tôi đã ở trong căn phòng ấy cùng Morgan chỉ mới khoảng mười lăm phút đây thôi, ấy vậy mà thật ra là từng ấy giờ đồng hồ đã trôi qua rồi.

Tôi chịu, chẳng thể giải thích nổi chuyện này. Thầy Trừ Tà từng bảo rằng Morgan là tên nguy hiểm từng dây dưa với thế lực bóng tối. Nhưng Thầy Trừ Tà đã không nói hẳn có khả năng làm những điều tôi vừa chứng kiến. Morgan là một tên pháp sư quyền năng và nguy hiểm, sở hữu những pháp thuật thực thụ, và tôi rùng mình khi nghĩ đến việc phải đối mặt với hắn lần nữa. Loáng chốc, tôi đã băng băng qua nẻo đường ngập tuyết bằng hết tốc lực, leo ngược đồi tiến về ngôi nhà của Thầy Trừ Tà.

GIAN TRÁ VÀ PHẢN BỘI

Thoắt cái, ngôi nhà đã hiện ra trước mắt với làn khói nâu bốc lên từ những cái chụp ống khói, báo cho tôi biết những lò sưởi chào đón ấm áp đang chờ đợi mình trong nhà.

Tôi gõ cửa sau. Chìa khóa của tôi sẽ mở được đa số các loại khóa, nhưng tôi không dùng đến. Vì tôi đã đi vắng một thời gian nên đứng chờ ở ngoài để được mời vào chừng như là phải phép hơn. Tôi gõ đến lần thứ ba, rồi cuộc cánh cửa mới được Meg mở ra, bà mỉm cười trước khi bước lùi lại chào đón tôi vào nhà.

“Nhanh chân vào tránh tuyết nào Tom!” Meg reo lên. “Thật tốt vì cậu đã về.”

Vào trong nhà rồi, tôi cởi áo choàng cùng áo khoác da cừu ra, tựa thanh trượng vào góc nhà rồi giẫm giẫm chân rũ tuyết khỏi ủng.

“Ngồi xuống nào,” Meg dẫn tôi băng qua sàn đá đến chỗ lò sưởi. “Cậu rùng mình vì rét kìa. Ta sẽ nấu cho cậu một bát súp nóng để làm ấm xương cốt nhé. Hiện tại chừng ấy là đủ rồi – để sau ta hẵng nấu cho cậu một bữa thịnh soạn.”

Nói đúng ra tôi đang run bắn hơn là rùng mình, lòng vẫn tức tối vì những gì đã xảy ra trong căn phòng của Morgan, nhưng dần dà tôi cũng trấn tĩnh lại. Tôi làm theo lời Meg và đến ngồi sưởi tay bên bếp lửa, mắt ngắm nhìn hai chiếc ủng bắt đầu bốc hơi lên. “Thấy cậu còn đủ mấy ngón tay là tốt rồi!” Meg bảo.

Tôi mỉm cười. “Thầy Gregory đâu ạ?” tôi hỏi, bụng băn khoăn không biết thầy có bị gọi đi trừ tà không nữa. Tôi hy vọng là thầy đã đi rồi, vì như thế có nghĩa là thầy đã bình phục và mạnh khỏe.

“Ông ấy vẫn còn nằm trên giường. Ông ấy cần nghỉ ngơi thật nhiều.”

“Vậy là thầy vẫn chưa khỏe lắm ạ?”

“Ông ấy đang hồi phục từ từ,” Meg trả lời. “Nhưng phải mất thời gian. Máy chuyện này không vội được đâu. Cậu cố đừng quấy rầy hay làm ông ấy lo nghĩ quá đấy. Ông ấy cần nằm nghỉ và chợp mắt càng nhiều càng tốt.”

Meg bưng lại một bát súp gà nghi ngút khói, thế là tôi cảm ơn bà và chậm chạp nhắm nháp, cảm nhận được súp đang bắt đầu làm mình ấm dần lên.

“Sức khỏe bố cậu sao rồi?” đột nhiên Meg hỏi khi bà ngồi xuống ghế đu. “Ông ấy có đỡ hơn chưa?”

Tôi ngạc nhiên là bà còn nhớ chuyện này, và câu hỏi của bà làm tôi lại ứa nước mắt. “Bố cháu mất rồi, Meg ạ,” tôi bảo với bà. “Nhưng trước đây bố ốm nặng lắm rồi.”

“Buồn thật đấy Tom. Ta rất lấy làm tiếc. Ta biết mất đi gia đình là như thế nào...”

Tôi cảm thấy nỗi đau mất bố quặn thắt ruột gan mình, rồi nghĩ đến những gì Morgan đã gây ra cho linh hồn ông. Bố không đáng phải chịu như vậy. Tôi không thể để chuyện ấy lại xảy ra. Tôi phải làm gì đó thôi.

Meg lặng im không nói gì và nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Một lúc sau, bà ấy nhắm mắt, miệng ngâm nga một điệu nhạc thật khẽ. Dừng súp xong, tôi đi qua bên kia phòng để đặt bát lên bàn.

“Cảm ơn Meg. Súp thật là ngon,” tôi bảo Meg.

Bà không đáp lại và dường như là đang ngủ gật. Đây là việc bà ấy thường làm, ngủ gà gật trên chiếc ghế đu cạnh lò sưởi.

Hiện tại tôi không biết phải làm gì. Tôi mong được nói chuyện với thầy mình về Morgan, nhưng rõ ràng là thầy chưa đủ sức để bận tâm đến chuyện ấy. Tôi không muốn quấy rầy và làm thầy ốm nặng hơn. Có lẽ khi thầy đang ngủ, tôi có thể nhìn qua cuốn thần chú; kiểm tra xem nó có ở nơi Morgan bảo không. Biết đâu trong đấy sẽ có thứ giúp tôi quyết định phải làm gì. Có một điều quá rõ: trong khi thầy tôi đang đau ốm, Alice lại bỏ đi mất, tôi chỉ còn một thân một mình, và giờ chỉ có mỗi mình tôi ra tay làm điều đúng đắn để giúp bố. Chuyện của bố quan trọng hơn hết thầy, và tôi phải làm gì đấy

để bố không phải chịu đau đớn trong tay Morgan. Tôi sẽ bắt đầu bằng việc tìm cuốn thần chú.

Thầy Trừ Tà đang nằm ngủ trên lầu và có thể tôi sẽ không còn dịp nào tốt hơn để tìm cuốn sách. Chỉ nghĩ đến việc phải lấy cuốn sách mà không thông qua Thầy Trừ Tà thôi thì một phần trong tôi đã thấy khó chịu. Nhưng sau này hẳn giải thích cũng được. Giờ bố mới là chuyện quan trọng. Tôi không chịu nổi ý nghĩ bố lại bị Morgan ra tay hành hạ.

Nhưng khi tôi vừa dợm cất bước rời đi, Meg đột nhiên mở bừng mắt và chồm người tới trước khơi bếp lửa. “Cháu chỉ lên thăm thầy Gregory thôi ạ,” tôi bảo Meg.

“Đừng Tom, chúng ta chưa được làm phiền ông ấy đâu,” Meg bảo. “Cậu cứ ngồi xuống cạnh bếp mà hong người cho ấm sau chuyến cuộc bộ dài dặc trong giá lạnh kia.”

“Vậy cháu sẽ vào phòng làm việc lấy sổ ghi chép trước đã nhé,” tôi nói.

Nhưng tôi lại vào phòng khách thay vì phòng làm việc. Nếu Thầy Trừ Tà còn đang ngủ, nghĩa là Meg vẫn chưa uống trà thảo dược. Tôi cần bà ấy tiếp đi trong chốc lát để tìm ra cuốn thần chú, và trà thảo dược là cách dễ xoay xở nhất. Vậy nên tôi lấy chiếc lọ thủy tinh to tướng màu nâu trong chạn chén xuống rồi rót ba phần tư lỏng tay thứ chất ấy vào trong tách. Đoạn tôi vào bếp và bắt đầu đun sôi nước.

“Cái gì thế?” Meg mỉm cười hỏi tôi, khi tôi đưa tách trà cho bà.

“Là trà thảo dược đấy Meg. Bà uống hết đi. Trà sẽ ngăn không cho cái lạnh ngấm vào xương cốt bà.”

Dấu hiệu cảnh báo duy nhất tôi nhận được là khi nụ cười vượt khỏi gương mặt Meg. Bà ta gạt phăng tách trà trên tay tôi, khiến nó rơi xuống sàn bếp vỡ tan tành. Rồi bà ta đứng dậy, tóm chặt cổ tay tôi và kéo tôi lại gần. Tôi cố sức giằng ra nhưng bà ta quá mạnh. Tôi cảm thấy bà ta có thể bẻ gãy tay mình mà chẳng cần ra sức lắm đâu.

“Dối trá! Dối trá!” Meg gào lên, gương mặt bà cách tôi có vài phân. “Ta đã hy vọng mi sẽ khá hơn, nhưng mi cũng chẳng tốt lành hơn John Gregory

là mấy! Đừng nói ta đã không cho mi cơ hội đấy nhé. Mi đã chứng tỏ là mi chỉ cùng một giuộc thôi. Mi cũng sẽ lấy đi trí nhớ của ta phải không thẳng nhãi? Nhưng giờ ta nhớ ra hết rồi. Ta biết mình đã từng là gì và biết cả hiện thời ta là gì!”

Khi mặt chúng tôi gần như chạm vào nhau, Meg ồ ồ hít lấy hít để tôi. “Ta cũng biết mi là gì nữa,” giọng bà ta lúc này chỉ còn là tiếng thì thào. “Ta biết mi đang nghĩ gì. Ta biết những suy nghĩ thầm kín tăm tối nhất của mi, những suy nghĩ mà đến cả mẹ mình mi cũng không thể tiết lộ.”

Hai mắt Meg nhìn trừng trừng vào mắt tôi. Đôi mắt này không giống hai đốm lửa như mắt Mẹ Malkin khi chúng tôi đối mặt nhau vào mùa xuân rồi, nhưng dường như chúng đang mỗi lúc một lớn dần. Meg là một phù thủy nữ yêu và thân người bà ta mạnh hơn tôi, rồi giờ đây trí óc bà ta cũng đang bắt đầu kiểm soát cả đầu óc tôi nữa.

“Ta biết rồi một ngày kia mi sẽ là gì, Tom Ward à,” bà ta thì thầm, “nhưng ngày đấy hãy còn xa lắm. Mi mới chỉ là một thẳng nhãi, trong khi ta đã tồn tại trên thế gian này biết bao nhiêu năm rồi, đến bản thân ta cũng chẳng buồn nhớ nữa. Vậy nên đừng có thử áp dụng mấy mảnh khốe của John Gregory với ta, vì ta biết tởng hết rồi. Tởng tởng tong từng trò một!”

Bà ta xoay người tôi hướng mặt đi chỗ khác rồi thả tay tôi ra, nhanh lẹ chuyển tay tóm lấy gáy tôi.

“Làm ơn mà Meg! Cháu nào có ý định làm hại gì,” tôi khẩn khoản. “Cháu muốn giúp bà thôi. Cháu đã kể với Alice chuyện này rồi. Bạn ấy cũng muốn giúp bà nữa...”

“Giờ mi nói gì mà chả được. Cho ta uống cái thứ nước bắn thiu kia là cách giúp ta ấy à? Không, ta chẳng nghĩ thế đâu. Đừng có xoen xoét láo toét nữa không thôi mi sẽ phải thê thảm hơn đấy!”

“Nhưng đấy có phải là láo lếu gì đâu Meg. Bà nhớ mà xem – Alice cũng xuất thân từ gia đình phù thủy đấy thôi. Bạn ấy hiểu bà và thật lòng thấy tội nghiệp về những gì đang xảy ra. Cháu sẽ thưa với thầy Gregory chuyện của bà và...”

“Được rồi, thẳng nhai! Ta đã nghe quá đủ những lời bao biện rồi!” Meg quát. “Mi phải xuống dưới hầm kia. Hãy xem *mi* có thích nơi tối tăm dưới ấy không nào. Mi đáng bị như thế. Ta muốn mi biết ta đã trải qua những gì. Mi biết đấy, ta đâu có ngủ suốt thời gian ấy. Ta cứ mãi thức giấc, suy nghĩ hàng giờ dằng dặc, trơ trọi một mình trong bóng tối. Yếu ớt không cử động nổi, chả còn sức đâu mà gượng đứng dậy – cố gắng đến tuyệt vọng để nhớ ra những gì mi và John Gregory muốn ta quên đi – ta vẫn suy nghĩ và cảm nhận được, biết rằng mình sẽ phải trải qua hàng tháng trời lê thê, tẻ ngắt, cô độc trước khi có ai đó đến bên cửa đem ta ra ngoài...”

Thoạt tiên tôi vùng vẫy, dốc hết sức kháng cự, nhưng vô ích: bà ta quá khỏe. Tay vẫn còn tóm lấy gáy tôi, Meg lôi tôi xuống cầu thang dẫn xuống hầm, hai chân tôi dường như không chạm đất, cho đến khi chúng tôi đến chỗ cánh cổng sắt. Bà ta có chìa khóa, chẳng bao lâu sau chúng tôi đã đi qua cổng và di chuyển sâu hơn xuống lòng đất.

Meg chẳng buồn cần đến nến, và mặc dù tôi có thể nhìn thấy đường đi trong bóng tối giỏi hơn đại đa số người khác, nhưng cứ đến mỗi khúc quanh thì trời càng tối và càng khó nhìn rõ hơn. Ý nghĩ về căn hầm bên dưới làm tôi khiếp đảm. Tôi nhớ đến chị của Meg, mục phù thủy nữ yêu hoang dã, vẫn còn bị cầm tù dưới hố; tôi chẳng muốn bị nhét vào bất cứ nơi nào gần mục ta cả. Nhưng nhẹ nhõm quá, khi chúng tôi quành qua khúc quanh thứ ba, Meg mang tôi dừng lại bên ba cánh cửa.

Sử dụng một chiếc chìa khác, Meg mở cánh cửa bên trái, quăng tôi vào bên trong rồi khóa cửa lại. Đoạn tôi nghe thấy bà ta mở khóa phòng giam bên cạnh rồi đi vào trong. Bà ta không nán lại đấy lâu. Chẳng mấy chốc cánh cửa ấy cũng đóng sầm lại và bà ta bắt đầu leo lên mấy bậc thang. Một lúc sau vang lên tiếng cánh cổng sắt đóng lại loảng xoảng; rồi thêm nhiều bậc thang nữa, mỗi lúc một xa dần xa dần; và rồi, mọi thứ tĩnh lặng như tờ.

Tôi chờ một lúc phòng khi Meg quay lại vì lý do nào đó, đoạn tôi lần tay lấy từ trong túi ra hộp đánh lửa và mẩu nến. Vài giây sau ngọn nến bùng sáng và tôi nhìn quanh phòng giam. Xà lim nhỏ teo, không lớn hơn tám bước chiều dọc và bốn bước chiều ngang là mấy, ngay góc phòng là một

đồng tướng rơm để làm giường. Bốn bức vách được xây bằng những khối đá và cửa làm bằng gỗ sồi chắc nụi, gần trên đầu cửa là một lỗ nhòm hình vuông chắn bằng bốn thanh sắt cắm dọc.

Tôi ngồi xuống nền đá trong góc phòng để suy nghĩ thông suốt. Chuyện gì đã xảy ra trong lúc tôi đi vắng? Tôi chắc như đinh đóng cột là lúc này Thầy Trừ Tà đang nằm trong xà lim kế bên, nơi Meg thường sống qua bao mùa hè. Bằng không thì làm sao Meg vào trong ấy làm gì? Nhưng làm thế nào Thầy Trừ Tà lại rơi vào tay Meg vậy nhỉ? Khi tôi đi về nhà thì thầy vẫn chưa bình phục. Có lẽ thầy quên cho Meg uống trà thảo dược và bà ta phục hồi trí nhớ chẳng? Có lẽ bà ta đã cho thứ gì đấy vào đồ ăn hay thức uống *của thầy* – cùng một kiểu như bao năm nay thầy đã dùng để giữ cho Meg dễ bảo, chắc là thế rồi.

Mà đâu chỉ có bấy nhiêu đấy – lại thêm ảnh hưởng từ Alice nữa chứ. Cô bé cứ trò chuyện suốt với Meg, kể với bà ta về việc mình xuất thân từ gia đình phù thủy. Có lúc họ còn thì thầm to nhỏ với nhau. Hai người đã nói chuyện gì nhỉ? Nếu Alice đã làm theo cách của mình thì liều lượng thảo dược dành cho Meg hẳn đã được gia giảm. Thôi, tôi không trách Alice về những chuyện đã xảy ra, nhưng sự hiện diện của cô gái trong nhà Thầy Trừ Tà hiển nhiên là đã không giúp cải thiện tình hình.

Khi tôi quay về, Meg chỉ giả vờ là mình vẫn còn đang lẫn lộn và đã bày trò với tôi. Có thực là bà ta đã cho tôi cái mà bà ta gọi là “một cơ hội” không nhỉ? Nếu như tôi không cố cho bà ta uống trà thảo dược, liệu bà ta có đối xử với tôi khác đi chẳng? Thế rồi tôi bỗng ngộ ra. Khi trở lại Anglezarke, tôi vẫn còn mãi đắm chìm trong những suy nghĩ về Morgan và bố, nên tôi hoàn toàn không nhìn ra các dấu hiệu – những dấu hiệu mà chỉ cho đến lúc này tôi mới thấy rõ. Trước giờ đây là lần đầu tiên Meg gọi tôi là “Tom” chứ không phải “Billy”. Rồi bà ta còn nhớ đến bố tôi nữa. Tại sao lúc này tôi không nhận biết điều này cơ chứ? Lẽ ra tôi nên đề cao cảnh giác. Tôi đã để cho con tim chỉ huy khối óc, và giờ đây toàn Hạt đang gặp nguy hiểm. Một mục phù thủy nữ yêu lại một lần nữa được tự do lang thang khắp nơi, trong khi đây chẳng có lấy một thầy trừ tà hay một tay học việc nào để ra tay ngăn chặn

mụ. Thôi chuyện đã lỡ rồi, nhưng bằng cách nào đó tôi phải sửa sai mới được.

Cũng có cả tin tốt lẫn tin xấu đây, nhưng đa phần là tin xấu. Meg đã khám phá ra tôi bằng cách sử dụng những quyền năng phù thủy của mình. Bà ta tỏ tường nhiều thứ về tôi nhưng lại không buồn lục soát tôi, bằng không thì bà ta đã tìm thấy hộp đánh lửa và mẫu nến. Lẽ ra bà ta còn phát hiện thêm chiếc chìa khóa – chiếc chìa mở được hầu hết các loại cửa miễn là chúng không quá phức tạp. Nên đây là tin tốt. Tôi có thể ra khỏi xà lim của mình. Tôi cũng mở được cửa phòng giam Thầy Trừ Tà nữa.

Tin xấu là chiếc chìa này lại không đủ khả năng giúp tôi thoát khỏi cánh cổng sắt. Bằng không Thầy Trừ Tà đã không cất một chiếc chìa đặc biệt trên đầu kệ sách trong thư viện. Và giờ đây Meg đang giữ chiếc chìa ấy. Cho dù tôi có thể đưa hai thầy trò ra khỏi xà lim, chúng tôi vẫn mắc kẹt dưới hầm. Vậy nên bây giờ việc tôi cần làm đã quá rõ. Tôi phải nói chuyện với Thầy Trừ Tà. Thầy sẽ biết tốt nhất nên làm gì.

Thế là tôi dùng chìa khóa mở cửa xà lim cho mình. Cánh cửa không gây ồn cho lắm nhưng hình như lại dính cứng, nên mặc dù tôi đã cố sức khéo léo, cửa vẫn giật mở, tạo ra một tiếng ồn vang lên dội xuống các bậc cấp. Tôi hy vọng lúc này Meg đang ở tầng trên, cạnh lò sưởi trong bếp nên sẽ không nghe thấy gì. Vợ lấy mẫu nến, tôi rón rén nhón chân bước ra hành lang và giơ nến lên chắn song cửa xà lim giam Thầy Trừ Tà. Trong góc phòng có một chiếc giường và trên đấy là một đồng thù lù đen ngòm. Có phải là Thầy Trừ Tà không?

“Thầy Gregory! Thầy Gregory!” tôi gọi với qua mấy thanh chắn song, lòng vẻ khẩn cấp vào giọng mình trong khi vẫn cố càng nhỏ tiếng càng tốt.

Cái đồng thù lù ấy phát ra tiếng rên và từ từ nhúc nhích. Nghe giống giọng Thầy Trừ Tà như đúc. Vừa định mở miệng gọi thêm lần nữa, tôi chợt nghe ra một tiếng động từ những bậc thang bên dưới. Tôi xoay người sang nghe ngóng. Trong một hồi, xung quanh yên ắng. Rồi tôi lại nghe thấy tiếng ấy. Thứ gì đấy đang bò lên những bậc cấp tiến về phía tôi.

Chuột cống ư? Không đâu, âm thanh này nghe lớn hơn nhiều. Bất thành linh tiếng động ngừng bật. Tôi nhăm lẩn gì chẳng? Có phải tôi vừa tưởng tượng không? Sự sợ hãi có thể đánh lừa trí óc. Như Thầy Trừ Tà vẫn thường bảo, quan trọng là phải biết nhận ra sự khác biệt giữa tỉnh và mộng.

Nãy giờ tôi đang nín thở mà không ý thức là mình đang làm thế. Giờ đây, khi tôi thở ra, chuyển động tiến lên bậc thang lại bắt đầu vang lên. Tôi không thể thấy gì đằng sau khúc quanh, chỉ có thể phán đoán ra thứ ấy căn cứ vào âm thanh mà nó tạo ra. Nghe không giống như vật gì đó đang lê mình lên trước, nên đây không thể nào là một mục phù thủy đã chết bằng cách nào đó đã thoát ra ngoài. Cũng không phải là tiếng ủng, nên đây không thể nào là một văn hồn hay hồn ma đang bước lên những bậc cấp, hay thậm chí là một người nào đó lâu nay ẩn mình dưới kia vì lý do nào đấy. Trong đời mình, tôi chưa từng nghe thấy âm thanh nào như vậy.

Thứ nọ đang chuyển dịch rồi ngừng lại; lại chuyển dịch rồi dừng phắt lại nhanh chẳng kém. Thứ đó đang lạch bạch lê bước lên trên bằng hơn cả hai chân! Còn có thứ gì khác nữa chứ? Nhất định là mục phù thủy nữ yêu hoang dã! Sau bao nhiêu năm trời nằm trong hố, mục ta đang điên cuồng thèm khát máu người. Và mục ta đang bò lên tìm tôi!

Trong cơn hoảng loạn, không kịp nghĩ ngợi gì, tôi phóng trở vào xà lim của mình, kéo cửa đóng lại và nhanh tay khóa kín. Tiếp đến tôi thối tắt nển – bằng không mục ta sẽ nhìn thấy ánh sáng và bị thu hút. Nhưng kể cả khi đã ở trong một xà lim khóa kín, liệu tôi có được an toàn chưa? Nếu mục phù thủy đã tìm ra cách thoát khỏi hố, hẳn mục ta sẽ thừa khả năng bẻ gãy mấy thanh chắn song. Thế rồi tôi hiểu ra chắc là Meg đã thả bà chị của mình ra khỏi hố, và trong một chập, tôi cảm thấy an tâm hơn. Nhưng đến cả thời gian để thở phào nhẹ nhõm cũng không có. Bạn thấy đấy, tôi nhớ đến điều mà Thầy Trừ Tà từng bảo về cánh cổng:

“Sắt sẽ ngăn không cho phần lớn bọn chúng vượt qua khúc này...”

Trong tầng hầm này, mục phù thủy nữ yêu là kẻ nguy hiểm nhất. Vậy nên, nếu mục ta quyết chí vượt ra ngoài thì có lẽ dù là cổng mắt cáo bằng sắt cũng không đủ hữu dụng để ngăn mục ta lâu dài! Còn về mấy thanh chắn song trên

xà lim của tôi, thôi, chẳng đáng kể làm gì. Hy vọng duy nhất bây giờ là mù ta vẫn còn khá yếu sau khi bị nhốt trong hố lâu đến vậy.

Tôi đứng im như tượng và đóng tai lắng nghe, cố hết sức hít thở thật khê. Tôi có thể nghe thấy mù ta lạch bà lạch bạch tiến đến rồi dừng lại, tiếp đó lại lạch bạch di chuyển mỗi lúc một gần. Tôi nép sát mình vào góc phòng và nín khe không dám thở.

Thứ gì đấy khê quệt vào cánh cửa. Lần đụng chạm thứ hai mạnh bạo hơn kèm theo âm thanh cào xước, như thể những móng vuốt đang quắp vào, cố moi cho được thứ mình muốn. Nghe như thứ đấy đang bấu quắp leo lên cửa. Tôi đã bỏ chạy vào trong xà lim của mình mà chẳng hề suy tính, để rồi giờ đây tôi ước sao là đã nhốt mình vào trong xà lim kia cùng Thầy Trừ Tà. Biết đâu tôi đã có thể đánh thức thầy dậy để hỏi thầy mình nên làm gì.

Trong này tối. Rất tối. Tối đến nỗi, ở bên trong xà lim của mình, tôi vẫn không thể nhìn ra cửa xà lim và hai bức vách hai bên là từ đâu đến đâu. Nhưng mà khung cửa hình chữ nhật với bốn thanh chắn song cầm dọc chia cắt lại trông nhạt màu hơn xung quanh, nên trên những bậc thang kia hẳn phải có chút ánh sáng, chiếu thứ sáng nhạt nhòa lên bức tường bên ngoài xà lim.

Một cái bóng lướt qua khung cửa chữ nhật. Dù chỉ là một bóng đen nhưng tôi vẫn nhìn đủ rõ để khẳng định thứ đấy trông như một bàn tay. Tôi nghe thấy tiếng bàn tay ấy tóm chặt vào chắn song. Nhưng nghe không giống như da thịt và cơ bắp tiếp xúc với thanh chắn mà lại nghe ken két khó chịu, gần như thể là một chiếc giũa miết vào thanh sắt, kèm theo đấy bùng lên một tiếng rít đau đớn phẫn nộ. Mù phù thủy nữ yêu vừa chạm vào thanh sắt và cơn đau mà mù đang phải chịu sẽ nghiêm trọng lắm đây. Nhờ ý chí mới giữ được chân mù ta ngoài đó. Tiếp đến, một vật to lớn thò lên trước chắn song, như một mặt trăng đen vành vạnh che khuất ánh sáng yếu ớt phía sau. Hẳn là cái đầu của mù phù thủy rồi. Mù ta đang chĩa mắt nhìn tôi qua chắn song, nhưng trong này quá tối nên tôi không thể nhìn ra mắt mù!

Thêm một tiếng miết thô ráp vang lên và cánh cửa kêu kệt kẹt răng rắc. Tôi run bắn lên vì sợ. Tôi biết chuyện gì đang xảy ra. Mù ta đang cố bẻ cong

các thanh chắn hoặc là lôi bật chúng ra khỏi cánh cửa gỗ.

Giá như có mang theo cây trượng gỗ thanh hương trà thì tôi đã có thể đâm mù phù thủy qua các chắn song và có lẽ là đuổi được mù ta đi rồi. Nhưng tôi chẳng có gì sắt. Sợi xích bạc thì đang nằm trong túi xách, nhưng hiện tại nó thật vô tích sự. Trong xà lim này đây tôi chẳng có thứ gì dùng để tự vệ cả.

Cánh cửa rên lên răng rắc kéo kẹt khi sức ép lên nó tăng dần, và tôi nghe thấy cửa bắt đầu lung lay. Mù phù thủy lại rút lên, phát ra âm thanh khò khè khụt khịt. Mù ta rất muốn vào trong này, muốn uống máu tôi đến tuyệt vọng.

Nhưng mừng quá, từ trên cầu thang bỗng vọng xuống tiếng kim loại khua nhau loảng xoảng và mù phù thủy thả mấy thanh chắn ra, biến khỏi tầm mắt tôi. Tôi nghe thấy tiếng bước chân vọng xuống và ánh nền chập chờn trên bức vách bên ngoài chắn song.

“Lui xuống! Lui xuống!” tôi nghe tiếng Meg quát lên ngoài cửa xà lim, kèm theo là âm thanh mù phù thủy nữ yêu lạch bạch lê xuống mấy bậc cấp.

Tiếp đến ánh nền lóe lên và tiếng giày mũi nhọn lách cách đi theo sinh vật kia. Tôi ở yên tại chỗ, co ro nép vào góc phòng. Một hồi sau, tiếng bước chân lại vang đến và tôi nghe thấy tiếng một chiếc chậu được đặt xuống sàn cùng tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa trên cửa xà lim.

Thật kịp thời, trước khi Meg mở cửa ra, tôi nhét mẩu nến và hộp đánh lửa vào trong túi quần. Giờ thì tôi mừng vì đã không nhốt mình vào trong xà lim cùng Thầy Trừ Tà, bằng không Meg sẽ biết về chiếc chìa khóa.

Meg đứng choán hết lối cửa, tay cầm theo ngọn nến. Bà ta đưa bàn tay còn lại lên ngoắc tôi. Tôi không nhúc nhích. Sợ đến điếng cả người rồi.

“Này thằng bé kia, lại đây nào,” bà ta bảo, chặc chặc lưỡi. “Đừng sợ. Ta sẽ không cắn đâu.”

Tôi lồm cồm quỳ dậy nhưng hai chân cứ bủn rủn mãi, làm tôi không đứng lên được.

“Có lại chỗ ta không thằng nhãi? Hay là ta phải đến chỗ của mi thế?” Meg hỏi. “Lựa chọn đầu tiên dễ dàng và ít đau đớn hơn đấy...”

Lần này thì lòng khiếp đảm đã khiến tôi đứng thẳng dậy. Có thể Meg là loại “thuần” đấy, nhưng bà ta vẫn là một phù thủy nữ yêu với món ăn yêu thích nhất chắc hẳn là máu rồi. Món trà thảo dược đã làm bà ta quên đi điều đó. Nhưng hiện thời bà ta đã biết chính xác mình là thứ gì. Và biết luôn mình muốn gì nữa. Trong giọng nói bà ta có sự thúc bách; một thứ uy quyền làm tiêu tan bao ý chí của tôi và khiến tôi lê bước qua xà lim, tiến về cánh cửa đang mở.

“May mắn cho mi là ta đã định cho Marcia ăn khi này,” Meg vừa bảo vừa chỉ tay xuống chiếc chậu.

Tôi nhìn xuống. Chậu rỗng không. Tôi không biết ban này trong chậu có gì nhưng giờ trong đấy còn vương một lớp máu mỏng dưới đáy.

“Suýt chút nữa là ta định để sau hẵng cho ăn, nhưng rồi ta nhớ ra là chị ấy sẽ muốn tìm đến mi đến mức nào, vì mi còn nhỏ thế này cơ mà. John Gregory chẳng hấp dẫn bằng một nửa mi đâu,” Meg nhếch miệng cười độc địa, hất đầu về phía xà lim bên cạnh, xác nhận cho tôi biết là Thầy Trừ Tà thật sự đang ở trong đấy.

“Thầy rất quan tâm đến bà,” tôi khẩn khoản nói với Meg. “Trước nay vẫn luôn thế. Nên cháu van bà đừng đối xử với thầy thế này! Thực ra thì, thầy yêu bà đấy. Rất rất *yêu* bà!” tôi lặp đi lặp lại lời này. “Thầy còn ghi lại đoạn tình cảm ấy trong một cuốn sổ ghi chép của thầy nữa cơ. Cháu không có ý lục lọi đâu, nhưng cháu đã tìm thấy cuốn sổ và đã đọc hết mất rồi. Là thật đấy ạ.”

Tôi có thể nhớ từng lời từng chữ thầy đã viết...

“Làm sao tôi lại có thể xô cô ấy xuống hố cơ chứ, khi tôi nhận ra mình đã yêu cô ấy hơn cả chính tâm hồn mình.”

“Yêu à!” Meg khinh miệt. “Một tên đàn ông như thế thì biết gì đến tình yêu chứ?”

“Đấy là vào lần đầu tiên hai người gặp nhau và thầy chuẩn bị nhốt bà xuống hố vì trách nhiệm của thầy. Nhưng thầy đã không thể làm thế, Meg à! Thầy không thể vì thầy đã quá yêu bà. Điều này trái ngược với mọi thứ thầy

được chỉ dạy và tin tưởng trước đó, nhưng thầy vẫn cứu bà, không để bà bị nhốt xuống hố! Thầy cho bà uống trà chỉ bởi vì không còn lựa chọn nào khác. Hố hay trà – thầy đã chọn lấy giải pháp mà thầy nghĩ là tốt nhất, bởi vì thầy vô cùng quan tâm tới bà.”

Meg rít lên một tiếng giận dữ và nhìn chòng chọc xuống chiếc chậu cứ như muốn liếm sạch nó hay sao ấy. “À, chuyện ấy từ thời nào thời nào rồi và hiển nhiên là lão ta có cách thể hiện tình yêu thật nực cười,” Meg bảo. “Có lẽ hiện giờ lão ta sẽ hiểu cảm giác bị nhốt xuống đây suốt nửa năm là như thế nào. Bởi vì lúc này chẳng có gì phải vội. Ta sẽ nghiên ngẫm thật lâu về việc nên làm gì với lão. Còn về phần mi, mi chỉ là thằng nhóc con và ta không trách cứ gì mi nhiều. Mi không biết làm sao cho tốt hơn vì đây là cách lão đã huấn luyện mi. Và cuộc đời thật lắm gian nan. Cái nghiệp này vất vả lắm.

“Ta sẽ thả mi đi,” bà ta nói tiếp. “Nhưng mi sẽ không thể bỏ mặc mọi chuyện như thế này, phải không nào? Mi đã được sinh ra như thế rồi. Đã được nuôi nấng dạy dỗ như thế. Mi sẽ đi tìm sự giúp đỡ. Mi sẽ muốn giải cứu lão ta. Đám người quanh đây không đếm xỉa lắm đến ta. Có lẽ trong quá khứ ta đã gây ra cho bọn họ những lý do đích đáng, nhưng đa số bọn chúng đều đáng phải chịu những gì chúng lãnh lấy. Bọn chúng sẽ kéo đến hàng đàn hàng đống tìm ta. Sẽ rất đông khiến ta ra tay không xuể. Không, nếu ta thả mi đi, đây sẽ là kết cục chấm hết cho ta. Nhưng ta sẽ hứa với mi một chuyện. Ta sẽ không mang mi cho chị ta. Mi không đáng bị như thế.”

Nói đoạn, Meg xua tay ra hiệu cho tôi lùi về sau; rồi bà ta sập khóa cửa lại.

“Chốc nữa ta sẽ mang cho mi chút gì lót dạ,” bà ta nói với qua chấn song. “Có lẽ khi đấy ta đã nghĩ ra tốt nhất nên làm gì với mi.”

Mãi hàng đồng hồ sau Meg mới quay lại và đến khi ấy tôi đã có dịp để suy nghĩ và vạch kế hoạch rồi.

Tôi đang dỏng tai lên nghe ngóng thì nghe thấy tiếng Meg bắt đầu bước xuống các bậc thang. Ngoài trời kia chắc chỉ vừa mới chập tối. Tôi mừng

tượng ra bà ta đang mang đến cho tôi bữa tối sớm. Hy vọng đây không phải là bữa cuối cùng trong đời tôi. Tôi nghe thấy bà ta mở khóa cổng và khua mở loảng xoảng. Lúc ấy tôi tập trung cao độ, ghi nhận lấy khoảng thời gian giữa tiếng loảng xoảng thứ hai khi cánh cổng được đóng lại và tiếng cộc cộc khi đôi giày mũi nhọn của bà ta lại vang lên.

Tôi có hai kế hoạch. Kế hoạch thứ hai đầy rẫy rủi ro, nên tôi hy vọng kế hoạch thứ nhất thành công.

Tôi nhìn thấy chút ánh nến soi sáng qua mấy chấn song khi Meg đặt thứ gì đó xuống bên ngoài xà lim của tôi, xoay khóa và mở cửa xà lim ra. Là một chiếc mâm đựng hai bát súp bốc khói cùng hai chiếc thìa.

“Meg này, cháu đã nghĩ ra một điều,” tôi mở lời, thử áp dụng kế hoạch thứ nhất, nhằm thuyết phục bà ta chỉ bằng lời lẽ. “Một điều có thể khiến cho mọi chuyện của cả hai người chúng ta được cải thiện tốt hơn. Sao bà lại không để cho cháu làm việc trong nhà nhỉ? Chác có thể nhóm lò sưởi và xách nước vào này. Cháu có thể giúp khối việc. Bà sẽ làm gì khi Shanks đến giao lương thực nào? Nếu bà ra mở cửa, anh ta sẽ biết ngay là bà được tự do. Nhưng nếu là cháu ra mở cửa thì anh ấy sẽ chẳng thể nào mà ngờ được. Nếu có bất cứ ai đến vì những chuyện trừ tà thì cháu chỉ việc bảo là thầy vẫn còn đang ốm. Nếu bà để cháu ra mở cửa, thì cũng phải mãi lâu sau này người ta mới biết là bà tự do rồi. Bà sẽ có khối thời gian để quyết định xem nên làm gì với thầy Gregory.”

Meg mỉm cười. “Oắt con, nhận phần súp đi.”

Tôi cúi xuống, nhắc bát súp lên khỏi mâm và với lấy một trong hai chiếc thìa. Khi tôi đứng thẳng lên, Meg xua tay bảo tôi lùi ra và bắt đầu kéo đóng cửa lại.

“Khá đấy oắt con,” bà ta bảo, “nhưng được bao lâu rồi mi sẽ lợi dụng tình thế để cố mà giải thoát cho thầy mi chứ? Ta cá là sẽ chẳng được lâu đâu nhỉ.”

Meg khóa cửa lại. Kế hoạch đầu tiên của tôi thế là tan tành rồi. Tôi không còn lựa chọn nào khác là phải thử kế hoạch thứ hai. Tôi đặt bát súp xuống

sàn, lôi chìa khóa ra khỏi túi. Tôi có thể nghe thấy Meg đã xoay chìa của mình vào ổ khóa bên xà lim giam Thầy Trừ Tà. Tôi chờ đợi, rình rập cơ hội, hy vọng trong tuyệt vọng.

Tôi đã đứng! Bà ta đi thẳng vào xà lim của Thầy Trừ Tà. Tôi đã đoán rằng thầy hăn đang còn quá yếu sức hay lơ mơ lan man nên không thể đứng lên bước tới cửa. Biết đâu Meg sẽ đích thân vào mớm cho thầy ăn nữa ấy chứ. Thế là, không chút chần chừ, tôi mở khóa xà lim mình, thận trọng đẩy mở cửa và bước ra ngoài. Tạ ơn trời đất lần này cánh cửa không bị kẹt dính và phát ra tiếng động nào cả.

Tôi đã cẩn thận nghiền ngẫm mọi chuyện, cân nhắc mọi rủi ro trong đầu mình. Một lựa chọn sẽ là đi thẳng vào trong xà lim của Thầy Trừ Tà cố mà đối mặt với Meg. Trong tình huống bình thường, nếu hợp sức lại, tôi và thầy tôi hăn có thể sẽ ngang tài ngang sức với bà ta, nhưng tôi ngại là Thầy Trừ Tà hiện giờ còn quá yếu không thể trợ giúp được gì. Với lại chúng tôi chẳng có gì trong tay để đấu lại với bà ta cả: không trượng thanh hương trà lẫn chẳng có xích.

Vậy nên tôi quyết định đi tìm sợi xích bạc trong túi đồ của mình trong phòng làm việc rồi sẽ đi cố mà trói lấy Meg. Để làm được điều này, tôi phải phụ thuộc vào hai yếu tố. Một là mục phù thủy hoang dã kia sẽ không bò lên mấy bậc thang mà tóm lấy tôi trước khi tôi kịp đi qua cánh cổng sắt. Yếu tố thứ hai là Meg lúc này đã không khóa cánh cổng lại. Đây là lý do vì sao này giờ tôi tập trung cao độ. Cánh cổng khua vào nhau và tiếng gót giày bắt đầu bước xuống đường như là ngay sau đấy. Bà ta đã không có thời gian khóa cổng. Hay ít nhất, tôi không cho là vậy!

Thoạt tiên tôi rón rén, mỗi lần một bước, liên tục liếc nhìn ra sau vai: nhìn vào xà lim, xem thử Meg có bước ra không; rồi nhìn sang khúc quanh mấy bậc thang để xem mục Marcia có đuổi theo mình không. Tôi đang mong là mục ta hãy vẫn còn đang đẩy bụng sau cử điểm tâm ban sáng. Hay là mục ấy sẽ không từ dưới hầm mò lên trong khi Meg có mặt tại đây. Có lẽ mục ta sợ em gái mình cũng nên. Mục ta sẽ quay trở xuống mấy bậc thang ngay khi Meg ra lệnh.

Rốt cuộc tôi cũng đến được cánh cổng và túm lấy thanh sắt lạnh. Cổng có bị khóa chẳng? Tôi thử phào khi cánh cổng chịu hé ra, thế là tôi đẩy, cố gắng giữ sao cho cử động càng trơn tru càng tốt. Nhưng Thầy Trừ Tà đúng là đã biết mình đang làm gì khi thầy cho xây các bậc thang này. Một tiếng lanh canh vang lên và toàn bộ ngôi nhà bên trên dường như rung động vang lừng như một chiếc chuông.

Ngay lập tức Meg phóng ra khỏi xà lim của Thầy Trừ Tà và chạy bổ lên những bậc thang về phía tôi, hai tay bà ta giương cao, những ngón tay rướn căng cong vút như móng vuốt. Trong tích tắc tôi đông cứng người lại. Không thể tin được là bà ta di chuyển thần tốc đến mức ấy. Thêm vài giây nữa thôi thì hẳn đã quá muộn rồi, nhưng cả tôi cũng phóng chạy nữa. Co giò thực mạng không nhìn lại phía sau. Chạy thẳng lên đầu bậc thang, rồi xuyên qua ngôi nhà ra đến bếp, cũng biết là Meg đang đuổi theo sát gót đấy, tôi nghe được tiếng bước chân bà ta sau lưng mình và những tưởng mình sẽ cảm nhận được những móng tay cắm vào da tôi bất cứ lúc nào. Chẳng còn thời gian vào phòng làm việc lấy lại túi của mình nữa. Tôi không thể nào hy vọng mở được túi mà rút ra sợi xích kịp lúc. Ra đến cửa hậu tôi vội lấy áo choàng, áo khoác cùng thanh trượng, mở then cửa rồi phóng mình ra cái lạnh cắt da.

Tôi đã đúng. Trời đã sập tối, nhưng vẫn còn đủ ánh sáng để lần mò nhìn ra. Tôi liên tục liếc nhìn ra sau nhưng chẳng còn dấu hiệu đuổi bắt gì. Tôi chật vật xoay sở đi xuống hẻm núi nhanh hết sức có thể, nhưng cũng khó khăn vô cùng. Tuyết đã bắt đầu đóng băng cứng ngắc dưới chân tôi, tuyết tràn ngập khắp nơi.

Khi xuống đến chân dốc, tôi dừng bước quay lại nhìn lần nữa. Meg đã không đuổi theo. Trời lạnh thấu xương, gió quần quật từ phương bắc thổi đến, nên tôi mặc áo khoác da cừu vào rồi tròng áo choàng ra ngoài. Đoạn tôi dừng lại suy nghĩ, hơi thở bốc lên thành khói trong khí lạnh.

Tôi thấy mình thật hèn nhát đã bỏ Thầy Trừ Tà lại tùy Meg định đoạt, và tôi phải đền bù cho những gì mình vừa làm. Bằng cách nào đấy tôi phải giải cứu Thầy Trừ Tà và đem thầy thoát khỏi vòng kiềm tỏa của Meg. Nhưng để

làm vậy tôi cần trợ giúp. Mà sự trợ giúp đang ở gần ngay đây thôi: anh trai của Thầy Trừ Tà, ông Andrew, người trước đây đã từng giúp đỡ tôi tại Priestown, đang sinh sống và làm việc tại Adlington. Ông là bác thợ khóa đã cắt cho Thầy Trừ Tà chiếc chìa mở Cổng Bạc dùng để cầm tù Quỷ Độc. Làm thêm chiếc chìa mở cánh cổng sắt dưới hầm nhà Thầy Trừ Tà hẳn là dễ dàng hơn nhiều. Và đấy chính xác là thứ tôi đang cần.

Tôi sẽ phải lén ngược lại vào trong căn nhà mùa đông, đi qua cánh cổng để đem Thầy Trừ Tà ra khỏi xà lim, mấy việc này nói ra nghe dễ hơn là làm nhiều. Có một mục phù thủy nữ yêu hoang dã đang sống chuồng – đấy là còn chưa tính đến cả Meg.

Cố gắng không nghĩ ngợi gì nhiều lắm đến những khó khăn phía trước, tôi lê bước băng qua tuyết giá đi về phía Adlington. Xổ dốc một mạch từ đây đến đấy. Nhưng rồi tôi sẽ chóng phải quay ngược trở lên thôi.

BỒN BỀ TUYẾT HẸM

Các con phố lát đá cuội trong làng Adlington đang bị lấp dưới gần cả sáu phân tuyết. Trong ánh sáng đang mờ dần, đám trẻ con hân hoan đổ ra hàng đàn, cười đùa, gào rú la hét, quăng từng tảng từng vạt bóng tuyết vào nhau. Những người khác thì kém vui vẻ hơn. Đôi ba người phụ nữ quần khăn sam đi ngang qua tôi, bồn chồn bước qua vĩa hè đóng đầy tuyết, đầu cúi gằm, mắt chăm chăm nhìn xuống chân. Họ đang cặp chặt mấy chiếc làn rỗng trong tay xuôi về phía ngõ Babylon để vội mua sắm lúc cuối ngày. Tôi đi cùng theo hướng ấy cho đến khi tới được cửa hiệu của ông Andrew.

Khi tôi nhắc then cài đẩy cửa mở ra, một tiếng chuông lanh lảnh vang lên. Cửa hiệu không có ai nhưng tôi nghe thấy ai đó từ phía sau tiến ra. Tiếc cộc cộc của đôi giày mũi nhọn vang lên, và thật kinh ngạc làm sao, Alice bước đến quầy, gương mặt rạng rỡ nụ cười.

“Tom ơi, gặp lại cậu thật mừng quá! Tớ đang băn khoăn cậu sẽ mất bao lâu mới tìm ra tớ...”

“Cậu đang làm gì ở đây thế?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Làm việc cho bác Andrew chứ còn sao nữa! Bác ấy cho tớ một công việc *lẫn* một mái nhà,” cô bé đáp lại cùng nụ cười. “Tớ trông coi cửa hiệu để bác ấy có thêm thời gian làm việc trong xưởng. Tớ còn làm hầu hết mọi chuyện nấu nướng giặt giũ nữa cơ. Bác ấy tốt bụng lắm, bác Andrew ấy.”

Trong một đổi tôi lặng câm và Alice hẳn đã đọc được vẻ mặt tôi bởi lẽ nụ cười của cô nhanh chóng nhạt đi và cô trông lo lắng hẳn. “Bố cậu...” cô nói.

“Khi tớ về đến nơi thì bố tớ đã qua đời. Tớ đã về quá muộn, Alice à.”

Tôi không thể nói thêm gì, giọng tôi đã lạc đi và một cục nghẹn dâng lên trong họng. Nhưng trong nháy mắt, Alice đã rướn người tới đặt tay lên vai

tôi. “Ôi Tom! Tớ rất tiếc,” cô bảo tôi. “Cậu hãy vào sau nhà sưởi ấm bên lò sưởi nào.”

Căn phòng khách thật ấm cúng, có một trường kỷ, hai chiếc ghế bành êm ái và trong lò sưởi đầy nhóc những than đang hừng hực cháy. “Tớ muốn lửa cháy thật giòn cơ,” Alice vui vẻ nói. “Bác Andrew dè sẻn than hơn là tớ nhưng bác ấy đang đi xa làm việc và mãi đến tối mịt mới về. Khi chủ vắng nhà thì...”

Tôi tựa thanh trường vào góc nhà trước khi ngồi phịch xuống trường kỷ, ghế đặt đối diện ngay lò sưởi. Thay vì ngồi xuống bên cạnh tôi, Alice quỳ xuống bên lò sưởi, đầu gối tì lên thảm lò, quay mặt nghiêng trái về phía tôi.

“Sao cậu lại rời bỏ gia đình Hurst thế?” tôi hỏi.

“Tớ phải bỏ đi thôi,” Alice cau có đáp. “Tên Morgan cứ mãi mè nheo ép tớ giúp hắn thế nào ấy, nhưng lại không nói rõ ra. Hắn đang hăn học cái gì đấy. Đang có kế hoạch sao đó để trả đũa lại Lão Gregory.”

Tôi nghĩ mình chắc chắn đã biết Alice đang nói đến chuyện gì nhưng tôi quyết định không nói gì với cô gái. Tôi đã hứa với Morgan là tôi sẽ không tiết lộ cho ai biết về các kế hoạch của hắn. Hắn là pháp sư gọi hồn chuyên sử dụng các linh hồn để moi ra thông tin. Tôi không thể mạo hiểm. Tôi không thể nói cho Alice biết phòng trường hợp hắn phát hiện ra rồi lại làm cho bố tôi phải đau khổ thêm.

“Hắn mãi không chịu để tớ yên,” Alice nói tiếp. “Vì thế tớ bỏ đi. Tớ không chịu được phải nhìn thấy mặt hắn thêm một phút nào nữa. Thế là tớ nghĩ đến bác Andrew. Nhưng kể về tớ thế là quá đủ rồi đấy Tom à. Tớ rất tiếc về chuyện bố cậu nhé. Cậu có muốn nói về chuyện ấy không?”

“Đau đớn lắm, Alice à. Tớ thậm chí còn lỡ luôn tang lễ của bố nữa chứ. Rồi mẹ thì đã bỏ đi đâu đó mà không ai biết là bà đi đâu. Có lẽ bà đã quay về cố hương và có khả năng tớ không bao giờ được gặp lại bà nữa. Tớ thấy cô độc quá...”

“Này Tom, gần như cả đời tớ đã phải cô độc rồi. Nên tớ hiểu cái cảm giác ấy lắm. Nhưng chúng mình lại có nhau mà, đúng không?” cô vừa hỏi vừa

đưa tay sang nắm lấy tay tôi. “Chúng ta sẽ luôn ở bên nhau. Ngay cả Lão Gregory cũng sẽ không thể nào ngăn được điều này.”

“Lúc này thì Thầy Trừ Tà đang ở vào thế không thể làm gì rồi,” tôi nói. “Khi tớ quay lại, Meg đã lật ngược tình thế. Giờ thì thầy mới là người bị nhốt. Tớ cần bác Andrew làm cho tớ chiếc chìa khóa để tớ có thể đem Thầy Trừ Tà ra khỏi đây. Tớ cần sự giúp đỡ của cậu. Cậu và bác Andrew là hai người duy nhất mà tớ có thể nhờ đến.”

“Tớ thấy có vẻ như rốt cuộc lão ta cũng phải gánh chịu lấy những gì đang giáng xuống,” Alice bảo, rút phắt tay về khỏi tay tôi, một nụ cười khê nhếch lên bên khóe miệng. “Chắc đã phải uống lấy một đồng thứ thuốc của chính tay lão ta chứ gì!”

“Tớ không thể để thầy ở lại đây,” tôi nói với Alice. “Với lại còn mụ phù thủy nữ yêu kia nữa chứ? Cái mụ hoang dã ấy? Chị của Meg ấy? Mụ đã thoát ra khỏi hố và được tự do lông rông quanh những bậc thang đằng sau cánh cổng rồi. Lỡ mụ ta thoát được ra khỏi nhà thì sao? Mụ ta có thể mò xuống tận đây, vào trong làng này. Sẽ chẳng còn ai được an toàn, mà trong làng này lại có lắm con nít.”

“Thế còn Meg thì sao?” Alice hỏi lại. “Không đơn giản chút nào, phải không nhỉ? Bà ấy không đáng phải bị nhốt xuống hố. Cũng không đáng phải sống nốt quãng đời còn lại uống lấy cái thứ trà thảo dược ấy nữa! Giá nào thì việc ấy cũng phải chấm dứt.”

“Vậy cậu sẽ không giúp chứ gì?”

“Tớ nào có bảo thế đâu Tom. Chỉ là cần phải suy nghĩ chút thôi.”

Ngay sau khi trời tối hẳn thì ông Andrew quay về nhà. Tôi ngồi ngoài cửa hiệu chờ ông ấy khi ông bước vào.

“Chuyện gì nữa đây hả Tom?” ông Andrew vừa hỏi vừa giã chân rũ tuyết ra khỏi ủng và xoa xoa hai tay vào nhau để cho máu huyết lưu thông bình thường trở lại. “Giờ thì ông em trai của ta lại muốn gì nào?”

Ông Andrew lúc nào cũng trông như một con bù nhìn ăn vận tươm tất, tay chân lỏng lẻo không vụng về, nhưng ông ấy là người xuề xòa tốt bụng lại còn

rất thạo nghề nữa.

“Thầy lại gặp rắc rối ạ,” tôi đáp. “Cháu cần bác làm cho cháu chiếc chìa để bọn cháu có thể đem thầy ra khỏi đây. Mà việc này cấp bách lắm.”

“Chìa à? Chìa gì thế?”

“Chìa mở cánh cổng chắn các bậc thang dẫn xuống hầm trong nhà thầy đây ạ. Meg đã giam thầy xuống đó rồi.”

Ông Andrew lắc đầu chặc lưỡi. “Ta không hề ngạc nhiên gì cả. Việc ấy bắt buộc phải xảy ra một ngày nào đó thôi. Chỉ là khó tin vì mãi mới xảy ra đây! Ta luôn nghĩ rốt cuộc rồi Meg sẽ thắng thế. Thầy con trước nay cứ mãi quan tâm quá nhiều đến bà ta. Hẳn là chú ấy đã mất đề cao cảnh giác.”

“Nhưng bác sẽ giúp chứ ạ?”

“Dĩ nhiên là có chứ. Chú ấy là em của ta mà, đúng không nào? Nhưng gần như cả ngày hôm nay ta đã ở ngoài đường trong giá lạnh rồi nên ta chẳng thể làm được gì nhiều cho đến khi xương cốt ta ấm áp trở lại và dạ dày được lót chút thức ăn nóng sốt đã. Sau khi ăn xong con hãy bàn với ta về chuyện này nhé.”

Lâu nay tôi chưa nếm qua nhiều tài nấu ăn của Alice, trừ món thịt thỏ lụi tro ngoài trời, nhưng đánh giá theo mùi vị ngon lành của món hầm đang bốc ra từ bếp, tôi biết mình sẽ được thết một bữa ra trò đây.

Và tôi không phải thất vọng. “Ngon thật đấy Alice,” tôi nói, rồi ngay lập tức đánh chén.

Alice mỉm cười. “Phải rồi, phải ngon hơn thứ rác rưởi mà cậu cho tớ ăn hồi ở Anglezarke chứ.”

Chúng tôi phá ra cười, rồi lặng lẽ ăn cho đến khi chẳng còn sót lại tí vụn thức ăn nào. Ông Andrew là người lên tiếng trước.

“Ta không có chìa mở cánh cổng đó đâu,” ông bảo tôi. “Cả ổ và chìa khóa ấy được một người thợ khóa ở Blackrod tạo ra cách đây để hơn bốn mươi năm ấy chứ. Người đó giờ đã mất rồi nhưng danh tiếng ông ta là độc nhất vô nhị, nên chúng ta đang phải đối mặt với một cơ cấu vô cùng phức tạp đây.

Ta cần phải đích thân vào nhà quan sát. Với ta cách dễ nhất là thử phá khóa để con đi qua bên kia cổng.”

“Chúng ta đi ngay tối nay được không ạ?” tôi hỏi.

“Càng sớm càng tốt,” ông Andrew đáp. “Nhưng ta muốn biết chúng ta đang chống lại chính xác là với thứ gì. Meg có khả năng hay ở nơi nào nhất?”

“Bà ta thường ngủ trên ghế đu cạnh lò sưởi trong bếp. Nhưng ngay cả nếu như chúng ta có an toàn vượt qua được Meg và qua luôn cánh cổng đi chẳng nữa, vẫn còn có một rắc rối khác...”

Thế là tôi phải kể cho ông Andrew nghe về mụ phù thủy nữ yêu đang tự do đi lại dưới tầng hầm. Ông Andrew liên tục lắc đầu như thể ông ấy không tin được rằng mọi chuyện lại tồi tệ đến thế.

“Con sẽ đối phó với mụ ta như thế nào? Dùng sợi xích bạc của con ấy à?”

“Cháu không có xích ạ,” tôi đáp. “Xích đang ở trong túi cháu. Mà túi thì chắc là vẫn còn ở nơi như mọi khi là trong phòng làm việc của Thầy Trừ Tà. Nhưng cháu có trượng đây. Trượng làm bằng gỗ thanh hương trà, và nếu cháu may mắn thì thanh trượng sẽ giữ cho mụ ta tránh ra xa thôi.”

Ông Andrew lại lắc đầu và trông không vui vẻ gì cho lắm. “Tom này, như thế không hẳn là kế hoạch hay ho gì đâu. Quá nguy hiểm. Ta không thể ngồi bẻ khóa trong khi con phải chiến đấu chống lại hai mụ phù thủy. Nhưng có một cách khác đây,” ông nói. “Chúng ta có thể huy động khoảng một tá thanh niên trong làng đi cùng chúng ta để tiêu diệt Meg một lần dứt điểm.”

“Không được,” Alice cương quyết nói. “Đấy không phải là cách. Làm thế tàn ác quá.”

Tôi biết Alice đang nhớ về lúc đám người từ Chipenden tấn công vào ngôi nhà cô bé đang sống với dì Lizzie Xương Xấu của mình. Alice cùng dì đã đánh hơi ra được đám người và chỉ có đủ thời gian để trốn khỏi đấy, nhưng mọi thứ đều bị thiêu rụi và hai người họ đã mất sạch tư trang.

“Thầy Gregory sẽ không muốn như thế đâu ạ, điều này thì cháu bảo đảm,” tôi nói.

“Quả thế thật,” ông Andrew tiếp lời. “Đây là cách an toàn nhất, nhưng chắc hẳn rồi John sẽ không bao giờ tha thứ cho ta. Được rồi, có vẻ như chúng ta phải quay lại kế hoạch ban đầu.”

“Đây là một điều mà cả hai người đã không nghĩ đến này,” Alice bảo. “Một phù thủy như thế không thể đánh hơi ra cậu khi cậu ở xa xa đâu Tom à. Cách này không có tác dụng với người con trai thứ bảy của người con thứ bảy, đúng chưa? Có lắm khả năng là tớ cũng không sao – đây là nếu như tớ quyết định đi cùng cậu. Nhưng bác Andrew thì khác. Một khi bác ấy đến gần ngôi nhà thì bà ta sẽ đánh hơi ra và chuẩn bị sẵn sàng ngay.”

“Nếu bà ta đang ngủ gật thì chúng ta có thể thoát qua mà,” tôi nói, nhưng lòng không cảm thấy tự tin đến vậy.

“Ngay cả khi bà ta còn ngủ thì vẫn mạo hiểm vô cùng,” Alice nói. “Chỉ có cậu và tớ nên đi thôi Tom à. Biết đâu chúng ta có thể tìm ra chìa khóa và không cần phải phá khóa làm gì. Thầy Trừ Tà cất chìa ở đâu thế?”

“Thường là trên đầu kệ sách, nhưng có thể hiện tại Meg đang giữ lấy nó rồi.”

“À, nếu chìa không có đấy thì chúng ta sẽ lấy lại túi đồ của cậu từ phòng làm việc rồi ta trói bà ta lại bằng xích bạc để moi chìa từ bà ta ra. Mà có cách nào đi nữa thì chúng cháu không cần đến bác đâu, bác Andrew ạ. Cháu và Tom có thể làm được.”

Ông Andrew mỉm cười. “Thế thì hợp ý ta quá,” ông nói. “Ta muốn tránh xa ngôi nhà cùng tầng hầm ấy lắm. Nhưng ta không thể để cho hai đứa tự ra tay mà không có trợ giúp. Tốt nhất là ta sẽ để cho hai đứa ra tay trước rồi sau đấy ta sẽ theo bước. Nếu hai đứa không ra đến cửa trong vòng nửa tiếng đồng hồ, ta sẽ quay về Adlington và kêu gọi một tá những anh to con trong làng. Rồi John sẽ phải chấp nhận những hệ quả của chuyện này thôi.”

“Được rồi,” tôi nói. “Nhưng hễ càng nghĩ đến thì tớ càng e là việc đi vào qua cửa sau rất nguy hiểm,” tôi bảo với Alice. “Như tớ nói đấy, buổi tối thì Meg ngủ trong bếp, trên ghế cạnh lò sưởi. Bắt buộc bà ta phải nghe thấy chúng ta khi chúng ta bước ngang qua bà ta để đi vào phòng làm việc thôi.

Cửa trước có thể khả dĩ hơn chút nhưng vẫn còn rủi ro đánh thức Meg dậy. Không – còn có cách khác hay hơn nhiều. Chúng ta có thể đi vào qua một trong những cửa sổ phòng ngủ phía sau. Cửa sổ tốt nhất là cánh cửa trên tầng ngay dưới rầm thượng, nơi mấy mòm đá sát kề ngay bậc cửa sổ ấy. Mấy then cài trong phòng ngủ đa phần là hoen gỉ hay gãy hết rồi. Tớ nghĩ tớ có thể rướn tới thúc mở cửa sổ mà leo vào trong ấy.”

“Điên rồ quá,” ông Andrew thốt lên. “Ta từng ở trong phòng ngủ ấy và đã nhìn thấy khoảng cách giữa mòm đá và bậc cửa sổ. Khoảng cách quá rộng. Với lại, nếu con lo đến chuyện xoay chìa khóa ở cửa hậu, thì con cứ tưởng tượng con sẽ gây ra biết bao là tiếng ồn khi con thúc mở cửa sổ ấy chứ!”

Alice cười toe, như thể tôi vừa mới nói lên điều gì ngu xuẩn lắm vậy, nhưng tôi nhanh chóng xóa đi nụ cười trên mặt cô gái.

“Meg sẽ không nghe thấy chúng cháu nếu có ai đó đến gõ cửa sau thật mạnh vào ngay lúc cháu đang thúc mở cửa sổ...” tôi bảo.

Tôi quan sát mồm ông Andrew há hốc ra khi những gì tôi vừa nói từ từ thấm vào đầu ông.

“Không chứ,” ông bảo, “con không phải muốn nói là...”

“Sao lại không hả bác Andrew?” tôi hỏi lại. “Dù sao thì bác là anh trai của thầy Gregory cơ mà. Bác có lý do ghé thăm ngôi nhà ấy.”

“Ây dà, nhưng rồi ta có thể bị nhốt ngay xuống hầm ấy, làm tù nhân như John mất!”

“Cháu không nghĩ thế đâu ạ. Cháu đoán là Meg thậm chí còn không ra mở cửa nữa ấy chứ. Bà ta không muốn bất cứ ai trong làng biết là bà ta đang tự do bằng không thì bà ta sẽ thu hút cả một đám người đến đấy. Bác có thể gõ cửa bốn năm lần gì đấy rồi bỏ đi, cho cháu đủ thời gian cháu cần để chui qua cửa sổ.”

“Như thế cũng có thể được đấy ạ,” Alice bảo.

Ông Andrew đẩy đĩa ra xa ngồi yên không nói một lúc lâu. “Vẫn còn một chuyện làm ta băn khoăn,” rốt cuộc ông cũng lên tiếng. “Khoảng cách giữa

mỏm đá và bậc cửa sổ. Ta không nghĩ làm sao con lại có thể leo qua. Lại sẽ rất trơn trượt nữa chứ.”

“Cũng đáng thử một lần mà bác,” tôi nói, “nhưng nếu cháu không làm được thì sau đấy chúng cháu có thể quay lại đánh liều thử vào bằng cửa sau vậy.”

“Chúng ta có thể làm mọi chuyện dễ dàng hơn bằng cách sử dụng một miếng ván mỏng,” ông Andrew gợi ý. “Ta có một tấm phía sau nhà có thể có ích đấy. Alice sẽ phải dùng chân giữ chặt miếng ván xuống bậc cửa trong khi con bò qua. Không dễ làm đâu, nhưng ta còn có một thanh xà beng thích hợp cho việc này lắm,” ông nói thêm.

“Vậy thì cũng đáng thử xem sao,” tôi cố ra vẻ can đảm hơn trong lòng mình đang cảm thấy.

Vậy là thỏa thuận xong, và dường như Alice cũng đã quyết định sẽ theo giúp. Ông Andrew ra sau sân lấy tấm ván. Nhưng khi chúng tôi mở cửa trước để lên đường, một cơn bão tuyết đang hoành hành bên ngoài. Ông Andrew lắc đầu.

“Giờ mà hai đứa ra đi thì thật điên rồ,” ông bảo. “Trận bão tuyết này cuồng nộ như chính thần Golgoth ấy chứ. Tuyết sẽ đùn thành đồng và trên vùng đồng hoang ấy sẽ rất nguy hiểm. Hai đứa có thể bị lạc đường rồi rét cóng đến chết mất. Thôi, tốt nhất là đợi đến sáng mai đã. Đừng lo,” ông bầu tay lên vai tôi. “Em trai của ta là kẻ sống sót mà, ta đều biết cả rồi đấy thôi. Bằng không thì chú ấy đã không sống lâu đến từng này.”

Bên trên cửa hiệu chỉ có hai phòng ngủ; một phòng của ông Andrew và một phòng cho Alice, nên tôi đành ngủ trên trường kỷ trong phòng khách, quần mình trong chăn vậy. Lửa trong lò sưởi đã lụi đi và thoát đầu căn phòng trở nên lạnh se se, rồi lạnh quay quắt. Tôi chịu không đếm xuể số lần mình thức dậy trong đêm. Lần thức giấc cuối cùng, ánh bình minh đã bắt đầu lấp ló qua rèm cửa, thế là tôi quyết định dậy hẳn.

Tôi duỗi tay duỗi chân, ngáp dài rồi đi lên đi xuống chút ít để giãn các khớp xương. Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng động ở phía trước. Nghe như

thể có ai đó gõ ba lần lên cửa sổ cửa hiệu.

Khi tôi bước vào trong hiệu, cả gian phòng tràn ngập ánh sáng phản chiếu từ tuyết. Đem qua đúng là có tuyết đùn thật và tuyết đã chất đọng cao lên tận mép dưới cửa sổ. Và ở ngay đấy, tựa vào cửa kính, là một chiếc phong bì màu đen. Phong bì được đặt trong tư thế hiển hiện đến nỗi tôi có thể đọc lấy những gì viết trên ấy. Thư được gửi đến cho tôi! Nhất định là từ Morgan mà thôi.

Một phần trong tôi chỉ muốn mặc kệ phong thư tại đấy. Nhưng rồi tôi nhận ra đường phố sẽ sớm đông người qua lại và bất cứ ai cũng có thể đi ngang qua và trông thấy bì thư. Biết đâu họ lại nhặt lên mà đọc, còn tôi thì không muốn người lạ biết đến việc của mình.

Ngoài cửa trước tuyết chất nhiều đến mức tôi không thể mở cửa được mà phải đi ra ngoài qua cửa sau, mở cổng ngoài sân ra mà đi vòng. Chỉ đến khi chuẩn bị nhào mình ra đụn tuyết thì tôi mới để ý thấy một điều rất kỳ quặc. Không có dấu chân nào cả. Đối diện với tôi là một đụn tuyết to tướng mà trên bề mặt không vương chút dấu tích gì. Bức thư đã đến đây bằng cách nào vậy nhỉ?

Tôi thu lấy phong thư, và khi làm thế, đã khoét thành một rãnh sâu trên tuyết. Tôi lại đi vòng ra phía sau nhà để vào trong bếp, xé mở phong thư và đọc.

Ta sẽ có mặt tại sân nhà thờ Thánh George, phía tây làng này. Nếu mi muốn điều tốt lành nhất cho cả bố mi lẫn lão thầy của mi, đừng bắt ta phải chờ lâu. Đừng bắt ta phải tìm đến mi. Mi sẽ không thích thế đâu.

Morgan G.

Trước đây tôi không để ý đến chữ ký nhưng giờ thì chữ ký ấy đập vào mắt tôi. Morgan đã đổi tên à? Chữ cái viết hoa họ của hắn đáng lẽ phải là chữ *H* viết tắt cho *Hurst* chứ.

Chẳng hiểu ra làm sao, tôi gấp thư nhét vào túi. Tôi tính đến chuyện đánh thức Alice cho cô xem lá thư. Có lẽ tôi nên mang cô theo mình. Nhưng hiện thời Alice chẳng hề muốn gặp Morgan. Alice đã bảo cô rời khỏi nông trại

Cảnh Bờ Hoang là vì không thể chịu đựng Morgan thêm một phút nào nữa. Và tôi biết mình thật sự không thể nói cho Alice biết dù có muốn lắm: tôi sợ Morgan, sợ những điều hắn có thể gây ra cho bố tôi. Nói thật ra thì, tôi cũng sợ những điều hắn có thể gây ra cho tôi nữa. Với quyền năng đến thế kia, hắn thực sự rất nguy hiểm: không phải là kẻ mà ta không tuân lời được. Thế nên tôi trông áo choàng vào, nhặt trượng lên đi ra ngoài, thẳng tiến đến sân nhà thờ.

Đây là một nhà thờ xưa cũ, gần như bị đám cây thủy tùng cổ thụ túm tụm lại che khuất. Vài phiến đá đánh dấu nấm mồ của những người trong vùng đã qua đời từ những thế kỷ trước. Tôi nhìn thấy Morgan từ xa, dáng hình đen tối nổi bật trên nền trời xám, đang tựa người lên trượng, mũ trùm được dựng lên ngăn chặn cái lạnh. Hắn là thành phần trẻ trung nhất trong cái sân nhà thờ này, nơi những người mới mất khá gần đây được chôn cất.

Thoạt tiên hắn không nhận biết đến tôi. Đầu hắn cúi về phía nấm mồ, mắt hắn nhắm lại như thể đang cầu nguyện. Tôi cũng chăm chú nhìn xuống trong kinh ngạc. Không những sân nhà thờ này không bị chìm dưới lấy một phân tuyết, kết cục của cơn gió lốc tối qua, mà nấm mồ còn sạch trơn không vương chút tuyết nào, chỉ là một vuông đất hình chữ nhật ẩm ướt. Cứ như thể nấm mồ này vừa mới được đào. Tôi nhìn quanh nhưng không thấy bóng dáng cái thuổng hay bất cứ dụng cụ nào khác có thể đã được dùng để xúc tuyết cả.

“Hãy đọc những dòng khắc trên bia mộ đi!” Morgan ra lệnh, giờ mới cất mắt lên nhìn tôi lần đầu tiên.

Tôi làm theo. Có bốn xác người được chôn trong cùng nấm mồ này, xác này chồng lên xác kia theo như truyền thống của Hạt, nhằm tiết kiệm không gian cho sân nhà thờ đồng thời bảo đảm rằng những người ruột thịt được ở cùng nhau khi chết. Ba cái xác là trẻ con nhưng xác cuối cùng là mẹ của cả ba. Mấy đứa trẻ đã chết từ khoảng năm mươi năm trước, có tuổi từ hai, một và ba từ dưới lên trên. Người mẹ mới qua đời gần đây và tên bà ta là Emily Burns, người phụ nữ mà Thầy Trừ Tà đã từng đem lòng yêu mến. Người phụ nữ thầy đã cướp đi từ tay trai mình, cha Gregory.

“Bà ấy đã có một cuộc đời cơ cực,” Morgan bảo. “Sống chủ yếu là ở Blackrod, nhưng khi biết được mình sắp là đời, bà đến đây để sống những tháng ngày sau cuối cùng em gái mình. Mất đi ba đứa con như thế đã làm tim bà tan nát, và mặc cho đã qua bao nhiêu năm chuyển tiếp thế rồi mà bà ấy vẫn không hoàn toàn hồi phục được. Nhưng bốn đứa con khác thì vẫn còn sống. Hai đứa đang làm việc tại Horwich và đã con đàn cháu đống. Người con cả mười năm trước đã bỏ Hạt mà đi và từ đấy ta đã chẳng nghe thấy tin tức gì của ông ấy nữa. Ta là người con thứ bảy và cũng là con út...”

Phải mất một đôi lâu sau mọi điều mới bắt đầu ăn khớp lại với nhau. Tôi nhớ lại Thầy Trừ Tà đã bảo với Morgan trong phòng ngủ của gia đình nhà Hurst:

“Ta quan tâm đến anh và ta quan tâm đến mẹ anh. Ta từng một thời yêu bà ấy, như anh đã biết quá rõ rồi còn gì...”

Tôi cũng nhớ ra cách hằn ký cuối lá thư gửi cho tôi bằng chữ cái đầu tên “G”.

“Phải,” hăn nói. “Không lâu sau khi ta chào đời, cha ta đã rời bỏ gia đình vĩnh viễn. Lão không bao giờ cưới mẹ ta. Không bao giờ cho chúng ta một cái họ. Nhưng dù sao ta cũng lấy họ ấy rồi.”

Tôi kinh ngạc nhìn lên hăn.

“Phải,” Morgan buồn bã mỉm cười. “Emily Burns là mẹ ruột ta. Ta là con trai của John Gregory.”

Morgan nhìn xa xăm vào khoảng không trong khi nói. “Lão đã rời bỏ chúng ta. Rời bỏ con ruột của lão. Đấy không phải là điều một người bố nên làm, phải không nào?”

Tôi những muốn bảo vệ cho Thầy Trừ Tà nhưng lại không biết nói gì. Thế nên tôi chẳng nói gì tất.

“Nhưng đúng là lão có chu cấp tiền bạc cho chúng ta,” Morgan nói. “Chuyện này thì ta công nhận. Bọn ta sống được một thời gian, nhưng rồi mẹ ta lâm trọng bệnh và không thể nào hồi phục. Từng người bọn ta được giao cho từng gia đình nuôi nấng. Ta xui xẻo bị đưa vào nhà gia đình Hurst.

Nhưng khi ta mười bảy tuổi, cha ta quay trở lại nhận ta vào làm chân học việc.

“Trong một thời gian ta đã được hạnh phúc vô ngần. Ta đã từng mong có một người cha từ biết bao lâu rồi và giờ đây ta đã có, nên ta một mực chỉ muốn làm cho lão vui lòng. Ban đầu ta đã cố gắng hết sức, nhưng chắc là do ta không thể quên được những gì lão đã gây ra cho mẹ ta, nên dần dà ta bắt đầu nhìn thấu chân tướng lão. Sau ba năm lão ta bắt đầu lặp lại lời mình. Ta đã biết hết những gì lão làm và còn biết nhiều hơn thế nữa. Ta biết ta có thể giỏi giang hùng mạnh hơn lão ấy. Ta là người con thứ bảy của người con thứ bảy của người con thứ bảy. Những ba lần bảy.”

Tôi nghe thấy vẻ kiêu ngạo trong giọng nói của Morgan và cái vẻ ấy làm tôi bực mình. “Có phải đấy là lý do vì sao ông đã không viết tên mình lên tường phòng ngủ tại Chipenden như tất cả những người học việc khác không?” tôi nổi xung. “Là vì ông nghĩ ông giỏi hơn tất cả bọn tôi à? Tài hơn cả Thầy Trừ Tà à?”

Morgan cười khẩy. “Ta không phủ nhận điều ấy đâu. Đấy là lý do vì sao ta bỏ đi theo con đường của riêng mình. Chủ yếu là ta tự đào tạo mình nhưng ta vẫn còn đang học hỏi. Và ta có thể làm được những điều mà lão già gàn kia chưa từng mơ đến. Những điều mà lão sợ phải thử qua. Nghĩ xem coi! Những kiến thức và quyền năng như của ta – và sự bảo đảm rằng cha người sẽ được thanh thản yên nghỉ. Đấy là những thứ ta trao cho người để đổi lấy chút ít giúp đỡ thôi...”

Tôi sùng sốt khi nghe thấy những điều mà Morgan đang kể. Nếu những gì hắn nói là đúng, thì hình ảnh Thầy Trừ Tà xấu xa thật. Tôi đã biết là thầy bỏ rơi Emily Burns để theo Meg. Nhưng giờ tôi vừa phát hiện ra là thầy cũng là một người bố, có đến những bảy người con trai nhưng thầy đã bỏ rơi tất. Tôi thấy trong lòng đau đớn lẫn thất vọng. Tôi mãi nghĩ về bố mình, bố đã gắn bó với gia đình và lao động lam lũ suốt cuộc đời. Và giờ đây bố có thể phải chịu đau đớn tùy hứng của Morgan. Tôi cay cú và tức giận. Bãi tha ma dường như đảo điên lên đến tận trời xanh khiến tôi suýt nữa té nhào.

“Rồi nhé, tay học việc mới của ta, mi có mang thứ ấy đến cho ta không?”

Hắn mặt tôi trông thộn ngớ ra.

“Thì là cuốn thần chú ấy. Ta đã yêu cầu mi đem nó đến cho ta cơ mà. Ta hy vọng mi vâng theo lời ta bằng không bố của mi sẽ thật đau đớn lắm lắm đấy.”

“Tôi chưa thể lấy được. Thầy Gregory tinh ý lắm,” tôi đáp, lòng hồi hận vô cùng.

Chắc chắn là tôi sẽ không nói cho Morgan biết là thầy mình hiện đang nằm trong tay Meg. Nếu hắn nghĩ Thầy Trừ Tà đã bị gạt sang một bên rồi thì có thể hắn lại tự mình đi mà lấy cuốn thần chú ấy thôi. Phải, có thể thầy tôi đã có những bí mật tăm tối tày trời nào đấy, nhưng tôi vẫn là chân học việc của thầy và tôi phải tôn trọng thầy. Tôi cần thêm thời gian. Thời gian để giải cứu thầy mình rồi kể cho thầy nghe về Morgan. Hiệp sức cùng nhau, thầy trò tôi đã đả bại tên kẻ ném đá; chắc chắn khi cùng nhau hiệp lực chúng tôi sẽ có thể ngăn chặn tên Morgan này.

“Tôi cần thêm thời gian,” tôi nói. “Tôi có thể làm việc này nhưng tôi cần phải chờ đến thời cơ mới được.”

“Hừ, vậy thì đừng chờ lâu quá đấy. Đem cuốn sách đến cho ta vào tối thứ Ba, ngay sau khi mặt trời lặn. Còn nhớ ngôi nhà nguyện trong bãi tha ma chứ?”

Tôi gật đầu.

“Đấy, đấy là nơi ta sẽ chờ.”

“Tôi không nghĩ mình có thể ra tay nhanh như thế...”

“Tìm cách đi!” Morgan gầm lên. “Mà phải ra tay sao cho lão Gregory không biết là cuốn sách đã biến mất ấy.”

“Ông sẽ làm gì với cuốn thần chú thế?” tôi hỏi.

“À Tom, khi mi mang nó đến cho ta thì mi sẽ biết ngay thôi mà, đúng không? Đừng làm ta thất vọng! Nếu mi cứ lần lữa, hãy nghĩ đến ông bố tội nghiệp của mi và những gì mà ông ta có thể phải đau đớn hứng chịu...”

Tôi biết tên Morgan có thể tàn độc đến thế nào. Tôi đã chứng kiến cách hắn đã khiến ông lão Hurst đáng thương phải bật khóc; đã nghe Alice kể cái cách hắn lôi xềnh xệch ông lão vào phòng hắn rồi khóa nhốt ông trong đấy. Nếu Morgan có thể hành hạ bố tôi, hắn sẽ ra tay thôi, chuyện này thì tôi không nghi ngờ gì cả.

Và thế là, trong lúc tôi đang đứng run lập cập ở đấy, một lần nữa tôi nghe thấy trong chính đầu mình giọng nói thống thiết của bố tôi, và chung quanh tôi, bầu không khí xoay vần rung động.

“Ôi, con ơi, bố xin con, hãy làm theo những gì hắn yêu cầu bằng không bố sẽ bị hành hạ đến muôn đời muôn kiếp mất. Con trai, xin con đấy, cứ đi lấy thứ ấy cho hắn đi.”

Khi giọng nói ấy lịm dần, Morgan mỉm cười cương quyết. “Sao, mi đã nghe thấy lời bố mi rồi đấy. Nên tốt hơn mi phải làm thẳng con có tinh thần trách nhiệm đi nào...”

Dứt lời hắn mỉm cười dứt khoát, rồi quay gót bỏ đi khỏi nghĩa trang.

Tôi biết rằng việc đánh cắp cuốn thần chú cho Morgan rõ ràng là sai trái, nhưng trong lúc nhìn theo hắn bỏ đi, tôi cũng biết mình chẳng còn lựa chọn nào. Bằng cách nào đấy tôi phải lấy cho được cuốn thần chú này trong lúc chúng tôi giải cứu Thầy Trừ Tà.

ĐỘT NHẬP XUỐNG HẦM

Khi tôi quay lại nơi ở của ông Andrew, Alice đang chuẩn bị bữa sáng trong bếp. Điểm tâm có trứng, giấm bông và mùi vị bốc lên thơm lừng.

“Cậu ra ngoài sáng này sớm quá đấy Tom,” cô bé nói.

“Tớ mới nhừ cả người sau một đêm ngủ trên trường kỷ,” tôi nói dối. “Tớ cần duỗi chân một tí.”

“À, sau bữa điểm tâm thì cậu sẽ thấy khỏe ngay hơn ấy mà.”

“Tớ không thể, Alice ạ. Tốt nhất là phải nhịn đói khi ta sắp sửa đối mặt với thế lực bóng tối.”

“Tớ không thể tin là ăn vào vài miếng lại có thể gây hại cho cậu đến thế đâu!” Alice phản đối.

Tôi chẳng buồn cãi cọ. Có những chuyện về pháp thuật phù thủy do Alice kể nhưng tôi lại không tin tưởng cho lắm; trong khi có những điều mà Thầy Trừ Tà cho là chân lý thì lại mang đến nụ cười nhạo báng trên mặt Alice. Cho nên tôi chỉ im lặng và quan sát Alice cùng ông Andrew dùng bữa trong khi miệng mình ứa đầy dãi.

Sau bữa sáng chúng tôi khởi hành đi đến nhà Thầy Trừ Tà ngay lập tức. Lúc ấy vẫn còn giữa buổi sáng ấy vậy mà ánh sáng đã mau chóng mờ mịt, bầu trời trĩu nặng những mây đen. Trông có vẻ như sắp có thêm nhiều tuyết nữa sẽ đổ xuống.

Chúng tôi để ông Andrew lại dưới chân hẻm núi. Ông sẽ chờ trong mười phút để cho chúng tôi có thời gian leo lên đồng hoang phía bên trên ngôi nhà. Sau đấy, gõ cửa xong, ông Andrew sẽ bỏ đi ra xa đứng quan sát, hy vọng trông thấy được chúng tôi từ trong nhà tiến ra ra hiệu thành công.

“Chúc may mắn, nhưng đừng để ta chờ lâu quá nhé,” ông Andrew bảo, “bằng không ta sẽ chết cóng mất!”

Tôi vấy tay chào tạm biệt, vác theo miếng ván và thanh trượng, cây xà beng nhét vào túi quần bên hông, khởi bước ngược lên sườn bãi đồng hoang. Khi hai chúng tôi lê bước lên trên, tôi dẫn đầu còn Alice theo sau sát gót, thì tuyết lạo xạo dưới gót giày chúng tôi và thời tiết bắt đầu buốt hơn nữa. Tôi lại thấy lo đến chuyện leo ngược xuống căn nhà. Phải là trơn trượt và nguy hiểm lắm.

Loáng sau chúng tôi bắt đầu đi xuống con đường mòn dẫn vào hẻm núi. Con đường mòn này sau đấy biến thành lối mòn ven miệng vực, với bên trái chúng tôi là mỏm đá còn bên phải là khoảng rới sâu hoắm.

“Cẩn thận bước đi nhé Alice!” tôi cảnh báo. Đường đi xuống còn dài lắm. Chỉ sơ sẩy trượt một bước thôi là chúng tôi sẽ nát bấy chỉ có nước lấy xèng mà hốt xác lại.

Một đổi sau ngôi nhà hiện ra trước mắt chúng tôi chúng tôi dừng bước ngay đấy. Theo như đã thỏa thuận, chúng tôi sẽ chờ nghe tiếng ông Andrew tiến đến cửa trước nhà.

Cũng phải năm phút sau chúng tôi mới nghe thấy tiếng ụng lạo xạo nghiêng lên tuyết ở dưới xa kia. Đâu đấy dưới kia có một ông Andrew đang vô vùng lo lắng hồi hộp sẽ đi vòng qua hông nhà mà ra đến cửa sau. Tôi nhanh nhẩu đứng lên, bắt đầu mang tấm ván về phía ngôi nhà. Khi chúng tôi đến được mặt sau nhà, đối diện với cửa sổ phía sau, tôi quỳ xuống thử chọn đúng vị trí cho tấm ván. Tôi loay hoay gác được ngay đầu kia tấm ván lên bậc cửa sổ. Điều làm tôi lo là bậc cửa không được rộng bản cho lắm. Tôi sợ nhờ tấm ván trượt đi khi tôi đang bò qua thì tôi sẽ rơi xuống sân nhà bên dưới mất. Vậy nên quan trọng là Alice phải giữ cho tấm ván được cố định trên mép vách đá.

“Cậu đặt chân lên đây này!” tôi thì thào, chỉ tay về đầu này tấm ván.

Alice làm theo. Tôi hy vọng có thể sẽ ngăn không cho tấm ván dịch chuyển. Đưa thanh trượng cho Alice, tôi quỳ xuống tấm ván và chuẩn bị bò sang bên kia. Khoảng cách không xa gì nhưng tôi đang lo quá, nên thoát đầu tay chân tôi cứ rũ ra không làm theo ý tôi. Từ đây xuống sân đá phủ đầy

tuyết kia là một quãng khá cao. Cuối cùng thì tôi cũng bắt đầu bò đi được, cố không nhìn xuống khoảng rơi sâu hoắm kia. Chẳng bao lâu sau tôi đang bò gần đến bậc cửa sổ; đến đó rồi, tôi lôi thanh xà beng ra khỏi túi quần để nện nó vào mép dưới khung cửa sổ. Vào ngay lúc ấy ông Andrew gõ âm ỉ vào cửa sau nhà dường như là trực chỉ ngay bên dưới tôi.

Ba tiếng gõ cửa vang vọng khắp hẻm núi. Cứ mỗi tiếng gõ vang lên là tôi chọc thanh xà beng vào, cố nâng cho được khung kính cửa sổ lên. Mỗi khoảng lặng sau đấy thì tôi ngồi im như phỗng.

Cộc! Cộc! Cộc!

Một lần nữa tôi lại chọc vào cửa sổ; nhưng chẳng có chút manh mối thành công nào. Tôi bắt đầu băn khoăn không biết ông Andrew sẽ gõ cửa đến bao lâu nữa đây cho tới khi thần kinh ông ấy đầu hàng. Có lẽ then cài cửa này còn chắc hơn tôi tưởng. Chúng tôi sẽ có được bao nhiêu cơ hội đây? Có lẽ sau cùng thì mục phù thủy sẽ ra mở cửa mất. Nếu mà thế thì tôi sẽ chẳng muốn ở vào vị thế ông Andrew chút nào cả.

Cộc! Cộc! Cộc!

Lần này rốt cuộc tôi đã thành công. Tôi đẩy dịch khung cửa sổ lên, và khi đã tạo ra được khoảng hở vừa đủ, tôi dùng cả hai tay nâng cửa.

Bên dưới vọng lên ba tiếng *Cộc! Cộc! Cộc!* Nếu nhìn xuống thì hẳn tôi đã có thể trông thấy ông Andrew, nhưng tôi chỉ nhìn chăm chú vào bậc cửa sổ để thu mình qua cửa lọt vào trong phòng trước khi nhét thanh xà beng trở lại vào túi. Alice rướn người tới trước đưa thanh trượng cho tôi, đoạn cô bò qua tấm ván còn nhanh hơn là tôi nữa. Vào được trong phòng rồi chúng tôi rút tấm ván vào trong, phòng trường hợp nhớ Meg ra ngoài sân rồi nhìn lên thấy mất. Sau đấy chúng tôi đóng cửa sổ lại.

Xong xuôi, hai đứa chúng tôi ngồi bệt trên sàn nhà trong cảnh tối mù mù, dỏng tai lên lắng nghe. Ngoài cửa trước chẳng còn vang lên tiếng gõ nào nữa. Tôi đã không nghe thấy tiếng cửa mở ra, nên tôi hy vọng là ông Andrew đã toàn mạng bỏ đi. Âm thanh mà tôi lo sợ nhất vào lúc này là tiếng Meg đi lên cầu thang. Liệu bà ta có nghe thấy tiếng cửa sổ bị thúc mở?

Tôi đã đồng ý với Alice rằng, nếu an toàn lọt vào trong nhà, chúng tôi sẽ chờ cho khoảng mười lăm phút trước khi ra tay hành động. Bước đầu tiên sẽ là đi lấy chiếc túi của tôi trong phòng làm việc. Một khi tôi có được sợi xích bạc trong tay, khả năng thành công của chúng tôi sẽ cao hơn hẳn.

Nhưng tôi đã không kể cho Alice biết việc mà Morgan muốn tôi phải làm. Tôi đã không kể cho cô biết về cuốn thần chú vì tôi biết Alice sẽ nói ngay tôi có mà rồi mới trao nó cho Morgan. Nhưng Alice có nó như thế thì cũng thường thôi. Người có thể phải chịu đau khổ đâu phải là *bố của cô* đâu chứ. Giọng nói van nài của bố tôi trong bóng tối cứ mãi quay lại ám ảnh tôi. Thật quá sức chịu đựng.

Nếu tôi có thể giải cứu Thầy Trừ Tà và bằng cách nào đó mà trói được Meg, thì tôi sẽ quay ngược trở lên rằm thượng. Tôi phải làm thế thôi. Việc này là phản bội lại Thầy Trừ Tà nhưng tôi không thể để cho bố mình chịu đau khổ thêm nữa. Thế là tôi cùng Alice ngồi chờ mãi chờ mãi, bồn chồn lắng nghe từng tiếng trở mình cọt két của ngôi nhà cũ kỹ.

Đến khi khoảng một phần tư giờ đồng hồ trôi qua, tôi vỗ nhẹ lên vai Alice, thận trọng đứng lên, nhặt lấy thanh trượng và dè dặt tiến ra phía cửa phòng ngủ.

Cửa này không bị khóa nên tôi khẽ đẩy cửa mở rồi bước ra ngoài đầu cầu thang. Ánh sáng trên cầu thang còn mờ mịt hơn nữa, bên dưới kia là một vũng bóng tối đang chờ đợi hai đứa tôi. Tôi bước xuống, một bước chậm, rồi dừng lại lắng nghe trước khi bước tiếp bước thứ hai. Rồi cứ nhịp nhàng như thế: bước, dừng lại lắng nghe; bước, dừng lại lắng nghe. Có một lúc cầu thang kéo kẹt lên dưới bước chân tôi. Chúng tôi chết cứng người đứng chờ trong ít nhất là năm phút, bụng lo rằng chúng tôi có thể đã đánh thức mụ phù thủy dậy mất rồi. Và khi bước chân của Alice gây ra tiếng kéo kẹt thứ hai trên cùng một bậc thang ấy, chúng tôi phải lập lại y như lúc nãy! Phải mất một hồi thật lâu, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng xuống được đến tầng trệt.

Chập sau chúng tôi vào được tận phòng làm việc. Trong đấy sáng sủa hơn, và tôi có thể thấy túi đồ của mình nằm trong góc phòng nơi tôi đã bỏ lại, nhưng túi của Thầy Trừ Tà thì chẳng thấy đâu. Tôi lấy sợi xích bạc ra

quấn quanh từ bàn tay lên cổ tay trái của mình, sẵn sàng để vung xích lên. Tay trái là tay vung xích của tôi: khi còn đang thực hành trong khu vườn của Thầy Trừ Tà, tôi có thể vung xích choàng lên cây cột cách đây hai mét rưỡi, mười lần là thành công hết chín. Cho nên bây giờ, đối mặt với hoặc là mục nữ yêu hoang dã hay là Meg, tôi sẽ có cơ may lớn được thành công. Nếu bị cả hai mục này tấn công cùng lúc thì sẽ là chuyện khác, nhưng tôi không muốn nghĩ đến chuyện ấy.

Tiếp đến tôi rướn người tới trước dí sát miệng mình vào tai Alice.

“Tìm xem thử chìa khóa có ở trên đầu kệ sách không,” tôi thì thào, chỉ tay lên vị trí ấy.

Cũng có khả năng là Meg sẽ giữ chìa khóa cánh cổng ngay bên mình, nhưng tôi nhớ lại có lần Thầy Trừ Tà đã bảo với tôi về Meg rằng: bà ta là người làm việc có lớp lang trình tự và luôn giữ mọi thứ theo đúng một trật tự nhất định. Là thầy nói đến nồi niêu xoong chảo, dao nĩa kia. Liệu Meg có làm thế với các loại chìa khóa không nhỉ? Cũng đáng để kiểm tra qua lắm chứ.

Thế là trong khi Alice bê một chiếc ghế sang đặt cạnh kệ sách, tôi đứng canh chừng bên cánh cửa để mở, tay lăm lăm xích. Alice leo lên ghế và tỉ mỉ lần tay qua mặt trên đầu kệ sách trước khi cô gái mỉm cười rạng rỡ giơ chìa khóa lên.

Tôi đã đúng! Chúng tôi đã có chìa khóa mở xuống cổng!

Tay vẫn siết chặt xích, tôi nhặt trượng lên và thận trọng dẫn đường đi ra khỏi phòng làm việc tiến về phía những bậc thang dẫn xuống tầng hầm. Những tưởng là Meg đang thức nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng thở của bà ta từ bếp, tiếng không khí liu riu thoát ra khỏi miệng bà khi bà ta thở ra. Meg đang say ngủ, thế là đến tận lúc này chúng tôi đã may mắn hơn mong đợi.

Lẽ ra đã có một lựa chọn là đi thẳng vào bếp mà trói Meg lại trong khi bà ta đang mê ngủ, nhưng tôi cần sợi xích để đối phó với hiểm họa từ mục nữ yêu hoang dã dưới hầm. Chúng tôi chậm chạp bước xuống các bậc thang, lúc này Alice đi trước dẫn đường, cho đến khi tới được cổng. Đây mới là

khoảnh khắc nguy hiểm và tôi đã giải thích một tiếng va loảng xoảng từ cánh cổng này có thể ầm ầm vang dội khắp cả ngôi nhà như thế nào rồi. Nhưng Alice tra chìa vào ổ khóa rất thận trọng và xoay chìa mà không gây ra một tiếng động nào. Cô cũng cố gắng dịch cánh cổng đi trong im lặng như thế, rồi chúng tôi cứ để cổng mở phòng trường hợp chúng tôi cần nhanh gọn thoát ra khỏi tầng hầm.

Dưới này tối om om nên tôi phải vỗ nhẹ vào vai Alice để ra hiệu ngừng lại. Tôi nhét sợi xích vào túi quần, cẩn thận tựa lưng vào tường, và sử dụng hộp nhóm lửa, tôi thắp mẫu nến lên đưa cho Alice. Thế rồi tôi lại đi theo sau Alice một bước, xích lưng đều sẵn sàng. Mẫu nến này là một sự mạo hiểm đã được tính toán kỹ, bởi vì mặc dù các bậc thang đi xuống theo hình xoắn ốc, một tia ánh sáng le lói có thể rơi xuống hầm báo động cho mục nữ yêu hoang dã. Nhưng chúng tôi thật sự cần chút ánh sáng để đến đúng nơi của Thầy Trừ Tà mà đưa thầy ra khỏi xà lim. Hóa ra, mẫu nến này lại là một quyết định đúng đắn...

Bất thành linh Alice há hốc, dừng sững lại và chỉ tay xuống dưới. Một cơn gió lạnh ngắt từ các bậc thang dưới tầng hầm thốc lên, khiến cho ngọn nến nhảy nhót chập chờn, và trong tia sáng ấy tôi nhác thấy một hình thù thoăn thoắt leo lên các bậc thang về phía chúng tôi. Trong giây lát, tim tôi xoắn lên, tôi tưởng đấy là mục nữ yêu: tôi bước xuống đứng cạnh Alice, giương tay trái lên sẵn sàng vung ra sợi xích bạc.

Nhưng khi cơn gió lùa từ dưới thôi không thông thốc nữa, ánh nến chững lại giúp tôi nhận ra cử động thoăn thoắt của hình thù đen thui ấy chỉ là ảo giác do ngọn nến chập chới gây ra. Đúng là có thứ gì đó đang tiến lên các bậc thang, nhưng mà thứ này đang bò; lê mình tiến lên chậm rì chậm rít đến nỗi muốn đến được cổng cũng phải mất cả đời nữa mới được.

Đấy là Bessy Hill, là mục phù thủy còn sống khác – mục bị nhốt trong hố cạnh mục nữ yêu hoang dã ấy. Mái tóc bạc của mục ta vừa dài thượt vừa nhót nhờn lại nhưng nhúc nhúc những thứ côn trùng đen đúa, trong khi chiếc váy tả tơi của mục vấy bẩn đầy những nấm mốc và những mảng chất nhầy. Mục ta đang chậm chạp lê thân lên bậc thang, nhưng dù cho là mục đã thoát ra khỏi mô

chôn của mình, bao năm trời chỉ sống nhờ ăn lấy côn trùng, dòi bọ cùng những thứ lúc nhúc gớm ghiếc có nghĩa là mụ ta đã chẳng có được lắm hơi sức. Tất nhiên, nếu như chúng tôi mà đâm đầu vào mụ ta trong bóng tối thì chuyện sẽ lại khác hẳn.

Tôi và Alice cùng đứng lại. Nếu mà mụ ta bằng cách nào đó tóm được cổ chân chúng tôi thì sẽ khó mà giãy ra lắm. Mụ ta đang cần có máu đến tuyệt vọng và sẽ cắm răng vào bất cứ mảnh thịt da ấm áp nào đến gần mụ. Hút được một miệng đầy máu sẽ giúp cho mụ ta khỏe ra và nguy hiểm hơn ngay. Đáng sợ thật đấy, nhưng chúng tôi phải vượt qua mụ ta thôi.

Tôi lo lắng di chuyển xuống dưới, ngoắc tay ra hiệu cho Alice phải đi theo mình. Những bậc cấp rất rộng nên chúng tôi có thể chừa ra một khoảng lớn cho mụ phù thủy. Tôi thắc mắc không rõ mụ ta thoát ra khỏi hố bằng cách nào. Có khả năng là mụ nữ yêu đã bẻ cong mấy thanh chắn giữ mụ ta. Hay có lẽ là Meg đã phóng thích Bessy. Khi chúng tôi đi ngang qua, tôi đảo mắt thoát nhìn xuống mụ. Đầu mụ ta đang quay về phía chúng tôi nhưng hai mắt mụ lại nhắm nghiền. Thế mà miệng mụ ta lại ngoác ra thật lớn, và chiếc lưỡi dài ngoẵng tím bầm của mụ thè ra đến tận bậc thang, như là đang liếm lấy thứ gì đó từ nền đá ẩm. Mụ ta hít hà, khụt khịt, ngھnھ đầu ngược lên và cố nhấc bàn tay lên. Khi mụ ta mở mắt ra, hai mắt mụ như những đốm lửa cháy bùng trong bóng tối.

Chúng tôi vội vàng đi xuống, bỏ lại Bessy sau lưng. Khi đến được đầu cầu thang nơi có ba cánh cửa, tôi đưa trượng cho Alice. Cô gái nhăn nhó cầm lấy. Alice không muốn phải chạm vào gỗ thanh hương trà. Nhưng tôi đã bận tay lôi chiếc chìa khóa từ trong túi quần mình ra rồi và thoát cái là mở được khóa cửa vào xà lim giam Thầy Trừ Tà.

Cho đến khi đấy tôi vẫn còn lo là biết đâu thầy lại không có trong này. Tôi nghĩ có thể Meg đã chuyển thầy đi đâu đó khác, hay thậm chí là quăng thầy xuống hố dưới tầng hầm mất rồi. Nhưng mà thầy đang ở kia kìa, đang ngồi trên giường gục đầu xuống hai tay. Khi ngọn nến hắt ánh sáng vào trong xà lim, thầy ngược lên nhìn về phía chúng tôi, nhưng vẻ mặt thầy tuyền một vẻ hoang mang ngơ ngác. Sau khi liếc xuống mấy bậc cấp và dỏng tai lắng

nghe cẩn thận để chắc chắn là mục nữ yêu không đang mò lên, tôi đi vào trong xà lim cùng Alice và hai chúng tôi đỡ Thầy Trừ Tà đứng dậy. Thầy chẳng kháng cự lại khi chúng tôi dìu thầy ra cửa. Dường như thầy không có vẻ gì là nhận ra hai đứa tôi nên tôi đoán là Meg vừa mới cho thầy uống một liều thảo dược đậm đặc.

Lúc này sợi xích bạc đã nằm gọn trong túi tôi – chẳng phải là nơi thuận tiện gì nếu mục nữ yêu có tấn công, nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác. Tiến trình đi lên mấy bậc thang thật chậm chạp khi Thầy Trừ Tà thì lão đảo chúi đầu về trước còn tôi và Alice dìu thầy ở hai bên cùi chỏ. Tôi liên tục liếc nhìn ra sau nhưng từ dưới kia không vọng lên tiếng động đe dọa nào. Khi chúng tôi đến được chỗ mục phù thủy trên mấy bậc thang, mục ta đang ngủ gật, hai mắt nhắm khít, miệng ngáy khò khò. Hiện thời thì việc leo lên mấy bậc thang đã làm mục kiệt sức.

Chẳng bao lâu sau chúng tôi đến chỗ cổng sắt. Khi qua được cổng rồi, Alice lại cẩn thận khóa cổng lại không một tiếng động rồi tôi nhận lấy chìa khóa từ tay cô gái bỏ vào trong túi mình. Chúng tôi tiếp tục leo lên cho đến khi đến được tầng trệt. Tiếng Meg thở từ trong bếp vọng ra giúp tôi tin chắc rằng cả bà ta cũng đang còn ngủ, thế là lúc này đây tôi có một quyết định quan trọng phải đưa ra. Hoặc là tôi có thể giúp Alice đưa Thầy Trừ Tà ra khỏi nhà, hoặc là tôi có thể đi vào bếp mà trói Meg lại bằng sợi xích bạc.

Nếu tôi trói thành công, mọi chuyện sẽ chấm dứt và căn nhà sẽ trở lại tầm kiểm soát của chúng tôi. Nhưng mà làm việc thành lại đầy rẫy rủi ro. Meg có thể sẽ đột ngột thức dậy – và mười lần hết chín thì vẫn không hẳn là mười trên mười lần! Tôi có thể ra tay huyệt, mà Meg thì mạnh kinh hoàng. Thầy Trừ Tà chẳng có khả năng trợ thủ, rồi thì cả ba chúng tôi sẽ rơi vào tay Meg. Thế là tôi chỉ tay về phía lối hành lang đi ra cửa trước.

Chập sau tôi đã mở cửa ra và phụ Alice đưa Thầy Trừ Tà ra ngoài. Tiếp đến tôi lấy mẫu nến từ Alice, dùng thân mình che chắn để nến không bị thổi tắt đi.

“Tớ còn có việc phải làm ở trong nhà ấy,” tôi bảo với Alice. “Tớ sẽ không đi lâu đâu, nhưng cậu cứ đem Thầy Trừ Tà đi xa khỏi đây đi. Bác Andrew

chắc là đang đứng chờ dưới hẻm núi xa kia ấy...”

“Này Tom đừng có mà điên chứ!” Alice thốt lên, mặt đầy vẻ lo lắng.
“Chuyện gì mà quan trọng đến nỗi khiến cậu phải quay vào trong ấy thế?”

“Tin tớ đi mà Alice. Là chuyện phải được làm thôi. Tớ sẽ gặp lại cậu tại nhà bác Andrew...”

“Thế là có chuyện cậu không nói cho tớ biết rồi,” Alice càu nhàu.
“Chuyện gì vậy? Cậu không tin tớ sao?”

“Thôi nào, Alice, làm ơn đấy. Cứ làm như tớ bảo đi. Sau này tớ sẽ giải thích cả cho cậu thôi.”

Alice do dự di chuyển xuống đồi, nắm cùi chỏ Thầy Trừ Tà mà dẫn đi. Cô không thèm nhìn lại và tôi có thể nhận thấy là Alice đang rất giận.

TRÊN RẦM THƯỢNG

Quay trở vào nhà, tôi đóng cửa lại sau lưng mình và bắt đầu bước lên cầu thang. Tay phải tôi cầm nến; tay trái tôi là thanh trượng gỗ hương trà. Sợi xích bạc vẫn còn nằm trong trong túi trái chiếc áo khoác da cừu. Tôi đi lên nhanh nhẹn hơn là khi chúng tôi đi xuống nhưng tôi vẫn rất thận trọng. Tôi không muốn đánh thức Meg. Tôi cũng có mối lo lắng khác nữa chứ. Chìa khóa của tôi sẽ rất lớn so với lỗ khóa nơi bàn giấy của Thầy Trừ Tà. Tôi phải nạy ngấn kéo ra bằng thanh xà beng và việc này chắc hẳn sẽ gây ra lắm tiếng ồn đây.

Trong lúc leo lên cầu thang, tôi mỗi lúc một cảm thấy thêm lo ngại. Meg vẫn còn đang ngủ, nhưng bà ta có thể thức dậy bất cứ lúc nào. Nếu bà ta đi theo tôi lên lầu, tôi vẫn có thể gác lại tấm ván để tẩu thoát qua đường cửa sổ phòng ngủ phía sau. Nhưng liệu tôi có kịp nghe thấy bà ta đi lên không chứ? Alice đã đúng. Thoạt nhìn thì đây là một việc làm điên rồ. Nhưng tôi mãi nghĩ đến bố mình mà buộc mình nhắc bước leo lên gác.

Chẳng bao lâu sau tôi đã đứng trước cửa rầm thượng. Tôi chỉ vừa định mở cửa ra và bước vào trong thì bỗng nghe thấy một âm thanh vắng vắng. Nghe như tiếng sồn sột gì đấy...

Tôi thấp thỏm áp tai trái lên lắng nghe và lại nghe thấy tiếng sồn sột ấy lần nữa. Thứ gì có thể tạo ra âm thanh như thế mới được nhỉ? Tôi không có lựa chọn nào khác mà phải phớt lờ âm thanh ấy để cố lấy cho được thứ Morgan muốn. Tôi bắt đầu xoay nắm cửa. Chỉ đến khi ấy, khi tôi từ từ bước vào trong phòng, tôi mới nhận ra rằng lẽ ra mình nên trốn đi cùng Alice và Thầy Trừ Tà khi hãy còn cơ hội. Lẽ ra tôi phải kể cho thầy mình nghe về mọi chuyện đã xảy ra với Morgan và nghe theo lời khuyên của thầy. Hẳn Thầy Trừ Tà sẽ biết tốt nhất nên làm gì để giúp được cho bố tôi.

Mọi bản năng trong tôi lúc này thúc hối tôi phải bỏ chạy. Cứ như thể là trong đầu tôi đang có một giọng nói hét toáng lên “Nguy hiểm... Nguy hiểm... Nguy hiểm!” mãi thôi. Khi bước vào trong phòng, tôi gần như đóng chặt cửa lại. Tôi cảm thấy rất muốn làm thế, nhưng bằng cách nào đó mà tôi cố cưỡng lại được. Trong này âm u nên tôi phải giơ nển quá đầu để nhìn cho rõ hơn; nhưng rồi chợt có một luồng khí lạnh thổi vèo qua làm nển tắt ngúm.

Phía bên trên kia, tôi có thể trông thấy vuông giếng trời mờ mờ. Giếng trời mở toang và một cơn gió lạnh phả thẳng xuống mặt tôi. Sáu con chim nhỏ đang đậu trên mép giếng. Đám chim lặng im, như thể chúng đang kiên nhẫn chờ đợi thứ gì đấy. Và bên dưới chúng là sự rùng rợn của căn phòng.

Trên ván sàn nhà vương vãi lông chim, tung tóe máu và lổn nhổn xác chim chết. Trông như thể một con cáo đã lọt vào trong chuồng gà. Nào là cánh, là đuôi, là đầu cổ, và hàng trăm hàng trăm túm lông. Lông từ trên không trung rơi xuống, xoay xoay quanh đầu tôi, bị cơn gió lạnh từ trên giếng trời thốc xuống xoáy tung.

Khi tôi trông thấy một thứ lớn hơn, tôi chẳng ngạc nhiên chút nào. Nhưng nhìn thấy thứ ấy làm tôi buốt tận xương tủy. Đang lom khom trong góc phòng, gần cạnh bàn giấy, là mụ nữ yêu, mắt nhắm, mi mắt dày sụp nặng nề. Hình như thân mình mụ nhỏ hơn nhưng bản mặt mụ lại to hơn lần cuối cùng tôi nhìn thấy nó nhiều. Bản mặt ấy giờ đây không còn hốc hác nữa mà lại tai tái và húp híp, hai má ú gần bằng hai túi nhỏ. Trong lúc tôi trở mắt nhìn, miệng mụ ta khê hé ra và một dòng máu lăn dài dọc cằm mụ và bắt đầu nhỏ xuống ván sàn. Mụ ta liếm mép, mở mắt ra nhìn lên tôi như thể mụ ta đang thông thả khoan thai lắm vậy.

Mụ ta đang ăn. Ăn lấy mấy con chim. Mụ ta đã mở giếng trời rồi gọi đám chim bay đến đậu trên hai tay móng vuốt co quắp của mình, buộc chúng phải bay đến nơi mụ đang chờ đợi. Và rồi, lần lượt từng con một, mụ bắt đầu uống máu chúng, giữ cho những con chim còn sống phải ở gần bên bằng một loại bùa cưỡng ép. Bọn chim có cánh đấy nhưng đã lạc mất ý chí cất cánh bay đi nơi khác rồi.

Tôi thì không có cánh, nhưng lại có hai chân. Nhưng hai chân tôi không chịu nghe lời tôi nên tôi đứng đấy, mọc rễ tại chỗ vì sợ. Mụ ta chậm chậm tiến đến chỗ tôi. Có lẽ là do mụ nặng nề quá, đang phù cả lên vì máu. Có lẽ mụ ta cảm thấy không cần phải vội.

Nếu mụ ta mà lạch bạch bươn bả về phía tôi thì là tiêu rồi. Tôi hẳn sẽ không bao giờ rời khỏi rầm thương ấy. Nhưng mụ di chuyển rề rà. Thật rề rà. Và nỗi kinh hoàng khi dõi theo mụ tiến đến gần đủ sức phá tan bùa chú. Thốt nhiên tôi tự do hẳn. Tôi có thể cử động. Cử động mau lẹ chưa từng thấy.

Tôi chẳng còn đầu óc đâu nghĩ đến việc sử dụng xích hay trượng cả. Hai chân tôi hành động còn nhanh hơn tôi kịp nghĩ. Trong lúc mụ nữ yêu lê lết băng qua phòng, tôi quay mình bỏ chạy. Và trong khi tôi chạy đi, sau lưng tôi vang lên tiếng cánh vỗ xào xạc: việc tháo chạy của tôi đã hóa giải đám chim đang chờ đợi kia khỏi bùa mê thuốc lú. Thất kinh hồn vía, tim đập âm ầm, tôi phóng xuống cầu thang, gây ra bao tiếng động ồn ã chói tai. Nhưng tôi không màng. Tôi chỉ cần phải thoát ra ngoài tránh xa khỏi mụ nữ yêu. Chuyện gì khác cũng không quan trọng. Bao sự gan dạ của tôi đã tiêu tán hết rồi.

Nhưng có ai đó đang đứng chờ tôi trong vùng bóng tối dưới chân cầu thang.

Là Meg.

Tại sao tôi đã không bẻ quanh cầu thang để chạy vào phòng ngủ phía sau cơ chứ? Đáng lý ra tôi phải tập trung. Suy nghĩ cho chín. Nhưng thay vì thế tôi lại hoảng lên và bỏ lỡ cơ hội đào thoát. Mụ nữ yêu đang phù nề những máu nên không thể di chuyển nhanh nhẹn được. Tôi đã có thể mở cửa sổ ra, gác lại tấm ván mà bò sang bên kia đến nơi an toàn. Vậy mà giờ đây tiếng bước chân nặng nề thình thịch lao xuống cầu thang của tôi đã đánh thức Meg.

Bà ta đứng ngay đấy, chắn giữa tôi và cửa trước. Trong khi ấy đầu gối sau lưng tôi, chắc là lúc này đang leo xuống cầu thang rồi, là mụ nữ yêu. Meg

ngước lên nhìn tôi, khuôn mặt xinh đẹp của bà ta mỉm cười hớn hởi. Vẫn còn sót chút ánh sáng giúp tôi nhận ra nụ cười ấy không phải là thân thiện gì. Thốt nhiên bà ta rướn người về phía tôi mà hít lấy hít để ồm ồm những ba lần.

“Ta từng có bảo rằng ta sẽ không giao mi cho chị ta,” Meg nói. “Nhưng giờ mọi chuyện đã thay đổi rồi. Ta biết mi đã làm những gì. Và phải trả giá cho việc ấy. Một cái giá bằng máu!”

Tôi không đáp lại vì tôi lúc này đang chậm chậm lui lại lên cầu thang. Vì vẫn đang cầm mẫu nển trong tay nên tôi nhét nó vào túi quần. Làm xong, tôi chuyển thanh trượng sang tay phải và lôi sợi xích bạc từ túi trái trên áo khoác da cừu ra.

Hẳn là Meg đã trông thấy hay là đánh hơi thấy sợi xích, vì đột nhiên bà ta phóng lên cầu thang thẳng đến bên tôi, hai bàn tay giơ ra trước như thể bà ta muốn móc lòi mắt tôi ra vậy. Tôi thất kinh, thoát nhắm đích rồi vung sợi xích thẳng vào bà ta. Đây là một cú tấn công cầu may thôi nên hụt hẳn khỏi đầu bà ta. Nhưng may cho tôi, sợi xích lại rơi xuống vai trái và một bên mình của Meg. Khi sợi xích chạm vào, bà ta thét lên đau đớn và ngã người tựa lưng vào tường.

Nhận thấy cơ may cho mình, tôi chạy vụt qua mặt Meg đến được chân cầu thang trước khi quay lại đối mặt bà ta. Ít ra thì lúc này tôi không còn mối đe dọa về chị gái của Meg ngay sau lưng mình nữa. Sợi xích vẫn còn nằm lại trên mấy bậc thang bên trên. Tất cả những gì tôi còn lại lúc này là thanh trượng gỗ thanh hương trà của mình. Đây là loại gỗ uy lực nhất để chống lại đại đa số các loại phù thủy. Nhưng Meg không phải là người sinh ra trong Hạt này; bà ta là một phù thủy nữ yêu đến từ vùng đất lạ. Liệu gỗ thanh hương trà có tác dụng trong việc chống lại bà ta không?

Meg lấy lại thăng bằng và quay qua đối mặt tôi. “Bạc chạm vào ta đau đớn lắm đấy, thẳng nhãi,” bà ta nói, mặt dúm dỏ lại vì đau. “Thế mi có thích được ném lấy cơn đau như thế không nào?”

Bà ta bước xuống một bậc, và trong khi bước, cố tình rê lòng bàn tay trái của mình dọc theo bức vách ngay cạnh. Trước sự chứng kiến của tôi, bà ta

rạch mạnh đầu móng tay mình vào lớp vữa, cào thật sâu cắm vào trong ấy. Lớp vữa này đã cũ kỹ lắm rồi nên rất cứng chắc. Meg đang phô diễn cho tôi thấy những móng tay của bà ta có thể làm được những gì trên da thịt tôi. Khi Meg bước xuống thêm bước nữa, tôi lăm lăm thanh trượng, chĩa thẳng lên trên, chuẩn bị sẵn sàng để chọc ngay vào đầu và vai bà ta.

Nhưng lúc này tôi đã suy nghĩ được rồi. Tập trung cao độ. Và khi Meg tấn công, phóng từ các bậc thang xuống, tôi nhanh nhẹn hạ thanh trượng xuống dưới, thọc vào hai chân bà ấy. Meg trợn mắt khi nhìn thấy điều tôi định làm, nhưng quán tính của bà ta quá lớn: hai chân bà ta vấp vào thanh trượng và Meg ngã chúi đầu xuống cầu thang. Thanh trượng bị hất văng khỏi tay tôi, nhưng giờ đây tôi có cơ hội thu lại sợi xích nên tôi nhảy phóc qua mình Meg chạy ngược trở lên cầu thang.

Tôi nhặt xích lên, quấn nó quanh cổ tay trái và chuẩn bị vung xích lần nữa. Lần này tôi nhất quyết không vung hụt.

Meg mỉm cười với tôi, khuôn mặt lộ rõ vẻ chế giễu. “Mi đã hụt một lần rồi đấy. Không dễ dàng như khi vung xích vào cây cột trong vườn nhà Gregory ấy nhỉ? Hai tay mi có đang rịn mồ hôi không thế oắt con? Có đang bắt đầu run rẩy không thế? Mi sẽ chỉ còn một cơ hội nữa thôi. Và rồi mi sẽ là của ta...”

Tôi biết là Meg đang cố ngấm hủy hoại lòng tự tin của mình và làm cho tôi vung hụt thêm nữa. Thế nên tôi hít lấy một hơi sâu và nhớ lại lần tập luyện của mình. Mười lần hết chín, tôi đã có thể vung xích trúng cột. Và tôi chưa khi nào vung hụt hai lần liên tiếp. Giờ thì không gì có thể làm chùn bước tôi ngoài lòng hãi sợ. Ngoài nỗi hoài nghi. Vậy là tôi hít sâu rồi tập trung. Khi Meg đứng lên, tôi cẩn thận nhắm vào mục tiêu.

Tôi vút sợi xích lên không trung như vút ngọn roi da trước khi vung xích thẳng vào mụ phù thủy. Sợi xích rơi xuống theo một vòng xoắn ốc ngược chiều kim đồng hồ hoàn hảo trùm lên đầu và toàn thân Meg. Meg thét lên, nhưng tiếng thét bị cắt ngang khi sợi xích bạc siết qua miệng bà ta và bà ta ngã lăn quay xuống sàn.

Thật thận trọng, tôi bước xuống cầu thang và nhìn thật kỹ vào Meg. Thật mừng là bà ta đã bị trói chặt. Tôi nhìn thẳng vào mắt bà ta và trông thấy nỗi đau đớn trong ấy. Nhưng mặc cho sợi xích bạc có đang làm cho bà ta đau, trong mắt Meg cũng vẫn còn có cả vẻ bất khuất nữa. Đột nhiên vẻ mặt Meg thay đổi và tôi nhận ra bà ta đang nhìn ra sau tôi, ngược lên trên cầu thang. Cùng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng lạch bạch nên quay ngoắt người ra sau mà trông thấy Marcia, phụ nữ yêu hoang dã, đang di chuyển xuống mấy bậc thang về phía tôi.

Một lần nữa việc phụ ta đã uống đầy những máu lại cứu lấy tôi. Phụ ta vẫn còn phù nề và lừ đừ lắm. Chứ nếu không thì phụ ta đã tấn công trước khi tôi kịp nháy mắt ấy chứ. Thế là tôi chộp lấy trượng và bước lên cầu thang để đối phó với phụ. Vẻ căm hờn rực cháy từ đôi mắt mí sùm sụp của phụ, và tứ chi mảnh khảnh dưới thân phụ căng ra, sẵn sàng phóng đến trước. Thoạt tiên tôi không có thời gian để sợ nên tôi chọc trượng thẳng vào mặt phụ. Phụ ta không chịu được sự va chạm vào gỗ thanh hương trà nên há hốc lên vì đau khi cú chọc thứ ba của tôi đâm trúng vào ngay dưới mắt trái của phụ. Phụ ta phần nộ rít lên và bắt đầu thối lui, mớ tóc đen nhờn dài thượt lết phết trên mấy bậc thang hai bên mình, để lại một vệt ngoằn ngoèo nhớt nhớt ẩm ướt.

Tôi không biết mình đã giằng co với phụ ta trong bao lâu. Thời gian dường như dừng lại. Mồ hôi túa ra từ chân mày chảy xuống mắt tôi, tôi thở nặng nhọc, tim đập thình thịch cả vì gắng sức lẫn vì sợ. Tôi biết rằng bất cứ lúc nào phụ ta cũng có thể trượt khỏi tầm cảnh giác của tôi hoặc là tôi có thể sẩy chân té ngã – trong trường hợp này hẳn là phụ ta sẽ nhào lên tôi trong nháy mắt, hai hàm răng sắc nhọn của phụ sẽ cắm ngập vào chân tôi. Nhưng cuối cùng tôi cũng dồn được phụ lên cửa rào thượng, rồi đâm chọc loạn xạ để buộc phụ lùi vào trong ấy. Xong xuôi, tôi sập mạnh cửa rồi khóa lại, dùng chiếc chìa của mình. Tôi biết cánh cửa này sẽ không giữ chân phụ ta được lâu, và khi tôi đang bước xuống thang, tôi đã nghe thấy tiếng móng vuốt phụ bắt đầu cào cấu lên cánh cửa gỗ. Đã đến lúc phải đào tẩu rồi. Tôi sẽ theo chân hai người kia đi về cửa hiệu của ông Andrew. Khi mà Thầy Trừ Tà khỏe lại thì chúng tôi có thể quay lại đây giải quyết dứt điểm.

Nhưng khi tôi mở cửa trước ra, ngoài kia một trận bão tuyết đang hoành hành, tuyết quất thẳng vào mặt tôi. Có thể tôi tìm được đường đến bờ hẻm núi đấy, nhưng đi qua khỏi vùng ấy thật sự là điên rồ. Thậm chí ngay cả khi tôi an toàn vượt xuống khỏi đồng hoang, tôi cũng có thể chết vì rét mất trong khi tìm đường đi về Adlington. Tôi vội vã đóng cửa lại. Chỉ còn lại một phương án cuối cùng mà thôi.

Meg không lớn xác hơn tôi và cũng không nặng là mấy. Thế là tôi quyết định vác bà ta xuống hầm để nhốt vào hố. Làm xong việc này, tôi có thể khóa mình sau cánh cổng cùng với bà ta và như thế sẽ được tương đối an toàn tránh khỏi mục nữ yêu hoang dã. Hay ít nhất cũng được an toàn trong chốc lát. Ngay cả cánh cổng cũng sẽ không ngăn mục Marcia mãi được.

Tuy vậy, còn phải lo đến một mục phù thủy khác nữa, mục Bessy Hill. Vậy nên tôi đặt Meg lại đầu mấy bậc cấp dẫn xuống tầng hầm để chóng vánh lục tìm túi đồ của Thầy Trừ Tà. Cuối cùng tôi cũng tìm ra túi trong bếp và nhanh gọn trút đầy vào túi quần của mình những muối và sắt. Xong xuôi, tôi mang Meg xuống tầng hầm, vắt hai chân bà ta qua vai phải tôi. Tay trái tôi vừa cầm theo trượng lẫn mẫu nến. Phải mất một đôi lâu mới mang được bà ta xuống dưới ấy rồi tôi cẩn thận khóa cổng lại. Một lần nữa tôi tránh thật xa mục Bessy Hill, lúc này vẫn đang nằm ngang mấy bậc thang ngáy ầm ĩ.

Sau tất tần tật mọi chuyện vừa xảy ra khi nãy, tôi những muốn tóm lấy chân Meg mà lôi xềnh xệch để cho đầu bà ta va đập xuống từng bậc cấp. Nhưng tôi đã không làm thế. Chắc hẳn bà ta đã đau đớn lắm rồi vì sợi xích bạc đang quấn thít lấy. Và dù sao đi nữa, bất chấp là chuyện gì, thì Thầy Trừ Tà vẫn muốn Meg được đối xử tử tế hết cỡ. Cho nên tôi rất cẩn thận với Meg.

Nhưng khi tuồn bà ta qua mép hố, tôi không thể nhịn được phải thốt lên điều này.

“Hãy mơ về khu vườn của bà đi nhé!” tôi thốt lên, ra giọng nghe sao cho thật mỉa mai chua chát vào. Đoạn tôi bỏ mặc bà ta lại đấy, rồi tay tóm chặt mẫu nến, tôi bước trở lên mấy bậc thang. Giờ mới là lúc đối phó với mục phù thủy kia, mục Bessy Hill ấy. Hẳn là trên đường đi xuống tôi đã đánh thức mục

dậy vì giờ đây mục ta lại đang phì phèo khịt khịt chậm chạp mò mẫm tìm đường lên đến cổng. Tôi cho tay vào túi quần lôi ra một nắm tay đầy muối và một nắm đầy sắt. Nhưng tôi không ném thẳng vào Bessy Hill; mà cách trên mục ấy ba bậc thang, tôi rải một lớp muối từ bên này sang bên kia bậc thang, đoạn rắc thêm một lớp sắt lên trên. Sau đấy, tôi bước dọc các bậc thang để cẩn thận trộn muối với sắt lại tạo nên một rào cản mà mục Bessy không thể nào vượt qua được.

Cuối cùng tôi bước lên đến cổng, ngồi xuống cách cổng chừng ba bậc thang, phòng trường hợp mục Marcia lại xuống đây cố thò tay lấy tôi qua mấy thanh chắn song này.

Tôi ngồi đấy dõi mắt nhìn mẩu nền cháy mỗi lúc một thấp dần. Mới đấy thôi mà tôi đã cảm thấy hối hận về những điều mình đã thốt ra với Meg rồi. Bố tôi hẳn sẽ không muốn tôi mĩa mai chua chát thế đâu. Bố đã nuôi dạy tôi tốt đẹp hơn thế nhiều. Meg đâu thể nào là hoàn toàn ác độc được. Từng có thời Thầy Trừ Tà đã yêu bà ta và bà ấy cũng yêu thầy cơ mà. Rồi thầy sẽ phải cảm thấy sao đây khi thấy rằng tôi đã nhốt Meg xuống hố chứ? Rằng tôi đã làm một chuyện mà bản thân thầy chưa bao giờ có khả năng thực hiện?

Một chập sau ngọn nến tắt lịm để lại tôi chìm trong bóng tối. Từ dưới tầng hầm xa xa kia văng vẳng vọng lên tiếng thì thào cùng âm thanh cào cấu khi những mục phù thủy đã chết cựa mình, và thì thoảng, là tiếng mục phù thủy còn sống nhưng yếu ớt, đang hít hà khịt khịt vì tức tối không thể băng qua được rào cản bằng muối và sắt.

Tôi gần như ngủ thiếp đi nhưng bất thành linh mục nữ yêu mò xuống, sau khi đã cào cấu đào được lối thoát ra khỏi cánh cửa rầm rượng. Khả năng nhìn trong bóng đêm của tôi rất sắc bén, nhưng dưới mấy bậc thang xuống tầng hầm này đang rất tối, nên tôi chỉ có thể nghe thấy tiếng mấy cẳng chân mục ta sột soạt cạ vào nhau khi mục ta lạch bạch bò xuống, và rồi ầm một tiếng khi hình thù đen ngòm ấy quăng mình vào cánh cổng và bắt đầu miết xoèn xoẹt vào kim loại. Tim tôi giật thót lên cổ. Nghe như thế mục ta lại đang

rã ruột cồn cào mất rồi nên tôi vồ lấy trượng gỗ thanh hương trà của mình mà bắn loạn chọc lấy chọc để vào mục ta qua mấy thanh chắn cửa.

Lúc đầu làm thế chẳng hề hấn gì đến cơn điên cuồng của mục ta cả, và tôi nghe thấy tấm lưới cửa rên xiết khi kim loại oằn cong lại. Nhưng mà tôi gặp may. Hẳn là tôi đã chọc vào yếu huyệt của mục, chắc là vào mắt, vì mục ta rú lên nhức cả óc rồi bật ra khỏi cánh cổng, và vừa rên rỉ vừa bò leo lên mấy bậc thang.

Khi cơn bão tuyết qua đi và Thầy Trừ Tà đã khỏe lại, thầy sẽ quay về nhà mà giải quyết mọi việc thôi – tôi tin chắc là vậy. Nhưng điều tôi không biết được là khi nào cơ. Sẽ là một buổi chiều thật dài rồi sau đấy là thêm một đêm tối miên man nữa. Hoặc thậm chí tôi sẽ phải ở lại đấy trên mấy bậc thang đến cả vài ngày. Tôi không rõ rồi mục Marcia sẽ tấn công vào cánh cổng sắt thêm bao nhiêu lần nữa đây.

Mục ta tấn công thêm hai lần, và sau khi tôi đã đuổi được mục ta đi lần thứ ba thì mục ta rút lui ngay khỏi mấy bậc thang rồi mất dạng hẳn. Tôi thắc mắc phải chăng mục ta đã lui lên nhà trên rồi. Có lẽ mục ta đi săn chuột chù chuột nhắt gì đấy. Một lúc sau tôi phải chật vật giữ cho mình tỉnh táo. Tôi không được phép chợp mắt vì cánh cổng đã yếu đi rồi. Nếu tôi không sẵn sàng để đánh đuổi mục đi, mục ta sẽ không mất nhiều thời gian xông qua cổng này đâu.

Tôi đang lâm vào tình huống nghiêm trọng. Giả như lúc trước tôi không quay lại để lấy cuốn thần chú ấy, thì giờ đây tôi đã được yên ổn an toàn cùng Thầy Trừ Tà và Alice trong nhà của ông Andrew rồi.

CHÂN TƯỢNG SỰ THẬT

Mấy bậc thang này thật không êm ấm gì và rất lạnh. Chập sau, thể theo sự tính toán của tôi, đêm đã lại chuyển sang ngày. Tôi đói mèm, miệng khô khốc vì khát.

Tôi sẽ phải ở dưới này đến bao lâu đây? Bao lâu nữa Thầy Trừ Tà mới trở lại? Lỡ thầy tôi đã không hoàn toàn bình phục và còn quá ốm không thể trở lại thì sao? Rồi tôi bắt đầu lo lắng về Alice. Lỡ cô ấy quay trở vào đây tìm tôi thì thế nào? Cô ấy sẽ nghĩ là mụ nữ yêu vẫn còn bị nhốt dưới hầm. Cô ấy không biết mụ ta đã ở trên rầm thượng; còn lúc này thì đang lông nhông khắp nhà.

Cuối cùng tôi nghe thấy tiếng động từ đâu đó bên trên. Không phải là tiếng lạch bạch mà là giọng nói con người thì thầm lẫn tiếng ủng nện thình thịch tiến xuống và tiếp đến là âm thanh của thứ gì đó nặng trĩu đang được lôi xuống mấy bậc thang. Ánh nến chập chờn từ bên kia khúc quanh làm tôi đứng bật dậy.

“À được rồi đấy Andrew! Có vẻ tốt cuộc anh chẳng được cần đến rồi,” một giọng nói mà tôi ngay tức thời nhận ra cất lên.

Thầy Trừ Tà bước đến cổng. Thầy đang lôi mụ nữ yêu ngay sau mình, mụ ta đang bị trói chặt bằng một sợi xích bạc. Bên cạnh thầy là ông Andrew, đang đi theo thầy xuống đây để bẻ khóa.

“Này anh bạn, đừng đứng há mồm ra thế chứ,” Thầy Trừ Tà bảo. “Mở cổng ra cho bọn ta vào nào.”

Tôi nhanh nhẹn làm theo. Tôi muốn kể cho Thầy Trừ Tà nghe chuyện mình đã làm với Meg lắm, nhưng khi tôi mở mồm định nói, thầy đã lắc đầu rồi đặt tay lên vai tôi.

“Hượm nào anh bạn,” thầy nói với giọng thật nhân từ và thông cảm, như thể thầy biết chính xác tôi đã làm gì. “Mọi chuyện đã rất khó khăn với tất cả chúng ta và chúng ta có nhiều điều phải trao đổi thấu đáo lắm. Nhưng mà chuyện ấy để sau. Trước hết còn có việc phải được làm đã...”

Nói đoạn, với ông Andrew giơ cao nến đi trước dẫn đầu, chúng tôi bước xuống bậc thang. Khi chúng tôi tiến gần đến mục phù thủy còn sống, ông Andrew dừng lại và ngọn nến trong tay ông bắt đầu run rẩy.

“Andrew, đưa nến cho cậu này đi,” Thầy Trừ Tà bảo. “Tốt nhất là anh đi lên trên kia chờ ngoài cửa cho mấy anh thợ nề thợ rèn đến. Rồi anh có thể bảo với họ là chúng tôi ở dưới này.”

Thở dài nhẹ nhõm, ông Andrew đưa lại cho tôi cây nến, rồi sau khi gạt đầu về phía Thầy Trừ Tà, ông bước lên cầu thang. Thầy trò tôi tiếp tục bước xuống cho đến khi xuống tận tầng hầm, trần hầm chẳng đầy mạng nhện. Thầy Trừ Tà dẫn đường thẳng đến hố dành cho mục nữ yêu, tại nơi này các thanh sắt đều đã ngoác rộng ra, chừa đủ chỗ để thả mục ta xuống vùng bóng tối – và Thầy Trừ Tà không bỏ phí một giây nào để bắt tay ngay vào chuẩn bị việc này.

“Nào con, nghênh trượng sẵn sàng!” thầy ra lệnh.

Và tôi bước đến sát bên thầy, ngọn nến trong tay phải tôi soi rọi xuống mục nữ yêu và chiếc hố, cây trượng gỗ thanh hương trà trong tay trái tôi lăm lăm sẵn sàng chọc thẳng xuống dưới.

Thầy Trừ Tà giơ mục nữ yêu ngang ngay những thanh sắt hở rộng, và với một động tác giật tay đột ngột, thầy ngoắt sợi xích sang phải, búng nhẹ. Sợi xích bung ra, và cùng một tiếng thét chói tai, mục nữ yêu rơi vào vùng tối. Tức thời Thầy Trừ Tà quỳ xuống cạnh hố và bắt đầu đan sợi xích quanh các thanh sắt ngang qua phần hở ra để tạo nên một lớp rào chắn tạm thời cho mục nữ yêu không vượt qua được. Từ vùng tối tăm dưới kia, mục nữ yêu phần nộ rít lên phía chúng tôi nhưng không cố sức trườn lên; chỉ trong chốc lát công việc đã hoàn tất.

“Rồi đây, cái này sẽ giữ rịt mù ta dưới ấy cho đến khi thợ nề và thợ rèn tới đây,” thầy tôi vừa nói vừa đứng dậy. “Giờ chúng ta sang xem Meg thế nào nào...”

Thầy băng sang phía hố chôn Meg, tôi bước theo sau, cầm theo ngọn nến. Thầy nhìn xuống rồi buồn bã lắc đầu. Meg đang nằm ngửa nhìn lên chúng tôi, hai mắt bà ta mở to tức tối, nhưng sợi xích vẫn thít chặt xung quanh khiến bà ta không thể nói gì.

“Con xin lỗi,” tôi nói. “Thực sự xin lỗi ạ. Con đang...”

Thầy Trừ Tà giơ tay ra ngăn lời tôi. “Để sau rồi hãy nói, anh bạn ạ. Trông thấy chuyện này khiến ta đau lòng lắm...”

Tôi nghe giọng thầy nghèn nghẹt và nhác thấy vẻ khổ đau trên mặt thầy. Tôi vội nhìn sang nơi khác. Im lặng mãi rồi thầy cũng thở dài đánh sượt.

“Chuyện cũng đã xảy ra rồi,” thầy buồn rầu nói, “nhưng ta không khi nào lại nghĩ mọi chuyện sẽ đến mức này. Sau hàng bao nhiêu năm trời như thế. Mà thôi, chúng ta đi xử lý mù kia nào...”

Chúng tôi bước lên các bậc thang cho đến khi tới bên Bessy Hill, mù phù thủy còn sống.

“Mà này, xử lý chu đáo đấy anh bạn!” Thầy Trừ Tà reo lên, chỉ tay về lớp muối và sắt. “Ta rất mừng khi thấy con có óc sáng kiến đấy.”

Bessy Hill chậm chạp quay đầu sang trái và trông như thể chuẩn bị cất lời. Thầy Trừ Tà buồn buồn lắc đầu và chỉ tay xuống dưới chân mù.

“Đầu này này con. Con cầm lấy chân phải mù ta, còn ta cầm chân trái. Chúng ta sẽ từ từ lôi mù ta xuống. Nhẹ tay thôi, nào! Chúng ta không nên va đập đầu mù ta...”

Chúng tôi làm theo thế, thật là một việc khó chịu: bàn chân phải của Bessy lạnh ngắt, ẩm ướt và nhầy nhụa, và khi thầy trò tôi lôi mù ta xuống thì mù ta bắt đầu khạc nhổ và khụt khịt. Nhưng việc này cũng không mất mấy thời gian, nên chẳng bao lâu sau mù ta đã bị nhốt trở lại vào hố. Những gì còn lại cần làm là phải thay thế mấy thanh sắt bị bẻ cong rồi mù ta sẽ ở yên dưới ấy mãi thôi.

Thầy trò tôi không nói gì trong một hồi và tôi đoán là thầy đang suy nghĩ đến Meg, nhưng ngay sau đấy văng vẳng tiếng người nói chuyện và tiếng ủng nặng nề vọng lại.

“Được rồi anh bạn, đấy hẳn là tay thợ rèn và thợ nề. Ta đã định yêu cầu con xử lý Meg, nhưng như thế là không phải và ta sẽ không né tránh những gì phải được làm. Nên con lên trên nhà và nhóm lò sưởi thật lớn trong từng căn phòng ở tầng trệt đi. Con đã làm rất cừ – chúng ta sẽ nói chuyện sau.”

Trên đường đi lên tôi chạm mặt với bác thợ nề và thợ rèn. “Thầy Gregory ở tận dưới cùng cầu thang đấy ạ,” tôi bảo họ. Cả hai gật đầu và tiếp tục đi xuống. Trông ai cũng không vui. Đây là loại công việc đáng sợ thật nhưng phải được hoàn thành thôi.

Sau đấy, khi tôi quay xuống hầm thừa với thầy tôi rằng mình đã nhóm hết các lò sưởi, Meg vẫn còn nằm dưới hố nhưng sợi xích bạc của tôi đã an toàn nằm trong tay thầy, thầy trả lại cho tôi mà không nói một lời. Phiến đá và các thanh sắt chắn ngang miệng hố đã được kéo vào đúng vị trí, những đinh ghim bằng kim loại đã được đóng sâu xuống nền đất.

Giờ đây Meg đã bị cầm tù dưới những song sắt nghiêm ngặt như những mụ phù thủy khác. Hẳn Thầy Trừ Tà rất buồn khi làm vậy nhưng rồi thầy cũng phải ra tay thôi. Việc này khiến thầy phải mất cả đời, nhưng rốt cuộc Meg cũng đã bị chôn xuống hố.

Mãi đến chiều muộn thì mọi việc mới hoàn tất và các bác thợ nề thợ rèn cuối cùng cũng ra về. Thầy Trừ Tà quay sang tôi khi thầy đóng cửa sau lưng họ và gãi gãi râu cằm.

“Chỉ còn lại một việc nữa thôi trước khi chúng ta ăn tối, anh bạn à. Con cũng nên lên lầu trên dọn dẹp đồng lộn xộn trên rầm thượng đi chứ.”

Thậm chí sau tất cả những gì đã xảy ra tôi vẫn không quên được cuốn thần chú. Không quên được những gì Morgan có thể gây ra cho bố tôi. Và thời cơ cho tôi đây rồi! Thế là, hai tay run rẩy khi nghĩ đến mình sẽ phản bội lại Thầy Trừ Tà và đánh cắp cuốn thần chú như thế nào, tôi xách chậu cùng

giẻ chùi nhà lên trên rầm thượng. Sau khi đóng giếng trời lại, tôi bắt tay vào lau chùi sàn nhà nhanh hết sức có thể. Sàn chùi xong thì sẽ chỉ mất đôi ba giây để nạy hộc bàn ra và giấu cuốn thần chú vào phòng ngủ tôi thôi mà. Tôi chưa khi nào thấy Thầy Trừ Tà đi lên rầm thượng, nên tôi có thể trao cuốn thần chú cho Morgan mà không bị thầy phát hiện ra là quyển sách đã biến mất.

Sau khi lau sạch lông chim và máu trên sàn nhà, tôi chú ý trở lại vào bàn viết. Mặc dù đây là một chiếc bàn được chạm khắc tinh xảo, lại chắc chắn, tôi vẫn sẽ không mất nhiều thời gian để mở hộc bàn ra. Tôi lấy thanh xà beng nhỏ từ túi áo khoác mình ra để lèn vào khe hở giữa hai cánh cửa.

Ngay lúc ấy tôi nghe thấy tiếng bước chân đằng sau mình nên tôi nhảy dựng lên đầy vẻ có lỗi khi trông thấy Thầy Trừ Tà đứng ngoài lối cửa, trên mặt thầy là vẻ giận dữ lẫn không tin vào mắt mình.

“À à anh bạn! Xem ta có gì đây nào!”

“Không có gì đâu ạ,” tôi dối. “Con chỉ là đang lau chùi cái bàn cũ này thôi mà.”

“Này con, đừng nói dối ta chứ. Trên thế gian này không gì xấu xa bằng một tên dối trá cả. Vậy đây là lý do vì sao con quay trở vào trong nhà chứ gì. Con bé kia không thể hiểu được vì sao...”

“Morgan bảo con phải lấy được cuốn thần chú từ bàn giấy của thầy trên rầm thượng ạ!” tôi nói một thôi rồi trơ mặt ê chề nhục nhã. “Đáng lý ra con phải đem đến cho hắc vào tối thứ Ba tại nhà nguyện trong nghĩa trang. Con xin lỗi – rất xin lỗi thầy. Con không bao giờ muốn phản bội lại thầy đâu. Con chỉ không chịu được ý nghĩ về những gì mà hắc có thể gây ra cho bố con nếu con không mang sách đến cho hắc.”

“Bố con ư?” Thầy Trừ Tà cau mày. “Morgan thì làm hại thế nào được bố con chứ?”

“Thưa thầy, bố con mất rồi ạ.”

“Ừ, tối qua con bé có nói cho ta biết. Ta rất tiếc khi nghe thấy thế.”

“Vâng, rồi Morgan đã triệu hồn bố con về rồi tra tấn bố...”

Thầy Trừ Tà giơ bàn tay lên. “Bình tĩnh lại nào anh bạn. Đừng có lắp ba lắp bắp và nói chậm lại nào. Tất cả những chuyện ấy xảy ra ở đâu thế?”

“Trong phòng hăn nơi nông trại đấy ạ. Trước tiên hăn triệu hồn em gái hăn đến và rồi cô ta mang bố về. Là giọng của bố và Morgan khiến cho bố nghĩ là ông đang ở dưới Địa ngục. Morgan lại làm thế nữa tại Adlington – nhất định là con có nghe giọng của bố con trong đầu con mà – và Morgan bảo hăn sẽ mãi làm trò ấy nếu con không vâng lời hăn. Con quay trở lại để lấy cuốn thần chú, nhưng khi con lên đến rằm thượng, mẹ nữ yêu đang ở trong đấy uống máu mấy con chim. Con hết hồn bỏ chạy xuống lầu thì đụng phải Meg đang đứng chờ ngay đấy. Lăn tung xích đầu tiên con vượt mất bà ta và con nghĩ mình thế là tiêu đời rồi.”

“Phải đấy, lẽ ra đã khiến con mất mạng rồi chứ chẳng chơi,” thầy tôi vừa nói vừa lắc lắc đầu vẻ không tán thành.

“Con đang rất tuyệt vọng mà thầy,” tôi bảo.

“Ta không cần biết,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa gãi gãi râu. “Chẳng phải ta đã bảo con tránh xa Morgan ra cơ mà? Lẽ ra con phải kể cho ta nghe mọi chuyện, chứ không phải rình rập ăn cắp đồ theo lời của thằng điên Morgan ấy.”

Tôi đau lòng khi thầy dùng từ “ăn cắp” với mình. Không thể chối bỏ được rằng việc ấy có thể là trộm cắp đấy, nhưng nghe thấy thầy mình sử dụng đến từ này đã làm tổn thương tôi vô cùng.

“Con không thể kể cho thầy được. Lúc ấy Meg đã cầm tù thầy. Và lại, *chính thầy* nào có kể cho con biết mọi chuyện đâu,” tôi bực bõ. “Tại sao thầy không nói cho con biết Morgan là con trai của thầy cơ chứ? Làm sao con biết phải tin ai khi thầy mãi giấu đi những điều ấy như là bí mật vậy? Thầy bảo với con rằng Morgan là con của ông bà Hurst – nhưng không phải, hăn là con thầy cơ. Là người con thứ bảy của thầy với Emily Burns. Con đã làm những chuyện vừa rồi vì con yêu bố con. Nhưng con của thầy sẽ không bao giờ làm những chuyện tương tự cho thầy đâu. Hăn ghét thầy. Hăn muốn hủy diệt thầy. Hăn gọi thầy là lão già gàn đấy!”

Tôi biết mình đã quá lời, nhưng Thầy Trừ Tà chỉ mỉm cười rầu rĩ và lắc đầu. “Ta nghĩ đúng là có chuyện đã già mà còn dại, và chắc chắn đôi khi ta cũng từng như thế, nhưng còn với những chuyện còn lại thì...”

Thầy nhìn trừng trừng vào mắt tôi, cặp mắt xanh lục của thầy long lên sòng sọc. “Morgan không phải là con trai của ta! Hẳn là kẻ nói láo!” thầy nói, bất ngờ đấm tay xuống mặt bàn, mặt thầy phùng phùng giận dữ. “Trước đây, hiện thời và cả sau này hẳn sẽ mãi là một kẻ nói láo. Hẳn chỉ đang cố làm cho con hoang mang mà thao túng con thôi. Ta không có con cái gì cả – đôi lúc ta cũng có chút hối tiếc về điều này, nhưng nếu ta mà có con thật, con có nghĩ là ta sẽ chối bỏ con mình không? Liệu bố con có chối bỏ bất cứ anh em nào của con không?”

Tôi lắc đầu.

“Con có muốn nghe toàn bộ câu chuyện không nào, nếu việc này có ý nghĩa đến thế với con?”

Tôi gật đầu.

“Được thôi, ta sẽ không phủ nhận là ta đã cướp Emily Burns khỏi tay anh trai mình. Hay cũng không phủ nhận rằng việc này đã làm tổn thương gia đình ta rất nhiều. Đặc biệt là anh trai ta đấy. Ta chưa khi nào chối bỏ chuyện này và không có gì nhiều để biện hộ cho mình ngoại trừ là khi ấy ta còn trẻ. Ta muốn có bà ấy, anh bạn à, và ta phải có cho bằng được. Ngày nào đấy rồi con sẽ hiểu ý ta thôi, nhưng ta chỉ mang nửa phần lỗi. Emily là người phụ nữ có chính kiến và bà ấy cũng muốn có ta nữa. Nhưng rồi bà ấy cũng chóng chán ta, như là đã chán anh trai ta vậy. Bà ấy tiếp tục sống tiếp và tìm thấy cho mình một người đàn ông khác.

“Edwin Furner là tên của gã, và mặc dù gã ta là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, nhưng gã làm nghề thuộc da. Không phải ai cũng đủ phẩm chất để theo ngành nghề của chúng ta đâu. Mọi việc êm đềm đâu được hơn hai năm, hai người ấy hạnh phúc với nhau lắm. Nhưng chẳng bao lâu sau khi đứa con thứ hai của họ chào đời, gã ta bỏ đi biệt hơn cả năm, để mặc Emily tự mình bươn chải nuôi sống mình và hai con thơ dại.

“Nếu gã Edwin ấy bỏ đi mãi như thế thì đã tốt hơn rồi, nhưng đằng này gã ta cứ quay về không đúng lúc. Mỗi lần hắn bỏ đi, thì Emily lại mang thai một đứa con khác. Có tổng cộng là bảy đứa cả thảy. Morgan là đứa con thứ bảy của Furner. Sau đấy thì gã ta không bao giờ quay trở lại.”

Thầy Trừ Tà mệt mỏi lắc đầu. “Emily đã sống một cuộc đời lam lũ, anh bạn ạ, và hai chúng ta vẫn là bạn của nhau. Thế nên ta giúp đỡ cho bà ấy mỗi khi có thể. Đôi khi là giúp bằng tiền, nhiều lúc là giúp bằng cách tìm việc cho đám con đang lớn của bà ấy. Vì chẳng có người bố nào coi sóc cho chúng, nên ta có thể làm gì được khác nào? Khi Morgan lên mười sáu, ta tìm được cho hắn một công việc tại nông trại Cảnh Bờ Hoang. Hai ông bà Hurst phải nương nhờ hắn nhiều đến nỗi dần dà họ nhận hắn làm con nuôi. Họ không có con trai nên nông trại ấy rồi sẽ là của hắn. Nhưng Morgan không thể toàn tâm toàn ý vào công việc và mọi chuyện bắt đầu trở nên xấu đi. Tình trạng ấy kéo dài không tới một năm.

“Như ta đã kể, ông bà Hurst có một con gái. Cô ta cỡ trạc tuổi Morgan và có tên là Eveline. Vì còn trẻ như thế nên Morgan và Eveline đem lòng yêu nhau. Cha mẹ cô gái hắn là không chấp nhận rồi vì họ muốn hai đứa chỉ là anh trai em gái mà thôi, thế nên họ đánh đập cả hai; khiến cuộc sống hai người khốn khổ không đáng để sống nữa. Rốt cuộc, vì không thể chịu đựng hơn được nữa, Eveline trầm mình xuống hồ. Sau đấy, Emily van nài ta đem Morgan đi khỏi đấy và nhận hắn vào làm chân học việc. Khi ấy thì đấy dường như là một giải pháp hợp lý, nhưng ta vẫn không tin tưởng lắm và đã được chứng minh là đúng. Morgan theo ta được ba năm, cho đến khi cuối cùng hắn quay về với Emily, nhưng hắn không thể tránh xa nông trại Cảnh Bờ Hoang. Hắn thì thoảng vẫn đến sống tại đấy – ít nhất đấy là khi hắn đang không gây ra phiền phức ở đâu khác.

“Người em gái chắc là một hồn ma lưu vấn, là kẻ không thể vượt qua được đến thế giới bên kia. Và vì thế, Morgan thâm tóm cô ta vào dưới quyền mình. Không còn nghi ngờ gì là hắn đang ngày mỗi thêm quyền năng. Có lẽ hắn hình như có chút uy lực gì đấy với con. Tốt hơn là con phải kể cho ta nghe chính xác đã xảy ra chuyện gì giữa hai người nào.”

Thế là tôi kể ra, và trong khi tôi kể, Thầy Trừ Tà tra vấn thêm chi tiết. Tôi bắt đầu từ lần gặp gỡ với Morgan tại nhà nguyện trong nghĩa trang ven đồng hoang, và kết thúc bằng cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi tại huyết mộ của Emily Burns.

“Ta hiểu rồi,” Thầy Trừ Tà cất lời khi tôi kết thúc. “Giờ thì mọi chuyện đã khá rõ. Như trước đây ta có bảo, Morgan khi nào cũng mê đắm vào cái gò mả trên đồng hoang kia. Con cứ đào xuống đấy một hồi thì sẽ tìm thấy thứ gì đấy thôi mà. À, khi còn là chân học việc của ta, hẳn cuối cùng cũng tìm thấy chiếc rương được niêm kín có chứa cuốn thần chú trong ấy. Và cuốn thần chú ghi lại những quỷ thức là cách duy nhất để đánh thức Golgoth. Đây là điều hẳn đang cố làm. May mắn sao ta đã đến nơi và ngăn chặn kịp thời trước khi quỷ thức ấy được tiến hành quá xa.”

“Điều gì sẽ xảy ra nếu hẳn thành công vậy ạ?” tôi hỏi.

“Không dám nghĩ đến đấy đâu anh bạn à. Phạm một sai lầm trong quỷ thức ấy thôi thì hẳn hẳn đã toi mạng rồi. Nhưng thà như thế còn hơn là để quỷ thức được hoàn tất thành công. Con thấy đấy, hẳn đã làm theo những chỉ dẫn đến từng chữ và đã vẽ ra biểu tượng vòng ma thuật trong phòng hẳn tại nông trại Cảnh Bờ Hoang, một ngôi sao năm đỉnh nằm trong ba vòng tròn đồng tâm. Vậy nên nếu hẳn làm đúng hết phần còn lại, thì hẳn sẽ được an toàn khi ở trong vòng ma thuật ấy. Nhưng rồi hẳn Golgoth sẽ hiện hình ra bên ngoài ngôi sao ấy và sẽ được thả rông khắp Hạt. Golgoth được mệnh danh là Chúa Tể Mùa Đông không phải là không có lý do đâu. Hẳn phải đến hàng bao năm trời sau mới thấy được mùa hè ấy chứ. Chết cóng chết đói sẽ là số phận của chúng ta. Morgan đã hiến con chó trong nông trại làm đồ tế lễ. Golgoth chẳng hề đụng tới nhưng con vật đáng thương kia đã chết vì sợ hãi.

“Vậy là, như ta đã nói, ta đã ngăn chặn Morgan kịp thời. Ta chấm dứt kỳ học việc của hẳn và tịch thu cuốn thần chú. Và rồi ta cùng mẹ hẳn bắt hẳn hứa rằng hẳn sẽ để Golgoth yên và sẽ không ra sức đánh thức vị thần ấy lần nữa. Emily tin vào lời hẳn hứa, và vì bà ấy ta đã cho Morgan biết bao nhiêu cơ hội và luôn hy vọng rằng niềm tin của bà ấy vào hẳn sẽ được minh

chứng. Nhưng lúc ta ngăn chặn hắn khi hắn đã tiến hành được một phần quý thức, một ít quyền năng từ Golgoth đã được đánh thức và dây vào hắn. Mẹ con nói đúng – đây sẽ là một mùa đông khắc nghiệt. Ta tin là chuyện này có liên quan đến Golgoth và Morgan. Sau khi Morgan rời khỏi tầm kiểm soát của ta, hắn quay sang thế lực bóng tối và quyền năng của hắn dần dà gia tăng. Và hắn nghĩ cuốn thần chú sẽ cho hắn uy lực tối thượng.

“Hắn đã có khả năng làm những điều mà người thường không thể. Một số chỉ là trò phù thủy lừa bịp, như là làm thay đổi nhiệt độ trong phòng để gây ấn tượng với những kẻ ngu ngơ. Nhưng hiện tại dường như hắn còn có thể trói buộc người chết vào mong muốn của hắn – không chỉ những hồn ma mà còn cả các linh hồn đang lờn vờn trong chốn Lập Lò giữa thế gian này và thế giới bên kia. Ta đau lòng lắm khi phải nói ra điều này, anh bạn à, nhưng tình hình trông rất tệ đấy. Ta quả thực lo rằng Morgan có khả năng làm hại đến linh hồn của bố con...”

Thầy Trừ Tà ngược nhìn lên giếng trời, đoạn nhìn xuống bàn giấy. Thầy buồn bã lắc đầu. “Mà thôi, anh bạn, con đi xuống dưới lầu đi rồi chúng ta sẽ trao đổi thêm nữa...”

Mười lăm phút sau thầy tôi ngồi lặng lẽ trong chiếc ghế đu của Meg và món súp đậu đang sôi âm ỉ trong nồi.

“Có thấy muốn ăn không vậy anh bạn?” thầy hỏi.

“Từ hôm qua con đã không ăn gì rồi ạ,” tôi đáp.

Nghe thế thầy tôi cười toe, để lộ ra khoảng trống nơi mà ông kẹ đã đập gãy răng cửa của thầy, rồi thầy đứng lên, đặt hai bát lên bàn rồi múc súp ra cả hai. Loáng sau tôi đã nhúng bánh mì vào trong bát súp ngon lành nghi ngút hơi. Thầy Trừ Tà không buồn đụng đến bánh mì nhưng thầy cũng chén sạch súp.

“Ta thật lòng chia buồn vì bố con đã qua đời,” thầy vừa nói vừa đẩy bát ra xa. “Lẽ ra ông ấy đã không có gì phải lo sợ sau khi ra đi. Rủi thay là Morgan đang dùng quyền năng của Golgoth để làm hại ông ấy và sử dụng ông ấy để khống chế con. Nhưng anh bạn này, đừng lo gì cả, chúng ta sẽ kết thúc

chuyện này sớm hết sức có thể thôi mà. Còn với những chuyện vợ vắn kia thì, Morgan không phải và chưa từng khi nào là con trai của ta cả.” Thầy lại nhìn thẳng vào mắt tôi. “Thế, con có tin ta không?”

Tôi gật đầu, nhưng tôi không thể làm thế với vẻ thật thuyết phục vì Thầy Trừ Tà đã thở dài và lắc đầu. “Ừ” thôi, anh bạn, hoặc Morgan là kẻ dối trá, hoặc là ta. Tốt hơn con nên quyết định bọn ta ai là kẻ dối trá đi. Nếu giữa thầy trò ta không có sự tin tưởng, thì không lý do gì mà con phải tiếp tục làm chân học việc cho ta nữa. Nhưng có một điều chắc chắn thế này, ta sẽ không để cho con rơi vào tay hắn. Trước khi chuyện đó xảy ra ta sẽ tóm lấy gáy con, mang con trở về cho mẹ con để bà ấy tắm giặt chút lý lẽ vào trong cái đầu ngu độn ấy.”

Giọng thầy thật tàn nhẫn, và sau bao nhiêu chuyện đã xảy ra như thế nên tôi thấy bức bối. “Thầy không thể đem con trở lại cho mẹ con đâu” tôi cay đắng đáp trả. “Con đã về quá muộn nên hụt mất tang lễ và con thậm chí còn không được gặp mẹ nữa cơ. Sau đấy thì mẹ đã bỏ đi đâu mất rồi – chắc là về quê nhà của mẹ. Con không nghĩ là bà sẽ quay trở lại đâu...”

“Ừm, cho bà ấy chút không gian đi anh bạn. Bà ấy vừa mất chồng nên cần chút thời gian để đau buồn và suy nghĩ ấy mà. Nhưng rồi con sẽ gặp lại mẹ mình và sẽ chóng thôi mà, ta chắc đấy. Và đấy không phải là lời tiên tri đâu. Chỉ là lý lẽ thường tình thôi. Nếu bà ấy phải đi, thì bà sẽ đi, nhưng trước khi đi bà ấy sẽ muốn nói lời từ biệt đằng hoàng với *tất cả* các đứa con chứ.

“Mà thôi, việc Morgan đang gây ra thật là một điều kinh khủng, nhưng đừng lo – ta sẽ tìm ra hắn và ngăn chặn hắn một lần dứt điểm.”

Tôi đang mệt rã rời không đủ sức nói lên lời nào, nên tôi chỉ gục gặc. Tôi hy vọng thầy mình nói đúng.

NHÀ NGUYỆN CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

Hứa là hứa vậy, nhưng Morgan vẫn không thể nào bị xử lý ngay được. Hai tuần tiếp sau đấy thời tiết thật xấu, thầy trò tôi dường như không bước chân ra khỏi cửa. Các trận bão tuyết nối tiếp nhau quật lên hẻm núi, cuộn xoáy tuyết quất vào cửa sổ và chôn ngập phía trước nhà dễ lên ngang đến mức đầy phòng ngủ trên tầng trệt. Tôi bắt đầu tin rằng Golgoth quả thật đã thức dậy và bụng thăm biết ơn rằng Shanks đã nhìn xa trông rộng mà giao thêm lương thực. Khi ngày thứ Ba được Morgan chỉ định làm ngày chúng tôi phải gặp mặt đã đến, tôi bồn chồn và chùng như hy vọng được trông thấy hẳn xuất hiện trước cửa nhà. Nhưng các cơn bão tuyết đang dữ dội đến mức chẳng ai có thể lợi qua đồng hoang. Ấy thế nhưng, mỗi một giờ đồng hồ bị mắc kẹt trong ngôi nhà ấy mang lại cảm giác như một cơn nhục hình. Tôi tuyệt vọng chỉ muốn thoát ra ngoài tìm lấy Morgan mà đặt dấu chấm hết cho cơn khốn khổ của bố mình cho rồi.

Thầy tôi buộc tôi tiếp tục thực hiện các thói quen thường nhật như là ăn, ngủ và học tập trong suốt cơn bão tuyết, nhưng có một điều mới mẻ được thêm vào. Mỗi chiều thầy lại đi xuống tầng hầm trò chuyện với Meg và mang chút gì đấy cho bà ta lót dạ. Thường thì chỉ là vài ba tấm bánh quy, nhưng đôi khi thầy còn mang cả phần thức ăn trưa còn thừa của chúng tôi xuống đấy. Tôi thắc mắc không biết hai người họ nói chuyện gì khi thầy ở dưới ấy, mặc dù tôi hiểu tốt hơn là không nên hỏi. Thầy trò tôi đã đồng ý là không nên cất giữ thêm bí mật nào nữa nhưng tôi nhận ra là Thầy Trừ Tà vẫn muốn có được chút riêng tư.

Hai mục phù thủy kia phải tự mình xoay sở hết cách thôi, phải ăn còn trùn, dòi bọ hay bất cứ thứ gì khác mà bọn họ có thể moi ra được từ lòng đất ẩm, nhưng Meg vẫn là trường hợp cá biệt. Tôi nửa như hy vọng rằng, rồi

sớm có một ngày, Thầy Trừ Tà sẽ lại cho Meg dùng trà thảo dược rồi mang bà ấy ra khỏi hầm. Chắc chắn bà ta là tay đầu bếp cừ hơn hai thầy trò tôi rồi, nhưng sau tất cả những chuyện đã xảy ra tôi không thể không cảm thấy an toàn hơn khi Meg vẫn còn ở dưới hố. Chẳng lẽ Thầy Trừ Tà đã mềm lòng? Sau bao nhiêu là lời cảnh báo của thầy về việc không nên tin tưởng phụ nữ, thì giờ đây thầy lại đang phá vỡ mọi quy tắc của chính mình. Tôi những muốn nói thẳng với thầy như thế, nhưng làm sao tôi mở miệng được khi tôi nhìn thấy thầy mình đang bận lòng về Meg chứ?

Thầy vẫn chưa ăn uống được bình thường trở lại và có một buổi sáng hai mắt thầy đỏ au sưng húp, như thể thầy đã mạnh tay chà xát lên hai mắt vậy. Tôi thậm chí còn nghĩ liệu có phải thầy đã khóc chẳng, và điều ấy khiến tôi phải suy nghĩ đến bản thân sẽ cư xử thế nào trong tình huống tương tự. Lỡ như tôi là Thầy Trừ Tà, còn Alice thì đang ở dưới hố kia thì sao? Tôi sẽ hành xử như thầy chứ? Tôi cũng đang băn khoăn không biết Alice sinh sống thế nào. Nếu có khi nào mà thời tiết được tốt hơn, tôi quyết định sẽ xin phép thầy tôi cho tôi ghé xuống cửa hiệu ông Andrew để thăm Alice lần nữa.

Thế rồi, thật không lường trước được, một sáng nọ thời tiết đúng là có thay đổi. Tôi cứ mãi suy nghĩ đến mối đe dọa dành cho bố tôi, lòng hy vọng rằng, ngay khi có cơ may đầu tiên, thì thầy trò tôi sẽ lên đường săn đuổi Morgan ngay. Nhưng không phải thế. Khi ánh nắng mặt trời ló dạng là cũng đến lúc có việc trừ tà. Thầy tôi và tôi bị gọi đi sang hướng đông, đến nông trại Platt. Là việc về ông kẹ, hay hình như vậy.

Cũng phải đến hơn một giờ đồng hồ chúng tôi mới lên đường được vì trước tiên Thầy Trừ Tà phải đeo cho mình một cây trượng gỗ thanh hương trà mới, và khi rốt cuộc chúng tôi cũng đến nơi, sau hai giờ đồng hồ bì bõm lội qua tuyết ngập lún, thì hóa ra chẳng hề có lấy một dấu hiệu nào về ông kẹ đã từng lai vãng quanh đấy và người nông dân phải xin lỗi thống thiết vì đã nhìn nhầm, ông ta đổ là tại vợ mình, bà này thường hay bị mộng du. Ông ta bảo bà ấy đã di chuyển đồ đạc trong bếp và khua nồi khua niêu loảng xoảng đánh thức cả nhà dậy, rồi sáng hôm sau thức dậy bà lại chẳng nhớ là mình đã làm thế. Ông ta dường như lấy làm xấu hổ vì đã cho gọi chúng tôi đến

không vì việc gì cả và hầu như rất thật lòng muốn trả công cho Thầy Trừ Tà vì đã phiên đến thầy.

Tôi cáu lắm vì chúng tôi đã phí phạm thời gian quý báu, nên tôi trút hết bức dọc ra với Thầy Trừ Tà trên đường quay về nhà. Thầy tôi cũng đồng ý thế. “Ta thấy có mùi ôi đây,” thầy bảo. “Anh bạn này, trừ phi là ta lầm, chứ thực ra chúng ta đã bị chơi khăm đấy. Có từng thấy ai cứ nằng nặc đòi rút túi ra trả công chưa nào?”

Tôi lắc đầu và thầy trò tôi tăng tốc gấp đôi, Thầy Trừ Tà dẫn đầu, nông nóng muốn trở về nhà. Chúng tôi về đến nơi thì thấy cửa sau nhà đã mở toang. Khóa đã bị nạy. Sau khi kiểm tra thấy rằng cửa tầng hầm và cánh cổng vẫn còn y nguyên, Thầy Trừ Tà bảo tôi đứng chờ trong bếp rồi thầy đi lên lầu trên. Năm phút sau thầy trở xuống và giận dữ lắc đầu.

“Cuốn thần chú đã bị đánh cắp!” thầy thốt lên. “Thôi, anh bạn này, chắc chắn chúng ta biết phải truy tìm ai rồi! Còn ai khác ngoài Morgan kia chứ? Hẳn đã dùng quyền năng ảnh hưởng đến Golgoth để ngăn tuyệt đối, và rồi hẳn bày mưu vẽ kế để trộm đồ của chúng ta.”

Tôi thấy cũng hơi lạ là tại sao trước đây Morgan đã không cố đánh cắp lấy cuốn thần chú kia. Trong bao nhiêu mùa hè qua thật là quá dễ dàng thôi mà, khi Meg bị nhốt trong xà lim dưới mấy bậc cấp xuống hầm và phần trên ngôi nhà lại hoàn toàn trống hoác ấy. Nhưng rồi tôi nhớ ra điều Thầy Trừ Tà đã kể với tôi – về lời hứa mà Morgan đã phải hứa với mẹ hẳn rằng hẳn sẽ không cố đánh thức Golgoth trở dậy nữa. Có lẽ hẳn đã giữ lời của mình cho đến khi mẹ hẳn qua đời; sau khi để tang mẹ, giờ hẳn được tự do làm bất cứ chuyện gì hẳn muốn.

“Thôi, hôm nay chúng ta chẳng thể làm được gì hơn ngoài việc đi xuống Adlington gọi ông anh của ta lên sửa lại cánh cửa,” Thầy Trừ Tà lên tiếng. “Nhưng đừng nhắc đến cuốn thần chú nhé. Để tự ta kể riêng cho ông ấy nghe khi có dịp. Và trên đường đi, chúng ta sẽ ghé qua trang trại Cảnh Bờ Hoang. Ta không nghĩ chúng ta sẽ tìm thấy Morgan ở đấy đâu nhưng ta còn có vài chuyện muốn hỏi ông bà Hurst.”

Tôi không rõ vì sao thầy lại không muốn kể cho ông Andrew nghe về cuốn thần chú chữ, nhưng tôi có thể nhận thấy thầy mình đang trong tâm trạng không muốn bị tra hỏi gì.

Chúng tôi khởi hành ngay đi đến nông trại Cảnh Bờ Hoang. Khi đến nơi, Thầy Trừ Tà một mình đi vào nông trang để nói chuyện với ông bà Hurst, bảo tôi đứng chờ ngoài sân. Chẳng thấy có dấu tích gì của Morgan cả. Thầy tôi nán lại trong nông trang một chốc rồi cau mày bước ra. Với môi mím chặt, thầy dẫn đầu đi trước tiên về cửa hiệu của ông Andrew.

Thầy Trừ Tà cư xử như thể đây chỉ là một chuyến anh em đến thăm hỏi nhau, thế là lại khiến cho tôi thắc mắc tại sao thầy lại chẳng dả động gì đến những chuyện đã xảy ra. Nhưng mà được gặp lại Alice cũng thật vui. Cô gái nấu bữa tối muộn cho chúng tôi và tất cả chúng tôi quây quần sưởi ấm trước lò sưởi hừng hực trong phòng khách trước khi ngồi vào bàn dùng bữa. Sau khi chúng tôi ăn xong, Thầy Trừ Tà quay sang bảo với Alice.

“Bữa tối ngon lắm, cô bé à,” thầy vừa nói vừa cười nhẹ, “nhưng giờ đây ta có chút việc riêng cần phải trao đổi với anh ta và Tom. Vậy nên tốt nhất con đi ngủ đi!”

“Tại sao cháu phải đi ngủ chứ?” Alice hỏi lại, xù lông giận dữ. “Cháu mới là người sống ở đây, chứ không phải là ông.”

“Thôi mà, Alice, làm theo lời bác John đi,” ông Andrew nhẹ nhàng bảo. “Ta chắc chắn là phải có lý do chính đáng để bác ấy không muốn cho con nghe những gì bác ấy sắp sửa nói ra thôi mà.”

Alice ném cho ông Andrew cái nhìn khinh miệt, nhưng đây là nhà của ông ấy nên cô phải vâng lời, rồi sém chút là Alice đã sập cửa đánh rầm và nện từng bước nặng trĩch lên cầu thang.

“Con bé ấy biết càng ít càng tốt,” Thầy Trừ Tà bảo. “Tôi vừa mới thăm ông bà Hurst và trao đổi chút ít với bà vợ về lý do vì sao con bé Alice này bỏ đi. Hình như là nó cãi cọ gì đấy với Morgan rồi ùng ùng bỏ đi trong cơn nóng giận, nhưng mấy ngày trước đấy, hai đứa bọn chúng đã rất thân thiết và bỏ ra nhiều thời gian ở cạnh nhau trong căn phòng dưới lầu của hẳn.

Có thể là chẳng có gì. Có thể là hắn chỉ đang cố thuyết phục con bé theo cái cách mà hắn đã thử áp dụng với anh bạn này đây,” thầy hất hàm về phía tôi. “Thử rồi thất bại. Nhưng để phòng hờ, tốt hơn là con bé không nên nghe được chuyện này. Sáng nay Morgan đã đột nhập vào nhà tôi mà đánh cắp đi cuốn thần chú.”

Ông Andrew trông thật lo lắng mở miệng ra định nói nhưng tôi đã kịp cướp lời. “Thế là không phải ạ!” tôi bảo với Thầy Trừ Tà. “Alice ghét Morgan lắm cơ. Bạn ấy đã nói thế với con. Bằng không thì tại sao bạn ấy lại bỏ đi chứ? Không đời nào mà Alice lại đi giúp cho Morgan cả.”

Thầy Trừ Tà giận dữ lắc đầu. “Có những bài học cần phải mất nhiều thời gian hơn mới đóng được vào trong cái đầu bò đầu bướng của con ấy nhỉ!” thầy quát lên. “Qua từng ấy thời gian rồi mà con vẫn chưa học được rằng đừng bao giờ tin tưởng con bé ấy tuyệt đối sao. Nó luôn cần được trông chừng. Đây là lý do vì sao ta phải đảm bảo là nó luôn ở gần bên. Chứ bằng không thì ta sẽ không bao giờ cho phép con bé ở quanh con đến mười dặm đâu.”

“Này, hươm đã nào,” ông Andrew xen vào. “Chú nói là tên Morgan đã lấy đi cuốn thần chú cơ mà! Sao chú có thể điên rồ đến thế vậy John? Lẽ ra chú đã phải tiêu rụi cuốn sách quý tha ma bắt ấy khi hãy còn cơ hội chứ! Nếu Morgan thử tiến hành các quỷ thức ấy lần nữa, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tôi lại đang hy vọng có thể được nhìn thấy thêm vài mùa hè nữa trước khi đứt bóng cơ đấy. Cuốn thần chú lẽ ra đã phải bị tiêu hủy rồi. Tôi thật không thể hiểu được tại sao chú lại cứ giữ lấy nó trong bao nhiêu năm qua làm gì!”

“Này anh Andrew, đây là việc của tôi và anh chỉ việc phải tin tôi trong chuyện này. Thôi cứ cho là tôi có lý do của riêng tôi đi.”

“Là Emily chứ gì?”

Thầy Trừ Tà phớt lờ ông Andrew.

“Chuyện thì cũng đã xảy ra rồi, tôi vẫn mong là Morgan chẳng bao giờ lấy đi cuốn thần chú và nó vẫn còn nằm yên vị dưới mấy lần khóa ấy.”

“Tôi cũng mong thế cơ mà!” ông Andrew thốt lên, ông lên giọng và mỗi lúc một thêm tức giận. “Nhiệm vụ của chú là cả cái Hạt này. Chú cứ luôn miệng bảo thế thôi. Việc chú giữ lại cuốn sách chứ không chịu đốt đi thể hiện sự sao nhãng nhiệm vụ ấy rồi đấy!”

“À này, anh trai, tôi cảm ơn lòng hiếu khách của anh chứ không phải là mấy lời lẽ nặng nề kia đâu nhé,” Thầy Trừ Tà đáp lại, giọng thầy cũng bắt đầu có hơi hướm tức tối. “Tôi đâu có can dự vào việc của anh còn anh thì phải tin là tôi làm mọi việc vì lợi ích tốt nhất cho mọi người chứ. Tôi chỉ ghé qua đây để báo cho anh biết chúng ta đang trong tình hình như thế nào, nhưng hôm nay đã là một ngày quá dài và đã đến lúc chúng ta nên đi nghỉ trước khi phải nói ra những lời mà sau này chúng ta sẽ thật lòng hối tiếc đấy!”

Dứt lời, thầy trò tôi vội vã rời khỏi nơi của ông Andrew. Khi chúng tôi bước xuống phố tôi chợt nhớ ra lý do thoát tiên vì sao chúng tôi lại ghé thăm.

“Ta chưa nhờ bác Andrew sửa khóa ạ,” tôi nói. “Con có phải chạy lại bảo với bác ấy không thầy?”

“Không cần đâu anh bạn,” Thầy Trừ Tà bực bõ đáp. “Ông ấy có là người thợ khóa cuối cùng trong cả Hạt này thì cũng chẳng cần! Ta thà tự mình sửa lấy còn hơn.”

“À mà, giờ thì thời tiết cũng khá lên rồi,” tôi dò hỏi, “ngày mai chúng ta có thể bắt đầu lòng sục Morgan được không ạ? Con thật sự lo cho bố lắm...”

“Để việc này cho ta,” Thầy Trừ Tà bảo, giọng thầy dịu lại. “Ta đã nghĩ đến một vài chỗ mà Morgan có thể đến ẩn náu. Tốt nhất là ngày mai ta nên lên đường sớm trước lúc bình minh.”

“Con đi với thầy được chứ?” tôi hỏi.

“Không được đâu anh bạn. Đi một mình ta có nhiều cơ hội bất ngờ đánh úp hẳn hơn. Tin ta đi. Làm vậy vì lợi ích tốt nhất thôi.”

Tôi quả là có tin tưởng Thầy Trừ Tà thật. Mặc dù tôi có thể nhìn ra chút lý lẽ trong những gì thầy đang nói, nhưng tôi vẫn muốn đi cùng thầy. Tôi cố

thêm lần nữa để thuyết phục thầy nhưng rồi nhận ra là mình chỉ đang hoài công. Nếu Thầy Trừ Tà đã quyết chí, bạn chỉ còn nước phải chấp nhận lấy mà để cho thầy làm theo ý thầy thôi.

Buổi sáng hôm sau, khi tôi đi vào bếp, thì chẳng thấy bóng dáng Thầy Trừ Tà đâu cả. Áo choàng và trượng của thầy đã được lấy đi, và như đã hứa, thầy đã rời khỏi nhà trước khi trời rạng sáng từ lâu để tìm kiếm Morgan. Sau khi tôi dùng xong điểm tâm mà thầy tôi vẫn chưa trở về, tôi nhận ra sự vắng mặt của thầy đã đưa ra một cơ hội thật tốt khó mà bỏ lỡ được. Tôi tò mò về Meg và quyết định xuống thăm qua tầng hầm một cái để xem bà ta đang như thế nào. Thế là tôi tự tiện lấy chìa khóa trên đầu kệ sách, thả nện lên rồi đi xuống các bậc thang. Tôi đi qua cánh cổng rồi khóa cổng lại sau lưng, tiếp tục bước xuống phía tầng hầm, nhưng khi tôi mới đến ngang phần đầu cầu thang nơi có ba cánh cửa thì một giọng nói đột nhiên vọng ra từ xà lim chính giữa:

“John! John à! Phải anh đấy không? Anh đã đặt vé cho chúng ta chưa?”

Tôi dừng sững lại. Là giọng nói của Meg. Thầy đã thả bà ta ra khỏi hố và nhốt bà vào xà lim, nơi mà bà ta có thể thấy thoải mái hơn. Vậy là thầy đã yếu lòng. Không nghi ngờ gì nữa, vài ngày nữa thôi là bà ta sẽ quay trở lại bếp. Nhưng mà bà ta bảo “đặt vé cho chúng ta” là sao ấy nhỉ? Bà ta sẽ làm một chuyến hành trình chẳng? Liệu Thầy Trừ Tà có đi cùng không?

Thốt nhiên tôi nghe thấy Meg hít hà ầm ĩ ba lần. “Hừ, nhóc con, cậu đang làm gì dưới này thế? Đến gần cánh cửa để ta có thể nhìn cậu rõ hơn nào...”

Meg đã đánh hơi ra tôi nên có rón rén quay lại bậc thang cũng chẳng ích gì nữa. Chắc chắn rồi bà ta cũng sẽ nói cho Thầy Trừ Tà là tôi đã ở đâu thôi. Thế nên tôi bước đến cửa xà lim và thò mặt vào, cẩn thận để không đứng quá sát.

Gương mặt xinh đẹp của Meg mỉm cười với tôi qua chấn song. Đấy không phải là nụ cười tàn nhẫn mà bà ta đã cười với tôi khi chúng tôi chiến đấu chống lại nhau. Thật ngạc nhiên làm sao, nụ cười này gần như là thân thiện.

“Bà khỏe không vậy Meg?” tôi lịch sự hỏi.

“Cũng lúc này lúc khác thôi,” Meg đáp. “Không phải là do cậu đâu mà ta phải cảm ơn. Nhưng chuyện cũng đã lỡ rồi và ta không trách cứ gì cậu cả. Cậu là người như thế. Cậu và John thật có lăm điểm chung. Nhưng ta sẽ cho cậu một lời khuyên nhé – nếu cậu có muốn nghe.”

“Dĩ nhiên là cháu sẽ lắng nghe ạ,” tôi bảo bà ta.

“Vậy thì lắng nghe cho kỹ những gì ta nói đây. Đối xử với cô bé ấy cho thật tốt. Alice quan tâm đến cậu lắm. Đối xử với con bé tốt hơn là cách John đã đối xử với ta rồi cậu sẽ không phải hối tiếc đâu. Chuyện không cần phải có kết cục như thế này.”

“Cháu thích Alice lắm và sẽ cố gắng hết sức ạ.”

“Ta cũng thấy thế.”

“Cháu có nghe bà hỏi về ‘đặt vé’, ” tôi nói, vừa quay lưng bỏ đi. “Ý là sao vậy bà?”

“Không phải chuyện của cậu đâu cậu nhỏ à,” Meg trả lời. “Cậu có thể hỏi John ấy nhưng ta nghĩ cậu chẳng cần phải làm thế làm gì vì cậu cũng sẽ chỉ nhận được cùng một câu trả lời như thế từ ông ấy mà thôi. Và ta không nghĩ ông ấy lại muốn cậu lai vãng dưới này đâu ấy nhỉ?”

Nghe thế tôi lăm bắm “tạm biệt ạ” rồi quay bước lên cầu thang, cẩn thận khóa cổng lại sau lưng. Vậy là dường như Thầy Trừ Tà vẫn còn giữ bí mật, và tôi cho là thầy sẽ luôn làm vậy. Tôi trả chìa khóa vào vị trí cũ chưa được bao lâu thì thầy tôi trở về.

“Thầy có tìm ra Morgan không thầy?” tôi hỏi, nhưng lòng thất vọng. Tôi đã biết được lời đáp rồi. Nếu mà thầy đã tìm ra, thì hẳn Morgan phải về cùng với thầy, bị trói quặp như một tên tù nhân ấy chứ.

“Không, anh bạn à, xin lỗi là ta đã không tìm ra. Ta tưởng sẽ tìm thấy hắc ấn náu trong tòa tháp bỏ hoang ở Rivington,” Thầy Trừ Tà bảo. “Dạo gần đây hắc ấn hay ở đó lắm – chắc hẳn là để làm trò sai quấy thôi. Nhưng hình như ta thấy là hắc ấn không ở yên lâu dài tại một nơi nào cả. Nhưng thôi, con đừng lo, ngay sáng mai ta sẽ tìm tiếp. Mà này, trong thời gian ấy con có thể

làm một việc cho ta. Chiều nay, quá bộ xuống Adlington và hỏi xem ông anh trai ấy của ta có phiền lên đây sửa giùm cánh cửa sau được không nhé,” Thầy Trừ Tà nói. “Và bảo với ông ấy là ta xin lỗi về những lời lẽ nóng giận giữa chúng ta, và rằng một ngày nào đấy ông ấy sẽ hiểu rằng ta làm mọi việc vì lợi ích tốt nhất thôi mà.”

Bài học buổi chiều kéo dài muộn hơn thường lệ và khi chỉ còn chưa tới hai giờ đồng hồ trời sẽ sụp tối thì cuối cùng tôi, tay mang trượng bằng gỗ thanh hương trà, mới khởi hành đi xuống Adlington.

Ông Andrew vui vẻ chào đón tôi vào nhà và gương mặt ông rạng rỡ nụ cười khi tôi chuyển lời xin lỗi của Thầy Trừ Tà: ông tức thì đồng ý lên sửa cửa trong khoảng một ngày gì đấy. Sau đấy tôi trò chuyện chừng mười lăm phút với Alice, mặc dù cô gái trông có vẻ hơi lạnh nhạt. Chắc hẳn là vì tối hôm qua cô ấy bị đuổi đi ngủ sớm. Sau khi nói lời chào tạm biệt, tôi quay bước trở về nhà Thầy Trừ Tà, nôn nóng muốn về đến nhà trước khi trời tối hẳn.

Tôi rảo bước chưa quá năm phút thì đã nghe thấy tiếng động khe khẽ sau lưng. Tôi quay lại trông thấy ai đó đang theo tôi leo ngược lên đồi. Là Alice, thế nên tôi đứng lại chờ cô ấy lên tới. Alice đang mặc chiếc áo choàng len, và khi tiến tới gần, đôi giày mũi nhọn của cô tạo ra những dấu chân nhỏ gọn trên nền tuyết.

“Mấy người đang âm mưu gì đấy,” Alice mỉm cười nói. “Chuyện tối qua mà bọn họ không muốn cho tớ nghe là chuyện gì thế? Cậu có thể nói cho tớ nghe mà, phải không Tom? Chúng mình chẳng có bí mật gì cả. Chúng mình đã cùng nhau trải qua bao nhiêu là chuyện rồi mà.”

Mặt trời đã lặn và trời đang tối dần. “Phức tạp lắm cậu à,” tôi đáp, lòng nôn nóng chỉ muốn đi về. “Tớ không có nhiều thời gian đâu.”

Alice rướn người tới trước tóm lấy tay tôi. “Thôi nào, Tom, cậu có thể kể cho tớ nghe mà!”

“Thầy Gregory không tin cậu,” tôi kể ra. “Thầy nghĩ cậu đã quá thân thiết với Morgan. Bà Hurst bảo với thầy rằng cậu và Morgan đã trải qua nhiều

thời gian cùng nhau trong căn phòng dưới lầu của hăn...”

“Chuyện lão Gregory không tin tớ thì chẳng có gì mới cả!” Alice chua chát thốt lên. “Morgan đang có kế hoạch cho chuyện gì đấy to tát lắm. Hăn bảo, một quỷ thức sẽ khiến cho hăn giàu có và hùng mạnh. Hăn muốn tớ giúp, rồi cứ lải nhải mãi mãi cho đến khi tớ chịu không muốn nhìn thấy cái bản mặt hăn nữa. Chuyện chỉ có thể thôi. Mà thôi nào Tom. Chuyện gì đang xảy ra vậy. Cậu có thể nói cho tớ...”

Và thế là, biết được rằng Alice sẽ không bao giờ buông xuôi, tôi đành đầu hàng, và Alice sánh bước bên tôi khi tôi miễn cưỡng giải thích chuyện gì đã xảy ra. Tôi kể cho cô nghe về cuốn thần chú và Morgan đã muốn tôi đánh cắp nó như thế nào và hăn đã hành hạ linh hồn của bố tôi ra sao. Rồi tôi kể cho Alice nghe chuyện thầy trò tôi bị trộm đột nhập và hiện giờ chúng tôi đang truy tìm Morgan.

Chí ít thì Alice cũng không được hài lòng cho lắm khi nghe thấy những gì tôi kể.

“Cậu đã dự tính chuyện chúng ta cùng nhau lên vào nhà lão Gregory mà lại không đề cập đến những gì cậu đã trù tính ư? Không đề cập đến một tạo nào! Cậu định đi lên rằm thượng mà lại không nói với tớ. Thế là không được đâu Tom. Tớ đã mạo hiểm cả mạng sống của mình, và tớ xứng đáng được đối xử tốt hơn thế. Tốt hơn hăn ấy!”

“Xin lỗi nhé Alice. Tớ thật lòng xin lỗi. Nhưng tớ đã chỉ có thể nghĩ đến bố tớ và đến những gì Morgan sẽ gây ra cho ông. Tớ đã không suy nghĩ chín chắn. Tớ biết, lẽ ra tớ đã phải tin tưởng cậu.”

“Giờ có nói thế cũng hơi muộn ấy nhỉ. Nhưng thôi, tớ nghĩ tớ biết tối nay cậu có thể tìm thấy Morgan ở đâu...”

Tôi sững sờ nhìn cô gái.

“Hôm nay là thứ Ba,” Alice nói, “và tối thứ Ba nào hăn cũng làm cùng một việc. Hăn đã làm việc này từ cuối hè rồi. Có một nhà nguyện trên sườn đồi. Nhà nguyện nằm trong nghĩa trang ấy. Người dân quanh đấy cả dăm lặn lội đến đấy và hăn thu tiền của họ. Tớ từng có lần đến nơi ấy cùng hăn. Hăn

khiến cho những người đã khuất phải nói chuyện. Hẳn không phải là cha cố nhưng hẳn lại có cả một giáo đoàn đủ làm cả đồng nhà thờ phải xấu hổ nhé.”

Tôi nhớ lại lần đầu tiên mình gặp Morgan – khi tin tức của bố đến tai tôi và tôi đang trên đường quay về nhà. Hôm ấy cũng là thứ Ba. Tôi đã đi theo đường tắt băng qua nghĩa địa và lúc bấy giờ hẳn đang ở trong nhà nguyện. Hẳn là hẳn đang chờ giáo đoàn của hẳn đến. Hẳn cũng bắt tôi phải mang cuốn thần chú đến cho hẳn vào thứ Ba ngay sau khi mặt trời lặn. Trời ơi tiếc quá. Tại sao tôi lại không biết kết nối các sự kiện với nhau cơ chứ?

“Cậu không tin tớ à?” Alice hỏi.

“Tất nhiên là tin chứ,” tôi đáp. “Tớ biết nhà nguyện đó ở đâu. Trước đây tớ từng đến đấy.”

“Vậy thì sao cậu không đi theo hướng ấy trên đường quay về nhà nhỉ?” Alice gợi ý. “Nếu tớ nói đúng và hẳn đang ở đấy, thì cậu có thể về báo cho lão Gregory. Biết đâu lão ấy quay lại kịp lúc mà tóm hẳn! Nhưng đừng quên nói lại chính tớ là người mách cho cậu biết hẳn ở đâu đấy nhé. Biết đâu lại có thể làm cho lão ấy nghĩ tốt hơn về tớ. Nhưng tớ cũng chẳng trông chờ lắm đâu.”

“Đi với tớ nào,” tôi đề nghị. “Cậu có thể để mắt trông chừng trong khi tớ đi gọi Thầy Trừ Tà. Làm thế thì nếu thầy và tớ không quay lại kịp lúc, ta vẫn sẽ biết được là hẳn nhắm đến hướng nào.”

Alice lắc đầu. “Không đâu Tom. Tại sao tớ phải đi sau những gì đã xảy ra cơ chứ? Tớ không thích không được tin tưởng. Không dễ chịu đâu. Và lại, cậu có việc của cậu còn tớ có việc của tớ. Cửa hiệu hiện thời đông khách lắm. Tớ đã phải làm việc quần quật cả ngày rồi, nên giờ tớ sẽ đến ngồi sưởi ấm bên lò sưởi thôi, chứ không phải là bỏ thời gian ra ngoài này lập cập trong giá lạnh đâu. Cậu cứ đi làm việc cần làm còn hãy để cho lão Gregory xử lý tên Morgan đi. Nhưng hãy để tớ đứng ngoài chuyện này.”

Nói đoạn, Alice quay gót bỏ xuống đồi. Tôi thấy thất vọng và hơi buồn một chút nhưng tôi khó lòng mà trách cô ấy được. Nếu tôi đã giấu không cho Alice biết bí mật của mình, thì có gì cô ấy phải giúp tôi cơ chứ?

Lúc này trời đã gần như tối hẳn và bầu trời bắt đầu lấp lánh ánh sao. Thế là, không phí thời gian thêm nữa, tôi chọn đi theo con đường dẫn tôi thẳng lên đồng hoang rồi đi vòng ra sau bức tường đá chông, đến nơi đám bụi cây mà tôi đã leo qua vào tối thứ Ba hôm ấy, khi tôi đang trên đường về nhà. Tôi tựa người vào bức tường thâm thấp mà nhìn về phía nhà nguyện. Có ánh nến chập chờn trên những cửa sổ kính màu. Rồi tôi để ý thấy thứ gì đó đằng sau bãi tha ma. Những đốm sáng rải rác đang di chuyển lên sườn đồi về phía tôi.

Là những ngọn đèn lồng! Các thành viên trong giáo đoàn của Morgan đang tiến đến. Dù tôi không được chắc chắn, hẳn là Morgan đang ở trong kia, chờ những người này đến.

Vậy nên tôi quay đi bước xuyên qua rừng cây, tiến ngược về phía nhà của Thầy Trừ Tà. Tôi cần phải tìm thầy mình, đưa thầy quay lại đây kịp lúc để tóm lấy Morgan. Nhưng tôi đi chưa được mười bước thì có kẻ nào đó từ trong bóng tối trước mặt tôi đã bước ra. Một hình thù trong chiếc áo choàng đen. Tôi khựng lại khi hắn sải bước về phía tôi. Là Morgan.

“Mi đã làm ta thất vọng đấy Tom,” hắn lên tiếng, giọng hắn lạnh lùng tàn nhẫn. “Ta đã yêu cầu mi mang đến cho ta một thứ. Mi làm ta thất vọng để ta phải tự mình đến lấy. Yêu cầu thế đâu có nhiều nhận gì đâu nhỉ? Nhiều nhận gì đâu khi có quá nhiều thứ đang bị đe dọa chứ.”

Tôi không đáp lời và hắn tiến tới gần hơn một bước. Tôi quay mình bỏ chạy, nhưng trước khi tôi kịp nhấc bước, hắn đã chộp lấy vai tôi. Tôi vật lộn một hồi và cố gượng thanh trượng của mình lên để tấn công hắn thì bất thành linh cảm nhận được một cú đâm trời giáng vào ngay mang tai phải. Vạn vật bỗng tối sầm và tôi thấy mình đang rơi xuống.

Khi mở mắt ra, tôi thấy mình đang ở trong nhà nguyện. Đầu tôi đau điếng và tôi cảm thấy như thể mình sắp nôn thốc ra. Tôi đang ngồi trên hàng ghế sau cùng, lưng tựa vào bức vách đá lạnh ngắt, quay mặt vào phía buồng xưng tội. Hai bên buồng xưng tội là hai cây nến to tướng.

Morgan đang đứng trước buồng xưng tội ấy, đối diện tôi. “Này Tom, trước hết ta có việc phải làm đã. Nhưng sau đấy chúng ta sẽ nói đến chuyện

này.”

“Tôi cần phải quay về,” tôi thốt lên, nhưng khó nhọc phát ra từng từ. “Nếu tôi không về, thầy Gregory sẽ thắc mắc là tôi đang ở đâu đấy.”

“Cứ để cho lão ta thắc mắc. Lão ấy nghĩ gì thì có quan trọng gì đâu cơ chứ? Mi sẽ không bao giờ quay về nữa... Giờ đây mi là chân học việc cho ta và tối nay ta có việc cho mi làm đây.”

Nở nụ cười khải hoàn, Morgan bước vào trong buồng xưng tội, theo lối cửa bên trái dành cho cha cố. Tôi không thể nhìn thấy hắc đầu nữa. Hai cây nến tỏa ánh sáng ra bên ngoài về phía nhà nguyện nhưng hai lối cửa vào chỉ tuyền là hai khối chữ nhật tối om.

Tôi cố đứng lên bỏ chạy nhưng lại thấy mình đuối sức quá đỗi và hai chân tôi vẫn chưa cử động được bình thường. Đầu tôi rần rật đau nhức còn tầm nhìn của tôi nhòe nhoẹt hắc đi sau cú đâm vào đầu ấy, nên tôi chỉ có thể ngồi tại đấy, cố sức định thần lại và hy vọng là mình sẽ không ói mửa.

Chập sau người đầu tiên trong giáo đoàn của Morgan đến nơi. Hai người phụ nữ bước vào, và khi từng người bước qua ngưỡng cửa, tôi lại nghe thấy tiếng kim loại lanh canh va vào kim loại. Trước đây tôi không để ý thấy, nhưng bên phía trái cửa ra vào có một đĩa lặt quyen bằng đồng, và mỗi người đều thả một đồng tiền vào đĩa ấy trước khi đi đến chỗ ngồi. Thế rồi, chẳng hề liếc đến phía tôi, đầu thì cúi gằm, bọn họ ngồi xuống một trong những hàng ghế phía trước.

Các băng ghế bắt đầu đầy người nhưng tôi để ý thấy rằng bất cứ ai đi vào trong nhà nguyện đều để đèn lồng của họ lại bên ngoài. Giáo đoàn này chủ yếu là phụ nữ – một số ít các ông hiện diện tại đây đều khá là lớn tuổi rồi. Không ai nói năng gì. Chúng tôi chờ đợi trong im lặng, ngoại trừ âm thanh lanh canh loảng xoảng của mấy đồng bạc rơi vào đĩa lặt quyen. Cuối cùng, khi hầu như các chỗ ngồi đều đã kín người, dường như cánh cửa tự đóng lại. Hoặc là thế, hoặc là có ai đó bên ngoài đẩy cửa vào.

Giờ thì ánh sáng duy nhất là từ hai cây nến ở hai bên buồng xưng tội tỏa ra. Đôi ba tiếng ho húng hắng cất lên, ai đó trên băng ghế trước hắng giọng

rồi tất cả nín lặng ngóng chờ đến nỗi bạn có thể nghe thấy được cả một tiếng động khẽ khàng nhất. Giống y như lúc ở trong căn phòng tối om tại nông trại Cảnh Bờ Hoang. Tôi cảm giác như tai mình sắp sửa lòi ra ngoài. Đột nhiên tôi rùng mình ớn lạnh. Một luồng hơi lạnh từ buồng xưng tội lần đến tôi. Morgan đang huy động toàn bộ quyền năng mà hắn có được từ việc thử đánh thức Golgoth.

Thốt nhiên giọng nói của Morgan lớn tiếng vang vọng vào bầu không khí tĩnh lặng. “Hỡi em gái của ta! Hỡi em gái, mi có đấy không?”

Đáp lại lời ấy là ba tiếng gõ lớn lên sàn nhà nguyện, lớn đến nỗi toàn bộ căn nhà dường như chao đảo, rồi theo sau đấy là tiếng thở dài sườn sượt rùng cả mình vọng ra từ bóng tối của lối vào xưng tội.

“*Đến ta yên! Đến ta nghỉ!*” một giọng nữ ai oán than van cất lên. Nghe chỉ như là một tiếng thì thầm, nhưng lại chất chứa đau thương, giọng nói người con gái ấy xuất phát từ lối vào xưng tội tối ám. Em gái của Morgan là một hồn ma lưu vẩn và đang bị hắn khống chế. Cô ấy không muốn có mặt tại nơi này.

Morgan đang khiến cho cô gái này phải đau khổ, nhưng cả giáo đoàn lại không hề hay biết, và tôi cảm nhận được sự háo hức, sự ngóng chờ lẫn căng thẳng bồn chồn từ những người xung quanh tôi khi họ chờ đợi Morgan triệu gọi những thân bằng quyến thuộc mà họ đã mất.

“Hãy tuân lời ta đi. Rồi mi sẽ được yên nghỉ!” giọng nói Morgan vang dội.

Như thế để đáp lại những lời ấy, một bóng hình trắng toát từ trong bóng tối lướt ra choáng hết lối vào buồng xưng tội. Mặc dù Eveline đã trầm mình khi khoảng mười sáu tuổi, linh hồn của cô ấy trông không lớn tuổi hơn Alice là mấy. Mặt mũi, hai chân và hai tay để trần của cô gái cũng trắng bệch như màu chiếc váy cô đang bận. Váy áo dính bết vào người Eveline vì sương nước và mái tóc của cô ướt đầm rũ rượi. Hình ảnh này khiến đám đông giáo đoàn há hốc lên kinh ngạc, nhưng thứ khiến tôi chú ý đến lại là hai mắt cô. Đôi

mắt thật to thật sáng và sâu muện vô cùng. Tôi chưa từng nhìn thấy một khuôn mặt nào lại chất ngất đau thương như khuôn mặt của Eveline cả.

“Ta đây. Mi muốn gì chứ?”

“Quanh mi còn có kẻ khác không? Những kẻ muốn nói chuyện với ai đó trong buổi tề tựu này ấy?”

“Cũng có vài người. Ngay sát đây là một linh hồn trẻ con tên là Maureen. Con bé muốn nói chuyện với Matilda, người mẹ thân thương của bé...”

Nghe thấy thế người phụ nữ ngồi trên hàng ghế trước đứng phắt lên chìa hai tay ra khẩn khoản. Có vẻ như bà ta đang cố thốt nên lời nhưng toàn thân bà đang run rẩy bần thần nên chỉ có một tiếng rên thoát ra khỏi môi bà. Hình thù của Eveline chìm vào trong bóng tối để cho thứ gì đó khác tiến ra.

“Mẹ? Mẹ ơi?” từ trong buồng xưng tội vọng ra một giọng nữ khác. Lần này là giọng nói của một đứa bé còn rất nhỏ. *“Mẹ ơi, mẹ đến với con đi. Đi mà mẹ! Con nhớ mẹ quá...”*

Nghe vậy, người phụ nữ rời khỏi chỗ ngồi và bắt đầu lảo đảo tiến về phía buồng xưng tội, hai tay vẫn chìa ra phía trước. Cả giáo đoàn bỗng nín thở há hốc, và tôi nhìn thấy ngay ra tại sao. Một hình dáng nhợt nhạt mờ ảo hiện ra trong bóng tối ngay lối vào bên phải. Trông như là một bé gái, không quá bốn năm tuổi, có mái tóc dài xõa xuống hai vai.

“Cầm lấy tay con đi mẹ! Mẹ ơi hãy nắm lấy tay con!” đứa bé khóc thét lên khi một bàn tay nhỏ nhắn trắng bệch chìa ra từ bóng tối trên lối vào. Bàn tay ấy vươn đến chỗ người phụ nữ, khi bà ta lúc này đã sụm gối xuống sàn và siết chặt lấy bàn tay kia, nôn nóng chỉ muốn kéo bàn tay ấy đặt lên môi mình.

“Ôi, bàn tay nhỏ bé của con sao lạnh quá, cóng quá!” người phụ nữ nấc lên và bắt đầu khóc ngất, tiếng khóc lóc than van đau thương tràn ngập cả căn nhà nguyện. Điều này kéo dài đến bao nhiêu phút, cho đến khi cuối cùng bàn tay cũng rút về phía lối cửa và người mẹ loạng choạng quay trở lại chỗ ngồi.

Sau đấy là thêm nhiều chuyện tương tự. Có lúc là người lớn, khi là trẻ con hiện hình ra từ bóng tối trên lối cửa vào buồng xưng tội. Có loáng thoáng những dáng hình tăm tối, những gương mặt bệch bạc, và thi thoảng lắm, là một bàn tay vươn dài đến ánh nến. Và hầu như lúc nào cũng có những phản ứng thật mãnh liệt từ những người thân hay bạn bè kết nối được liên lạc.

Được một chốc thì tôi bắt đầu thấy phát ốm khi nhìn thấy khung cảnh ấy, tôi chỉ mong sao cho nó kết thúc đi. Morgan là một kẻ thông minh, nguy hiểm, sử dụng quyền năng của Golgoth để trói buộc các linh hồn này vào ý nguyện của hắn. Trong khi lắng nghe lấy sự thống khổ của những người sống lẫn nỗi dằn vặt của những kẻ đã khuất, tôi hồi tưởng trong đầu mình âm thanh lạnh canh loảng xoảng của mấy đồng bạc rơi vào đĩa lạc quyền.

Cuối cùng thì trò ấy cũng chấm dứt. Giáo đoàn túa ra khỏi nhà nguyện và cánh cửa sập đóng lại sau lưng họ, trông như thể nó vừa được một bàn tay vô hình đẩy tới.

Morgan không bước ngay ra khỏi buồng xưng tội nhưng dần dà cái lạnh bắt đầu nguôi dần. Khi đến lượt hắn bước ra tiến về phía tôi, thì trên hàng chân mày của hắn lại lăm lăm mồ hôi.

“Lão bố già của ta như thế nào rồi từ sau vụ chơi khăm mà ta đã dựng lên ấy?” Morgan cười mỉa và hỏi. “Lão già gàn ấy có thích cuộc cuộc bộ đến nông trại Platt ấy không?”

“Thầy Gregory không phải là bố của ông,” tôi lẳng lặng đáp, rồi run rẩy gượng đứng lên. “Tên bố đẻ của ông là Edwin Furner, người thợ thuộc da trong vùng. Ai nấy đều biết sự thật cả rồi, chỉ có ông là không thể đối mặt được với nó mà thôi. Ông cứ dối hoài dối mãi. Ta hãy đi xuống Adlington mà hỏi thăm vài người xem nào. Hãy hỏi em gái của mẹ ông ấy – bà ấy vẫn còn sống dưới đây đó thôi. Nếu như tất cả mọi người đều trả lời như ông kể thì may ra tôi mới bắt đầu tin ông. Nhưng tôi không nghĩ người ta sẽ trả lời như thế đâu. Bản thân ông cũng là một người cha đầy thôi – cha đẻ của các loại dối trá ấy! Và lâu nay ông đã nói dối quá nhiều rồi nên giờ đây ông đang dần dần tin vào những lời ấy!”

Phùng lên phần nộ, Morgan tung một quả đấm về phía tôi. Tôi cố né đi nhưng vì vẫn còn lơ mơ nên phản xạ của tôi thật quá chậm. Nắm đấm của hắn lại thoi thẳng vào mang tai tôi, vào gần như ngay tại chỗ khi này. Tôi ngã xuống, đập phía sau đầu mình đánh cổ xuống sàn đá.

Lần này thì tôi không hẳn là bất tỉnh đi, nhưng tôi bị lòi đứng dậy và gương mặt của Morgan dí thật sát mặt tôi. Tôi có thể nếm thấy vị máu trên miệng mình và một bên mắt của tôi dường như nhắm tít lại, sưng húp cả lên đến nỗi tôi không thể nhìn thấy gì bằng bên mắt này. Nhưng cái vẻ trên mặt Morgan thì sờ sờ ra đấy và tôi không thích thứ mà mình trông thấy lắm. Miệng hắn méo xệch, hai mắt sáng quắc hoang dại. Vẻ mặt ấy trông giống mặt một loài thú hung tợn hơn là mặt của con người.

GÒ Ụ TRÒN

“Mi đã từng có cơ hội nhưng giờ thì hết rồi! Mà giờ ta lại có mục đích sử dụng khác cho mi đây. Một mục đích mà mi sẽ không thích đâu! Đây, cầm lấy mấy thứ này!” Morgan vừa găm gừ vừa quăng thứ gì đấy về phía tôi.

Là một cái xẻng. Tôi vừa kịp bắt lấy xẻng thì hăn đã đưa cho tôi một bao tải tổ bố, nặng đến mức hăn phải phụ chất bao tải lên vai tôi. Đoạn hăn đẩy tôi ra cửa nhà nguyện bước ra ngoài trời giá lạnh. Tôi đứng đấy run lập cập, chật vật dưới sức nặng của bao tải, lại cảm thấy quá mệt quá yếu nên không thể bỏ chạy được. Mà nếu tôi có bỏ chạy, chắc chắn vài giây sau Morgan sẽ bắt tôi lại ngay rồi sau đấy sẽ thêm nhiều vố đánh đấm nữa. Gió đang bắt đầu từ hướng đông bắc bạt đến, mang theo nào là những mây che khuất cả trời sao. Trông có vẻ như trời lại sắp đổ tuyết.

Morgan lại đẩy tới để bắt tôi bước đi, rồi hăn theo sau, tay cầm theo đèn lồng. Loáng sau chúng tôi đã leo lên đồng hoang phủ tuyết âm đạm, bỏ lại những rặng cây rải rác cuối cùng sau lưng. Tôi chẳng còn lựa chọn nào ngoài việc phải tiếp tục vật vã leo tới trước. Nếu tôi di chuyển không đủ nhanh thì sẽ phải nhận lấy một cú thúc vào lưng. Có lần tôi trượt chân té sấp mặt xuống đất, tuột tay đánh rơi bao tải. Vì việc này mà hăn thoi một cú vào mạn sườn tôi, cú đâm đau điếng khiến tôi phát khiếp không dám té thêm lần nữa.

Tôi được ra lệnh phải nhặt bao tải đồ lên và tiếp tục bước tới, băng qua đồng tuyết cho đến khi tôi mất hết ý niệm thời gian. Nhưng rốt cuộc, đến được đỉnh đồng hoang cao ngất, thì Morgan kéo tôi đứng lại. Cách đấy không xa là một quả đồi nhỏ quá nhẵn quá tròn không thể nào là tự nhiên được, quả đồi phủ đầy những tuyết lấp lánh sắc trắng dưới ánh sao còn sót lại. Đây là Gò Ụ Tròn, là cái gò mà Thầy Trừ Tà đã chỉ cho tôi thấy trên

đường chúng tôi đi đối phó với ông kẹ tại hẻm núi Owshaw. Ụ đất nơi mà Morgan đã đào thấy cuốn thần chú.

Morgan khoát tay về hướng đông và đẩy tôi đi lên trước hẳn. Cách đây chừng hai trăm bước là một tảng đá nhỏ hơn. Khi đến được phiến đá này, hẳn nhanh chóng đo mười bước cách phiến đá về phía nam, trong khi tôi phân vân không rõ mình có được cơ may nào để dùng xẻng đánh hẳn và bỏ chạy không nữa. Nhưng tôi vẫn còn yếu sức quá, trong khi hẳn lại to lớn và khỏe mạnh hơn tôi nhiều.

“Đào tại đây này!” hẳn ra lệnh, chỉ tay xuống đồng tuyết.

Tôi làm theo, chẳng mấy chốc đã đào qua lớp tuyết phủ bề mặt và dẫn xuống lớp đất đen. Mặt đất bên dưới lớp tuyết đã đông cứng lại nên đào rất khó. Tôi không rõ có phải hẳn đang bắt tôi tự đào mồ cho mình chẳng, nhưng tôi đào xuống chưa tới ba tấc thì xẻng tôi bỗng va phải đá.

“Bọn ngu xuẩn đã đào xuống gò mả kia hết lần này qua lần khác,” Morgan vừa nói vừa chỉ tay ngược về Gò Ụ Tròn. “Nhưng bọn chúng chẳng bao giờ tìm được thứ ta đã tìm ra. Phía sâu dưới ấy là một cái hốc nhưng lối vào lại cách xa nơi ấy hơn là mi tưởng đấy. Lần cuối cùng ta xuống dưới ấy là vào cái đêm sau khi mẹ ta qua đời, và kể từ khi đấy ta đã cố mọi cách để lấy lại cuốn sách của mình. Giờ thì dọn sạch mặt đá đi – chúng ta còn có nhiều việc phía trước lắm!”

Tôi thất kinh vì giờ thì tôi nghi là Morgan đã định đánh thức Golgoth dậy ngay trong đêm này. Nhưng tôi vẫn làm theo lệnh hẳn, và khi làm xong, hẳn tịch thu xẻng khỏi tay tôi, dùng xẻng như chiếc đòn bẩy, vất vả một hồi để bẩy phiến đá bật khỏi gốc lẫn sang một bên. Hẳn phải mất một hồi lâu, cho đến khi hẳn bẩy được phiến đá thì tuyết đã bắt đầu rơi, gió đã rên rĩ thổi qua đồng hoang và mỗi lúc một thêm phần phật. Một cơn bão tuyết khác đang trên đường tới đây rồi.

Morgan giơ cao ngọn đèn trên miệng hố, và trong ánh sáng ấy tôi có thể nhìn thấy những bậc thang dẫn xuống phía dưới tối đen. “Được rồi, mi xuống trước đi!” hẳn bảo, giơ nắm đấm ra đe dọa.

Tôi ngần ngại nhưng rồi cũng làm theo, Morgan giơ cao đèn trong khi tôi thận trọng bước xuống, gánh nặng từ bao tải càng khiến tôi vất vả để giữ thăng bằng hơn. Tổng cộng có mười bậc thang cả thảy. Dưới chân cầu thang, tôi thấy mình đứng trong lối hành lang nhỏ hẹp. Trên đầu cầu thang kia, Morgan đã bỏ đèn xuống và lại đang vật lộn với phiến đá. Thoạt tiên tôi nghĩ hẳn phải khó khăn cho hẳn lắm, nhưng dần dà phiến đá rơi đánh thịch trở về vị trí cũ, nhốt chúng tôi lại như một bia đá niêm kín năm mồ người chết. Hẳn cầm theo đèn và xéng bước xuống và bảo tôi dẫn đường, nên tôi phải nghe theo.

Morgan giơ cao ngọn đèn sau lưng tôi và ánh đèn đổ bóng tôi chạy dài phía trước đường hầm, cả đường hầm thẳng tắp. Sàn, vách và trần hầm đều được làm từ đất và thi thoảng những cây gỗ được dùng để chống trần. Có đoạn đường hầm quả thật đã sập xuống, gần như là chặn hết lối của chúng tôi, tôi phải bỏ bao tải xuống lách mình đi qua rồi kéo lê bao tải qua khoảng trống chật hẹp sau lưng. Việc này khiến tôi lo lắng về tình trạng đường hầm. Nếu như có một trận sập trần nghiêm trọng, hai chúng tôi sẽ bị chôn sống hoặc là mắc kẹt dưới lòng đất vĩnh viễn. Tôi có cảm giác rất chính xác về lượng đất đồ sộ đang lơ lửng bên trên đầu chúng tôi lắm.

Cuối cùng thì lối hành lang cũng mở ra một hốc hình ô van rộng rãi. Hốc này to oạch, cỡ như kích thước dư dả của một nhà thờ khang trang, và vách lẫn trần hốc được xây bằng đá. Nhưng sàn hốc mới là thứ ấn tượng hơn cả. Thoạt nhìn qua tôi cứ tưởng sàn hốc được lát gạch, nhưng rồi tôi nhận ra là sàn hốc được khảm đá màu cầu kỳ, mô tả mọi dáng vẻ của những loại quái thú hung tợn bằng cách sắp đặt cẩn thận hàng ngàn hàng vạn lớp đá nhỏ có màu sắc. Vài sinh vật là những loài trong truyền thuyết mà tôi đã đọc thấy trong cuốn *Ngụ ngôn về thú vật* của Thầy Trừ Tà, những sinh vật khác tôi chỉ có thể nhắc thấy trong mấy cơn ác mộng mà thôi: những loại lai tạp kỳ dị như là con nhân ngư, nửa là bò tót, nửa là người; những con trùng khổng lồ mang thân mình ngoằn ngoèo và hàm răng háu đói; rồi một con tử xà, là con rắn có nhiều chân, đầu có mào cùng đôi mắt trừng trừng chết chóc. Mỗi

một loài sinh vật này cũng đủ để tranh lấy sự chú ý của tôi rồi, nhưng lại có một thứ khác ngay lập tức khiến tôi trân trối...

Vì ở ngay kia, ngay chính giữa sàn hốc, được xây nên từ các viên đá đen, là ba vòng tròn đồng tâm và trong đấy là một ngôi sao năm đỉnh. Tôi lập tức biết ngay đấy là gì và nỗi sợ hãi ghê gớm nhất của tôi đã được xác nhận.

Đây là một vòng ma thuật, một công cụ được pháp sư đứng trong đấy để gieo lời nguyện hay triệu gọi ma quỷ từ thế giới bóng đêm. Nhưng vòng ma thuật này đã được dựng nên bởi những người đầu tiên đặt chân đến Anglezarke để triệu gọi Golgoth, là vị thần quyền năng nhất trong số các vị Cổ Thần. Và giờ đây Morgan sẽ sử dụng đến nó.

Dường như là Morgan biết chính xác hẳn định làm gì và ngay sau đấy hẳn bắt tôi làm lụng, ra lệnh cho tôi phải lau chùi sàn hốc cho đến khi nó sáng bóng lên, nhất là khu vực trung tâm phần khảm đá màu biểu trưng cho vòng ma thuật.

“Phải không được có một vệt bẩn nào, bằng không mọi chuyện sẽ hỏng bét!” hẳn bảo.

Tôi chẳng buồn hỏi lại hẳn nói thế nghĩa là sao vì tôi đã hiểu ra từ trước rồi. Hẳn định tiến hành thứ quỷ thức chết người nhất trong cuốn bùa chú. Hẳn sắp sửa triệu gọi Golgoth trong khi chúng tôi đứng trong vòng bảo vệ ngay trung tâm của vòng ma thuật. Sự sạch sẽ là tối quan trọng vì chất bẩn có thể được dùng để vượt qua vòng phòng thủ của biểu tượng ấy.

Ở phía đầu kia của hốc có khá nhiều chum vại, một trong số đấy chứa đầy muối. Trong bao tải mà tôi đang vác đấy, giữa các món đồ khác, bao gồm cả cuốn bùa chú, là một lọ tương nước và vài mảnh giẻ. Tôi dùng một tấm vải ướt, kỳ cọ lớp đá khảm với muối, rồi rửa sạch lại với nước cho đến khi Morgan hài lòng mới thôi.

Có lẽ tôi làm việc này có dễ cả hàng giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt liếc quanh, cố tìm xem thử trong hốc này có thứ gì khả dĩ hữu dụng giúp tôi trấn áp Morgan rồi đào thoát chẳng. Hẳn là hẳn đã bỏ chiếc xẻng lại trong lối hành lang vì chẳng thấy nó đâu trong hốc này; mà cũng chẳng có

thứ gì khác tôi có thể dùng làm vũ khí được. Tôi có nhìn thấy một vòng sắt lớn gắn vào trong vách gần sát sàn và tôi thắc mắc không biết nó dùng cho việc gì. Trông nó giống như thứ để buộc một con thú vào vậy.

Khi tôi chà rửa xong sàn hốc, thật hãi hùng làm sao, Morgan đột nhiên tóm lấy tôi, lôi tôi xềnh xệch đến vách, trói chặt hai tay tôi quặt ra sau lưng rồi thắt đầu dây còn lại vào vòng sắt. Đoạn hẩn hăm hờ sửa soạn. Tôi phát ốm ói, vì tôi chợt hiểu được chuyện gì sẽ xảy ra. Morgan sẽ ra tay từ chính giữa vòng ma thuật, được che chắn khỏi mọi sự sẽ diễn tiến trong hốc, trong khi tôi lại bị cột vào chiếc vòng sắt trên tường mà không có chút phòng hộ nào. Có phải tôi sẽ là một thứ vật tế nào không ấy nhỉ? Có phải vòng sắt này ngay từ đầu đã được làm nên cho mục đích ấy? Rồi tôi nhớ đến những gì Thầy Trừ Tà đã nói về con chó trong nông trại. Khi Morgan thử tiến hành quỷ thức trong phòng hẩn, con chó đã chết vì quá sợ.

Hẩn lôi từ trong bao ra năm cây nến đen ú ụ và đặt mỗi cây nến lên ngay chính từng đỉnh của ngôi sao ma thuật. Đoạn hẩn mở cuốn bùa chú ra, niệm lên một đoạn chú ngăn từ trong sách. Xong xuôi, hẩn khoanh chân ngồi xuống ngay chính giữa vòng ma thuật, và tay vẫn giữ sách mở, hẩn nhìn thẳng về phía tôi.

“Mi có biết hôm nay là thứ mấy không?” hẩn tra hỏi.

“Thứ Ba,” tôi đáp.

“Ngày tháng mấy?”

Tôi không đáp và hẩn trả lời thay tôi.

“Là ngày hai mươi mốt tháng Mười hai. Ngày Đông chí. Ngày ngay giữa mùa đông trước khi ban ngày dần dà kéo dài trở lại. Nên đêm nay sẽ là một đêm dài. Là đêm dài nhất trong năm. Và khi đêm này qua đi, chỉ có một trong hai chúng ta sẽ rời khỏi được hốc này,” Morgan bảo. “Ý định của ta là đánh thức Golgoth, vị thần quyền năng nhất trong các vị Cổ Thần. Và ta sẽ làm việc này tại đây, ngay ở nơi việc ấy đã được tiến hành bởi các vị tiên tổ. Gò mả này được xây tại điểm tập trung quyền lực vĩ đại, nơi mà mọi hóc

xoáy đổ về. Có đến năm giao lộ, chứ chẳng phải ít hơn đâu nhé, tại ngay chính giữa vòng ma thuật ta đang ngồi đây.”

“Chẳng phải đánh thức Golgoth dậy sẽ là nguy hiểm lắm sao?” tôi hỏi. “Mùa đông sẽ kéo dài hàng bao năm trời.”

“Kéo dài thế thì sao chứ?” Morgan vặn lại. “Mùa đông là mùa của ta mà.”

“Nhưng mùa màng sẽ không mọc nổi. Người ta sẽ đói mất!”

“Thế thì đã sao? Lũ yếu kém bao giờ cũng chết cả,” Morgan đáp. “Những kẻ mạnh sẽ thừa hưởng trái đất này. Nghi lễ triệu hồi sẽ không để cho Golgoth có được lựa chọn nào khác ngoài phải vâng lời. Và ông ta sẽ bị giam hãm ngay đây, trong hốc này, cho đến khi được ta phóng thích. Sẽ bị giam hãm mãi trong này đến khi nào ông ta trao cho ta điều ta muốn mới thôi.”

“Mà ông muốn gì?” tôi lại hỏi. “Điều gì lại có thể đáng giá đến nỗi phải làm tổn thương quá nhiều người như thế?”

“Ta muốn có quyền lực! Còn thứ nào khác khiến cho cuộc đời này đáng giá hơn cơ chứ? Quyền lực mà Golgoth phải trao cho ta. Khả năng làm máu đang chảy trong huyết quản người ta phải đông lại. Khả năng giết hại chỉ bằng một ánh nhìn. Tất cả mọi người sẽ phải khiếp sợ ta. Và trong một mùa đông lạnh băng đẳng đẳng như thế, khi ta ra tay sát hại, sẽ có ai biết được là ta vừa cướp đi một sinh mạng đâu nào? Và ai có thể chứng minh được điều ấy? John Gregory sẽ là kẻ thứ hai phải mất mạng, nhưng không phải là kẻ cuối cùng. Và mi sẽ toi đời trước lão.” Morgan cười nhẹ. “Mi là một phần trong môi nhử. Một phần trong những gì dụ dỗ lôi kéo Golgoth đến đây. Lần trước ta phải chấp nhận ra tay với một con chó, nhưng bằng một con người sẽ tốt hơn nhiều. Golgoth sẽ lấy đi sức sống nhỏ nhoi từ mi mà thêm vào cho mình. Lấy cả linh hồn của mi nữa. Cả linh hồn lẫn thể xác mi sẽ tắt ngúm đi trong nháy mắt.”

“Ông có chắc là vòng ma thuật kia sẽ che chở cho ông không?” tôi hỏi, lòng cố không nghĩ đến những gì hắn vừa nói, tôi định thử đặt chút nghi ngờ vào trong đầu óc hắn. “Các quý thức phải được tiến hành chính xác từng li

từng tí. Nếu ông bỏ sót đoạn nào hoặc phát âm sai dù chỉ một từ thôi, thì cả hai chúng ta chẳng ai có thể rời khỏi hốc này hết. Chúng ta sẽ bị hủy diệt.”

“Ai bảo với người thế? Lại là lão già gàn Gregory rồi!” Morgan mai mỉa. “Lão ta sẽ bảo như thế. Và người biết vì sao không? Đây là vì lão ta không có gan thử làm những gì thật sự tham vọng. Lão ta chỉ thích hợp với chuyện bắt đám thử việc ngây ngô đào mấy cái cái hố vô dụng rồi cho lấp đầy hố lại! Bao nhiêu năm nay lão đã cố không để ta làm việc này. Lão thậm chí còn bắt ta phải thề với mẹ ta rằng ta sẽ không bao giờ thử tiến hành quỹ thức ấy lại. Tình yêu ta dành cho mẹ đã trói chặt ta vào lời hứa ấy, cho đến khi rốt cuộc cái chết của bà ấy đã giải phóng cho ta, giúp ta có khả năng giành lấy thứ thuộc về mình! Lão Gregory là kẻ thù của ta.”

“Tại sao ông lại ghét thầy ấy đến vậy?” tôi gắng hỏi. “Thầy đã từng làm gì tổn thương đến ông chứ? Tất tần tật những chuyện thầy làm đều là vì lợi ích tốt đẹp nhất thôi mà. Thầy là người tốt bụng hơn ông nhiều mà lại còn quá sức hào phóng. Thầy đã giúp đỡ cho mẹ ông khi bố đẻ của ông bỏ đi. Thầy nhận ông vào học việc, và khi ông quay sang thế lực bóng tối, thầy đã tha cho ông khỏi những gì mà ông đáng phải nhận. Một ngụm phù thủy độc cũng còn không xấu xa hơn ông đâu, vậy mà ngụ ta phải bị chôn sống xuống hố đấy!”

“Lão ta đã có thể làm thế, đúng thật,” Morgan nói, giọng hằn trâm lạnh và nguy hiểm. “Nhưng giờ đã quá muộn rồi. Mi nói đúng. Ta căm ghét lão. Ta được sinh ra với tâm hồn nhuốm chút hắc ám. Chút xíu ấy lớn mạnh từng ngày cho đến khi biến thành ta như những gì mà người trông thấy trước mặt người lúc này đây. Lão Gregory là một bầy tôi của thế giới ánh sáng, trong khi hiện tại ta lại hoàn toàn thuộc về thế giới bóng tối rồi. Bởi vì thế, lão ấy là kẻ thù mặc nhiên của ta. Bóng tối căm ghét ánh sáng. Muôn đời là vậy!”

“Không!” tôi gào lên. “Chuyện không cần phải cứ là như thế. Ông có quyền lựa chọn. Ông có thể thành người mà ông muốn. Ông yêu mẹ mình. Ông có khả năng yêu thương mà. Ông không cần phải thuộc về thế giới bóng tối, ông không thấy sao? Thay đổi không khi nào là quá muộn cả!”

“Để dành hơi sức và im lặng đi nào!” Morgan bực bội gất lên. “Chúng ta đã nói chuyện quá nhiều rồi. Đã đến lúc bắt đầu nghỉ lễ...”

Im lặng như tờ một hồi và tất cả những gì tôi có thể nghe thấy là nhịp đập của chính tim mình. Cuối cùng Morgan cũng bắt đầu lầm rầm tụng lên từ cuốn thần chú, giọng hân ngâm nga lên xuống như kiểu ca hát nhịp nhàng, làm tôi liên tưởng rất nhiều đến các cha xứ đôi khi cũng đọc kinh như thế trước giáo đoàn. Đa phần lời chú là tiếng La Tinh nhưng cũng có vài chữ ít nhất là thuộc một thứ tiếng mà tôi không nhận biết được. Quý thức kéo dài mãi miết; dường như chẳng có gì xảy ra. Tôi bắt đầu hy vọng là quý thức ấy sẽ không có tác dụng hay là hân sẽ mắc lỗi và Golgoth sẽ không xuất hiện. Nhưng không lâu sau đấy tôi cảm nhận được có điều gì đấy đang thay đổi.

Không khí trong hốc se lạnh hơn chút đỉnh. Sự thay đổi diễn ra chậm chạp từ từ, như thể có thứ gì đó thật to lớn đang tiến đến mỗi lúc một gần hơn nhưng vẫn còn phải băng qua một khoảng cách bao la. Đây là cái lạnh đặc biệt tôi từng nhận thấy quanh Morgan trước đây. Là quyền năng hân lấy được từ Golgoth.

Tôi bắt đầu băn khoăn không rõ cơ may mà mình được giải cứu là chừng nào. Cũng chẳng phải mất lắm thời gian để tôi hiểu ra là cơ may ấy rất mỏng manh. Không ai biết đến lối vào đường hầm. Mặc dù tôi đã đào xuống đất và tìm ra phiến đá, thời tiết này giờ đã trở xấu hơn và bão tuyết rồi sẽ sớm che phủ phiến đá ấy lại thôi. Thầy Trừ Tà sẽ nhớ đến tôi đấy, nhưng liệu thầy có quan tâm đến mức đi ra ngoài tìm tôi trong cơn bão tuyết ấy không? Nếu thầy đi xuống cửa hiệu của ông Andrew, có lẽ Alice sẽ nói cho thầy biết tôi đã đi đâu. Nhưng ngay cả nếu như thầy đi đến nhà nguyện, có bao nhiêu cơ may để thầy tìm thấy cây trượng của tôi chứ? Thanh trượng mắc vào đám cây bụi cạnh bờ rào; đến lúc này thì chắc nó đã bị tuyết vùi mất rồi.

Tôi phát hiện mình khẽ động đậy được hai tay. Tôi có thể nới lỏng sợi dây ra đủ rộng cho hai tay được tự do không nhỉ? Tôi bắt đầu cố thử, khép hai tay lại rồi lại dang ra, vặn vẹo hai cổ tay cùng các ngón tay. Ít ra thì Morgan sẽ không phát hiện được tôi đang cố làm gì. Hân ta đang quá bận rộn với việc tụng lên những câu thần chú cho quý thức, hầu như là không ngơi nghỉ,

thậm chí ngay cả khi hấn phải lật sang trang sách khác. Thế rồi, khi tôi nhìn qua hấn, tôi để ý thấy một điều mới lạ. Đường như có thêm những chiếc bóng khác trong hốc. Những chiếc bóng không thể nào lý giải được từ vị trí của năm ngọn nến. Và hầu như mọi cái bóng ấy đều đang chuyển động. Một số trông như làn khói đen, một số khác là đám sương mù trắng hoặc xám, đang uốn éo bốc quanh mép ngoài của vòng ma thuật, như thể chúng đang cố vượt vào trong.

Mấy cái bóng ấy là gì thế nhỉ? Là những hồn ma lưu vẩn, tình cờ bị mắc vào quyền năng của quỷ thức này và bị mang đến nơi đây ngoài ý muốn chăng? Hay có lẽ đây là linh hồn của những người đã bị chôn trong gò mả này lẫn vùng lân cận. Ngả nào cũng khả dĩ cả, vì quỷ thức này là một hình thức cưỡng buộc cơ mà. Nhưng lỡ họ chú ý đến tôi thì sao? Họ không thể nào chạm đến Morgan được: hấn đang được bảo vệ. Nhưng lỡ họ bỗng ý thức được sự có mặt của tôi thì thế nào?

Ý nghĩ ấy vừa len vào đầu tôi thì tôi bắt đầu nghe thấy những tiếng thì thào khe khẽ quanh mình. Thật khó để nghe ra được nghĩa của những âm thanh đang được thốt ra đấy, nhưng có một từ đặc biệt được nhấn mạnh. Tôi nghe ra từ “máu” hai lần và cả từ “xương”, và rồi, nghe rõ mồn một, là tên của chính tôi, “Ward”.

Tôi bắt đầu run rẩy loạn xạ. Tôi sợ lắm nhưng cố gắng hết sức để cưỡng lại. Thầy Trừ Tà đã nói với tôi biết bao nhiêu lần rằng thế lực bóng tối có thể lớn mạnh nhờ sự sợ hãi: bước đầu tiên để chế ngự điều này là phải đối mặt và trấn áp nỗi sợ hãi của chính mình. Vậy nên tôi cố hết sức; hết sức thật sự, nhưng thật khó khăn vì tôi đang đối mặt với thế lực bóng tối trong lúc không được trang bị những kỹ năng đã học. Tôi không đang đứng trên hai chân, tay không nắm chặt thanh trượng gỗ thanh hương trà hay đang vung lên muối và sắt. Tôi là một tù nhân đang bị trói chặt, hoàn toàn bất lực, trong khi Morgan đang tiến hành một quỷ thức có thể là nguy hiểm nhất mà một pháp sư từng thử qua. Và tôi là một phần trong quỷ thức ấy, một tia sống nhỏ nhoi đang được dâng lên cho Golgoth, để dụ ông ta đến nơi này. Và theo lời Morgan, vào lúc Golgoth xuất hiện, ông ta sẽ không chỉ lấy đi mạng sống mà cả tâm

hồn tôi nữa. Trước giờ tôi vẫn luôn tin rằng mình sẽ sống tiếp sau khi chết. Liệu linh hồn có thể bị tước đoạt đi không? Liệu có thứ gì đấy có thể giết chết cả chính linh hồn của bạn?

Nhưng khi những tiếng thì thào dần dà lịm đi, những chiếc bóng tan biến và không khí thậm chí còn trở ấm hơn một chút. Cơn run rẩy của tôi dịu xuống khiến tôi thở hắt ra nhẹ nhõm, nhưng Morgan vẫn tiếp tục ngân nga và lật qua từng trang sách. Tôi bắt đầu nghĩ rằng đã có lúc nào đó hẳn đã phạm lỗi và thất bại; nhưng tôi nhanh chóng được cho thấy là mình đã lầm.

Không bao lâu sau cái lạnh lại quay về, và kèm theo đó là những bóng ma như làn khói, méo mó vặn vẹo uốn éo quanh rìa vòng ma thuật. Và lúc này thì tình hình đã xấu hơn, tôi có thể nhận ra một trong những bóng ma ấy. Đây là hình thù của Eveline, với đôi mắt to ngập tràn đau khổ.

Những tiếng thì thào gia tăng dần, chúng chất chứa hằn học sâu cay đến mức tôi hầu như có thể nhận biết được; bao thứ vô hình xoay vòng quanh đầu tôi, bay sượt qua tôi thật gần khiến tôi cảm nhận được luồng gió trên mặt mình, làm cho tóc trên đầu tôi dựng đứng. Ngay sau đấy mỗi đe dọa trở nên hiện hữu hơn. Những ngón tay mắt thường không trông thấy được tóm lấy tóc tôi hoặc nhéo mặt và cổ tôi, cùng những hơi thở lạnh lẽo hôi thối phả vào trán, vào mồm vào mũi tôi.

Một lần nữa vạn vật trở nên tĩnh lặng. Nhưng cũng không kéo dài được lâu. Một lần nữa cái lạnh dâng lên và những bóng ma tụ lại. Cứ như thế tiếp diễn mãi, phút này sang phút khác, giờ này qua giờ khác xuyên suốt buổi đêm dài nhất trong năm. Nhưng những khoảng thời gian được yên bình tĩnh lặng mỗi lúc một ngắn dần; thời gian phải lo sợ lại kéo dài ra. Những việc đang xảy ra diễn tiến theo một nhịp điệu. Quỷ thức đang tích tụ dần uy lực. Cũng giống như những con sóng từ một đợt triều đang kéo đến xô vào bãi biển dốc đứng lổn nhổn đá. Mỗi con sóng sau lại dữ tợn và mạnh mẽ hơn con sóng trước. Từng con sóng lại dẫn mình sâu hơn lên bãi biển đá cuội. Và cứ mỗi đỉnh điểm của từng đợt triều thì sự náo loạn càng thêm âm ỉ. Bao tiếng nói gào thét vào tai tôi, những quả cầu ánh sáng màu đỏ tía hung ác giờ đang bay vòng vòng quanh vòng ma thuật gần với trần hốc. Và rồi cuối cùng

lại, sau chừng như hàng tiếng đồng hồ Morgan phải ngân nga tụng niệm từ cuốn thần chú, hẳn rồi cuộc cũng đạt được thứ hẳn nhất mực phải có.

Golgoth tuân theo lời triệu gọi.

THẦN GOLGOTH

Trong nhiều phút dài khiếp đảm tôi có thể nghe thấy tiếng Golgoth đang tiến gần. Ngay cả mặt đất cũng bắt đầu rung lắc, nghe như thể có một gã khổng lồ nào đó đang từ dưới lòng đất leo lên phía chúng tôi. Một gã khổng lồ mang các móng vuốt vĩ đại đang xẻ dọc lớp đất đá rắn chắc trong cơn hùng hổ muốn đội đất tiến vào trong hốc.

Nếu là Morgan, hẳn tôi đã thất kinh tán đờm, đơn giản là chết sững vì sợ mất rồi, không còn khả năng thốt thêm được lời nào nữa. Hoặc là tôi ngừng ngay nghi lễ lại bởi tiếp tục nữa thì chỉ có mà điên. Nhưng hẳn không làm thế. Morgan vẫn tiếp tục lầm rầm từ cuốn thần chú. Hẳn đã hiến mình cho thể lực bóng tối, tìm kiếm lấy quyền năng mà hẳn đang khát khao, bằng mọi giá.

Bất chấp những âm thanh âm ào đe dọa từ bên dưới, trong hốc giờ tĩnh không có lấy một chút gió nào nữa, nhưng năm ngọn nến đen bắt đầu chấp chới gần như là tắt hẳn. Tôi thắc mắc không biết mấy ngọn nến ấy quan trọng thế nào cho nghi lễ kia. Có phải chúng là phần trọng yếu trong cung phòng thủ của vòng ma thuật chăng? Cũng dám lắm: nếu mấy ngọn nến ấy mà tắt ngúm đi, Morgan sẽ chẳng được an toàn hơn tôi là mấy. Các ngọn nến lại chấp chới nhưng chẳng thấy Morgan có dấu hiệu sợ hãi nào. Hẳn hoàn toàn đắm mình trong quỷ thức và chỉ tiếp tục ngân nga từ cuốn thần chú, vô thức với mối hiểm nguy.

Mặt đất bắt đầu rung lắc dữ dội hơn, lại có thêm nhiều âm thanh ghê sợ lớn tiếng vọng lên từ sâu bên dưới. Đến lúc này quanh vòng ma thuật đã có nhiều bóng ma tụ lại đến nỗi chúng nhập lại thành một đám sương mù xám trắng vờn vù và hình dáng riêng biệt của từng bóng ma không còn phân biệt được nữa. Một cơn lốc năng lượng đang ép lên rào chắn vô hình viền quanh vòng ma thuật, cơn lốc này đe dọa sẽ xông vào bên trong bất cứ lúc nào.

Thêm một chốc nữa thôi thì cơn lốc ấy sẽ xông vào thật – tôi dám chắc đấy. Nhưng rồi một chuyện xảy đến đã đánh bật các bóng ma ra khỏi hốc về lại nơi mà từ đó chúng đã đến đây. Khi từ trần hốc những viên đá nhỏ bắt đầu đổ xuống, một tiếng rống vang lên, kèm theo là cơn tạp âm ken két, rảng rặc, tôi nhìn sang bên phải, về phía đường hầm đã dẫn chúng tôi vào tới hốc này. Tôi trông thấy một cơn đất lở khi trần hốc sụp xuống, niêm kín chúng tôi vào bên trong, hất tung một mớ cát bụi đất đá hỗn tạp ra ngoài. Tôi mất hết tinh thần, giờ đây con đường hầm đã bị bít kín hoàn toàn. Bây giờ dù có xảy ra chuyện gì đi nữa, tôi vẫn bị chôn vùi dưới nơi này vĩnh viễn.

Vào thời khắc ấy tôi hầu như đã ngênh đón cái chết: ít ra như thế thì linh hồn tôi sẽ sống sót. Vì tôi biết rằng, rồi sẽ chóng thôi, Golgoth sẽ đến đây và cả thể xác lẫn linh hồn tôi sẽ tắt ngúm. Tôi sẽ bị xóa sổ. Và nỗi sợ hãi mà tôi đang cảm nhận tại thời điểm ấy khiến toàn thân tôi lấy bầy.

Nhưng rồi thật bất ngờ là có biến đổi. Chẳng hề tỏ ra dấu hiệu gì, Morgan đột ngột ngừng ngân nga và lão đảo đứng dậy. Hai mắt hấn trợn to kinh hoàng và hấn đánh rơi cuốn sách. Hấn lếch thếch bước ra rìa vòng ma thuật: hấn tiến một bước về phía tôi cùng miệng mồm ngoác ra toang hoác. Hai mắt hấn tràn ngập sợ hãi.

Thoạt tiên tôi nghĩ là hấn đang cố nói năng hay gào thét gì đấy. Nhưng giờ thì tôi hiểu rõ hơn rồi. Giờ nghĩ lại tôi mới nhận ra là hấn chỉ đang cố mà thở thôi.

Những mảnh băng đã bắt đầu hình thành từ trong hai lá phổi của hấn, và bước đi đấy là bước đi cuối cùng hấn thực hiện. Mở mồm ra toang hoác là cử động còn tinh tảo cuối cùng mà hấn làm. Hấn đông cứng ngay trước mặt tôi. Đông cứng theo đúng nghĩa, từ đầu đến chân phủ tuyền một lớp sương giá trắng toát. Rồi hấn chao đảo chúi về trước, và lúc mà trán, hai tay và vai hấn chạm đất, hấn vỡ tan thành từng mảnh như một ngọn băng nhũ. Giống như là một tấm kính giòn tan vụn ra thành trăm mảnh. Morgan đã vỡ tan, nát thành cám, nhưng không có giọt máu nào chảy ra bởi vì hấn đã bị đông cứng

đến tận từng tế bào xương tủy trong người. Và giờ hắn đã chết. Chết đi và tan biến.

Tôi cho là hắn đã phạm một lỗi chí mạng trong quỷ thức và Golgoth hiện hình lên bên trong vòng ma thuật để kết liễu tên pháp sư gọi hồn ngay tại chỗ. Vào lúc này, bên trong ba vòng tròn đồng tâm, đang có một sự hiện hữu lờn vờn. Mặc cho là có đến những năm ngọn nến chập chờn nhưng tôi vẫn không thể nhìn rõ ra thứ ấy, tuy vậy tôi biết nó đang có mặt ngay kia, và tôi có thể cảm nhận được hai mắt lạnh lùng hắn học đang trừng trừng nhìn ra khỏi vòng ma thuật thẳng về phía tôi.

Tôi cảm giác được khát khao muốn thoát ra ngoài đến tuyệt vọng của Golgoth. Một khi thoát ra được rồi thì hắn sẽ được tự do hoành hành khắp Hạng, tự do nhấn chìm toàn Hạng vào bao thập kỷ mùa đông rét mướt. Những ngọn nến lại nháy nhót như thể chúng đang bị làn hơi thở vô hình thổi bật vào, nhưng tôi không thể làm được gì. Tôi đang hoảng kinh. Tôi có thể làm gì để cứu lấy Hạng đây? Chẳng được gì sất: tôi đang bị buộc vào vòng sắt, chờ đợi đến số phận của mình.

Khi ấy Golgoth từ trong vòng ma thuật nói ra với tôi...

“Một tên ngốc đang nằm chết ngắc trước mặt ta. Người cũng là một thằng ngốc à?”

Giọng vị thần truyền vang khắp hốc, dội lại từ mỗi một góc phòng. Nghe như là một cơn gió dữ, đang thổi bạt tuyết qua những đỉnh đồi thê lương vùng Anglezarke.

Tôi không trả lời gì và giọng nói của Golgoth lại rào rạt vang lên, lần này trầm thấp hơn nhưng cũng ác nghiệt hơn, nghe như một chiếc giũa xù xì miết vào chiếc chấu bằng kim loại.

“Người có lười không, hơi đồ khả tử? Nói đi nào, hay là ta phải làm đông cứng và đập tan mi ra như ta đã làm với tên ngốc kia?”

“Tôi không phải là đồ ngốc,” tôi đáp lại, hai hàm răng tôi bắt đầu va nhau lập cập vì sợ lẫn vì lạnh.

“Nghe thế ta rất hài lòng. Bởi nếu người thật sự được ban bố trí khôn, thì trước khi đêm nay chấm dứt, ta có thể nâng người lên cao hơn cả nơi cao nhất trên mảnh đất này.”

“Tôi đang rất hài lòng với vị trí hiện tại của mình,” tôi trả lời.

“Nếu không có ta giúp thì người sẽ bỏ mạng tại đây. Cái chết có phải là thứ người tìm kiếm? Điều ấy sẽ làm người hạnh phúc chăng?”

Tôi không trả lời.

“Tất cả những gì người phải làm là xô lệch một cây nến ra khỏi vòng tròn. Chỉ một cây nến thôi. Làm đi rồi ta sẽ được tự do còn người sẽ sống sót.”

Vì đang bị buộc vào vòng sắt nên tôi cách cây nến gần nhất đến vài tấc, nên tôi không rõ Golgoth nghĩ tôi sẽ với được đến cây nến bằng cách nào. Nhưng cho dù là có làm được đi nữa, tôi vẫn không thể ra tay. Tôi không thể chỉ cứu lấy mạng mình bằng cái giá là hàng nghìn người trong toàn Hạt sẽ phải khốn đốn.

“Không!” tôi bảo. “Tôi sẽ không làm thế...”

Cái lạnh bắt đầu từ vòng ma thuật lan tỏa ra, mặt sàn khám đá trắng xóa vì sương giá. Một mảng băng trong suốt bắt đầu hình thành cho đến khi tôi có thể cảm nhận được sự lạnh lẽo từ sàn nhà dâng lên da thịt tôi, bắt đầu khiến tôi tê buốt đến tận xương. Tôi nhớ đến lời của Meg cảnh báo mình khi tôi lên đường trở về nhà: *“... ăn mặc ấm áp chống lại cái lạnh nhé. Sương giá có thể làm cậu rụng hết mấy ngón tay đấy.”*

Nơi cóng nhất là sau lưng tôi, gần hai tay tôi đang bị trói vào vòng sắt, và trong lúc giá lạnh đang ăn dần vào da thịt tôi, tôi mừng tượng ra những ngón tay đông cứng của mình với máu không còn lưu thông nữa, đang đen bầm dần và giòn hẫc ra, sẵn sàng rụng xuống như một cành cây chết từ một nhánh cây đang thối rữa. Tôi thấy mình đang há mồm để gào lên, không khí lạnh xào xạc ngay trong họng. Tôi nghĩ đến mẹ. Giờ thì tôi không bao giờ gặp được bà nữa. Nhưng thành linh tôi té lăn qua một bên, rời khỏi vòng sắt. Tôi liếc ra sau thì thấy vòng sắt đã tan tành ngay dưới chân tường. Golgoth

đã hóa đông và bẻ gãy nó để giải phóng cho tôi. Hắn làm thế để tôi có thể làm theo lời hắn. Hắn lại từ trong vòng ma thuật nói vọng ra, nhưng lần này dường như giọng hắn có phần yếu đi.

“Xô lệch cây nến. Hãy làm ngay bằng không ta sẽ tước đi còn nhiều hơn chỉ là mạng sống của người. Ta cũng sẽ đoạt cả linh hồn của người...”

Những lời lẽ đó làm dấy lên cơn thất lạnh bên trong tôi còn ghê gớm hơn là cái lạnh đã bẻ gãy vòng sắt. Morgan đã nói đúng. Linh hồn của chính tôi đang gặp nguy. Nhưng để cứu lấy nó, tôi chỉ cần phải tuân lời. Hai tay tôi vẫn còn trói quặt ra sau lưng và chẳng có cảm giác gì, nhưng đáng lý là tôi có thể đứng dậy, di chuyển đến ngọn nến gần nhất mà đá ngã nó. Nhưng tôi lại nghĩ đến những người rồi sẽ chịu khốn khổ vì những việc tôi đã làm. Bản thân mùa đông khắc nghiệt sẽ giết chết bao người già em nhỏ trước tiên. Con nít sẽ chết ngay trong cũi. Nhưng rồi mối đe dọa sẽ trở nên lớn hơn nữa. Mùa màng sẽ không mọc và năm tới sẽ chẳng có thu hoạch được gì. Rồi còn bao nhiêu năm sau đây nữa? Sẽ không còn gì cho gia súc ăn. Kết cục sẽ là nạn đói. Hàng nghìn người sẽ mất mạng. Và tất cả sẽ là do lỗi của tôi.

Đá ngã cây nến sẽ cứu mạng cho tôi. Cứu luôn linh hồn tôi nữa. Nhưng nhiệm vụ trên hết của tôi luôn là lo cho Hạt. Tôi có thể sẽ không bao giờ gặp lại mẹ, nhưng nếu tôi thả tự do cho Golgoth, làm sao sau này tôi có thể nhìn thẳng vào mắt mẹ được chứ? Bà sẽ xấu hổ vì tôi còn tôi thì không thể chịu được điều này. Giá nào đi nữa, tôi phải làm việc đúng đắn. Thà là bị lãng quên. Thà là hư vô còn hơn phải sống để nếm trải điều ấy!

“Ta sẽ không làm đâu,” tôi nói với Golgoth. “Ta thà mất mạng tại đây còn hơn là thả cho người được tự do.”

“Vậy thì chết đi, thằng ngốc!” Golgoth thốt lên, và ngay lập tức cái lạnh tăng tiến. Thế là tôi nhắm mắt lại chờ đợi sự chấm hết, khi tôi cảm nhận toàn thân thể mình trở nên tê dại. Kỳ lạ thay tôi không còn thấy sợ gì nữa. Tôi buông xuôi hết thảy. Tôi đã chấp nhận điều sắp sửa xảy đến.

Chắc hẳn cái lạnh đã làm tôi ngất đi vì điều tiếp theo tôi nhớ được là mình đang mở mắt ra.

Trong hốc lúc này đang rất im ắng tĩnh lặng và không khí ẩm áp hơn nhiều. Thật nhẹ nhõm làm sao, Golgoth đã biến mất. Tôi không còn cảm nhận được sự hiện diện của hắn nữa. Nhưng tại sao hắn đã không thực hiện lời đe dọa nhỉ?

Vòng ma thuật còn nguyên vẹn và năm ngọn nến vẫn đang cháy sáng. Tôi có thể nhìn thấy trong vòng ấy là một hình thù đang nằm sắp mặt xuống đất. Căn cứ vào chiếc áo choàng thì tôi nhận ra đấy là Morgan. Tôi nhanh chóng nhìn sang hướng khác. Sắc trắng đã được thay thế bằng màu đỏ. Những mảnh vỡ từ Morgan đang bắt đầu rã đông.

Thật ngạc nhiên là tôi vẫn còn sống. Nhưng mà được bao lâu? Tôi mắc kẹt dưới này. Chẳng mấy chốc rồi các ngọn nến sẽ cháy rụi, tắt ngấm, và tôi đã chìm vào bóng tối mãi mãi.

Tôi muốn sống, đột nhiên tôi bắt đầu giãy giụa điên cuồng khỏi sợi dây. Tôi không còn bị buộc vào vòng sắt nữa nhưng hai tay tôi vẫn còn bị trói quặt sau lưng. Tay tôi đang đau như kim châm nhưng máu huyết đang lưu thông trở lại. Giá mà có thể giãy hai tay ra, tôi có thể dùng lần lượt từng ngọn nến một thôi. Như thế sẽ cho tôi hàng giờ liền có ánh nến để mà ra sức. Lối hành lang đã bị bịt kín nhưng tôi có thể đào bằng hai bàn tay mình. Cũng đáng thử lắm chứ. Đất chắc sẽ mềm thôi. Và biết đâu toàn bộ đường hầm không bị bịt hết. Rồi thậm chí lúc nào đó dám tôi tìm thấy cái xẻng lắm chứ!

Lòng tôi tràn trề hy vọng trong một chập. Nhưng sợi dây chẳng chịu nói ra và dường như bao cố gắng của tôi để giải thoát lại càng làm cho dây thít chặt hơn. Tôi nhớ lại bao tháng ngày qua, vào mùa xuân, khi tôi mới trở thành chân học việc cho Thầy Trừ Tà. Lizzie Xương Xấu đã trói tôi xuống hố định là giết tôi để róc lấy xương dùng vào ma thuật hắc ám của mụ. Lúc ấy tôi cũng vùng vẫy nhưng không thể thoát ra. Chính Alice đã giúp tôi, dùng dao cắt dây giải trói. Tôi ước sao lúc này mình có thể gào lên gọi

Alice! Nhưng tôi không thể. Tôi đang cô độc và thậm chí chẳng ai biết là tôi đang ở đâu.

Một đôi sau tôi thôi không vùng vẫy điên cuồng để nới tay ra nữa. Tôi ngã lưng ra, nhắm mắt lại, cố thu phục sức lực cho một lần sau chót. Chỉ đến khi ấy, khi tôi nằm im bất động, nhịp thở tôi đã quay lại gần như bình thường, thì tôi chợt nghĩ đến những ngọn nến quanh vòng ma thuật. Tôi có thể sử dụng một trong những ngọn lửa để đốt cháy sợi thừng đang trói lấy tôi đây! Tại sao lúc trước tôi đã không nghĩ đến vậy nhỉ? Tôi ngồi phắt dậy. Giờ thì tôi thật sự có cơ hội giải thoát cho mình rồi. Nhưng ngay lúc ấy tôi nghe thấy tiếng động văng vẳng từ hướng đường hầm bị bít kín.

Có thể là tiếng gì được nhỉ? Có phải rốt cuộc Thầy Trừ Tà cũng đã phát hiện ra mà đến cứu tôi chẳng? Nhưng nghe không giống như tiếng xèng. Giống tiếng cào cào hơn, như thể có thứ gì đó đang quờ quạng qua lớp đất đá đổ sụp. Là chuột cống chẳng? Tiếng động ấy nghe lớn hơn. Nhiều hơn một con chẳng? Cả một đàn chuột sống sâu dưới gò mả này à? Người ta bảo là chuột cống sẽ ăn mọi thứ. Thậm chí còn có mấy câu chuyện về chuột cống cắn trẻ sơ sinh ra khỏi nôi cơ đấy. Lỡ chúng đánh hơi thấy máu người thì sao nhỉ? Liệu chúng có muốn ăn mấy mảnh thi thể của Morgan không? Rồi tiếp đến là gì? Chúng sẽ quay sang tôi chứ? Tấn công lấy tôi trong khi tôi còn sống sờ sờ sao?

Âm thanh trở nên lớn hơn nữa. Thứ gì đó đang đào bới dọc theo đường hầm bị bít kín về phía hốc này. Thứ gì đó đang bò xuyên qua đất. Là thứ gì mới được? Tôi quan sát, hứng thú lắm nhưng cũng lo sợ, khi một lỗ hổng bé xuất hiện nửa đường từ trần xuống sàn hốc và từ đấy đất đá đổ ra, rơi xuống mép sàn khám đá. Tôi cảm nhận được luồng gió khiến cho các ngọn nến chập chờn. Hai cánh tay thò ra nhưng chẳng phải tay người. Tôi trông thấy những ngón tay dài thượt, và thay vì là những móng tay, lại là mười vuốt cong quắp đào bới qua đất đá tiến vào hốc. Thế nên trước khi cái đầu xuất hiện, tôi đã biết ngay đấy là ai rồi.

Bằng cách nào đó mà mẹ nữ yêu đã trốn thoát khỏi hầm nhà Thầy Trừ Tà và đã đánh hơi ra được. Marcia Skelton đã đến đây để uống máu tôi.

21

BẦY

Mụ nữ yêu trườn thân mình ra khỏi cái lỗ rồi lạch bạch xuống sàn đá khảm. Tôi nghe thấy mụ ta hít hà hai lần nhưng mụ ấy không đang nhìn qua tôi. Với mái tóc đen nhờn dài thượt lết phết trên sàn nhà, mụ cúi đầu quỳ quả bằng cả bốn chân di chuyển về phía rìa vòng ma thuật, các móng vuốt của mụ gậy ra âm thanh cào xiết lên nền đá cẩm thạch. Mụ ta khựng lại và tôi lại nghe thấy mụ hít hà ầm ĩ khi mụ đưa mắt nhìn về phía những gì còn sót lại của Morgan.

Tôi ngồi im phăng phắc, bụng không dám tin rằng mụ ta vẫn chưa tấn công mình. Morgan mới chết đây thôi nhưng tôi cứ tưởng là mụ này thích máu tươi của người còn sống hơn chứ. Và rồi tôi nghe thấy tiếng động khác từ trong đường hầm. Có thứ gì đó khác nữa đang tiến đến...

Thêm một đôi tay khác xuất hiện nhưng đôi tay này lại có ngón và móng tay người chứ không phải là những móng vuốt sắc nhọn. Khi chiếc đầu thò ra, tôi liếc qua đã biết đấy là ai. Tôi nhìn thấy hai gò má cao, đôi mắt sáng xinh đẹp và mái tóc bạc trắng. Là Meg.

Bà ta leo ra, phúi phúi bụi khỏi váy áo rồi bước thẳng đến chỗ tôi. Chắc là bà ấy đã bỏ đôi giày mũi nhọn ở ngoài rồi nhưng tiếng bước chân trần thành thịch khi bà ta tiến tới cũng rất đáng sợ. Chẳng trách sao mụ nữ yêu kia đã tránh xa tôi. Meg muốn tôi thuộc về một tay bà ta, và sau tất cả những gì đã xảy ra, tôi không thể mong được nương tay thương xót.

Meg quỳ xuống trong tầm với và đôi môi bà nhoẻn nụ cười ác nghiệt. “Cậu chỉ còn cách cái chết có một li thôi,” bà ta bảo, rồi rướn người đến gần hơn và há to mồm cho đến khi tôi có thể trông thấy hàm răng trắng ớn của bà, hăm he chực cắn tôi. Tôi cảm nhận được hơi thở của bà ta trên cổ, trên mặt mình và bắt đầu run rẩy. Nhưng rồi bà ta cúi thấp xuống, và thật kinh ngạc làm sao, bà ta cắn phập vào sợi thừng đang trói hai tay tôi.

“Chỉ có một số ít người từng ở sát cạnh một phù thủy nữ yêu như thế này mà vẫn còn toàn mạng đấy,” Meg buông lời trước khi đứng dậy. “Cậu cứ cho là mình may mắn đi!”

Tôi vẫn ngồi thộn ra đấy, há hốc mồm nhìn lên bà. Tôi thấy mình quá yếu không thể nào cử động được.

“Này cậu kia, đứng lên nào!” Meg ra lệnh. “Chúng ta không có cả đêm đâu. John Gregory đang chờ cậu đấy. Ông ấy sẽ muốn biết đã xảy ra chuyện gì ở dưới này.”

Tôi lồm cồm loạng choạng đứng dậy và ì ra đấy một lúc, cảm thấy thật yếu ớt và buồn nôn, cứ sợ là mình sắp té ngã. Tại sao Meg lại phải giúp tôi? Chuyện gì đã xảy ra giữa Thầy Trừ Tà và Meg? Trước đây thầy đã luôn đem thức ăn xuống dưới cho bà. Họ đã trò chuyện hàn huyên rất lâu. Có phải bà ta đang làm chuyện này là vì Thầy Trừ Tà đã nhờ bà ta thế? Hai người ấy đã trở lại làm bạn rồi ư?

“Đi lấy cuốn thần chú đi,” Meg vừa nói vừa chỉ tay vào trong vòng ma thuật. “Ta không thể bước vào trong vòng ấy, cả Marcia cũng không...”

Tôi bước tới một bước về phía vòng ma thuật, nhưng rồi dừng lại khi tôi trông thấy cuốn sách. Cuốn sách đang nằm trong một vũng máu. Tôi chịu không dám chạm vào nó, mà nó dù sao cũng đã hỏng hết rồi còn đâu. Rồi tôi nhác thấy những gì còn sót lại của Morgan và dạ dày tôi nhộn nhạo. Tôi cúi đầu, cố xóa hình ảnh ấy ra khỏi đầu mình. Tôi không muốn lại phải trông thấy hân trong cơn ác mộng.

“Làm như ta bảo đi nào, vào lấy cuốn thần chú ngay!” Meg lại ra lệnh, hơi lên giọng một chút. “John Gregory sẽ không cảm ơn cậu vì đã bỏ cuốn sách ấy lại dưới đây để rồi một ngày nào đấy có kẻ nào khác lại tìm thấy nó đâu.”

Tôi tuân lời và bước vào vòng ma thuật. Tôi với tay xuống nhặt cuốn sách lên. Sách ướt nhẹp đầy máu dính dính. Tôi có thể ngửi thấy mùi máu khiến dạ dày tôi lại quặn lên nhốn nháo. Tôi cố hết sức để không nôn thốc và bước ra khỏi vòng pháp thuật, cầm cây nến gần nhất lên. Tôi chẳng thích cái ý

tưởng phải leo trở ra đường hầm tối đen cùng hai mục phù thủy nữ yêu một chút nào.

Nhắc đi cây nến hắc đã phá vỡ quyền năng của vòng ma thuật và tôi nghĩ Marcia rồi sẽ tiến vào trong vòng mà uống máu. Nhưng sau khi loáng hít người về phía xác chết, mục ta quay bỏ đi. Meg dẫn đường đi trước còn mục Marcia thì ở đâu đó sau lưng tôi. Tôi chỉ mong mục ta đừng đi quá sát gót mình.

Chúng tôi hòa mình vào ánh sáng mờ mờ trước lúc bình minh. Con bão tuyết đã cuốn phăng mình đi nơi khác nhưng tuyết vẫn còn rơi nhẹ nhẹ. Thầy Trừ Tà đang đứng chờ ngoài lối vào, thầy rướn người xuống, chìa tay cho tôi. Tôi thả cây nến đen rơi xuống tuyết mà dùng tay trái của tôi tóm lấy tay trái của thầy; thầy kéo tôi đứng lên mặt đất. Lập tức ngay sau tôi là mục nữ yêu, lóc ngóc bò lên nền tuyết.

Tôi mở miệng định nói nhưng thầy tôi đã đặt một ngón tay lên môi ra hiệu im lặng. “Chuyện đâu còn có đó. Để sau con hẵng kể cho ta nghe,” thầy bảo. “Morgan chết rồi ư?”

Tôi gật rồi cúi đầu.

“Thôi, nơi này có thể làm mồ chôn cho hắc vậy,” Thầy Trừ Tà bảo.

Nói đoạn thầy băng qua tóm lấy cạnh phiến đá, vắn phiến đá vào vị trí. Thầy đặt phiến đá thẳng băng ngay mép hố, và khi đã hài lòng, thầy thả phiến đá rơi vào vị trí ban đầu. Làm xong, thầy quỳ xuống, dùng hai tay trơn, bắt đầu phủ phiến đá lại với đất vụn và tuyết. Cuối cùng, thầy đã ổn, thầy đứng dậy.

“Anh bạn, đưa cho ta cuốn sách,” Thầy Trừ Tà ra lệnh.

Tôi trao sách cho thầy, lấy làm mừng vì mình đã rũ bỏ được nó. Thầy Trừ Tà nhấc sách lên liếc qua phần bìa. Khi thầy chuyển sách sang tay kia, các dấu máu vương lại trên những đầu ngón tay thầy. Sau một cái lắc đầu buồn bã mỗi một, thầy dẫn đường đi xuống khỏi đỉnh đồng hoang quay trở lại ngôi nhà mùa đông. Và cứ mỗi lần tôi liếc ra sau vai, tôi có thể thấy rằng hai mục nữ yêu vẫn đang đi theo sát gót.

Về lại nhà, Thầy Trừ Tà dẫn tôi vào bếp, chất thêm than vào lò sưởi, và khi ngọn lửa bùng lên, thầy bắt tay vào làm điểm tâm. Có lúc tôi đề nghị được phụ với thầy nhưng thầy vẫy tay bảo tôi quay về ghế mình.

“Nghỉ cho lại sức đã, anh bạn,” thầy bảo tôi. “Con đã trải qua lắm chuyện rồi.”

Khi ngửi thấy mùi trứng chín và bánh mì được nướng lên thì tôi cảm thấy khỏe hẳn ra. Meg và chị gái đã đi xuống tầng hầm nhưng tôi không muốn đề cập đến bọn họ. Tốt nhất là để Thầy Trừ Tà tự kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra khi thầy muốn. Chẳng bao lâu sau thầy trò tôi đã ngồi vào bàn ngẫu nhiên từng đĩa tương những trứng và bánh mì nướng. Cuối cùng, khi đã thấy khỏe khoắn hơn nhiều, tôi vét sạch đĩa của mình và tựa lưng ra sau ghế.

“Nào, anh bạn, con có thấy đủ sức để kể chưa nào? Hay chúng ta để đến hẵng sau vậy?”

“Con muốn được kể ra cho xong ạ,” tôi đáp. Tôi biết rằng một khi mình đã kể hết cho thầy nghe về những gì đã xảy ra, tôi sẽ cảm thấy nhẹ lòng hơn nhiều. Đây sẽ là bước đầu tiên để bỏ lại mọi chuyện sau lưng mình.

“Vậy thì hãy bắt đầu ngay từ đầu và không được bỏ sót chi tiết nào hết đấy!” Thầy Trừ Tà bảo.

Thế là tôi làm theo y như thầy bảo, bắt đầu từ cuộc trò chuyện của tôi với Alice trên sườn đồi, khi cô ấy nói cho tôi biết nơi tìm ra Morgan, và kết thúc chuyện bằng cao trào trong quý thức – sự xuất hiện của Golgoth và ông ta đã đe dọa tôi như thế nào sau khi Morgan đã chết.

“Vậy chắc hẳn Morgan đã phạm một sai lầm nào đó,” tôi nói. “Golgoth đã xuất hiện ngay bên trong vòng ma thuật...”

“Không phải đâu anh bạn,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa rầu rĩ lắc đầu, “chắc hẳn là hẳn đã xướng quý thức lên đúng từng từ từng chữ. Con biết đấy, ta mới là người đáng tội. Ta đã vấy máu của Morgan lên hai tay mình.”

“Con không hiểu ạ. Ý thầy là sao chứ?” tôi hỏi.

“Khi xưa lẽ ra ta đã phải xử lý Morgan cho rồi, sau khi hẳn cố triệu gọi Golgoth về từ năm nào năm nào ấy,” Thầy Trừ Tà kể. “Ngay từ thời đấy

Morgan đã rất nguy hiểm và hết thuốc chữa rồi. Ta biết thế và lẽ ra phải bỏ hẳn xuống hố, nhưng mà Emily mẹ hăn, lại van nài khẩn khoản bảo ta đừng làm thế. Morgan muốn có quyền năng và tâm địa cay đắng lại tức tối điên cuồng nhưng bà ta tin rằng đấy là bởi cuộc đời đã không công bằng với hăn và rằng hăn thiếu bóng cha hỗ trợ bênh vực cho mình. Ta thấy tội nghiệp cho tên này và cũng thương cho mẹ hăn nữa nên ta đã để con tìm mình điều khiển trí óc. Nhưng tận sâu trong tâm khảm ta biết rằng không phải là hăn thiếu bóng cha đâu. Cả ông Hurst và ta đều đã cố làm một người cha của hăn. Không, thứ mà hăn thiếu là kỷ cương để làm một kẻ trừ tà, là lòng can đảm và tính kiên trì để cống hiến cuộc đời hăn cho một cái nghề đem lại rất ít phần thưởng về của cải vật chất. Nhưng thay vì trừng phạt hăn vì đã thử triệu gọi Golgoth, ta lại chỉ chấm dứt kỳ học việc của hăn và bắt hăn thề với ta cùng mẹ hăn rằng hăn sẽ không theo đuổi Golgoth hay cuốn thần chú nữa.

“Bị đuổi đi mà không có nghề ngỗng gì, Morgan tìm kiếm quyền lực và của cải bằng thuật gọi hồn và hăn chuyển sang thế giới bóng tối. Ta biết rằng cứ mỗi mùa đông qua đi thì lòng căm dỗ thêm muốn quyền năng của Golgoth sẽ càng thêm lớn mạnh, và dần dà sẽ chế ngự hăn. Thế nên ta đã giảng một cái bẫy chờ hăn, nhưng chỉ khi nào hăn thực sự cố triệu gọi Chúa Tế Mùa Đông thì cái bẫy này mới sập...”

“Bẫy? Bẫy gì cơ? Con không hiểu.”

“Nói đến chuyện học hành thì Morgan lúc nào cũng lười,” Thầy Trừ Tà đáp, tay gãi gãi chòm râu vẻ suy tư. “Ngôn ngữ là điểm yếu của hăn và hăn chưa khi nào học cho đến nơi đến chốn các từ vựng tiếng La Tinh cả. Một số ngôn ngữ khác hăn thậm chí còn tệ hơn. Hăn bắt đầu học Cổ Ngữ vào năm học việc thứ ba. Đây là thứ ngôn ngữ được những người đầu tiên đặt chân lên Hạt sử dụng, những người đã dựng lên Gò Ụ Tròn và tôn thờ Golgoth. Là những người đã viết ra cuốn thần chú. Morgan chẳng học được gì nhiều. Hăn biết cách phát âm, biết cách đọc Cổ Ngữ thành tiếng, nhưng kiến thức hăn vẫn còn lăm lổ hổng to tướng.

“Như con thấy đấy, ta không thể làm liều được. Nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta luôn là Hạt. Vậy nên nhiều năm trước ta đã cho sao chép cuốn thần

chú. Những lời chú nguyên thủy đã bị tiêu hủy và bản sao mới được đóng vào bìa gốc. Có rất nhiều từ trong cuốn sách ấy đã bị thay đổi để khiến cho quý thức trở nên vô dụng. Nhưng chỉ có một sự thay đổi đã được tạo ra trong phần quý thức triệu gọi Golgoth. Từ *wioutan*, nghĩa là ‘không có’ hoặc là ‘bên ngoài’, đã được thay thế bằng từ *wioinnan*, có nghĩa là ‘bên trong’...”

“VẬY ĐÂY LÀ LÝ DO VÌ SAO GOLGOTH LẠI XUẤT HIỆN Ở CHỖ CỦA MORGAN BÊN TRONG VÒNG MA THUẬT,” TÔI CHIÊM NGHIỆM, SỪNG SỐT VỚI CÁI BẦY CỦA THẦY TRỪ TÀ. THẦY ĐÃ CHÔN GIẤU BÍ MẬT ẤY HẰNG BAO NHIÊU NĂM QUA.

“TA KHÔNG TIN TƯỞNG MORGAN NÊN TA GIĂNG BẦY ĐÓN HẮN ĐỂ PHÒNG HỒ. TA ĐÃ GẶP ĐỦ THỨ RẮC RỐI KHI CHO SAO CHÉP VÀ THAY ĐỔI CUỐN THẦN CHÚ, NHƯNG NHƯ TA ĐÃ NÓI, NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG TA LÀ BẢO VỆ HẠT. EMILY CŨNG BIẾT CHUYỆN TA ĐÃ LÀM NHƯNG BÀ ẤY CÓ NHIỀU LÒNG TIN VÀO MORGAN HƠN TA. BÀ ẤY NGHĨ HẮN ĐÃ THAY TÂM ĐỔI TÁNH VÀ SẼ KHÔNG BAO GIỜ DÁM ĐÁNH THỨC GOLGOTH DẬY NỮA. HẮN ĐÃ THỀ NHƯ THẾ VỚI BÀ ẤY CƠ MÀ, TA CŨNG CÓ MẶT TẠI ĐÂY ĐỂ CHỨNG KIẾN. TA KHÔNG KHI NÀO GIẤU GIẾM NƠI CẮT CUỐN THẦN CHÚ. CHIẾC BÀN ẤY LUÔN SỜ SỜ RA ĐÓ VÀ MORGAN BIẾT MUỐN TÌM THÌ NÊN ĐẾN CHỖ NÀO, VÀ RỐT CUỘC TA ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG MINH LÀ MÌNH ĐÚNG. LẼ RA HẮN ĐÃ ĐẾN LẤY TỪ BAO NHIÊU NĂM TRƯỚC RỒI, NHƯNG LỜI THỀ CỦA HẮN VỚI MẸ MÌNH ĐÃ TRÓI BUỘC HẮN. NGAY KHI ĐƯỢC TIN EMILY ĐÃ QUA ĐỜI, TA ĐÃ SỢ ĐIỀU XẤU NHẤT SẼ XẢY ĐẾN VÀ HIỂU RA VÌ SAO MORGAN ĐÃ ĐẾN LIÊN LẠC VỚI TA TẠI CHIPENDEN...”

Một hồi im lặng kéo dài, Thầy Trừ Tà lại gãi gãi chòm râu, trầm tư suy tưởng rất hung.

“CUỐI CÙNG THÌ CHUYỆN GÌ ĐÃ XẢY RA VẬY THẦY?” TÔI HỎI. “TẠI SAO GOLGOTH ĐÃ KHÔNG GIẾT CON? SAO ÔNG TA CHỈ BỎ ĐI NHƯ THẾ?”

“SAU KHI ĐƯỢC TRIỆU HỒI, THỜI GIAN CỦA HẮN TA Ở TRONG VÒNG MA THUẬT ẤY RẤT HẠN HẸP. MỖI THỜI KHẮC Ở LẠI TRONG ẤY THÌ HẮN TA SẼ TRỞ NÊN YẾU HƠN. CUỐI CÙNG HẮN PHẢI BỎ ĐI THÔI. ĐÂU CÒN LỰA CHỌN NÀO KHÁC. TẤT NHIÊN, GIẢ NHƯ MÀ CON ĐÃ THẢ CHO HẮN TA RA NGOÀI, THÌ CHUYỆN SẼ KHÁC HẮN. HẮN TA SẼ ĐƯỢC TỰ DO RONG RUỐI KHẮP HẠT, KHI ĐẤY TOÀN HẠT SẼ PHẢI ĐẮM CHÌM TRONG MỘT MÙA ĐÔNG BẤT TẬN. VẬY NÊN CON ĐÃ LÀM KHÁ LẼM, ANH BẠN À. CON ĐÃ THỰC THI NHIỆM VỤ CỦA MÌNH VÀ CHẴNG AI CÓ THỂ YÊU CẦU GÌ HƠN ĐƯỢC.”

“Làm cách nào mà thầy tìm ra được con ạ?” tôi hỏi.

“Điều này thì, trước hết con phải cảm ơn con bé kia. Khi con không quay về như ta mong đợi, ta đi xuống nói chuyện với Andrew để biết con rời khỏi cửa hiệu lúc mấy giờ. Chính con bé Alice bạn con nói cho ta biết con đã đi đâu. Nó còn muốn đi theo phụ giúp ta tìm kiếm con nữa đấy nhưng ta gạt phắt đi. Tốt hơn là ta được làm việc một mình – ta không cần một con bé con lằng nhằng theo sau. Bọn ta gần như đã phải trói con bé vào ghế để ngăn không cho nó đi theo ta đấy. Khi ta đến nơi, cơn bão tuyết từ phía đông nam đang thổi tới và cả nhà nguyện đã vắng ngắt. Ta sầm soi quanh nghĩa địa một chốc nhưng đã không nán lại lâu. Khi đấy chỉ còn một người duy nhất mà ta có thể quay sang cầu viện. Người duy nhất có thể tìm ra con trong điều kiện thời tiết như thế.

“Không lâu sau Meg đã đánh hơi ra con. Bà ấy tìm thấy thanh trượng của con dưới bụi gai trên đồi và lần theo dấu con đến gò mả. Meg cũng không mất bao nhiêu thời gian để tìm thấy lối vào, nhưng khi ta lôi được phiến đá ra thì đường hầm đã bị bít kín. Thế nên Marcia là kẻ đã đào ra con. Ba người ấy rất đáng được con cảm ơn đấy.”

“Cả ba là phù thủy,” tôi chỉ ra.

Thầy Trừ Tà phớt lờ. “Mà thôi, Alice sẽ ở lại chỗ của Andrew, như con muốn. Còn về Meg và chị gái bà ấy, từ giờ trở đi họ sẽ ở dưới hầm đằng sau cánh cổng sắt – nhưng cổng sẽ không được khóa.”

“Vậy giờ thầy và Meg lại là bạn ạ?”

“Không, mọi chuyện không như trước kia khi chúng ta lần đầu gặp nhau nữa. Ta cũng muốn quay ngược thời gian lắm nhưng điều này thật không thể. Anh bạn ạ, chúng ta đã thỏa thuận được với nhau. Chuyện không thể tiếp diễn như hiện nay được nữa, nhưng ta sẽ kể thêm cho con về điều này khi con đã nghỉ ngơi khỏe khoắn.”

“Vậy còn bố con? Giờ bố con đã được yên ổn chưa ạ?”

“Bố con là một người trung hậu và giờ đây khi Morgan đã chết thì quyền năng của hắn cũng đã bị phá vỡ, bố con chẳng còn phải sợ gì. Hoàn toàn

không. Không ai biết được chính xác chuyện gì xảy ra sau khi ta chết đi cả,” Thầy Trừ Tà đáp cùng một tiếng thở dài. “Nếu chúng ta mà biết, thì sẽ chẳng có nhiều tôn giáo khác nhau, tất cả đều nói ra những điều khác nhau nhưng tất cả đều nghĩ là họ đúng. Theo ta nghĩ thì chuyện con tin theo tôn giáo nào không hề quan trọng. Hay thậm chí nếu con độc lai độc vãng và đi theo con đường riêng của con trong cả cuộc đời cũng không sao. Miễn là con sống cuộc đời của con cho tốt đẹp và tôn trọng đức tin của mọi người khác như bố con đã dạy, thì con sẽ chẳng sai trái gì lắm cả. Bố con rồi sẽ tìm thấy lối đi đến thế giới ánh sáng thôi. Không việc gì phải lo về điều ấy. Mà nãy giờ nói chuyện thế là quá đủ rồi. Con đã trải qua một đêm dài gian khổ nên con hãy đi mà chợ mắt lấy vài canh giờ đi nào.”

Nhưng tôi không chỉ chợ mắt vài canh giờ. Tôi phát sốt hừng hực, và thầy thuốc từ Adlington phải lên đến trên này những ba bận trước khi yên tâm là tôi đang bình phục. Thật ra là phải đến gần một tuần sau tôi mới đủ sức đi xuống dưới lầu, và hầu như cả ngày tôi phải quán mình trong chăn ngồi trước lò sưởi trong phòng làm việc.

Thầy Trừ Tà cũng không bắt tôi phải học lắm, rồi thêm trọn một tuần nữa thì tôi rốt cuộc mới khỏe ra để đi xuống Adlington thăm Alice. Cô ấy đang một mình trông coi cửa hiệu. Vì không có khách hàng nào đến nên chúng tôi có được một thời gian dài hàn huyên. Chúng tôi trò chuyện trong cửa hiệu, từ mình lên quầy gỗ trôn.

Lúc tôi đang ồm, Thầy Trừ Tà có ghé xuống cửa hiệu rồi nên Alice đã biết được gần hết mọi chuyện xảy ra. Cho nên tôi chỉ cần phải bổ sung thêm vài tình tiết và xin lỗi thêm lần nữa vì đã giữ bí mật với cô ấy.

“Vả lại, Alice này, cảm ơn cậu đã nói cho Thầy Trừ Tà là tớ đi đến nhà nguyện nhé. Bằng không thì tớ sẽ chẳng bao giờ được tìm thấy đâu,” tôi kết luận, khi cuối cùng cũng đã kể hết câu chuyện.

“Tớ vẫn ước sao là cậu đã tin tưởng tớ hơn một chút đấy Tom ạ. Lẽ ra cậu đã phải kể cho tớ biết những gì Morgan đang gây ra cho bố cậu sớm hơn thế nhiều.”

“Tớ xin lỗi mà,” tôi bảo. “Sau này tớ sẽ không giấu giếm gì nữa đâu...”

“Nhưng tớ sẽ không bao giờ được liệt vào danh sách bé ngoan của Lão Gregory phải không nào? Ông ấy chẳng tin tưởng tớ tẹo nào cả!”

“Thầy đã nghĩ về cậu tốt đẹp hơn như thầy từng nghĩ đấy,” tôi nói. “Cứ để từ từ vậy, thế thôi.”

“Nhưng vào mùa xuân, khi cậu quay về Chipenden, tớ sẽ phải ở lại đây. Ước sao tớ có thể đi cùng cậu...”

“Tớ tưởng cậu thích làm việc trong cửa hiệu của bác Andrew cơ mà.”

“Cũng có thể khốn khổ hơn thật,” Alice thừa nhận, “nhưng Chipenden lại hạnh phúc hơn nhiều. Tớ thích được ở trong ngôi nhà với mấy khu vườn rộng lớn ấy. Với lại tớ sẽ nhớ cậu đấy Tom.”

“Tớ cũng sẽ nhớ cậu nữa. Nhưng ít ra thì cậu không phải ở Pendle. Mà thôi, mùa đông tới thầy trò tớ sẽ quay lại và tớ sẽ cố thường đến thăm cậu hơn.”

“Như thế sẽ vui hơn đấy,” Alice nói.

Một lúc sau cô ấy vui lên, và rốt cuộc khi tôi chuẩn bị ra về, Alice nhờ tôi làm một việc.

“Vào sáng ngày cậu lên đường quay lại Chipenden ấy, cậu sẽ hỏi xin Lão Gregory xem liệu ông ấy có mang theo tớ không nhé?”

“Tớ sẽ hỏi, nhưng tớ nghĩ sẽ chẳng ích gì đâu, Alice à.”

“Nhưng cậu vẫn cứ hỏi chứ, nhé? Ông ấy sẽ không cắn đứt đầu cậu nếu cậu có hỏi, phải không nào?”

“Được rồi. Tớ sẽ hỏi thầy vậy.”

“Hứa chứ?”

“Tớ hứa,” tôi mỉm cười đáp. Trong quá khứ chuyện hứa hẹn với Alice đã đưa tôi vào rắc rối nhưng lời hứa lần này sẽ không làm hại gì lắm đâu. Tệ nhất thì Thầy Trừ Tà chỉ có thể từ chối thôi mà.

VÌ LỢI ÍCH TỐT NHẤT

Mặc dù mùa đông này từng thật rét buốt, trong vòng ba tuần kể từ sau cái chết của Morgan, thời tiết đã chuyển ấm hơn và băng bắt đầu tan. Như thế thì Shanks có thể đến giao lương thực lần đầu tiên kể từ thời nào thời nào. Như thường lệ, tôi giúp anh ta dỡ hàng hóa xuống, nhưng khi anh ấy ra về, Thầy Trừ Tà đi theo anh ta một quãng xa xuống dưới hẻm núi và họ trò chuyện thật lâu với nhau.

Vài ngày sau, ngay sau bữa điểm tâm, Shanks đem giao một cỗ quan tài đến tận nhà chúng tôi, chú ngựa con gần như là sụm xuống dưới sức nặng của cỗ áo quan ấy. Sau khi tôi giúp anh ấy tháo quan tài ra, chúng tôi cẩn thận nhấc xuống. Quan tài này không đến nỗi nặng lắm như thoát tông, nhưng nó hơi rộng, và tôi chưa khi nào trông thấy một cỗ quan tài được làm kiên cố đến thế. Hai bên quan tài là hai tay cầm bằng đồng và cả áo quan làm từ gỗ đen được đánh bóng. Chúng tôi không mang quan tài vào trong nhà mà chỉ để nó gần ngoài cửa sau.

“Cái này để làm gì thế ạ?” tôi hỏi Thầy Trừ Tà, còn Shanks thì lảng ra xa mất dạng.

“Để làm việc ấy ấy,” thầy đáp, nhịp nhịp tay lên cánh mũi. “Con nghĩ thử xem rồi khi nào nghĩ ra thì đến gặp ta.”

Mãi đến giờ ăn trưa thì các mối nghi ngờ của tôi mới được khẳng định.

“Này anh bạn, ta sẽ đi vắng vài ngày. Con nghĩ mình con có xoay sở được không thế?”

Miệng tôi đang đầy ứ, nên tôi chỉ gục gặc rồi tiếp tục ngồm ngoàm món thịt cừu hầm.

“Con không hỏi là ta sẽ đi đâu à?”

“Việc trừ tà chẳng?” tôi ướm thử.

“Không phải đâu. Đây là việc gia đình. Meg và chị gái sẽ quay về nhà. Họ sẽ lên thuyền từ mũi Sunderland và ta sẽ tiễn họ lên đường được an toàn.”

Mũi Sunderland là phía nam vùng Heysham và là hải cảng lớn nhất trong toàn Hát. Thuyền bè từ khắp nơi trên thế giới dong ngược dòng sông Lune để đến neo tại đây. Lúc ấy tôi biết mình đã đoán đúng về cỗ quan tài.

“VẬY là Marcia sẽ nằm trong cái hộp ấy,” tôi nói.

“Trúng phóc,” Thầy Trừ Tà mỉm cười. “Một liều lăm thảo dược sẽ giữ được mụ ta im lặng. Mụ ta không thể nào lên tàu theo cách bình thường đâu. Sẽ làm vài hành khách hoảng lên thôi. Theo như những gì mà ngài trưởng cảng được biết, thì chị gái của Meg đã qua đời và bà ấy sẽ mang chị mình về quê an táng. Mà thôi, như ta đã nói, ta sẽ chỉ đi cùng họ đến bến cảng để đảm bảo cho họ được lên tàu an toàn. Tất nhiên chúng ta sẽ ra đi vào ban đêm. Chắc chắn chúng ta sẽ vào nghỉ trong nhà trọ và Meg sẽ ẩn sau những rèm cửa đóng kín trong suốt thời gian ban ngày. Ta sẽ rất buồn phải tiễn bà ấy đi nhưng đây là cho lợi ích tốt nhất.”

“Có lần con nghe thấy thầy nói với Meg về khu vườn mà hai người đã cùng nhau chia sẻ. Có phải là khu vườn của thầy ở Chipenden không ạ?” tôi hỏi.

“Ừ, phải đấy anh bạn. Là khu vườn phía tây, như con đã nghĩ. Bọn ta đã ngồi cùng nhau hàng tiếng đồng hồ trên cùng băng ghế mà hiện thời ta hay dạy học cho con ấy.”

“Rồi chuyện gì đã xảy ra thế?” tôi hỏi. “Tại sao thầy lại mang Meg đến Anglezarke mà nhốt bà ấy xuống hầm chứ. Tại sao bà ấy phải bị thuốc bằng trà thảo dược vậy?”

“Chuyện xảy ra giữa ta và Meg là chuyện riêng tư đấy!” Thầy Trừ Tà gắt lên, nhìn tôi chăm chăm dò xét. Thầy trông rất giận dữ trong một lúc khiến tôi nhận ra sự tò mò của mình đã đi quá xa. Nhưng rồi thầy thở dài và mặt mày lắc đầu.

“Như con biết đấy, Meg vẫn là một người phụ nữ xinh đẹp, nhưng khi còn trẻ bà ấy lại quá xinh đẹp khiến lăm tên đàn ông phải ngoái nhìn. Ta đã ghen

tuông quá mức và bọn ta đã cãi nhau không biết bao nhiêu lần. Chưa hết. Meg cũng rất ngang ngạnh nữa và gây ra biết bao nhiêu kẻ thù trong Hạc. Những ai chọc giận bà ấy thì phải nếm mùi khiếp sợ bà ấy. Và những ai phải sống trong sợ hãi quá lâu sẽ trở nên nguy hiểm. Rốt cuộc Meg bị kết án là sử dụng ma thuật và các báo cáo được nộp lên cho ngài chánh án vùng Caster. Đây là điều đặc biệt nghiêm trọng và người ta đã phái một viên cảnh sát đến bắt lấy Meg.”

“Nhưng bà ấy sẽ được an toàn trong nhà thầy ở Chipdenden mà, phải không thầy? Ông kẹ sẽ ngăn không cho viên cảnh sát đến được nơi nào gần Meg cả.”

“Ừ ông kẹ sẽ làm thế. Nhưng nó sẽ ngăn viên cảnh sát đến chết! Mà anh ta chỉ đang thi thành nhiệm vụ của mình thôi, và mặc dù là ta yêu Meg, ta vẫn không muốn mạng sống của người cảnh sát trẻ mất đi đè nặng lên lương tâm ta nên ta phải làm sao cho Meg biến mất. Ta đi xuống làng gặp mặt viên cảnh sát tại đây, và cùng với sự giúp đỡ làm chứng của bác thợ rèn, ta đã thuyết phục được viên cảnh sát tin rằng Meg đã rời khỏi Hạc.

“Vì thế ta mang bà ấy đến đây, Meg trải qua bao mùa hè bị khóa nhốt trong căn phòng ngang các bậc cấp dẫn xuống hầm còn mùa đông thì bị giam lỏng trong nhà. Hoặc là thế hoặc là bà ấy sẽ treo lủng lẳng nơi đầu sợi thừng – như con biết rồi, ở Caster người ta treo cổ các phù thủy. Có một dạo, nhiều năm sau đấy, Meg thoát ra khỏi nhà và đi gieo rắc kinh hoàng lên dân địa phương. Để làm họ im lặng, ta phải hứa là ta đã chôn bà ấy xuống hố dưới hầm rồi. Đây là lý do vì sao Shanks tức tối đến thế khi anh ta nhìn thấy Meg vào sáng hôm ấy. Nhưng mà thôi, giờ đây sau bao hồi lần lửa, Meg sẽ trở về quê hương. Đây là chuyện mà lẽ ra ta đã phải làm từ bao nhiêu năm trước nhưng ta lại không thể để cho bà ấy đi được.”

“Vậy là Meg muốn trở về quê hương ạ?”

“Ta nghĩ bà ấy biết việc là này cho lợi ích tốt nhất. Với lại, Meg không còn cảm nhận về ta giống như ta cảm nhận bà ấy nữa,” thầy đáp, trông thầy thật già nua và buồn thảm hơn bao giờ hết. “Anh bạn này, ta rồi sẽ rất nhớ bà ấy. Nhớ đau nhớ đớn. Cuộc đời này rồi sẽ không như xưa khi không có Meg.

Bà ấy là điều duy nhất khiến cho những mùa đông ở đây còn chịu đựng được...”

Hoàng hôn buông xuống, tôi quan sát Thầy Trừ Tà đóng chị gái của Meg, mẹ Marcia, vào trong cỗ quan tài. Đoạn, khi cây vít bằng đồng cuối cùng đã được siết chặt, tôi giúp thầy mang quan tài xuống hẻm núi. Quan tài nặng trĩu và thầy trò tôi hơi lảo đảo dưới sức nặng của nó, chập vấp từng bước chân xuống mặt đất mềm nhão bùn sình, còn Meg thì đi đằng sau mang theo mấy chiếc túi của bà. Trong khi chúng tôi nghiêm trang im lặng tiến xuống thung lũng u ám, quanh cảnh này gợi cho tôi nhớ đến một đám tang thật sự.

Thầy Trừ Tà trước đây đã sắp đặt một cỗ xe ngựa dừng chờ chúng tôi ngoài lộ. Bốn con ngựa bỗng trở nên bồn chồn không yên khi chúng tôi đến gần, lỗ mũi chúng hình lên, hơi thở bốc hơi dưới ánh trăng, khiến bác xà ích phải vất vả ghìm chúng lại. Khi đám ngựa đã bình tĩnh, bác ta leo xuống, bản thân bác ấy trông cũng lo lắng lắm, rồi bác đi đến chỗ Thầy Trừ Tà mà chạm tay vào vành mũ tỏ ý kính trọng. Quai hàm bác ấy đang run lập cập và bác trông như đang hết hồn hết vía vậy.

“Không có gì phải sợ cả đâu, và như ta đã hứa rồi đấy, ta sẽ trả cho anh hậu hĩ. Giờ thì giúp ta nâng thứ này lên nào,” Thầy Trừ Tà vừa nói với bác xà ích vừa vỗ vỗ lên quan tài của Marcia. Hai người họ nhắc chiếc hòm lên giá ở sau cỗ xe và Thầy Trừ Tà chăm chú quan sát khi bác xà ích dùng thùng cột chặt chiếc hòm lại.

Trong lúc hai người họ bận bịu, Meg tiến đến mỉm cười quả quyết với tôi, nhe cả răng ra.

“Cậu là một thằng bé nguy hiểm đấy Tom Ward, rất rất nguy hiểm,” bà ta nói và rướn tới sát hơn. “Cẩn thận đừng gây ra rắc rối kẻo thù nhé...”

Tôi không biết mình phải nói gì đây.

“Cậu sẽ làm một chuyện cho ta chứ, cậu nhỏ?” Meg thì thầm vào tai tôi.

Tôi chợt dạ gật gù.

“Ông ấy không đến nỗi lạnh lùng như ông ta bắt mọi người phải tin thế đâu,” Meg nói và khoát tay về phía thầy tôi. “Chăm sóc ông ấy hộ ta nhé.”

Thế là tôi mỉm cười và gật đầu.

Khi Thầy Trừ Tà đi lại chỗ chúng tôi, Meg trao cho thầy một nụ cười ấm áp thân thiện khiến tôi nghĩ là tận sâu trong lòng bà ấy vẫn còn tí quan tâm đến thầy. Và rồi bà ta tóm lấy tay thầy tôi mà bóp nhẹ. Thầy mở miệng như thể định nói gì đấy nhưng không từ ngữ nào được thốt ra. Mắt thầy lấp lánh lệ và thầy trông như đang tình cảm nghẹn ngào.

Tôi ngượng quá, bèn quay lưng lại hai người họ và bước bỏ đi vài bước. Họ thì thăm với nhau một đổi rồi cùng nhau bước đến cỗ xe. Trong khi bác xà ích mở cửa xe và khẽ cúi đầu chào Meg, Thầy Trừ Tà giúp dìu bà ấy lên xe. Đoạn thầy đi lại chỗ tôi.

“Thôi, anh bạn, chúng ta sẽ lên đường đây. Con tự mình quay vào nhà đi nhé,” Thầy Trừ Tà bảo.

“Nếu con đi theo thầy thì có đỡ được chút nào không ạ?” tôi hỏi.

“Không đâu anh bạn, nhưng dù sao cũng cảm ơn. Có những việc mà ta cần phải tự mình làm lấy. Một ngày nào đấy, khi con trưởng thành hơn, ta nghĩ rồi con sẽ hiểu. Nhưng ta hy vọng con không bao giờ phải trải qua bất cứ chuyện gì như thế này...”

Nhưng tôi đã hiểu rồi: tôi nhớ đến lúc nhìn thấy thầy và Meg trong bếp, với nước mắt lăn dài trên má thầy. Tôi biết thầy cảm thấy như thế nào. Và lại, tôi có thể hình dung ra mình trong tình cảnh của Thầy Trừ Tà và phải nói lời từ biệt với Alice lần cuối. Tôi và Alice rồi cũng sẽ kết thúc như thế này sao?

Chập sau Thầy Trừ Tà leo vào trong cỗ xe, và thầy vừa kịp ngồi xuống bên cạnh Meg thì bác xà ích đã quất roi lên lưng bốn chú ngựa. Cỗ xe ịch ạch lăn đi và dần dà tăng tốc. Họ đang đi lên phương bắc, điểm đến của họ là mũi Sunderland, trong khi tôi chậm chậm leo ngược lên hẻm núi quay trở lại nhà.

Vào đến trong nhà rồi, tôi hâm nóng ít súp đậu cho bữa tối rồi ngồi xuống bên cạnh lò sưởi. Bên ngoài tĩnh không một làn gió và tôi có thể nghe ra từng âm thanh răng rắc kẽo kẹt của ngôi nhà cũ. Ván lót sàn chùng xuống,

một bậc thang răng rắc, một con chuột nhắt chạy loăng quăng sau tường. Và tôi thậm chí còn tưởng tượng rằng dưới tầng hầm kia, cách xa cánh cổng kim loại, tôi có thể nghe thấy những tiếng thì thào của những kẻ đã chết hoặc gần chết dưới các hố sâu của chúng.

Chỉ đến khi ấy tôi mới nhận ra mình đã đi xa đến mức nào. Tôi đang ở đây, một mình trong căn nhà rộng lớn có tầng hầm đầy những ông kẹ và phù thủy bị nhốt, thế mà tôi không sợ một chút nào. Tôi là cậu bé học việc của Thầy Trừ Tà và mùa xuân tới đây là tôi đã hoàn tất năm huấn luyện đầu tiên của mình. Bốn năm nữa thôi, thì chính tôi sẽ là thầy trừ tà!

TRỞ LẠI CHIPENDEN

Vào cuối buổi sáng ngày cuối cùng của tháng Tư, khi tôi xuống suối xách nước, Thầy Trừ Tà đi theo tôi ra ngoài. Mặt trời chỉ mới nhô lên quá mép hẻm núi và thầy mỉm cười về phía hơi ẩm yếu ớt của mặt trời. Trên mỏm đá sau nhà những băng nhũ đang tan ra nhanh chóng, nước nhỏ thành giọt lên nền sân đá.

“Hôm nay là ngày đầu xuân đấy anh bạn,” thầy nói, “nên chúng ta sẽ quay về Chipenden!”

Cả tuần nay tôi đã đợi để nghe được những lời này rồi. Từ lúc quay trở lại đây mà không có Meg, Thầy Trừ Tà đã rất trầm lặng, và cả căn nhà dường như còn thô lương ảm đạm hơn bao giờ hết. Tôi đang rất mong được rời khỏi nơi này.

Thế là một giờ đồng hồ sau đó tôi tất tả chạy quanh làm hết mọi việc cần thiết: moi sạch tro trong lò sưởi và rửa hết nồi niêu, chén đĩa để giúp cho chuyến trở lại vào mùa đông tới của chúng tôi được thành thoi hơn. Cuối cùng Thầy Trừ Tà khóa cửa sau lại và sải bước đi xuống hẻm núi với tôi vui vẻ theo sát sau thầy, mang theo hai túi đồ như thường lệ cộng thêm cây trượng gỗ thanh hương trà của mình.

Tôi vẫn nhớ lời mình hứa với Alice – hỏi xin liệu cô bé có thể cùng theo chúng tôi về Chipenden hay không – nhưng tôi chỉ đang chờ đến thời điểm thích hợp, khi đấy tôi nhận ra, thay vì đi theo hướng thẳng lên phương bắc, chúng tôi lại xuôi về phương nam đi đến Adlington. Mặc dù hôm trước Thầy Trừ Tà đã xuống thăm ông Andrew rồi, tôi vẫn nghĩ là Thầy Trừ Tà lại muốn chào tạm biệt anh trai thêm lần nữa. Tôi vẫn đang lưỡng lự chưa dám nhắc đến Alice thì chúng tôi đã nhìn thấy cửa hiệu.

Ngạc nhiên làm sao, cả ông Andrew cùng Alice đều bước đón chúng tôi ngoài con phố lát đá cuội. Alice đang mang theo một túm tư trang và trông

như đã sẵn sàng làm một chuyến hành trình. Cô bé tươi cười trông thật phấn khích.

“Chúc anh một mùa hè tốt lành mua may bán đắt nhé Andrew,” Thầy Trừ Tà vui vẻ gọi lớn. “Hẹn gặp anh vào tháng Mười một!”

“Chú cũng vậy nhé!” ông Andrew vẫy tay đáp lời.

Tiếp đến, trong khi tôi kinh ngạc sững sờ, Thầy Trừ Tà đã quay đi dẫn đường, và khi tôi quay bước theo, thì Alice đã sánh bước ngang tôi và hớn hở cười toe.

“Ồ, ta đã quên không nói cho con biết,” Thầy Trừ Tà nói với ra sau lưng, “Alice sẽ đến sống cùng chúng ta tại Chipenden theo cùng những điều kiện như trước. Hôm qua ta đã sắp đặt đâu vào đó với Andrew rồi. Con bé phải ở tại những nơi mà ta có thể để mắt canh chừng!”

“Ngạc nhiên thật đấy, Tom nhỉ? Cậu mừng vì gặp lại tớ không nào?” Alice hỏi.

“Dĩ nhiên là tớ mừng được gặp lại cậu và cũng rất vui vì cậu sẽ đến Chipenden sống cùng thầy trò tớ. Chuyện này tớ thật không ngờ đấy. Thầy Gregory chẳng nói lấy một lời nào về chuyện này cả.”

“Ồi thế à?” Alice bật cười. “Giờ thì cậu biết cảm giác là ra sao khi người ta cứ giữ bí mật và không chịu cho cậu biết điều cậu đáng được biết đấy! Cho cậu đáng đời nhé!”

Tôi cũng bật cười. Tôi không phật ý với lời chế nhạo của Alice đâu. Tôi đáng bị thế mà. Lẽ ra tôi phải nói cho cô bé biết mọi sự về ý định đánh cắp cuốn thần chú của tôi. Nếu tôi làm thế thì hẳn Alice đã nhét được chút lý lẽ vào đầu tôi rồi. Nhưng giờ thì mọi chuyện đã qua và cuối cùng chúng tôi cũng đang vui vẻ sánh bước bên nhau trên chuyến đi quay trở lại Chipenden.

Ngày hôm sau đây lại là một điều ngạc nhiên khác. Con đường quay về Chipenden dẫn chúng tôi tiến đến cách nông trại gia đình tôi chừng bốn dặm. Tôi định hỏi xem liệu tôi có thể ghé qua thăm nhà không thì Thầy Trừ Tà đã cướp lời.

“Ta nghĩ con nên ghé qua thăm nhà đi, anh bạn. Biết đâu con lại thấy là mẹ con đã quay về; nếu thế thì bà đang mong gặp con đấy. Ta sẽ đi tiếp thôi, vì ta cần phải ghé qua bác sĩ phẫu thuật trên đường đi.”

“Bác sĩ phẫu thuật à? Thầy ốm ư?” tôi hỏi, lòng bỗng thấy lo lắng cho thầy.

“Nào phải. Người này cũng có làm chút việc chữa răng như là nghề tay trái ấy mà. Ông ta có một nguồn cung dồi dào răng của những người chết và sẽ tìm được thứ gì đó vừa vặn thôi,” thầy đáp, cười ngoác miệng với tôi để tôi có thể nhìn rõ khoảng răng trống còn lại nơi ông kẹ đã đánh gãy răng cửa của thầy.

“Ông ta lấy răng ấy từ đâu thế?” tôi thất kinh hỏi lại. “Từ những kẻ cướp mộ ư?”

“Đa phần là từ những chiến trường ngày xưa,” Thầy Trừ Tà lắc đầu và đáp. “Ông ta sẽ làm cho ta một chiếc răng giả và ta sẽ sớm khỏe như vâm thôi mà. Ông ta còn sản xuất những cúc áo bằng xương rất xinh nữa. Meg toàn là tự may vá cho mình và là một trong những khách hàng thân thiết nhất của ông ta đấy,” Thầy Trừ Tà buồn bã nói.

Nghe thế thì tôi mừng rồi. Ít ra thì hàng cúc áo của Meg không phải được làm từ những nạn nhân lúc trước của bà ấy, như tôi thoát đầu từng nghi ngại.

“Mà thôi, con đi ngay bây giờ đi,” Thầy Trừ Tà bảo, “đem theo con bé với con để có bạn đồng hành trên đường quay về.”

Tôi vui vẻ làm theo ngay. Rõ ràng Thầy Trừ Tà không muốn Alice lẻo đẻo theo sau mình. Nhưng chắc là tôi sẽ gặp rắc rối như lâu nay thôi. Jack sẽ không muốn Alice bước một bước vào khuôn viên nông trại đâu, và vì hiện nay nông trại Người Ủ Bia đã thuộc về anh ấy, nên chẳng đáng phải cãi cò làm gì.

Khoảng một giờ đồng hồ sau tôi và Alice đã trông thấy nông trại thì tôi chú ý đến một điều gì đấy bất thường. Về hướng bắc, ngay sau ranh giới nông trại, là đồi Treo Cổ, nơi đó có một cuộn khói đen dày đặc đang bốc lên khỏi những ngọn cây trên đỉnh đồi. Ai đó đã nhóm một đống lửa tại đấy. Ai

lại đi làm thế nhỉ? Thậm chí không ai muốn lên trên ấy vì nơi đó bị ám bởi các văn hồn của những người đã bị treo cổ trong cuộc nội chiến từng quét qua khắp Hạt trong các thế hệ trước kia. Ngay cả những con chó trong nông trại cũng tránh xa khu vực ấy.

Theo bản năng tôi biết ngay đấy là mẹ. Vì sao bà lại lên trên ấy thì tôi đoán không ra, nhưng còn ai khác dám lên trên ấy đâu? Thế là chúng tôi men theo rìa hướng đông nông trại, và một khi đã vượt ra sau ranh giới phía bắc, chúng tôi tiến thẳng lên đồi băng qua rừng cây. Không thấy bóng dáng nào của các văn hồn, đồi Treo Cổ im lìm tĩnh lặng, những cành cây trụi trụi lấp lánh dưới ánh chiều tà. Những chồi lá non đang nhú lên nhưng cũng phải cả tuần nữa thì lá mới bung ra. Năm nay mùa xuân đã đến rất muộn.

Ngay khi chúng tôi lên đến đỉnh đồi, tôi đã được chứng tỏ là đúng. Mẹ tôi đang ngồi trước một đống lửa mà nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Bà đang trú mình dưới một hốc những cành, những nhánh và lá cây khô đang che chắn cho bà khỏi ánh nắng mặt trời. Mái tóc mẹ tôi bết những bùn và trông như thể đã lâu rồi bà chưa hề tắm gội. Bà cũng sụt cân nữa nên khuôn mặt bà hốc hác, vẻ mặt u sầu mệt mỏi, có lẽ là mệt mỏi với chính cuộc đời.

“Mẹ, mẹ ơi!” tôi vừa gọi vừa ngồi xuống cạnh bà trên nền đất ẩm. “Mẹ không sao chứ ạ?”

Mẹ tôi không trả lời ngay và trong mắt bà là cái nhìn xa xăm. Thoạt đầu tôi tưởng mẹ đã không nghe thấy tôi. Nhưng rồi, mắt vẫn còn chăm chăm nhìn ngọn lửa, mẹ đặt bàn tay trái lên vai tôi.

“Mẹ mừng vì con quay lại đây Tom,” cuối cùng mẹ cũng lên tiếng. “Mẹ đã ngồi đây chờ biết bao nhiêu ngày nay rồi...”

“Mẹ đã đi đâu vậy mẹ?”

Mẹ tôi không trả lời, nhưng sau một hồi lâu im lặng, bà ngược lên bắt gặp mắt tôi. “Mẹ sẽ sớm ra đi thôi nhưng chúng ta cần nói chuyện trước khi mẹ rời khỏi.”

“Không đâu, mẹ ạ, mẹ đang ở trong tình trạng không nên đi đâu cả. Sao mẹ không xuống nông trang và ăn chút gì chứ. Mẹ cũng cần phải ngủ cho

đầy giấc nữa. Anh Jack có biết mẹ ở đây không?”

“Anh con có biết chứ. Jack lên đây thăm mẹ mỗi ngày và năn nỉ mẹ làm những gì con vừa nói đấy. Nhưng giờ đây đi xuống dưới ấy thật đau lòng lắm vì bố con đã không còn ở nhà. Việc này tác động sâu sắc đến mẹ đấy, Tom à, và con tim mẹ đã tan nát. Nhưng giờ thì vì cuối cùng con cũng đã đến, mẹ sẽ ép mình đi xuống đấy lần cuối cùng trước khi mẹ rời khỏi Hạt vĩnh viễn.”

“Đừng đi mà mẹ! Xin mẹ đừng bỏ chúng con!” tôi nài nỉ.

Mẹ tôi không trả lời mà chỉ trừng trừng nhìn vào ngọn lửa.

“Mẹ nghĩ đến thằng cháu nội của mẹ đi!” tôi tiếp tục khẩn khoản. “Mẹ không muốn thấy nó chào đời à? Mẹ cũng không muốn chứng kiến Mary lớn lên ư? Và còn con thì sao nữa chứ? Con cần mẹ! Không phải là mẹ muốn con hoàn tất kỳ học việc và trở thành thầy trừ tà hay sao? Lúc trước mẹ đã từng cứu mạng con và có lẽ con lại cần sự giúp đỡ của mẹ để có thể đạt được đến đấy...”

Mẹ tôi vẫn chẳng đáp lại, đột nhiên Alice cũng ngồi xuống vị trí đối mặt với mẹ tôi qua ngọn lửa. “Bác không rõ nữa, phải không ạ?” Alice nói với mẹ tôi, đôi mắt cô bé rực lên trong ánh lửa. “Bác không biết được thực sự nên làm gì.”

Mẹ tôi nhìn lên, đôi mắt bà long lanh ngấn lệ. “Nào bé con, con được bao nhiêu tuổi rồi vậy? Mười ba phải không nào?” mẹ tôi hỏi. “Con chỉ là một đứa trẻ. Vậy thì con có thể hiểu gì về chuyện của ta chứ?”

“Có lẽ chỉ mới là mười ba thật,” Alice hiên ngang đáp lại, “nhưng con hiểu chuyện đấy. Còn nhiều chuyện hơn một số người đã sống cả đời rồi. Một số chuyện con được dạy cho. Một số chuyện khác con chỉ tự nhiên mà biết. Có lẽ con được sinh ra để biết. Chẳng rõ lý do vì sao nữa. Tự nhiên thế, chỉ có vậy. Và con biết chuyện về bác. Một số chuyện thôi. Và con biết là bác đang giằng xé giữa việc đi hay ở. Phải thế không ạ? Đúng thật là thế chứ?”

Mẹ tôi cúi gằm, và trước sự kinh ngạc của tôi, bà gật đầu.

“Thế lực bóng tối đang ngày càng lớn mạnh, chuyện này đã quá rõ ràng, và đây là điều trước đây ta từng nói với Tom,” mẹ tôi nói, bà lại quay mặt sang tôi, hai mắt bà sáng rực lên dữ dội hơn bất cứ loài phù thủy nào mà tôi từng đối mặt. “Con à, cả thế giới này đang lọt vào quyền uy của thế lực bóng tối đấy, chứ không phải chỉ có mỗi mình Hạt này. Mẹ cần phải chiến đấu chống lại thế lực ấy trên quê hương mẹ. Nếu mẹ quay về ngay lúc này, có khả năng mẹ sẽ làm được điều gì đấy trước khi quá muộn mất! Và vẫn có những chuyện khác ở nơi ấy mà mẹ đã bỏ lại dở dang nữa.”

“Chuyện khác gì thế mẹ?”

“Con sẽ chóng biết được thôi. Giờ thì khoan hãy hỏi mẹ.”

“Nhưng mẹ sẽ phải cô độc một mình đấy ạ. Một mình thì mẹ có thể làm được gì chứ?”

“Không đâu Tom, mẹ sẽ không cô độc đâu. Còn có những người khác sẽ giúp mẹ nữa – nhưng cũng phải thú thật là chỉ có một số ít ỏi quý giá mà thôi.”

“Ở lại đây đi mẹ. Ở lại đây chờ đợi thế lực bóng tối tràn đến chúng ta,” tôi năn nỉ. “Chúng ta hãy cùng nhau đối mặt với nó trên mảnh đất của con, chứ không phải trên quê hương mẹ...”

Mẹ tôi rầu rĩ mỉm cười. “Đây là mảnh đất của con à?”

“Phải mẹ ạ. Đây là Hạt, nơi con được sinh ra. Là mảnh đất con được sinh ra để bảo vệ lấy chống lại thế lực bóng tối. Đây là điều mẹ đã nói với con. Mẹ đã bảo con sẽ là cậu bé học việc cuối cùng của Thầy Trừ Tà, và rồi khi ấy sẽ tùy thuộc vào con để giữ gìn cho mọi sự được an toàn.”

“Đúng là vậy thật và mẹ sẽ không phủ nhận đâu,” mẹ tôi mệt mỏi nói, nhìn chăm chú vào ngọn lửa.

“Vậy thì mẹ hãy ở lại đây và chúng ta sẽ cùng nhau đối phó. Thầy Trừ Tà đang huấn luyện cho con. Sao mẹ cũng không đào tạo cho con luôn ạ? Có những điều mẹ có thể làm mà ngay cả thầy con cũng không làm được. Cái cách mẹ đã từng làm im tiếng các văn hồn trên đồi Treo Cổ này ấy. Thầy con bảo rằng với văn hồn thì ta chẳng thể làm được gì; rằng bọn chúng khi

đến kỳ đến lúc thì sẽ tan biến đi thôi. Nhưng mẹ đã làm được. Bọn chúng sau đấy đã im tiếng trong hàng tháng trời cơ mà! Và rồi con còn được thừa hưởng những thứ khác nữa. “Tử vong báo ứng”, mẹ đã gọi nó như thế. Mới đây con biết được khi Thầy Trừ Tà đang cận kề cái chết. Mà giờ nghĩ lại, con cũng biết được khi nào thầy con đang bình phục nữa. Lần tới con sẽ biết khi nào thì ai đó đang được hồi phục sức khỏe. Mẹ ơi, đừng đi mà. Hãy ở lại đây mà dạy cho con đi.”

“Không đâu Tom,” mẹ vừa nói vừa đứng dậy. “Mẹ xin lỗi con, nhưng ý mẹ đã quyết. Mẹ sẽ ở lại đây thêm một đêm nữa thôi, nhưng ngày mai mẹ sẽ lên đường.”

Tôi biết mình đã tranh cãi hết lẽ rồi và nếu cứ tiếp tục nữa thì tôi ích kỷ quá. Tôi đã hứa với bố rằng mình sẽ để cho mẹ ra đi khi thời điểm ấy đến, và đấy chính là lúc này đây. Alice nói đúng: mẹ đang lưỡng lự giữa đôi đường, nhưng tôi không phải là người có quyền quyết định thay mẹ.

Mẹ quay sang đối diện Alice. “Này cô bé, con đã du hành được một quãng đường dài rồi. Dài hơn là ta dám mong đợi. Nhưng những thử thách to lớn hơn còn chưa đến đâu. Với những gì sẽ xảy ra phía trước, cả hai con cần phải phối hợp toàn bộ sức mạnh. Ngôi sao chiếu mệnh của John Gregory đang bắt đầu lu mờ. Hai con là tương lai và kỳ vọng của Hạt này. Thầy ấy cần có cả hai đứa bên mình.”

Mẹ nhìn xuống tôi khi bà dứt lời. Tôi trở mắt nhìn vào đồng lửa một hồi rồi rùng mình. “Lửa sắp tàn rồi kìa mẹ,” tôi nói và mỉm cười với bà.

“Con nói phải,” mẹ tôi đáp. “Ta hãy đi xuống nông trang nào. Cả ba chúng ta ấy.”

“Anh Jack sẽ không muốn gặp Alice đâu,” tôi nhắc mẹ.

“A, anh con cứ phải tập chấp nhận lấy thôi,” mẹ bảo, bằng một giọng mách cho biết rằng bà sẽ không chấp nhận bất cứ trò lằng nhằng nào của Jack.

Và sự thật là, vì quá vui mừng khi thấy mẹ quay lại, Jack hầu như chẳng để ý chút nào đến Alice cả.

Sau khi tắm gội và thay quần áo, mặc cho Ellie nài nỉ là mẹ phải nghỉ ngơi, mẹ tôi vẫn nhất quyết muốn chuẩn bị món lẩu cho bữa tối. Tôi quanh quẩn bên bà trong bếp khi mẹ tôi nấu ăn, kể cho mẹ nghe phần lớn những chuyện đã xảy ra trên Anglezarke. Điều tôi đã không kể với mẹ là Morgan đã hành hạ linh hồn của bố như thế nào. Biết tính mẹ, tôi hẳn cũng không ngạc nhiên nếu mẹ tôi đã biết tổng cả rồi. Nhưng thậm chí nếu có thể đi nữa, điều ấy chắc hẳn vẫn còn quá đau đớn với bà. Nên tôi chỉ không nhắc lại chuyện đó. Mẹ tôi đã đau khổ đủ rồi.

Khi tôi kể xong, mẹ tôi không nói gì nhiều mà chỉ kéo tôi lại gần và bảo rằng tôi đã làm cho bà hạnh diện. Cảm giác về lại gia đình thật hạnh phúc làm sao. Nhóc Mary đang ở trên lầu an lành say ngủ, cây nến sáp ong được cắm trên chân nến bằng đồng đặt chính giữa bàn, một ngọn lửa ấm áp đang bập bùng trong lò sưởi và thức ăn do mẹ nấu được bày sẵn trên bàn.

Nhưng ẩn dưới bề mặt này thì mọi chuyện đã thay đổi hết rồi và sẽ còn tiếp tục đổi thay nữa. Tất cả chúng tôi đều biết thế.

Mẹ ngồi ngay đầu bàn, ở nơi trước đây từng là chỗ của bố, và mẹ trông gần hệt như bà lúc trước. Alice và tôi ngồi đối diện Jack và Ellie. Tất nhiên, đến lúc này thì Jack đã bình tâm tĩnh trí trở lại và có thể nhận thấy rằng anh ấy không được thoải mái gì khi Alice hiện diện tại đây, nhưng anh chẳng làm được gì với chuyện này cả.

Đêm ấy quanh bàn không ai nói chuyện gì nhiều, nhưng sau khi chúng tôi dùng xong món thịt hầm khoai tây, mẹ đẩy đĩa ra xa và đứng dậy. Bà lần lượt nhìn qua từng người bọn tôi trước khi cất lời.

“Đây sẽ là bữa tối cuối cùng mà chúng ta từng được dùng cùng nhau,” mẹ nói. “Tối mai ta sẽ rời khỏi Hạt này và có thể sẽ không bao giờ quay lại.”

“Không đâu mẹ! Mẹ đừng nói thế,” Jack năn nỉ, nhưng mẹ đã giơ tay trái lên ngăn anh lại.

“Giờ thì các con cần phải chăm sóc lẫn nhau thôi,” mẹ buồn bã bảo. “Đây là điều mà ta và bố của các con mong muốn cho các con được như thế. Nhưng mẹ có đôi điều phải nói với con này, Jack ạ. Nên con lắng nghe cho

kỹ nhé. Những gì nói trong di chúc của bố con không thể nào được thay đổi bởi vì đây cũng phản ánh cả ý nguyện của mẹ nữa. Căn phòng dưới rầm thượng phải thuộc về Tom đến suốt đời em nó. Ngay cả khi nếu con có mất đi và con trai của con thừa hưởng lại ngôi nhà, điều ấy vẫn phải được duy trì. Jack, mẹ không thể giải thích được lý do cho con biết, vì con sẽ không thích những gì mà mẹ giải thích đâu. Nhưng còn có nhiều điều khác đang bị đe dọa hơn là chỉ có mình cảm xúc của con. Ước nguyện cuối cùng của mẹ, trước khi mẹ ra đi, là rằng con phải toàn tâm chấp nhận những gì cần được thực hiện. Sao nào, con trai, con sẽ làm thế chứ?”

Jack gật rồi cúi đầu. Ellie trông sợ sệt và tôi thấy tội nghiệp cho chị ấy quá.

“Được rồi, Jack, mẹ vui vì chuyện này đã được giải quyết. Giờ thì đem chìa khóa phòng mẹ lại cho mẹ nào.”

Jack đi ra phòng ngoài và trở vào gần như ngay lập tức. Có tổng cộng bốn chìa khóa cả thảy. Ba chiếc bé hơn là dành cho những chiếc rương trong phòng. Jack đặt chùm chìa khóa lên bàn trước mặt mẹ, bà dùng tay trái cầm chìa khóa lên.

“Tom và Alice,” mẹ nói, “hai đứa đi theo mẹ nào.” Nói đoạn, mẹ quay đi khỏi bàn, ra khỏi bếp và bắt đầu bước lên cầu thang. Bà đi thẳng lên phòng riêng của mình. Là căn phòng lúc nào cũng được khóa kín.

Mẹ tôi mở khóa cửa và tôi theo mẹ bước vào. Căn phòng của mẹ cũng hết như tôi hằng nhớ thôi, đầy những rương, những hòm, những thùng bọng. Vào mùa thu mẹ đã mang tôi lên đây và trao cho tôi sợi xích bạc từ trong chiếc rương lớn nhất, đặt gần cửa sổ nhất. Không có sợi xích ấy thì giờ đây tôi đã lại là tù nhân của Meg, hay còn hơn thế nữa, hẳn đã bị làm mồi cho chị gái của bà ấy rồi. Nhưng trong ba chiếc rương lớn nhất ấy còn có gì nữa nhỉ? Tôi đang bắt đầu thấy tò mò vô cùng.

Lúc ấy tôi liếc ra sau lưng. Alice vẫn còn đang đứng ngay ngoài cửa phòng, vẻ mặt cô ấy vừa bồn chồn vừa ngần ngại. Cô đang nhìn chăm chú xuống ngưỡng cửa.

“Bước vào trong này rồi đóng cửa lại đi Alice,” mẹ tôi dịu dàng bảo.

Khi Alice đã bước vào trong phòng rồi, mẹ mỉm cười rạng rỡ với cô rồi đưa chùm chìa khóa cho tôi. “Đây này, Tom, giờ chúng là của con rồi đấy. Đừng đưa chìa khóa cho bất cứ ai khác nhé. Cả Jack cũng không. Hãy luôn giữ chúng bên mình. Giờ đây căn phòng này thuộc về con.”

Alice tròn mắt nhìn quanh. Tôi biết cô chỉ mong được bắt tay vào lục lọi bên trong mấy cái hộp ngay thôi, để khám phá hết bao bí mật trong chúng. Phải thú thật là cả tôi cũng đang cảm thấy tương tự.

“Con có thể nhòm vào trong mấy chiếc rương ngay lúc này không vậy mẹ?” tôi hỏi.

“Trong đấy con sẽ tìm thấy lời giải đáp cho nhiều điều bấy lâu nay đang làm con băn khoăn; những điều về mẹ mà mẹ chưa từng kể cho bố con biết. Quá khứ và tương lai của mẹ đang nằm trong mấy chiếc hộp kia. Nhưng con cần phải có một trí óc sáng suốt và ý chí tinh anh để hiểu thấu chúng. Con đã trải qua quá nhiều chuyện và đang mệt mỏi mất sức, nên tốt nhất là con hãy chờ cho đến khi mẹ ra đi đã, Tom à. Vào cuối mùa xuân hăng quay lại đây mà tìm hiểu vậy, khi con đang tràn trề hy vọng trong người và thời gian ban ngày đang trở nên dài hơn ấy. Khi đấy sẽ là lúc thích hợp nhất.”

Tôi thất vọng lắm nhưng vẫn mỉm cười gật đầu. “Mẹ nói sao thì con làm vậy thôi ạ,” tôi nói với mẹ.

“Còn có thêm một điều nữa mà mẹ cần nói với con. Căn phòng này còn hơn chỉ là những gì mà nó chứa trong ấy. Một khi căn phòng này được khóa lại, không một thứ ma quỷ nào có thể đặt chân vào trong được. Nếu con can đảm, nếu tâm hồn con trong lành thánh thiện, thì căn phòng này là một căn cứ cố thủ, một pháo đài chống lại thế lực bóng tối, được bảo vệ còn chặt chẽ hơn là ngôi nhà của thầy con tại Chipenden. Chỉ sử dụng căn phòng này khi có thứ gì đó đang truy đuổi con và mạng sống lẫn tâm hồn của chính con đang gặp nguy hiểm. Đây là nơi trú náu cuối cùng của con đấy.”

“Chỉ cho mình con thôi hả mẹ?”

Mẹ tôi nhìn sang Alice rồi nhìn lại tôi. “Alice đang ở đây, cho nên, ừ phải, Alice cũng có thể sử dụng căn phòng này nữa. Đây là lý do vì sao hiện tại mẹ mang con bé lên đây, để đoán chắc thôi. Nhưng không bao giờ được đem bất cứ ai khác vào đây. Cả Jack, cả Ellie, thậm chí cả thầy của con nữa.”

“Tại sao thế mẹ?” tôi hỏi. “Tại sao thầy Gregory lại không thể sử dụng căn phòng này được chứ?”

Tôi không thể tin được rằng Thầy Trừ Tà không thể sử dụng được căn phòng này trong trường hợp cần kíp.

“Bởi vì phải có một cái giá được trả để sử dụng căn phòng này. Cả hai con đều còn trẻ còn khỏe và sức mạnh của các con đang hưng thịnh. Các con sẽ sống sót. Nhưng như mẹ đã nói, sức mạnh của John Gregory đang suy yếu. Ông ấy giống như một ngọn nến lay lắt. Việc sử dụng căn phòng này rồi sẽ hút hết chút sức lực còn lại của ông ấy. Và nếu khi nhu cầu thúc bách xảy đến, thì con phải thuật lại chính xác như thế cho thầy. Và bảo với thầy con rằng chính mẹ là người đã bảo như thế.”

Tôi gật gù chấp thuận và thế là xong. Alice và tôi được cho ngủ lại, nhưng ngay khi mặt trời mọc, sau bữa điểm tâm no nê, mẹ bảo chúng tôi trở về Chipenden ngay. Jack sẽ phải đi sắp xếp cho xe đến đón mẹ lúc hoàng hôn để đem mẹ đến mũi Sunderland. Từ đây mẹ sẽ lên thuyền trở về quê hương mình theo chân Meg và chị gái bà ấy.

Mẹ chào từ biệt Alice và bảo cô gái đi trước ra ngoài cổng sân chờ tôi. Alice mỉm cười, vẫy tay chào và bước đi.

Mẹ con tôi ôm nhau bằng cái ôm mà tôi biết có thể là lần cuối, mẹ tôi cố nói điều gì đấy nhưng lời lẽ đã nghẹn ngào nơi cổ mẹ và một giọt nước mắt lăn dài trên má bà.

“Có chuyện gì thế mẹ?” tôi nhẹ nhàng hỏi.

“Mẹ xin lỗi, con trai à,” mẹ đáp. “Mẹ đang cố phải can trường nhưng sao khó khăn quá mẹ không thể làm nổi. Mẹ không muốn nói ra bất cứ điều gì lại khiến con còn thấy buồn hơn.”

“Nói đi mẹ, mẹ cứ nói ra bất cứ điều gì mẹ cần nói,” tôi khấn khoản, giờ thì mắt tôi đã ứa nước.

“Chỉ là thời gian trôi qua quá nhanh và mẹ từng đã rất hạnh phúc tại nơi này. Nếu có thể thì mẹ đã ở lại rồi, thật đấy, nhưng mẹ có bốn phận phải ra đi. Mẹ đã rất hạnh phúc với bố con. Không hề có một người đàn ông nào giàu tình cảm, chân thành và trung thực như bố con cả. Và niềm hạnh phúc của mẹ được viên mãn khi con và các anh trai con chào đời. Mẹ sẽ không bao giờ được biết đến niềm sướng vui như thế nữa. Nhưng giờ tất cả đã chấm dứt và mẹ phải quên đi quá khứ thôi. Mọi chuyện đều đã trôi qua thật nhanh đến nỗi giờ đây chỉ còn như là một giấc mơ hạnh phúc ngắn ngủi...”

“Tại sao cứ phải như vậy cơ chứ?” tôi cay đắng hỏi. “Tại sao cuộc đời này lại quá ngắn, và bao điều tốt đẹp lại phải trôi qua quá nhanh. Vậy thì có đáng phải sống chút nào không mẹ?”

Mẹ tôi buồn rầu nhìn tôi. “Nếu như con đạt được mọi điều mà mẹ mong đợi, thì người ta sẽ đánh giá là cuộc đời con rất đáng sống đấy, con trai à, ngay cả khi bản thân con lại không thấy thế. Con được sinh ra là để phụng vụ Hạt này. Và đấy là điều con phải làm.”

Chúng tôi lại ôm chặt nhau một lần cuối cùng và tôi nghĩ trái tim mình chắc chắn sẽ tan nát.

“Tạm biệt, con trai ta,” mẹ tôi thì thầm và hôn sượt môi bà qua má tôi.

Thật đau lòng quá sức chịu đựng nên tôi bỏ đi ngay lập tức. Nhưng bước được vài bước thì tôi quay lại vẫy tay chào và trông thấy mẹ đang vẫy tay chào lại từ bóng râm bên trong lối cửa vào. Không lâu sau đấy tôi lại quay lại thì mẹ tôi đã trở vào trong bếp.

Thế là, với trái tim trĩu nặng, tôi bước tiếp cùng Alice trở về Chipenden, với nụ hôn cuối cùng của mẹ tôi trên má. Tôi vẫn chỉ mới mười ba tuổi nhưng tôi biết thời thơ ấu của mình đã chấm dứt mất rồi.

Hiện thời chúng tôi đang trở lại Chipenden: những bông hoa chuông xanh cuối cùng cũng đã nở, chim chóc đang hót vang và mặt trời cứ mỗi ngày lại thêm nóng ấm.

Alice vui vẻ hơn bao giờ hết nhưng cô thật sự rất tò mò về những gì có thể ở trong các chiếc rương trong căn phòng của mẹ. Tôi không thể đem Alice quay trở lại nông trại cùng mình vì điều này sẽ làm Jack và Ellie bức bối lắm, nhưng tôi đang định tháng tới sẽ về lại nông trại và tôi hứa sẽ kể cho Alice nghe về mọi thứ mình tìm thấy.

Thầy Trừ Tà giờ đây hình như đã hồi phục hoàn toàn và mỗi ngày thầy dành ra hàng giờ đi dạo quanh đồi đá để tăng thể lực. Tôi chưa khi nào thấy thầy mình rảnh rỗi và gầy guộc như thế, nhưng dường như trong đầu thầy đã có thay đổi gì đấy. Nhiều khi giữa giờ học lại có những quãng im lặng kéo dài khi thầy có vẻ như đã quên mất rằng tôi đang ở đấy. Và thầy nhìn chăm chăm vào khoảng không thật lâu với một vẻ lo âu trên mặt. Bất kể sự thực là thầy tôi hình như đang khỏe mạnh hơn bao giờ hết, thầy vẫn bảo tôi rằng thầy cảm thấy thời gian của mình trên thế gian này đang đến hồi kết thúc.

Vẫn có những chuyện thầy tôi muốn làm trước khi nhắm mắt xuôi tay. Những chuyện mà thầy đã trì hoãn cả mấy năm trời. Trước hết là thầy sẽ đề cập đến việc đi về hướng đông đến Pendle để dẹp tan dứt điểm ba ổ phù thủy. Tổng cộng là đến ba mươi chín phù thủy! Nghe như là một cuộc thử sức vô cùng nguy hiểm và tôi không tài nào thấy được bằng cách nào thầy tôi lại có thể hoàn thành được chuyện này. Nhưng tôi chẳng có lựa chọn nào trong vấn đề này và tôi sẽ phải theo chân thầy mình đến bất cứ nơi nào thầy chọn đến. Tôi vẫn chỉ là cậu bé học việc và thầy vẫn là Thầy Trừ Tà.

Thomas J. Ward

Ghi chép của THOMAS J. WARD

GOLGOTH

Golgoth – một trong những vị Cổ Thần. Tên có nghĩa là “Chúa Tế Mùa Đông.” Bắt đầu như là một nguồn lực thiên nhiên hùng mạnh yêu thích cái lạnh, một linh hồn của tự nhiên đã dần dà biến thành hữu thức. Thu tóm quyền lực bằng cách được thờ phụng và trở nên ngang bướng. Nán lại quá lâu sau mùa được phân công, thế nên mùa đông trở nên kéo dài. Vài người nghĩ điều này góp phần mang đến **Kỷ Băng Hà**.

Gò Ụ Tròn (một gò mả cổ xưa nằm cao trên đồng hoang Anglezarke) trở thành bệ thờ của ông ta. Vật tế bằng máu người được dâng lên vào ngày Đông chí (hai mươi một tháng Mười hai) để làm ông ta nguôi ngoai. Sau khi nốc căng máu thì ông ta sẽ chìm vào một giấc ngủ dài mãi mãi nguyện, cho phép mùa hè quay lại. Dần dà người ta thôi không thờ phụng ông ta nữa, thế nên quyền năng của Golgoth lui tàn dần. Vào mùa đông vẫn còn quấy quả nên việc đến gần Gò Ụ Tròn là rất nguy hiểm.

Các thánh thần cổ đại thường hay có những quyền năng siêu nhiên nguy hiểm. Nếu những nạn nhân của **Quỷ Độc** (sống trong hầm mộ dưới nhà thờ lớn ở Prieststown) phải chịu **chết** (có thể bị ép nát dính xuống nền đá cuội), thì nạn nhân của Golgoth phải chịu lạnh kinh hồn. Họ có thể bị đông cứng lại chỉ trong nháy mắt, cả thịt và xương đều trở nên giòn tan và rất có khả năng vỡ vụn.

ANGLEZARKE

Đây là một bãi đồng hoang rộng lớn nằm về phía nam của Hạm. Tên gọi bắt nguồn từ **Cổ Ngữ**, thứ ngôn ngữ được những người đầu tiên đặt chân

đến Hạt từ những vùng đất ngoại quốc phương tây sử dụng. Anglezarke đáng ra có nghĩa là “Ngôi đền của những kẻ ngoại đạo,” nhưng không phải ai cũng đồng ý như thế. Nhưng Thầy Trừ Tà thì lại tin. Thầy nói đây là một ngôi đền rất lớn, mở rộng hướng lên các vùng trời. Người ta thờ phụng các Cổ Thần tại đây – nhất là thờ Golgoth.

PHÁP SƯ GỌI HỒN

Pháp sư gọi hồn là một loại **Thầy pháp** (từ khác để gọi thầy phù thủy hay kẻ có pháp thuật). Từ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp **neckros**, nghĩa là “tử thi.”

Một kẻ trừ tà đối phó với những người đã khuất không chịu yên thân như một phần công việc thường ngày. Nói chuyện phải quấy với họ rồi tiễn họ lên đường. Giải thoát cho người chết.

Pháo sư gọi hồn làm chuyện ngược lại. Trói buộc người chết. Khuyến khích họ mắc kẹt lại trên dương gian để phục vụ cho mục đích của pháp sư và giúp hắn kiếm tiền đầy túi. Tang quyến sẽ dốc hết những đồng tiền khó nhọc kiếm được để được nhìn thoáng qua người thân yêu của mình hay được trò chuyện ngắn gọn.

Cũng lợi dụng cả người chết nữa. Hoặc là sử dụng như những kẻ do thám hay bằng cách giày vò những người dân đang dễ bị tổn thương hay đau khổ. Thường chỉ là một trường hợp của các hồn ma lưu vấn mắc kẹt lại bãi tha ma, hay là những hồn ma bị trói buộc với xương cốt của mình vì họ đã từng phạm những tội ác tày trời. Rất hiếm khi, chỉ vài pháp sư gọi hồn đầy sức mạnh mới có thể khiến người chết mắc kẹt lại chốn Lập Lờ và ngăn không cho họ đi đến thế giới ánh sáng, rồi sau đó cố ý triệu gọi hồn họ về, lọt vào sự hiện diện của người sống.

Chốn Lập Lờ được gọi tên dựa theo từ *limbus* tiếng La Tinh, có nghĩa là ven rìa hay ven mép. Các linh hồn phải vượt qua chốn này để đến được thế giới ánh sáng. Một số người khó vượt qua được hơn những người khác.

KỆ NÉM ĐÁ LẬT LỌNG

Kệ ném đá luôn tiến hóa từ **kệ phá nhà**, loại thường hay gõ lên tường hay cửa nhà để gây hấn. Thường quăng ném nôi niêu xoong chảo xung quanh, đập vỡ tách đĩa và đánh thức cả nhà dậy.

Kệ ném đá chuyển ra ngoài trời và ném sỏi hay đá tảng. Thông thường là vô hình và đôi khi có thể gây ra những trận mưa đá tảng trút xuống một ngôi nhà trong hàng tuần liền. Một khi chúng đã giết người, Thầy Trừ Tà tái phân loại chúng thành **loại lật lọng**, và chúng phải được tiêu diệt thay vì chỉ chèn không. Khi ông kệ gây ra kinh hoàng cho một hộ gia đình, sức mạnh của chúng sẽ gia tăng. Có thể tàng trữ năng lượng và thứ này phải được cho tiêu tán đi trước khi đối phó với ông kệ.

Thầy Trừ Tà bảo rằng rất nhiều công trình nhà thờ trong Hạng định xây nên nhưng phải thay đổi vì sự quấy phá của ông kệ. Mấy nền móng của một nhà thờ ở Whittle-le-Wood đã bị đào. Đất đá xây dựng đã được thu gom đến. Qua một đêm toàn bộ đá đã bị dời sang Leyland một cách khó hiểu. Việc này do một kệ ném đá đóng cứ tại Whittle gây ra. Ông kệ muốn làm cho con người tránh xa khỏi những nơi chúng yêu thích. Thay vì gọi thầy trừ tà đến giúp, lựa chọn dễ dàng đã được đưa ra: nhà thờ được xây lên tại Leyland. Kệ ném đá có được thứ nó muốn!

SÁCH THẦN CHÚ

Sách thần chú **grimoire** (có lúc được đánh vần là **grimmore**) là công cụ của thế giới bóng tối. Những cuốn sách cổ xưa chứa đầy bùa chú và quỷ thức. Quỷ thức phải được đọc theo chính xác từng chữ. Phạm một sai lầm thôi thì kết cục có thể là mất mạng. Đa phần được viết bằng Cổ Ngữ bởi những người đầu tiên đặt chân lên Hạng. Hiện nay có vài pháp sư vẫn còn viết thần chú. Thầy Trừ Tà nghĩ những thứ thần chú ấy không nguy hiểm vì đa số các kiến thức đã bị thất lạc mất rồi. Phù thủy cũng có sách thần chú của

riêng họ. Alice bảo rằng Lizzie Xương Xấu có tới những ba cuốn. Đã bị hủy khi nhà mụ ta bị đám đông thiêu rụi tại Chipenden.

TỬ VONG BÁO ỨNG

Đây là phần ghi chú đầu tiên của mình mà không phải là từ Thầy Trừ Tà, từ Alice hay thư viện sách của Thầy Trừ Tà gì cả. Được mẹ dạy cho. Mùi hương kỳ lạ khi bố ốm. Báo cho mẹ và mình biết rằng bố sắp lìa trần. Nếu bệnh nhân bắt đầu hồi phục, mùi hương sẽ nhạt đi rồi sau đó biến mất hẳn. Đây là một năng khiếu thừa hưởng từ mẹ. Có thể rất hữu ích khi đang cố khỏi bệnh. Có thể thử nhiều liều thuốc khác nhau và mùi báo ứng có thể là hướng dẫn cho biết từ sớm rằng loại thuốc nào công dụng nhất. Không những là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, mình cũng còn là con trai của mẹ nữa cơ mà.

Table of Contents

1. [Mục lục](#)
2. [1 VỊ KHÁCH KHÔNG MONG ĐỢI](#)
3. [2 TẠM BIỆT CHIPENDEN](#)
4. [3 VỀ NHÀ](#)
5. [4 CĂN NHÀ MÙA ĐÔNG](#)
6. [5 NHỮNG GÌ BÊN DƯỚI](#)
 1. [Meg Skelton](#)
7. [6 KẼ TRỜI ĐÁNH THÁNH ĐÂM](#)
8. [7 KẼ NÉM ĐÁ](#)
9. [8 KẼ NÉM ĐÁ TRỞ LẠI](#)
10. [9 TỬ VONG BÁO ỨNG](#)
11. [10 TIN CHẴNG LÀNH](#)
12. [11 CĂN PHÒNG CỦA MẸ](#)
13. [12 THUẬT GỌI HỒN](#)
14. [13 GIAN TRÁ VÀ PHẢN BỘI](#)
15. [14 BỐN BỀ TUYẾT HẦM](#)
16. [15 ĐỘT NHẬP XUỐNG HẦM](#)
17. [16 TRÊN RẦM THƯỢNG](#)
18. [17 CHÂN TƯỚNG SỰ THẬT](#)
19. [18 NHÀ NGUYỆN CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT](#)
20. [19 GÒ Ụ TRÒN](#)
21. [20 THẦN GOLGOTH](#)
22. [21 BẦY](#)
23. [22 VÌ LỢI ÍCH TỐT NHẤT](#)
24. [23 TRỞ LẠI CHIPENDEN](#)
25. [Ghi chép của THOMAS J. WARD](#)
 1. [GOLGOTH](#)
 2. [ANGLEZARKE](#)

3. [PHÁP SƯ GỌI HỒN](#)
4. [KẺ NÉM ĐÁ LẬT LỌNG](#)
5. [SÁCH THẦN CHÚ](#)
6. [TỬ VONG BẢO ỨNG](#)

